

VĂN HÓA THÁI HÒA VIỆT TỘC

XV

VIỆT NHO

TRỞ VỀ CÙNG DÂN TỘC



VỚI

MINH TRIẾT AN VI

VIỆT NHÂN

MÙA TẠ ƠN 2018

MỤC LỤC

LỜI THƯA VỀ TÊN CUỐN SÁCH.....	9
NGUỒN GỐC CƠ CẤU VIỆT NHO	111
I.- Huyền thoại: Sách Ước : 2 / 3.....	11
II.- Cổ vật: 2-3	11
III.- Nhân vật Huyền thoại: Số 2	12
IV.- Quá Trình thăng hoa từ Vật Tổ qua Vật Biểu.....	12
V.- Kiến trúc.....	13
VI.- Tế tự	13
VI.- Thái cực: Tiên / Rộng : Âm / Dương: Số 2.....	13
VII.- Ý nghĩa Số 2 - 3	14
VIỆT NHO TRỞ VỀ CÙNG DÂN TỘC.....	15
VỚI.....	15
MINH TRIẾT AN VI	15
I.- Biểu tượng về Đồ hình THUỘC Hán Nho	15
II.- Biểu tượng về Đồ hình và Số độ kết hợp THUỘC Việt Nho.....	15
A.-BIỂU TƯỢNG VỀ ĐỒ HÌNH THUỘC HÁN NHO	17
C.- CÁCH LẬP THÀNH CÁC QUẺ DỊCH.....	17
I.- Các Hình từ Vô cực tới Bát quái.....	18
II.- Cách lập thành các Quẻ trong Bát quái.....	18
III.-Cách lập thành 64 Quẻ kép	19
D.-TÌM Ý NGHĨA CỦA CÁC BIỂU TƯỢNG CHÍNH	21
I.- Biểu trưng Thái cực.....	21
1.- GIẢI THUYẾT VỀ SỰ HÌNH THÀNH THÁI CỰC VIÊN ĐỒ.....	21
2.- THÁI CỰC : “ NHẤT NGUYÊN LƯƠNG CỰC “	22
3.- Ý NGHĨA CỦA THÁI CỰC VIÊN ĐỒ.....	23
4.-ĐÔNG / TÂY, KIM / CỎ GẶP NHAU NƠI DỊCH LÝ: THIÊN LÝ	23
5.- KHÁI NIỆM CỐT LỎI.....	24
6.- BỐN MỤC TIÊU CỦA DỊCH	26
7.- KINH DỊCH: MỘT KHOA TÂM LÝ HỌC VÔ SONG	26
8.-TỪ VỮ TRỤ QUAN LƯƠNG CỰC: ÂM / DƯƠNG	27
TỚI NHÂN SINH QUAN: ĐÔNG / TÂY.....	27
BIỂU TƯỢNG VỀ ĐỒ HÌNH & SỐ ĐỘ THUỘC VIỆT NHO.....	30
A.- NGUỒN GỐC NGŨ HÀNH: SÁCH ƯỚC	30
I.- Sách Ước: Thánh Kinh Việt Nam.....	30
II.- Nguồn gốc Sách Ước: Thái Bình Dương.....	31
III.- Sách Ước: Nguồn gốc của Đạo Nho	31
IV.- Cơ cấu Ngũ hành từ con số 2 – 3 (2 + 3 = 5).....	31
V.- Ý NGHĨA CỦA NGŨ HÀNH	32
VI.-Việt tỉnh: Tiên thân Khung Ngũ hành.....	33

Khung Giếng Việt	33
(Khung Giếng Việt này được phổ biến ở miền Nam VN)	33
VII.- Giếng Việt: Đăng ký chủ quyền Ngũ hành trên Trời	34
VIII.- Ngũ hành : Đồ hình và Số độ	34
IX.- Cơ cấu của Nho qua BẢNG NGUYỆT LỆNH	35
X.- Cơ cấu của Nho THEO KHUNG NGŨ HÀNH	35
1.- Cơ cấu Thời gian.....	35
2.- Cơ cấu Không gian.....	36
3.- Cơ cấu Ngũ tạng.....	36
4.- Cơ cấu Ngũ quan: (Tư duy)	36
5.- Cơ cấu Ngũ sắc (Hội họa)	36
6.- Cơ cấu Ngũ vị (Âm thực)	36
7.- Cơ cấu Ngũ cung (Nhạc).....	37
8.- Cơ cấu Thiên can	37
9.- Cơ cấu Tu, Tề:.....	37
10.- Cơ cấu Trị, Bình.....	38
11.- Cơ cấu Phụng vụ: Văn Tổ	38
XI.- Ngũ hành với các Vòng	39
1.- Vòng Sinh.....	39
2.- Vòng Kháng (khắc)	39
3.-Vòng Trong vòng Ngoài.....	40
XII.- Việt Tinh, Việt Điện, Việt Tinh cương, Thái Thất	40
XIII.- Phép an thổ (Đường về Tâm linh)	41
XIV.- Tiên thiên và Hậu thiên Bát quái	41
XV.- Hà đồ, Lạc thư	42
XVI.- Đồ - Thư hợp nhất	42
XVII.- Hồng phạm, Cửu trù	43
1.- Hồng phạm	43
2.- Cửu Trù	43
XVIII.- Chữ Viên: Văn và Vạn: LạcThư minh triết	43
NGUỒN GỐC CỦA DỊCH VIỆT	45
DỊCH LÝ	47
A.-NỀN TẢNG CỦA DỊCH	48
I.- CHÁP KỶ LƯỜNG ĐOAN	48
II.- Doãn chấp Quyết Trung	48
III.- Hướng động của kinh Dịch	48
B.-BA LUẬT LỚN TRONG VŨ TRỤ	50
I.- Nguồn gốc	51
II.- Ba luật lớn	51
1.- Luật Biến động	51
a.- Biến động	51
b.- Dạng thức Động.....	52
c.- Chất thể: Khí chất và tinh khí.....	52
1.-Khí chất	52
2.- Tinh khí.....	52
3.- Ý tượng.....	52

4.- Linh tượng	52
5.-Tiết nhịp uyên nguyên.....	52
6.-Sự hội thông: hoà hợp với Tiết điệu.....	52
2.- Luật Loại tự.....	53
a.- Vòng Đại diện và vòng Tiểu điển	53
b.- Con Người lưỡng thể.....	54
c.- Quan niệm Nhị nguyên của Descartes về Linh hồn và Thể xác.....	54
d.- Cách chữa bệnh Nhị nguyên	55
e.- Mâm bệnh Duy Vật	55
g.- Hán Nho hạ Đàn bà.....	55
h.- Đàn bà giàu Tâm linh hơn Đàn Ông	55
i.- Tam tông Đục rửa của Hán Nho.....	55
3.- Luật Giá sắc.....	56
4.- Luật Loại tự, Giá sắc ở Đợt Linh tượng.....	56
5.- Về Khí hào nhiên của Mạnh Tử.....	56
6.- Tầm quan trọng của luật Giá sắc: Gieo chủng tử Thiện.....	57
7.- Gieo và chờ	57
8.- Quê Nhu: Tôn Tâm dưỡng Tính (Làm Ăn và làm Người).....	58
III.- Ảnh hưởng của Ba luật trên Đời sống con Người	58
1.- Những Đợt tiến hóa.....	58
a.- Tầng 2 là Thần.....	59
b.- Sau đợt Thần là Linh khí (Hồn Vía).....	59
2.- Lộ trình của Hồn Linh.....	60
a.- Tinh khí.....	60
b.- Vía: Linh lực.....	61
3.- Luật Liên Đối căn cơ	61
a.- Phát triển đều đặn mọi cơ năng để sống sung mãn	61
b.- Luật căn cơ bị hiểu lầm	61
c.- Các cơ năng cần phát triển: Sinh lý và Tâm lý	61
d.- Ý thức và Tự thức	62
4.- Xác định tính chất Hồn.....	62
a.- Xuất diễn và nhập diễn	62
b.- Vô thức và Nhận thức.....	62
c.- Đạt Thân: “Thần chủng tử “ Đã trở thành “ Thần lớn tuổi “	62
d.- Bạc và loại của Xác và Hồn	62
5.- Thần bất Ý.....	63
a.- Thần: Tự lực tự cường.....	63
b.- Cứu cánh của con Người là Người.....	63
6.- Ý nghĩa sự Độc lập và Cô lập	63
a.- Chân nhân: con người tự Chủ và Cô Đơn.....	63
b.- Văn hóa và Văn học	64
c.- Con Vật và con người trên nền móng Dịch.....	64
7.- Hậu quả khi thiếu Thần.....	65
8.- Nền giáo dục của xã hội Tâm linh.....	65
a.- Lễ Gia Quan: giải phóng con Người	65
b.- Những mối liên hệ tương quan: Quân, Sư, Phụ.....	66
9.- Tự Do	67
a.- Hai thứ tự do: Ngang / Dọc.....	67
b.- Tây phương không phân biệt được.....	67
hai bình diện Ngang và Dọc	67
c.- Đông phương không có Ý niệm về Tự do?	68

d.- Tự do hàng Ngang của Tây và Tự do hàng Dọc của Đông	68
e.- Âu châu còn đơng đưa giữa Tự do Cá nhân và Tự do Đoàn thể	69
g.- Tự do hàng Dọc	69
h.- Bảo chứng	70
IV.- Lời kết	71
1.- Lạc thư	71
2.- Về ba luật lớn trong vũ trụ	72
3.- Tìm về Hồn thiêng Sông Núi	75
4.- Vấn đề Định mệnh và Thiên mệnh	77
a.- Thuyết Định mệnh của Tây phương	77
b.- Thiên mệnh của Hán Nho	77
c.- Thiên mệnh theo nghĩa nguyên sơ	77
5.- Then chốt của Thiên mệnh	77
6.- Đời sống Tu Thân	79
E.- KẾT LUẬN	82
TRIẾT LÝ NHÂN SINH	82
NHÂN SINH QUAN VIỆT NHO: NHÂN CHỦ	82
A.- VẤN ĐỀ CON NGƯỜI	82
I.- Những trang sách đã thất lạc	82
II.- Mẫu Người điển hình	85
III.- Cách Định vị con Người Nhân chủ	85
IV.- Nhận diện Bản năng con Người	86
1.- Thực	86
2.- Sắc	87
3.- Diện	87
V.- Hai mục tiêu “ Vi Nhân “ giúp thăng hoa cuộc Sống	88
1.- Hoàn thiện mọi việc Làm	88
2.- Hoàn thiện mọi mối Liên hệ: Hòa	89
VI.- HAI MỤC TIÊU CỦA TU THÂN ĐỂ “ VI NHÂN “	90
1.- Ngũ Thường : Mối Liên hệ hàng Dọc	90
2.- Ngũ Luân: Mối Liên hệ hàng Ngang	91
3.- Con Người to lớn trong Tam tài	91
VII.- TINH THẦN BẤT KHUẤT CỦA con Người Nhân chủ Việt Nho	92
1.- Lễ Gia quan	92
2.- Con Người Nhân Chủ Nguyễn Công Trứ	92
B.- VẤN ĐỀ DÂN TỘC	96
I.- Tinh thần Dân tộc mang Thiên lý	96
II.- Nền tảng Tinh thần Lập Quốc của Dân tộc Việt Nam	98
III.- CÁCH ĐEM ĐẠO LÝ NHÂN SINH VÀO ĐỜI	99
CHẾ ĐỘ BÌNH SẴN: VẤN ĐỀ CÔNG BÌNH XÃ HỘI	99
1.- NGUỒN GỐC CỦA CÔNG BÌNH XÃ HỘI:	99
a.- NHỮNG GÌ CHÚA TRAO BAN	99
B.- Ý NGHĨA CỦA DỰ NGÔN LẠNG VÀNG	100
C.- Thiên Chúa tạo ra con người dường như bất công	100
D.- Con Người phải sống như thế nào	101
E.- Đâu là Ý của Thượng Đế	102
2.- Nan đề Bất công xã hội	103
3.- Công Bằng tương đối	104

4.- Công bằng tương đối.....	105
trong Xã hội Nông nghiệp và Kỹ nghệ.....	105
5.- Kết luận.....	106
SỰ GẶP GỠ GIỮA CƠ CẤU VIỆT NHO.....	107
VỚI.....	108
CƠ CHẾ XÃ HỘI CÙNG SINH HOẠT CỦA NỀN DÂN CHỦ HOA KỲ	108
A.- NỀN TẢNG CỦA CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ	108
I.- Hiến pháp Hoa kỳ	108
II.- Tuyển Hiền.....	108
III.- Tổ chức và Sinh hoạt trong Cơ chế Tam quyền phân lập:	109
1.- Cơ chế xã hội: Cái Kiềng 3 chân.....	109
2.-Thể hiện phân quyền Bình đẳng.....	109
3.- Sinh hoạt Dân chủ.....	109
4.- Hai lối sinh hoạt giải quyết Bất đồng.....	109
a.- Sinh hoạt theo lối “ Thiểu số phục tùng Đa số “.....	109
B.- Sinh hoạt theo lối “Đa số phục tùng Thiểu số “.....	110
5.- Mục tiêu của Sinh hoạt Dân chủ.....	110
6.- Thực hiện Công bằng (tương đối) Xã hội.....	110
V.- CÁI KHÔN ĐƯỜNG DÀI CỦA HOA KỲ.....	111
1.-Thiết lập Chế độ Dân chủ.....	111
2.-Thực hiện Phong trào Giải Thực.....	111
3.- Lập Hội Quốc Liên rồi Liên Hiệp Quốc.....	111
4.-Kế hoạch Marshall.....	111
5.- Công cuộc Toàn cầu hóa.....	112
VỊ TRÍ VIỆT LINH GIỮA LÒNG ĐÔNG Á	114
I- Khuôn mặt Đông Á	114
II.- Tinh thần biểu thị bằng Nữ tính.....	114
III.- Mẹ Cha phi thường.....	114
1.- Việt Nam có đến 2 Vật biểu.....	114
2.- Tiên và Rồng là hai Đối cực phổ biến.....	115
3.- Tiên Rồng mang tính chất Lương thê.....	115
4.- Mẹ Tiên được quý trọng hơn và luôn hiện diện.....	115
IV.- Những động tác có tầm vóc Vũ trụ.....	115
V.- Đạo Ba Tam Tài: Thiên, Địa, Nhân.....	116
VI.- Quả Trứng Vũ trụ với số 2 – 1: Hình Thái Cực	116
VII.- Ngũ hành hay đường về cõi Phúc	117
VIII.- Cứu Lạc với Lạc Thư mất để Diễn chương.....	118
IX.- Ai hơn Ai?	118
1.-Mấy bộ số của Lạc Việt.....	119
2.- Việt Nam: Trung tâm sáng tạo, phát quang huy ra khắp nơi.....	119
X.- Tàu chỉ quảng diễn Nho, còn sáng tạo thì là Việt tộc.....	119
1.- Việt Nam học của Tàu: Văn minh hình thức, ít định chế. . .	119
2.- Tàu lập quốc từ Tần Hán,.....	119
3.-Lý do: VIỆT: Nhân đạo. Tàu thiên về Bá đạo.....	120
4.- Bên Việt “ Lệnh Ông không bằng công Bà “.....	120
XI.- Hối Án Độ lượng có cứu được Tinh thần.....	120

khi Ngoại vương quá bết bát?	120
XII.- Việt tộc hơn về Minh triết Vương đạo	121
XIII.- Vang bóng một thời.....	122
1.- Tất cả nền văn minh đang tiến về Căn bản.....	122
2.- Văn minh Đông Á từ thời cuối thời Vương đạo.....	122
3.- Văn minh Tây Âu trầm mình vào Vật chất tới miền Lân hư	122
4.- Văn minh Ấn độ đi về cõi Vô làm cực đối kháng.....	122
cho cõi Hữu của Tây Âu.....	122
XIV.- Việt tộc duy nhất có Minh triết	123
XV.- Sứ mạng của Việt Nho	123
1.- Đông Á đóng góp phần Thái Hòa	123
2.- Đông Á tuy đã có Tiển tích nhưng đã mất Ý thức.....	124
3.- Việt Nho phải vùng lên từ sinh lầy.....	124
TRIẾT LÝ AN VI: LINH HỒN CỦA VIỆT NHO	128
A.- AN VI LUẬN.....	128
I.- Thế nào là An vi?	128
II.- Cần đặt vị trí cho An vi.....	128
III.- Tìm hoàn bị trong mỗi việc bất kể to nhỏ	130
IV.- Giáo dục vi Nhân.....	130
B.- NHỮNG PHẠM TRÙ CHÍNH TRONG TRIẾT LÝ AN VI	132
I.- Bộ phạm trừ đầu tiên	132
1.- Bái vật	132
2.- Ý hệ	132
3.- Tâm linh.....	132
II.- Bộ phạm trừ thứ hai	133
1.- Cơ	133
2.- Ý	133
3.- Từ.....	133
4.- Dụng.....	133
C.- VIỆT NHO	134
1.-Cơ	134
2.-Ý	134
3.-Từ	134
4.-Dụng	134
III.- Ba Nguyên lý.....	135
1.- Nguyên lý Lương hợp	136
2.- Nguyên lý Nhân chủ.....	136
3.- Nguyên lý An vi	136
a.- Cương hành	137
b.- Lợi hành.....	137
c.- An hành	137
IV.- Tóm lại	139
D.- NÉT NHẤT QUÁN CỦA VIỆT NHO	141
THEO TINH THẦN TRIẾT LÝ AN VI.....	141
I.- Vũ Trụ quan động.....	141
II.- Nhân sinh quan Nhân chủ.....	142
III.- Tinh thần Dân tộc	142

IV.- Tu Thân.....	142
1.- Ngũ thường.....	142
2.- Ngũ Luân.....	143
V.- Nếp sống Dân tộc.....	143
VI.- Hành động.....	143
VII.- Sinh hoạt.....	143
1.- Ngôn ngữ.....	143
2.- Mặc: Áo dài.....	143
3.- Sinh hoạt dân gian.....	143
4.- Sinh hoạt Văn hoá, Văn nghệ.....	144
5.- Cách Sống Lương nhát theo Dịch lý.....	144
VIII.- Đem Công lý (Dịch lý) vào các Cơ chế xã hội.....	144
IX.- KẾT LUẬN.....	144
THAM KHẢO.....	146
[1].-24 Tiết trong một Năm.....	146
[2].-Mystery of the Father Mother God.....	1466
[3].-Becoming One.....	1467
[4].-The humn collective.....	1468
[5].-Cellule somatique.....	14660
[6].-Numbers and their meanings.....	14669
[7].- Wave Particle duality.....	14687
[8].- The Brain.....	14697
[9].- The End of the Science.....	146209
[10].-The Great Seal of USA and THE Living Constitution.....	209
[11].- The meaning of 14.....	213

LỜI THƯA VỀ TÊN CUỐN SÁCH

Kính thưa Quý Vị,

Việt Nho được cấu tạo bởi các cặp **Đối cực** **vừa bằng Hình vừa bằng Số** được kết thành hệ **thống nhất quán lớp lang**, tất cả đều được biểu diễn bằng cặp **Đối cực**, tất cả **Đối cực** đều được xếp đối xứng qua **Tâm**, qua trục **Tung**, trục **Hoành** hay trục **Chéo Góc**, nên luôn luôn mang theo **Tinh thần Lương nhất (2 → 1)** của **Dịch** (Theo Âm / Dương Hòa).

Mặt khác, theo Nho, **Triết** được Định nghĩa: **Triết: Triệt dã: Triết phải đi tới cùng triệt để làm sáng tỏ mọi Vấn đề, đó là vấn đề Triệt Thượng (Cao minh phối Thiên: Lên nơi Cao Rộng sáng láng để linh phối với Trời) và Triệt Hạ, (Bác hậu phối Địa: Xuống tận chốn Sâu dày hầu kết hợp cùng Đất)** nghĩa là đi cho đến Tận cùng **chốn Rộng / Sâu của Trời / Đất để được Chu tri**, (holistic knowledge) **hầu tránh nạn Triết lý sờ Voi gây cảnh Phân hóa.**

Triết có soi thấu được chốn Rộng / Sâu mọi thứ như thế mới gọi là Minh Triết.

Lại nữa, **Triết lý An vi là nét Lương nhất (dual unit : 2 → 1)** của **Triết lý Vô vi (Đông phương: Triệt Thượng: Tâm linh)** và **Triết lý Hữu vi (Tây phương (Triệt Hạ: Khoa học)** nên mới gọi được là **Minh Triết An vi.**

Vô vi / Hữu vi (Tâm linh / Khoa học) → An vi

Triệt Thượng và **Triệt Hạ** là ngược nhau, giải thích sao cho **Triệt Thượng (Quy tư) / Triệt Hạ (Suy tư)** giao hòa được hay **Lương nhất** thì **Triết** mới làm sáng tỏ được vấn đề **Rộng / Sâu**, do đó mới có **Minh Triết.**

Triệt Thượng / Triệt Hạ → 1 (: Minh Triết)

Nhờ **Minh Triết** về **Nhất lý “ Thái cực: Âm / Dương hoà ”** được hiểu một cách thông suốt từ **Gốc** tới **Ngọn**, nên **mới giúp Vạn lý (các Tiểu Thái cực)** tức là các cặp **đối cực** được sáng tỏ ra (**Nhất lý thông Vạn lý minh**).

Nhờ cái nhìn thông suốt theo **Minh Triết “ Âm / Dương hoà ”** mới nhận ra hệ thống **Cơ cấu Nho** suốt từ **Gốc** tới **Ngọn** đều đã được **Tổ Tiên Việt** sáng tạo, được hiện thực khắp mọi lãnh vực đời sống của **Nhân dân Việt Nam** và đã được cất dấu nhiều nơi để khỏi bị **Kẻ thù** truyền kiếp cướp đoạt, chỉ có **Con Cháu** cùng **Huyết Tộc** mới nhận ra được, nay được **Triết gia (T. G.) Kim Định** khai quật lên, mới nhận ra **Cơ cấu** đã bị chôn vùi qua hàng ngàn thế kỷ do nạn “ **Đĩ**

Cường lãng Nhược”, nhờ đó mà xác tín được **Việt Nho là nền Văn hoá Dân tộc**, chứ không phải của Tàu như xưa nay lầm tưởng, chính Triết lý An Vi đã đưa **Châu “ Việt Nho “** tìm về với **“ Hợp phố “ Việt Nam** hay cách khác Triết lý An vi đã dẫn dắt Việt Nho trở về với Việt tộc, trong đó Việt Nam là nơi được ký thác nhiều hơn hết,

Do đó mà cuốn sách có tên là : **Việt Nho trở về cùng Dân tộc với Minh Triết An Vi.**

Xin Quý vị cảm lấy mà đọc không chỉ để thưởng thức xem món **Quốc Hồn Quốc Tuý** này có còn đủ Ngũ Vị: Mặn, Ngọt, Đắng, Chua, Cay nữa không, mà còn rước **Hồn Thiêng Dân tộc** về, vì Hồn Dân tộc đã vắng nhà quá lâu, khiến nhiều con dân không còn nhận ra nhau là **Đồng bào** nữa !

Thiền nghĩ Việt Nho và Triết lý An vi tuy là xưa rất xưa, chẳng những không quê mùa lạc hậu, mà còn rất hợp với tinh thần Khoa học tiên tiến cùng với Tinh thần Dân chủ ngày nay.

Tinh thần Dân chủ ở chỗ nhận biết Điều quan trọng: “ Dân duy Bang bản, bản cố Bang ninh với Công trình “Phú chi Giáo chi “ .: Dân là Gốc của Nước, Gốc có được vun xới cho lớn mạnh thì Dân của Nước mới được sống an vui. Muốn thế thì phải làm cho Dân giàu, dạy cho Dân Khôn.

Nếu gặp phải **Chế độ độc tài chuyên chế** thì phải : **“ Tru bạo quốc chi quân, nhược tru độc phu: Giết một ông vua độc tài hay phế bỏ một Chế độ bạo ngược chẳng khác nào trừ khử một tên phạm phu tặc tử “.**

Việt Nho với Minh triết An vi còn có một “ Chủ đạo Hòa “ đoàn kết toàn Dân, giúp chân hưng Tinh thần Quốc gia, hầu un đức Nội lực Dân tộc, cùng với “ Lộ đồ xây dựng Cơ chế Xã hội theo Dịch lý vừa tiến bộ vừa ổn định” để giúp Dân tộc chúng ta vươn lên vực dậy hầu cứu nước đang gặp nguy biến cũng như để mưu phúc lợi cho toàn dân !

Trân trọng,

Việt Nhân

Chú ý

1.- Trong cuốn Sách, phần chữ đứng hầu hết là phần Trích của Triết Gia Kim Định, còn phần chữ xiên là Lời của Tác giả.

2.- Cuốn sách được soạn thảo theo dạng DOC, đầu cuốn có Mục lục với Chương, Mục, Tiểu tiết giúp cho việc tìm Vấn đề một cách dễ dàng. Khi mở Mục lục ra tìm xem muốn mở Mục, Tiểu tiết nào thì chỉ arrow con Chuột vào Mục, Tiểu tiết đó hay trang liên hệ, rồi một mặt nhấn Ctrl key, mặt khác click right mouse thì nó mở ra ngay không phải tốn công lần từng trang như dạng PDF.

Xin đa tạ.

NGUỒN GỐC CƠ CẤU VIỆT NHO

I.- HUYỀN THOẠI: SÁCH ƯỚC : 2/3

“ Sách ước chính là Thánh kinh của Việt Nam, một Kinh Vô tự: không có chữ, chỉ có **Ba trang trống trơn, nhưng hai trang đọc được có tên là Hỏa và Mộc**. Sách được ban cho **Thần Tản Viên** khi xuống thăm **Lạc Long Quân** dưới thủy phủ.

Đây là quyển sách gia truyền được ông cha trao lại cho con cháu, trao dưới đáy biển tức chỉ những điều chép trong sách nằm trong vùng **Tiền thức cộng thông của đại chúng**.

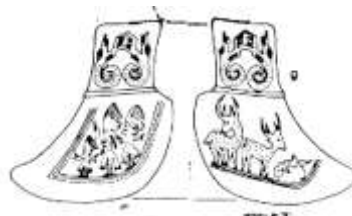
Truyền thống Tâm linh nhân loại thường dùng lòng Biển để chỉ những **chân lý thâm sâu cao cả**. Những chân lý trong sách Ước được diễn tả bằng ba ẩn ngữ: **Tiên Rồng, ẩn số 2-3 và nét cong**.

Sách Ước nói lên nguồn gốc Văn hóa Việt phát xuất từ Thái Bình Dương như được kiện chứng bằng truyện **Hiền triết Tanê** lên thăm kho Trời được ban cho **2 hòn Đá quyền lực và 3 Thúng Khôn** tức cũng cùng bằng hai bộ số 2-3 như sách Ước (2 trang Hỏa Mộc: **Hỏa số 2, Mộc số 3**). Hiền triết Tanê ở đảo Đanê tức **giữa lòng Thái Bình Dương** y như Lạc Long Quân. Chắc vì nguồn gốc biển cả này mà Việt Nam gọi quê hương là nước. **Nước Việt Nam: “Water Việt Nam”** nói lên liên hệ với biển rõ ràng.

Để hiểu được nội dung sách Ước cần phải hiểu hai trang Hỏa Mộc là gì tức là phải hiểu Ngũ hành ra sao, vì Ngũ hành thành bởi hai bộ số 2-3 làm gốc.”

(*Gốc Rễ Triết Việt. Kim Định*)

II.- CỔ VẬT: 2-3



Cổ vật: Cây Phũ Việt

2 Giao Long ở trên.

3 Người mang lông Chim trên đầu ở dưới(Chồng / Vợ : Con)

3 con Nai (Đực / Cái: Con)

Cây **Phủ Việt** có:

Danh Tính: Việt

Thẻ Tính: 2 < Hỏa > 3 < Mộc >: (Cơ cấu Việt Nho)

III.- NHÂN VẬT HUYỀN THOẠI: SỐ 2



Nhân vật Huyền thoại: Nhân vật Văn hóa về Giao chi theo Dịch lý.

Nữ Oa < **Chim Tinh vệ** :Gái > / **Phục Hy** <**Thanh Tinh: Rồng Xanh**:Trai >: **Số 2**

Nữ Oa < cầm Quy: Vòng Tròn > / **Phục Hy** <cầm Cù: Hình Vuông > **nối đuôi nhau.**

Nữ Oa / Phục Hy thuộc dòng máu Tiên / Rồng

IV.- QUÁ TRÌNH THĂNG HOA TỪ VẬT TỎ QUÁ VẬT BIỂU

Chim → Tiên / Rắn → Rồng

Chim :



Chim Việt Trĩ (Dương điều) → Hồng hộc → Hải Âu (Lưỡng thê) → Chim Vũ hoá thành **Tiên**

Rắn:

→



Giao Long (4 chân)/ Xà long (Minh dài) → hóa: **Rồng Minh dài có 4 Chân**

V.- KIẾN TRÚC

Chùa Một cột :Nòng (Hồ Vương) / Nọc (Cột Tròn) : **Số 2**

Nhà : 3 Gian 2 Chái; 5 gian 2 chái



Chùa Một cột

VI.- TẾ TỰ

Lễ Phong (Tế Trời) / Lễ Thiệu (Tế Đất) : **Số 2**

VI.- THÁI CỤC: TIÊN / RỒNG : ÂM / DƯƠNG: **SỐ 2**

Cha Rồng / Me Tiên gặp nhau trên cánh Đồng Tương: Âm / Dương Hòa:



VII.- Ý NGHĨA SỐ 2 - 3

Số 2: Tiên / Rồng: cặp Mái / Trống (Ngọc Long Toại) . . . : Dịch lý Việt

Hoả: số 2 : Nguồn năng lượng: Tinh thần ; Luật Biến dịch bất biến: Dịch lý

Hoả: Phương Nam: Tổ Viêm Đế của Viêm Việt

Hoả: Quẻ Ly: Lưỡng Long triều nguyệt: Tam Hoàng: Ông Núc.

Ông Núc: 2 Ông 1 Bà

Tam hoàng: Phục Hy - Nữ Oa- Thần Nông

(Nhân vật Văn hoá Nông nghiệp với dòng máu Tiên / Rồng)



Cờ Quẻ Ly: 1 Nét Âm < nét Đứt > ở giữa 2 nét Dương < nét Liên > ở Trên và Dưới.

Số 3: Tam Tài: Con Người Nhân chủ; Tự Chủ, tự Lực, tự Cường

Vịnh Tam Tài

“ **Trời Đất** sinh **Ta** có **Ý** không?
 Chưa sinh **Trời Đất** có **Ta** trong
Ta cùng **Trời Đất** ba Ngôi sánh
Trời Đất in **Ta** một chữ **Đồng**
Đất nứt **Ta** ra **Trời** chuyển động
Ta thay **Trời** mở **Đất** mênh mông
Trời che **Đất** chở **Ta** thông thả
Trời Đất Ta đây đủ **Hóa công** “
Trần Cao Vân

*Tuy là Tam Tài, nhưng cả Ba được kết hợp lại thành **Nhất Thể** không thể tách rời, nên mới có Định nghĩa: “ **Nhân giả Kỳ Thiên Địa chi Đức: Con Người là Tinh hoa của Trời Đất** “*

VIỆT NHO TRỞ VỀ CÙNG DÂN TỘC

VỚI

MINH TRIẾT AN VI

Xưa nay các Sĩ phu của chúng ta khi nghiên cứu Hán Nho thường chỉ “ **Tâm chương trích cú và Ký tụng Kinh Điển Hán Nho** “ để sáng tác những Thi Phú sao cho giống Tàu, thường là theo lối “ **Mơ theo Trăng và Vơ vẩn cùng Mây** như Thi sĩ Xuân Diệu “, hay nói cách khác là chỉ để tâm về **Văn học Nghệ thuật** mà lãng quên **Triết lý Nhân sinh** cần cho Cuộc sống con Người và Tinh thần Dân tộc.

Muốn thấy rõ được tình trạng đó thiết tưởng chúng ta cần đi sâu và **Cơ cấu Việt Nho** để nhận ra Hán Nho là một thứ Nho hổ lớn giữa Nho Vương đạo của Việt Nam và Nho bá đạo của Đại Hán, vì Đại Hán tiếp thu Nguyên Nho của Khổng Tử, công thức hoá thành Kinh (**Ngũ Kinh: Thi, Thư, Dịch Lễ, Xuân Thu, bỏ mất Kinh Nhạc**) Truyện hay **Tứ Thư** (Đại học, Trung dung Luận ngữ, Mạnh Tử,) nhưng trong đó lại xen dậm các Yếu tố Bạo động của Văn hoá Du mục vào làm cho sai lạc thành Hán Nho Bá (đạo) Bành (trướng), do đó mà **Hán Nho là mớ hổ lớn giữa Nho Vương đạo của chúng Việt và bá đạo của Hoa Hán gọi là Hán Nho**

Nho là nền Văn hóa được xây trên các Biểu tượng. Nho lại có hai loại Biểu tượng:

I.- BIỂU TƯỢNG VỀ ĐỒ HÌNH THUỘC HÁN NHO

Hán Nho chú trọng về Hình thức Cơ cấu với 64 quẻ Dịch để Bốc phệ, nên phát triển về Nhâm, cầm, Độn, Toán.

II.- BIỂU TƯỢNG VỀ ĐỒ HÌNH VÀ SỐ ĐỘ KẾT HỢP THUỘC VIỆT NHO

Việt Nho có Đồ hình và Số độ kết hợp, nên vừa có Hình thức vừa có Nội dung, nhờ đó mà có Triết lý Nhân sinh.

*Sở dĩ có tình trạng này là vì Tổ Tiên Việt đã sáng tạo ra Nho và đã khôn ngoan cất dấu **nền tảng Văn hóa tức là Cơ cấu** trong **Huyền thoại Tiên Rồng**, trong **Sách Ước, Gậy Thần**, trong **Ngọc Long Toại** (truyện Việt tinh) trong **Trống Đồng**, trong nhiều **cổ vật cổ nghệ** khác như cây **Phủ Việt**, các **Hòn sỏi Bắc Sơn**, trong **cấu trúc nhà ở**, trong **cách ăn mặc**, trong **tiếng nói** và **Sinh hoạt**, nghĩa là **Tổ Tiên Việt đã đem Tinh thần Văn hoá vào sự sống hàng ngày rồi**, nhất là trong **Văn chương truyền khẩu**, người Tàu không thể nhận ra, tuy nền Văn hoá đã bị tiêu trầm lâu ngày, nhưng nhờ Văn chương truyền khẩu mà **sức sống Văn hoá còn luân lưu trong giòng máu**, nên lâu ngày có con cháu sẽ nhận ra, người con cháu đó chính là **Giáo sư Triết gia Kim Định**.*

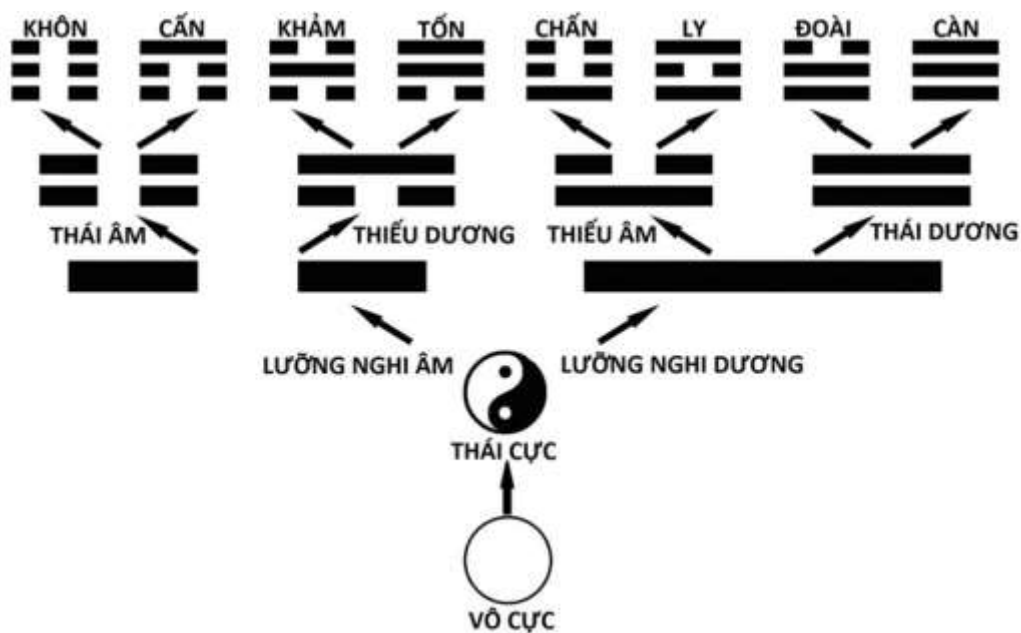
Đó là sự phân biệt quan trọng, nhưng vì có sự giao lưu Văn hoá qua thời gian dài, tất phải có sự trộn lẫn.

CHƯƠNG MỘT

A.-BIỂU TƯỢNG VỀ ĐỒ HÌNH THUỘC HÁN NHO

Các Biểu tượng xây nên Nho được khởi từ Vô cực tới Thái cực, Lưỡng nghi, Tứ tượng, Bát quái rồi tới 64 Quẻ kép. Hán Nho nghiên hẩn về phần Đồ hình với 64 Quẻ Dịch của Nho để Bốc phệ hầu Nhâm, Câm, Độn, Toán. Bốc phệ về Cát / Hung mới chỉ là 1 trong 4 mục tiêu của Dịch:

B.- CÁCH LẬP THÀNH CÁC QUẺ DỊCH



I.- CÁC HÌNH TỬ VÔ CỰC TỐI BÁT QUÁI

Từ Vô cực tới Tử tượng được hình thành theo kiểu phân bào: 1 chia ra làm 2, 2 chia làm 4, 4 chia thành 8.

乾 Càn ☰	兌 Đoài ☱	離 Ly ☲	震 Chấn ☳	巽 Tốn ☴	坎 Khảm ☵	艮 Cấn ☶	坤 Khôn ☷
------------	-------------	-----------	-------------	------------	-------------	------------	-------------

Hình Bát quái

II.- CÁCH LẬP THÀNH CÁC QUẺ TRONG BÁT QUÁI

Trong hình bát quái tức là 8 Quẻ đơn, mỗi quẻ được hình thành bởi 3 nét: 1 nét cho Thiên, 1 nét cho Địa, 1 nét cho Nhân tức là theo **thuyết Tam Tài: Thiên, Địa, Nhân**. Đây là cách Định vị con Người trong môi trường Trời Đất, Trời Đất là môi trường sống sâu rộng nhất.

Các nét tượng trưng cho Tam tài được chia ra làm hai: Một cho Âm được tượng trưng bằng nét

Đứt (- -), một cho Dương được tượng trưng bằng **nét Liên** (—).

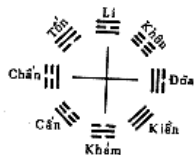
Khi hoán vị hai nét Âm Dương rồi chồng lên nhau thành Quẻ Đơn có 3 nét thì được **8 Quẻ đơn: Càn, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn**. (Xem hình trên)

Tiên thiên Bát quái và Hậu thiên Bát quái



TIÊN THIÊN BÁT QUÁI

Nên nhớ: “ **Dịch : Nghịch số chi lý** “, nên Các Quẻ đều được xếp **đối xứng qua Trục xuyên Tâm** của Thái cực. Đó là **Thiên Tiên Bát quái**.



HẬU THIÊN BÁT QUÁI

Các Quẻ được xếp **đối xứng qua hai trục của Thập tự nhai hay Khung Ngũ hành**. Trong **Hậu Thiên Bát quái** thì 2 Quẻ Li / Khảm, và Chấn / Đoài đối xứng qua trục Tung,, 2 Quẻ: Cấn / Tốn, Khôn / Kiên đối xứng qua trục Hoành.

III.-CÁCH LẬP THÀNH 64 QUẺ KÉP

Trên Dưới	KHÔN 8	CĂN 7	KHÂM 6	TÔN 5	CHẤN 4	LY 3	ĐOÀI 2	KIẾN 1
KHÔN 8								
CĂN 7								
KHÂM 6								
TÔN 5								
CHẤN 4								
LY 3								
ĐOÀI 2								
KIẾN 1								

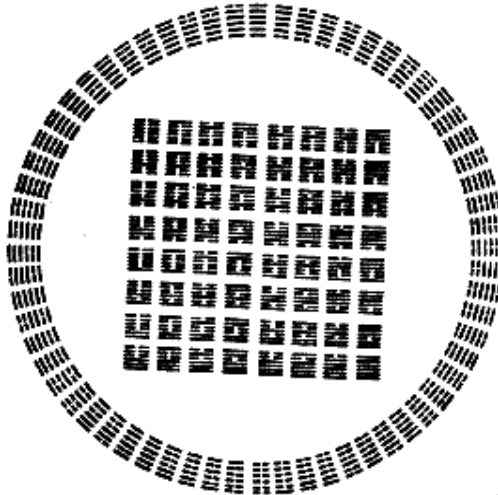
(H.19) 64 QUẺ KÉP ĐẶT TRÊN ĐỒ NGANG

Trên Dưới	KIẾN 	CHẤN 	KHÂM 	CĂN 	KHÔN 	TÔN 	LI 	ĐOÀI
KIẾN 	1	34	5	26	11	9	14	43
CHẤN 	25	51	3	27	24	42	21	17
KHÂM 	8	40	29	4	7	59	64	47
CĂN 	33	62	39	52	15	53	55	31
KHÔN 	12	18	8	23	2	20	35	45
TÔN 	44	32	48	16	46	57	50	28
LI 	13	56	63	22	36	37	30	49
ĐOÀI 	10	54	60	41	19	61	38	58

Các cặp đối xứng: Kiên / Khôn; Chấn / Tôn; Khảm / Li; Cấn/ Đoài

Trên trục Tung và trục Hoành lần lượt xếp các Quẻ đơn : **Kiên, Chấn, Khảm, Cấn, Khôn, Tốn, Li, Đoài** theo thứ tự từ Trên xuống Dưới (Tung) cũng như từ Trái qua Phải (Hoành), chúng ta có 64 Quẻ kép.

Cách xếp 64 Quẻ kép theo lối Mẹ Tròn con Vuông (Vòng Tròn hình vuông ngoại tiếp)



Các Quẻ cũng được đối xứng qua Tâm

Quẻ Bát Thuần Khôn gồm 6 nét Âm (ở Dưới của trục Tung)

Quẻ Bát Thuần Càn gồm 6 nét Dương (ở trên trục Tung)

Quẻ Bi / Quẻ Thái đối xứng trên trục Tung

Dịch được định nghĩa: Dịch : Nghịch số chi Lý, nên các Quẻ Dịch đều được cấu tạo bởi các cặp đối cực được xếp đối xứng nhau, khi thiếu đối xứng là mất Tính chất Dịch lý tức là mất tính chất Tiến bộ và Quân bình động hay Hoà của Dịch.

*Ta nên ghi nhớ trong **các Đồ hình** từ Thái cực phân cực thành Âm / Dương cho tới 64 Quẻ kép các Quẻ đều được xếp theo cách đối xứng qua Tâm Vòng tròn, hay qua trục Tung, hay trục Hoành, hay qua đường Chéo góc.*

*Cũng như thế, trong trường hợp **Đồ hình và số độ** thì các Hình các Số cũng đều được sắp xếp theo cách đối xứng hay hợp Nội Ngoại chi đạo do đó mà Trung Dung có câu:*

“ Trung giả: Thiên hạ chi đại Bản: Chính Trung là gốc của Vũ trụ

(Chính Trung là Trung Đạo theo Lễ Công chính “có Đi có Lại “ theo Thiên lý)

“Hòa giả: Thiên hạ chi đại Đạo: Có đạt Chính Trung mới có Vũ trụ Hòa

“Thiên Địa vị yên: Khi vị trí Thiên, Địa, Nhân có được sắp xếp ổn định theo Dịch lý Thái cực.

“**Vạn vật dục Yên:** Thì con Người và Vạn vật mới được nuôi dưỡng và phát triển.

“**Chí Trung : Hòa:** Có Chính Trung mới đạt Chí Hoà hay Thái hòa “ .

Vậy cách xếp các Quẻ Dịch là các **Định vị con Người và Vạn vật trong Vũ trụ** theo thứ tự lớp lang của Dịch lý hay Thiên lý để tạo ra **Tiết nhịp Hòa của Vũ trụ** (cosmic rhythm)

Con Người là một Tài trong tam Tài: **Tài Thiên thuộc Tinh thần, Tài Địa thuộc Vật Chất.**

Tài Nhân = Tài Thiên + Tài Địa = Tinh thần + Vật chất.

Nhân được định nghĩa **Thiên / Địa chi Đức**, (theo **Âm / Dương Hòa**) đo đó mà **Nhân linh u Vạn vật.**

Không cần biện luận nơi đâu xa xôi, Chủ nghĩa CS hỏng chính nơi hai cái Góc :

Góc Thiên / Địa: vì theo **Mâu thuẫn thống nhất**, **Địa nuốt chửng mất Thiên**, nên Vô thần, chỉ còn lại **Vật chất.**

Góc Nhân: Xuất phát từ **Địa**, nên con Người mới được định nghĩa là **con vật Kinh tế**, nên hành trình Cách mạng vô sản là chém giết, cướp đoạt nhau để dành miếng ăn.

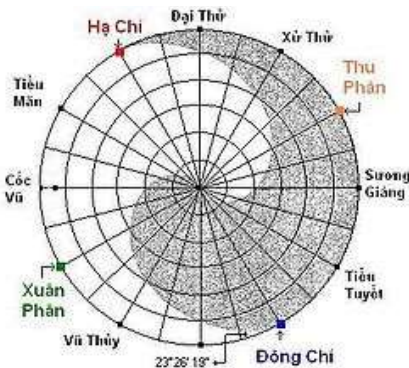
Một chủ nghĩa mà đánh **mất Môi trường sống quảng cư nơi Thiên Địa**, **mất Ngôi vị cao quý nơi con Người** (nhờ **Tinh thần: Lòng Nhân ái ngược với Hận thù**) trong Vũ trụ, thì làm sao mà không **lộn đầu xuống Đất!**

D.-TÌM Ý NGHĨA CỦA CÁC BIỂU TƯỢNG CHÍNH

I.- BIỂU TƯỢNG THÁI CỰC

1.- GIẢI THUYẾT VỀ SỰ HÌNH THÀNH THÁI CỰC VIÊN ĐỒ

(Nguồn internet)



“ Có giả thuyết cho rằng hình ảnh của Thái Cực đồ được tạo lập từ quan sát thiên văn thông qua đo bóng nắng mặt trời. Khi cắm một chiếc que thẳng trên mặt đất và đánh dấu tất cả khu vực mà bóng của que quét trong một năm, sẽ có một đồ hình Thái Cực đồ. Có ý kiến cho rằng Thái Cực đồ của Đạo gia cũng như đồ hình chữ Vạn (卐 : *Tả nhậm*) của Phật gia là có chung một nguồn gốc, (khác với chữ Vạn (卐 : *Hữu nhậm*). Đó chính là các biểu tượng của các dạng Thiên Hà khác nhau trong vũ trụ. (Chúng tôi trung Hình và Bài trên với sự dè dặt, vì không thể trải nghiệm được rõ ràng.) Để kiểm chứng việc hình thành Thái cực viên đồ là khả tín, chúng ta hãy đối chiếu các Tiết chính.

Đó chính là các biểu tượng của các dạng Thiên Hà khác nhau trong vũ trụ.

Để kiểm chứng việc hình thành Thái cực viên đồ là khả tín, chúng ta hãy đối chiếu các Tiết chính nơi Đồ hình với các 4 Tiết chính của Âm Dương lịch trong Năm để nhận ra sự hiệu nghiệm của Thời tiết trong Năm hầu hết nghi ngại.

Chú thích. Bốn Tiết chính trong một Năm:

Kinh độ	Tiết khí	Dương lịch
0°	1.- Xuân phân	20 - 21/3
90°	2.- Hạ chí	21 - 22/6
180°	3.- Thu phân	23 - 24/9
270°	4.- Đông chí	21 - 22/12

[1]. Các Tiết trong một Năm

Theo Âm / Dương lịch thì cứ 15 ngày kết thành một Tiết, khi giáp Tiết thì khí hậu đổi thay rõ rệt theo chu kỳ hàng Năm, có 4 Tiết khởi đầu cho 4 mùa : Xuân phân, Hạ chí, Thu phân, Đông chí.

2.- THÁI CỰC : “ NHẤT NGUYÊN LƯƠNG CỰC “

Để thấy rõ Thái cực là ‘ **Nhất nguyên lương Cực hay cặp đối cực Lương nhất** (*Dual init: 2* → *1*), chúng ta dùng thí nghiệm: two particle system with zero spin và Two particle system with miscellaneous spin để có thể dùng từ trường để tách hai Vi tử có zero spin tách ra spin Trên / Dưới hay spin Tả / Hữu, đó là khung Không gian tạo nên bởi trục Tung và trục Hoàn.

Vậy Thái cực với “ **Nhất nguyên lương cực**” không chỉ là một lối suy tư mà là một **Cấu trúc Khoa học về Vũ trụ**.

[2]: *Mystery of the Father/ Mother God*

[9]: *Wave particle duality*

[11]: *The end of the Science: Two particle system with zero spin & two particle with miscellaneous spin.*

3.- Ý NGHĨA CỦA THÁI CỰC VIÊN ĐỒ

(*Nguồn internet*)

“ Thái Cực đồ thể hiện ý nghĩa của triết học Phương Đông, cụ thể là thuyết Âm Dương rất rõ ràng:

Trong mỗi một Tổng thể (*hình tròn*) luôn tồn tại hai mặt đối lập Âm và Dương, hai mặt đó tương hỗ với nhau, bù đắp nhau thành một thể hoàn thiện. (**Âm Dương tương thôi**)

Không một Tổng thể, cá thể nào có thể tách biệt hoàn toàn hai mặt đó. (*Dịch: Nghịch số chi Lý* → **Âm / Dương hòa: Nhất Nguyên lưỡng Cực**)

Trong Âm có Dương, trong Dương có Âm, cũng như trong phần màu đỏ có chấm màu đen, và ngược lại. (*The man principle within the woman, and the woman principle within the man.*)

(**Cơ cấu thuộc dạng ion - và ion +**)

Âm thăng, Dương giáng ngược chiều kim đồng hồ. ($x.y = k \rightarrow y = k/x$: *Hàm số ngược*)

Âm thịnh, Dương suy và ngược lại. Khi phần màu đen lớn dần thì phần màu đỏ nhỏ dần và ngược lại.

Cực thịnh thì suy, thể hiện ở mỗi phần khi đạt đến độ cực đại thì xuất hiện yếu tố đối lập ngay trong lòng, và phần đó sẽ phát triển dần”.

(*Những chữ xiên do người viết đem vào*)

4.-ĐÔNG / TÂY, KIM / CỎ GẶP NHAU NƠI DỊCH LÝ: THIÊN LÝ

1.- “ **Being and Becoming - two aspects of the One.**

“This dual aspect contains what we think of as the **Father and the Mother** - the Divine Creator and the Divine Presence that exists within all things.

Father and Mother, each having a relationship with Creation, each part of the Oneness of all that is. Eternal partners, united and inseparable.

Hình ảnh của Âm / Dương: Thái cực

Religions, traditions, cultures, and individuals have divided themselves according to their preference for one or the other portion of this eternal partnership.”

[3]. *Mystery of the Divine Father- Mother God*

[4]. *Becoming One*

Đây cũng là: **Nhất Nguyên lưỡng Cực: Thái cực Âm / Dương.**

2.- “ These archetypes dwell in a world beyond the chronology of a human lifespan, developing on an evolutionary timescale. Regarding the animus and anima, the male principle within the woman and the female principle within the man. “

Trong Âm có Mâm Dương và trong Dương có Mâm Âm.

Đây là : Âm trung hữu Dương căn, Dương trung hữu Âm căn:

(Thiếu Dương / Thiếu Âm; Thái Dương / Thái Âm)

[5] .- Cellule somatique

3.- “ And I saw a new Heaven and a new Earth “ (*Apocalypse: 21-1*).
Now I find that looking inward is where we find the **Divine Father / Mother aspect**.
The “ Outer World “ is simply a dim reflection of vast “ Inner Worlds ““which we are.
Plannerlightworker.com.
(A peaceful illumination of spirit. Prototype).”

Đây là: Thể / Dụng nhất Nguyên, Hiện / Vi vô gián: Cái Bản thể bên Trong và cái Dụng (Diện mạo) bên Ngoài có cùng Nguồn gốc, cái Hiện rõ bên Ngoài và cái Vi diệu bên Trong không có gián cách)

Người Nữ có Thể (bên Trong) là Âm, nhưng Dụng (hiện ra bên Ngoài) là Dương, nên người Nữ là một ion Dương (+)

Người Nam có Thể (bên Trong là Dương), nhưng Dụng (hiện ra bên Ngoài) là Âm, nên người Nam là một ion Dương (-).

Khi hai người Nam Nữ gặp nhau thì ion – và ion + tạo ra dòng Điện, nếu có tần số thích hợp thì yêu nhau tìm đến với nhau.

New Heaven / New Earth, Mother Aspect / Divine Father, Inward world / Outer world, Thể / Dụng, Vi / Hiện, Anima / Animus . . . đều là những cặp đối cực khác nhau (Tiểu Thái cực) của Thái cực. Rõ là Đông, Tây, Kim, Cổ đều gặp nhau nơi Thái cực.

5.- KHÁI NIỆM CỐT LỎI

"Thái cực" được hiểu là trật tự cao nhất có thể nhận thức được, với nó, sự tồn tại lưu chuyển. Nó rất gần nghĩa với khái niệm đại Giáo: "sự đảo ngược chính là sự dịch chuyển của Đạo". (1)

"Thái cực" tạo ra Âm Dương: Động tạo ra Dương, khi Dương lên đến cực đại, nó chuyển hóa thành Tĩnh. Trên nền tĩnh tại, Thái cực tạo ra Âm. Khi Âm cực đại, lại chuyển hóa thành Động. Động và Tĩnh, trong vòng tuần hoàn đó, là nguồn gốc của nhau. Sự phân hóa giữa Âm và Dương được xác định và hai trạng thái Âm Dương được bộc lộ. Từ sự chuyển hóa của Dương và sự kết hợp của Âm, "Ngũ hành"- Kim, Mộc, Thủy, Hỏa và Thổ ra đời. Khi Ngũ hành phân hóa, chúng tạo ra sự hài hòa (Âm / Dương hòa: nhờ sự dung hợp của hành Thổ cop1 tác dụng như chất xúc tác giúp các cặp đối cực: Thủy / Hỏa, Mộc / Kim kết thành nét Lương nhất). Khi đã có sự hài hòa, 4 mùa xuất hiện. Âm và Dương tạo ra vạn vật, và vạn vật lại tiếp tục tạo ra nhiều thứ khác; quá trình này không bao giờ dứt.(Wu, 1986) “:

(Nguồn internet)

(1).“**Phản giả Đạo chi Động**” 反者道之動:Trở lại là cái Động của Đạo. (Ch. 40 ĐĐK).

Trong Chương 40 Lão Tử nói:

“**Phản giả đạo chi Động**” 反者道之動 (Trở lại là cái động của Đạo). Đó là **con đường Đi Về**.

Còn **con đường Đi Ra** thì “**Đạo sinh Nhất, Nhất sinh Nhị, Nhị sinh Tam, Tam sinh vạn vật. Vạn vật phụ Âm nhi bảo Dương. Xung khí dĩ vi hòa**”: 道生一, 一生二, 二生三, 三生萬物. 萬物負陰而抱陽, 沖氣以為和 (Đạo sinh Một, Một sinh Hai, Hai sinh Ba, Ba sinh vạn vật. Trong vạn vật không vật nào mà không công Âm và bồng Dương. Nhân chỗ xung nhau mà hòa nhau).

Nhất đây, là cái Thể duy nhất của Đạo. Nhị, là trở vào hai khí Âm Dương, tức là hai nguyên lý mâu thuẫn nhau, nhưng bổ túc nhau đồng có ở trong mỗi vật, và vì thế mới có nói “trong vạn vật không vật nào không công Âm và bồng Dương”. Giữa sự xô xát, xung đột nhau của hai nguyên lý mâu thuẫn ấy, lại có **Một cái nắm giềng mối và làm cho nó phải sống chung và dung hòa với nhau** mà không thủ tiêu nhau, cái đó là **nguyên lý thứ ba; cái mà Lão Tử gọi là cái Dung của Đạo**. “**Xung khí dĩ vi hòa**” (沖氣以為和). Tức là cái nguyên lý làm cho cái khí xung đột giữa hai nguyên lý mâu thuẫn kia điều hòa với nhau.

Đến khi được cái số Ba đó, thì vạn vật mới thành hình, nên mới gọi là “Tam, sinh vạn vật” (三, 生萬物).

Như vậy, ta thấy rằng **Lão Tử có thể đã căn cứ vào Dịch học: “Thái cực sinh lưỡng nghi”** để lập thành cái học “**Nhất sinh Nhị**” của ông. Nhưng ông chỉ mượn cái Đạo “**Đi ra**” của Dịch, vì Dịch chủ trương Âm Dương để diễn tả cái Đạo biến đổi mà thôi. Lão Tử nhân đó, bàn về cái đạo “**Trở về**” (phản phục), nghĩa là ông vượt cái học nhị nguyên của Dịch để chủ trương cái Đạo “**quy Chân phản Phác**” 歸真反樸. Theo Lão Tử, vạn vật đều động chuyển theo hai khuynh hướng nghịch nhau: Đi Ra, rồi Trở Về. Chương 16 ông nói:

“**Vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan phục. Phù vật vân vân, các phục quy kỳ căn...**” 萬物並作, 吾以觀復. 夫物芸芸, 各復歸其根...(Vạn vật cùng đều sinh ra, ta lại thấy nó trở về gốc; ôi, mọi vật trùng trùng, đều trở về cội rễ của nó). Mà trở về cội rễ, tức là trở về gốc Tịnh của nó (tức là trở về với Vô Vi):

“**Quy căn viết Tịnh, thị vị viết Phục Mạng, Phục Mạng viết Thường**” 歸根曰靜, 是謂復命. 復命曰常. “Trở về cội rễ, gọi là Tịnh, ấy gọi là Phục Mạng. Mà Phục Mạng gọi là Thường”. Thường 常 tức là Đạo 道 vậy.

Nhân quan niệm về chữ “Thường”, tức là một cái gì bất di bất dịch nắm cả giềng mối Vạn Vật Vũ Trụ, nên Lão Tử mới nghĩ đến một cái gì như là một thứ Định Mạng trong sắc giới: “**Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất thất**” 天網恢恢, 疏而不失. Lưới trời lỏng lẻo, tuy thưa mà chẳng lọt. “Lưới trời”, tức là cái luật tự nhiên mà không vật nào trong Vũ Trụ thoát khỏi. “**Thiên Đạo vô thân**” 天道無親 : Đạo trời không thân ai cả (Chương 79).

Trong tất cả các luật của Tạo Hóa, thì cái luật lớn nhất và quan trọng nhất là luật “**Phản Phục**”
反復: hễ: “**Vật cùng tắc phản**”, “**Vật cực tắc biến**”...

(*Đạo Đức Kinh. Lão Tử. Nguyễn Duy Cần*)

Luật Phản phục cũng tương tự như Định luật Bảo toàn Vật chất và Năng lượng, khi đi ra ngoài hoạt động (Suy tư : Xuất diễn thuộc lĩnh vực Thế sự, Khoa học) thì tiêu hao Năng lượng, nên phải quay về Góc (Quy tư : Nhập diễn: Tâm linh) nạp lại năng lượng để tiếp tục Chu trình Biến hoá mới.

Xuất diễn / Nhập diễn: Suy tư / Quy Tư : Chu Trình Biến hoá.

6.- BỐN MỤC TIÊU CỦA DỊCH

“ Dịch hữu Thánh nhân chi Đạo tứ yên : 易有聖人之道四焉:

- 1.- Dĩ Ngôn giả, thượng kỳ Từ : 以言者尚其辭
- 2.- Dĩ Động giả, thượng kỳ Biến: 以動者尚其變
- 3.- Dĩ Chế khí giả, thượng kỳ Tượng 以制器者尚其象
- 4.- Dĩ Bốc phê giả, thượng kỳ Chiêm 以卜筮者尚其占 “

Đọc câu trên rồi ta thấy câu nói Dịch là sách bói chỉ đúng có một góc, mà lại là góc ngoài , nghĩa là đọc lối thường mà “ không biết Ngoạn kỳ Tượng, không Chiêm kỳ Từ ”. Bởi cho được Chiêm, được Ngoạn, thì phải có những Tâm kiện ra sao, nếu không phải là người đủ Tâm kiện thì Đạo đâu có khi không mà hiển linh tác động.

“ **Cẩu phi kỳ nhơn, đạo bất hư hành** ”: 苟非其人道不虛行

Vì Đạo không xa người nên đâu có cho ăn bám cách không vậy được. Đạt hay không đạt là nơi mình: “ **Linh tại ngã, bất linh tại ngã** ”.

7.- KINH DỊCH: MỘT KHOA TÂM LÝ HỌC VÔ SONG

Chính vì chỗ đó mà Jung cha đẻ của khoa uyên tâm đã kinh ngạc khi nhận ra trong Kinh Dịch một khoa học Tâm lý vô song, bất khả địch (psychology altogether unmatched Memmories 375) . Tuy “ vô song ” nhưng chúng ta có khai thác nổi hay không lại là truyện khác . Hầu hết các học giả đời nay đều nói Kinh Dịch là một sách bói. Nói thế chỉ đúng một phần tư của bì phụ, bởi Kinh Dịch gồm 4 mặt của Đạo Thánh nhân:

- 1.- Là Ngôn từ để dạy Minh Triết

- 2.- Là **Linh động** để dạy biết **Tiến hoá**
- 3.- Là **Tượng** để dạy cách chế **Khí cụ**
- 4.- Là **Bốc phê** để **Chiêm nghiệm** từng trường hợp.

(Kim Định : Dịch Kinh linh thể, chương V)

Xem thể thì biết rõ là Việt đã chú trọng tới mục tiêu 1 và 2, nhưng vì bị nạn « **Dĩ cường lãng Nhược** » , nên cũng quên lần, còn Tàu thì chỉ chú trọng vào mục tiêu 4.

8.-TỪ VỮ TRỤ QUAN LƯƠNG CỰC: ÂM / DƯƠNG TỚI NHÂN SINH QUAN: ĐÔNG / TÂY



Thái cực : 太極 : Supreme Ultimate

Trong hình Thái cực viên đồ, chúng ta có thể liên kết phần **màu Đen (Âm) thuộc lãnh vực Tâm linh, phần màu Trắng (Dương) thuộc lãnh vực Khoa học**. Thế giới Tâm linh thì u linh man mác như nguồn Tình, nguồn Lý thì rõ ràng khúc chiết như Khoa học. Tuy Tâm linh và Khoa học là cặp đối cực (hay Nghịch số theo định nghĩa: “ **Dịch : Nghịch số chi lý** “), nhưng lại có thể “ **Tương thối: Tương tranh, tương hỗ: check and balance** “ để đạt Lương nhất gọi trạng thái Quân bình động gọi là “ **Âm Dương hòa** “.

Trong Màu Đen lại có mầm màu Trắng, nên ta có thể thấy trong nguồn Tâm linh có chứa sẵn mầm mống Khoa học màu Trắng và trong Màu Trắng thuộc lãnh vực Khoa học lại có mầm Tâm linh màu Đen. Hai lãnh vực Tâm linh và Khoa học cứ “ tương tranh, tương hỗ ” với nhau hầu Biến hoá mà Tiến bộ, để đến một giai đoạn vượt lên trên Lương cực Đen / Trắng mà thành nét Lương nhất (Dual unit) không Đen không Trắng nữa mà Hoà với nhau.

Trong lãnh vực Nhân sinh, nhìn qua Thế giới chúng ta thấy nền Văn hoá phương Đông và Văn hóa phương Tây rất khác nhau, nên có thể xem như Lương cực của một Toàn thể, phải chăng do ảnh hưởng của thổ nghi mà có sự phân biệt Đông / Tây như vậy?.

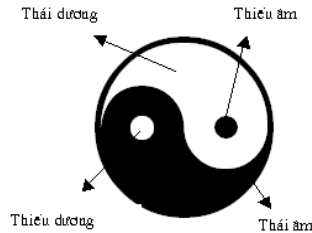
Người ta bảo bảo Phương Đông là quê hương của thế giới Huyền bí u linh man mác (Tâm linh) và phương Tây là quê hương của Khoa học, nơi đó cái gì cũng rõ ràng khúc chiết, có lẽ Thượng Đế đã trao sứ mệnh chuyên trách từng Lãnh vực cho mỗi Phương: Phương Đông chuyên về Tâm linh, phương Tây về Khoa học.

Ở Trung Đông, nhà Toán học Ba Tư tên Al Khawarizimim dùng con số 0 đầu tiên vào thế kỷ thứ 2 BC, Ông là cha đẻ của ngành Đại số. Ở Ấn Độ con số 0 được dùng trong bài Lokavibhaaga (458 AD). **Con số zero: 0** được coi như Chân Không diệu hữu của Phật giáo. (Nguồn Tĩnh).

Còn Việt tộc vùng Đông Nam Á là chủ nhân của **Cơ số nhị phân** (binary system: **Số 2** (: 0 / 1: Vô / Hữu; Âm / Dương; Tiên / Rông) là nền tảng của Dịch. Cơ số 2 cũng là nguồn gốc của internet.

Số 0 là VÔ CỰC, Số 2 là Thái cực Vô / Hữu: 0 / 1 < Hệ thống Nhị phân;: Binary system : Âm / Dương > đều ở phương Đông, cả hai đã giúp cho ngành Toán học và Vật lý của phương Tây “ tiến lên “những bước thần kỳ (bằng Suy tư).

Số 0 (0 là Vô đối đãi với Hữu, khác với 0: VÔ là VÔ CỰC: Chân Không diệu hữu).



HÌNH THÁI CỰC

Liên hệ với hai phần Âm Dương của Thái cực, ta có :

Số 0 tượng trưng **Chấm Đen** là **Thiếu Âm** nằm trong **Thái Dương** màu **Trắng**. **Thiếu Âm** là **Thể** hay **Germen Tâm linh**. **Thái Dương** là **Dụng** hay **Soma Khoa học**.

Soma là môi trường **Khoa học** giúp **Germen Tâm linh** phát triển sao cho cặp đối cực **Tâm linh / Khoa học** **Lưỡng nhất**.

Chấm đen là **mâm Tĩnh lực** - nguồn **Tâm linh** thuộc **phương Đông** - cũng là **mâm Triết lý Vô vi** của **phương Đông**.

Số 1 tượng trưng cho **chấm Trắng** là **Thiếu Dương** nằm trong **Thái Âm** màu **đen**. **Thiếu Dương** là **mâm Germen Khoa học** thuộc **Thể**, **Thái Âm** là **Soma Tâm linh** thuộc **Dụng**. **Soma** là môi trường **Tâm linh** giúp **Germen Khoa học** phát triển sao cho **Khoa học / Tâm linh** **Lưỡng nhất**. **Chấm Trắng** là **mâm Đông lực** của **Triết lý Hữu vi** Tây phương.

Hai nguồn 0 / 1 (Hay cặp **Tâm linh / Khoa học** của **Tây Phương** và **Khoa học / Tâm linh** của **Đông phương** tuy ngược chiều “ nhưng lại phát triển theo chiều hướng kết hợp **Tĩnh (Vô vi) / Động (Hữu vi)** sao cho được hài hòa để đạt thể **Quân bình động**. tức là “ **Âm / Dương hòa**”.

Triết gia Kim Định đã khởi xướng **Triết lý An Vi** là **sự giao thoa** của **Triết lý Vô vi** của **phương Đông** và **Triết lý Hữu vi (Hữu thể)** của **phương Tây** .

[6]. Cellule somatique

Phương tiện giao thông thần tốc ngày nay đã biến Thế giới thành một ngôi Làng, giúp cho “ Sự Hội nhập Văn hóa Đông / Tây “ tiến bước, nhờ đó mà hai lãnh vực Tâm linh / Khoa học chóng trở thành nét Lưỡng nhất, (dual unit: $2 \rightarrow 1$), hai lãnh vực Đông / Tây bổ túc cho nhau sẽ giúp cho nhân loại Đồng quy về một Mối: MỐI VỮ TRỤ HÒA.

Chúng ta có thể nhận ra hai khuynh hướng sinh hoạt ngược nhau của Đông Tây: Trong khi **phương Đông** sinh hoạt theo khuynh hướng **hướng Nội**, nên đã đem cả Vũ Vũ trụ thu vào trong Hòn Non bộ, còn **phương Tây** lại có khuynh hướng **hướng Ngoại**, nên đem các công trình khoa học chinh phục Không gian cao rộng xa xăm. Ngày nay là Dịp thuận tiện để cho hai Khuynh hướng được giao hoà .

Bây giờ là lúc phương Đông (Nội) đang chuyển bước mạnh về Khoa học (Ngoại), còn phương Tây (Ngoại) cũng lại đang quay về nguồn Tâm linh (Nội) ,chừng nào hai nguồn Tâm linh và Khoa học của Đông Tây trong mỗi phương, cũng như Chủ nghĩa Dân túy (RIÊNG) và công cuộc Toàn cầu hóa(CHUNG) đang trong quá trình Hội nhập theo phương cách “ Hợp NỘI / NGOẠI chi đạo “ được “ yên vị “, thì khi đó Nhân loại sẽ tiến bước vào giai đoạn Đông / Tây có thể giao hội mà kết thành nét Lưỡng nhất, hy vọng Khi đó Nhân loại sẽ tiến bước trên con đường Hòa bình.

CHƯƠNG HAI

BIỂU TƯỢNG VỀ ĐỒ HÌNH & SỐ ĐỘ THUỘC VIỆT NHO

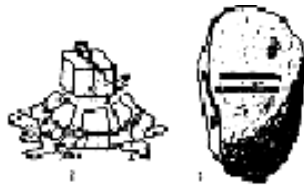
Khác với Hán Nho, Việt Nho lại chú trọng cả hai mặt: Đồ hình và Số độ của Nho.

A.- NGUỒN GỐC NGŨ HÀNH: SÁCH ƯỚC

I.- SÁCH ƯỚC: THÁNH KINH VIỆT NAM

“ Sách Ước chính là Thánh Kinh của Việt Nam, **một Kinh Vô tự**: sách không có chữ, chỉ có 3 trang trống trơn, nhưng hai trang đọc được có tên là **Hỏa và Mộc**. Sách được ban cho Thần Tản Viên khi xuống thăm Lạc Long quân dưới thủy phủ. Sách có 3 trang không chữ. Thần đọc 2 trang Hỏa và Mộc . Lại ban cho **gậy Thần 9 đốt** để làm nhiều việc ơn ích cho đời, gọi là phép cai trị Cửu Lạc mà Trang Tử khen rằng “ **Cửu Lạc chỉ sự trị thành đức bị** “ Ai cầm vào được số 9 thì coi sống chết như nhau.

Để hiểu truyện Sách Ước ta hãy phân ra số **2 – 3, 5** . Số 2 ẩn trong trang Hỏa chỉ hỏa lực, sức mạnh. Đây là con số đã xuất hiện đầu tiên với Tiên Rồng, rồi thăng hoa nhiều cách, cuối cùng thành **nét Song trùng Bắc Sơn**, gọi là **số Lưỡng hợp** hay **Lưỡng nhất** (dual unit) không một dân nào khác có cả.



Hòn sỏi Bắc Sơn có hai nét khắc song song

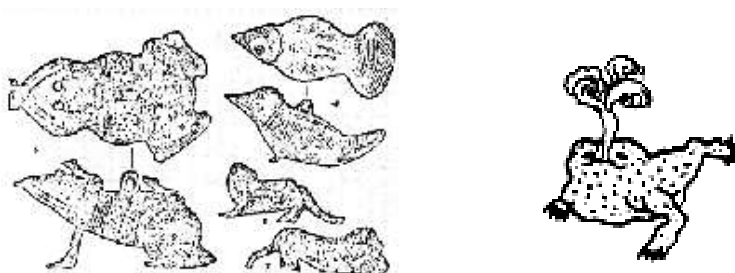
(Theo Hình học mặt cầu của Riemann thì hai đường // gặp nhau thành Lưỡng nhất)

Kể tới là số 3 cũng được quan trọng hoá như thấy nơi cái Chạc (đồ tùy táng giống cái ly uống nước), bao giờ cũng tìm được bộ 3, đi theo tục đốt 3 nén hương, rót 3 chén rượu, 3 cấp bần thờ.



Bộ 3 cái Chạc

Con số 3 quan trọng đến độ định tính sự vật, nên biến thể nhiều vật như cóc và chim tìm được ở Đông Sơn có miệng nhọn, tức 3 góc, gà 3 chân, cóc cũng 3 chân để lên chức cậu ông trời (phải rụng một chân “.



Tượng:1: Việt Khê 2: Đào Thịnh 3: Hà Đông 4, 5: ào Thịnh 6, 7: Vạn Thắng. Cóc 3 chân

II.- NGUỒN GỐC SÁCH ƯỚC: THÁI BÌNH DƯƠNG

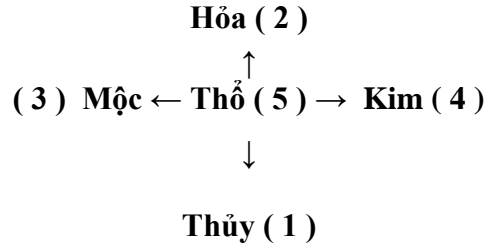
“ Đây là quyển sách gia truyền được ông cha trao lại cho con cháu, trao dưới đáy biển tức chỉ những điều chép trong sách nằm trong vùng Tiềm tức cộng thông của đại chủng. Truyền thống Tâm linh nhân loại thường dùng lòng biển để chỉ những chân lý thâm sâu cao cả. Những chân lý trong sách Ước được diễn tả bằng 3 ẩn ngữ: **Tiên Rồng** , **ấn số 2 - 3** và **nét Cong**.(Hệ quả của Tròn Vuông)

Sách Ước nói lên nguồn gốc Văn hóa Việt phát xuất từ Thái Bình dương như được kiện chứng bằng truyện hiền triết Tanê lên thăm kho Trời được ban cho 2 hòn đá quyền lực và 3 thúng khôn tức cùng dùng 2 bộ số 2 - 3 như sách Ước (2 trang hỏa mộc : Hỏa số 2 , mộc số 3) . Hiền triết Tanê ở đảo Danê tức giữa lòng Thái Bình dương y như Lạc Long quân. Chắc vì nguồn gốc biển cả này mà Việt Nam gọi quê hương là Nước. Nước Việt Nam: water Việt Nam, nói lên liên hệ với biển rõ ràng. Đề hiểu được nội dung sách Ước cần phải hiểu hai trang hỏa mộc là gì, tức là phải hiểu ngũ hành ra sao, vì ngũ hành thành bởi 2 số 2 - 3 làm gốc.”

III.- SÁCH ƯỚC: NGUỒN GỐC CỦA ĐẠO NHO

“ Hãy xem cơ cấu Ngũ hành (hình) sẽ thấy xương sống của toàn bộ văn hóa Việt mà cũng là của Đạo Nho nằm trong 3 số : 2- 3 - 5 , nên muốn hiểu Việt Nho cách thấu triệt thì phải hiểu về Ngũ hành, đó cũng là bí quyết của gia tộc. Như vậy phân tích Ngũ hành có nghĩa là phân tích Việt Nho trong đọt tinh hoa nhất, và sở dĩ sau Khổng tử Nho bị cho là thất truyền, thì một phần cũng tại Ngũ hành không được khởi công nghiên cứu về mặt Cơ Cấu. “

IV.- CƠ CẤU NGŨ HÀNH TỪ CON SỐ 2 - 3 (2 + 3 = 5)



Đồ hình và số độ Ngũ hành

V.- Ý NGHĨA CỦA NGŨ HÀNH

Thủy (số 1): Thủy được định nghĩa là: **Vạn vật chi Nguyên:** Nước là nguồn Sống của Vạn vật, nên **Thủy tượng trưng cho Vật chất,**

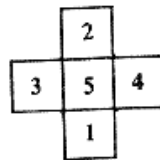
Hỏa (số 3): Là Lửa thuộc dạng Quang năng tức là Năng lượng, tượng trưng cho Tinh thần. Ta thấy Ánh sáng được truyền đi vừa theo Làn Sóng hình Sin vừa theo dòng Hạt Photon được truyền theo Đường thẳng (Louis De Broglie). Làn Sóng bao quanh dòng Hạt Photon tựa như **Lòng Nhân ái**, còn Dòng Photon truyền đi thẳng tắp y như **Lý Công chính**. Vậy **Hỏa tượng trưng cho Tinh thần**

Mộc (số 3): Là Cây cối, tượng trưng cho **Sinh vật,**

Kim (số 4): Là Kim khí tượng trưng cho **Khóang chất.**

Vậy 4 hành xung quanh đồ hình Ngũ hành tượng trưng cho Thế giới Hiện tượng hay 4 Hành đại diện cho Hữu.

Thổ (Số 5) được Định nghĩa là : **Hành vô Hành, Địa vô Địa:** Thổ không phải là Hành như 4 Hành xung quanh, mà cũng chẳng phải là Đất.



Số độ Ngũ hành

Xem hình trên, nếu ta tách 4 ô: 1, 2, 3, 4 ra thì ô 5 ở giữa trở thành trống không, nên **Thổ đại diện cho Vô**, có số 5, số 5 là dynamic force, sáng tạo ra Vũ trụ, theo Einstein Lực đó là nguồn Tinh Yêu có năng lượng: $E = mc^2$ (m là khối lượng vật chất có thể biến ra năng lượng, C là tốc độ ánh sáng : 300.000 km/ sec.

Thổ nằm ở Vị trí Tâm đối xứng giúp cho hai cặp đối cực Thủy / Hỏa. Mộc / Kim trở thành Lưỡng nhất, Thổ đóng vai trò điều phối giúp cho hai cặp đối cực tương tranh tương hỗ để đạt trạng thái

ổn định Tạm thời gọi là *Quân bình động*, nên tạo ra *Tiến bộ* trong trạng thái ổn định, đó là *Nguồn sinh sinh hoa hóa của Vũ trụ* mà *Tổ Tiên* chúng ta gọi là *Tạo Hóa* *lư hay Lò Cừ*.

Thổ cũng có thể xem như chất *Xúc tác Hoá học* giúp cho *Hóa chất Thủy / Hỏa. Mộc/ Kim* phản ứng với nhau tạo ra ***Phản ứng Thuận / Nghịch***. (: Âm / Dương hòa).

Với cái nhìn *Khoa học*, chúng ta có thể coi cặp *Thủy / Hỏa* trên trục *Tung* như ***Time***, còn cặp *Mộc / Kim* trên trục *Hoành* như ***Space***, còn *Hành Thổ* như ***Black Hole***, vậy thì ***Ngũ hành cũng tương tự như Time – Space – Continuum của Einstein hay Hữu / Vô: Thái cực của Tổ Tiên xưa***

(Xem *SPACE.com. Warping Time and Space*)

Cón ý nghĩa các số 1, 2, 3, 4, 5 thì xem [8] : Numbers and their meanings

“ Tuy Nho có nói nhiều nhưng toàn theo lối ma thuật kiểu âm dương gia tức trật đường rõ rệt. Vậy nét nổi bật trong Ngũ hành của Việt khác với “ Ngũ hành “ các nơi ở chỗ có Vô thể nằm vùng ngay trong giữa gọi là *Hành Thổ*, đó là điều không mấy ai để ý tới, vì nó diễn tả bằng số và hình, cái nét đặc trưng của Đông Nam Á là *Lưỡng nhất (dual unit)*, hai mà một : nếu hai là hai, một là một thì dễ, là sự thường . Đằng này oái oăm ở chỗ hai mà một, một mà ba. Hai đây cũng là Có và Không một trật, Có và Không khác nhau như Trời với Đất, Nước với Lửa. Vậy mà Việt Nho bảo là một, khác biệt bao với duy vật chỉ có Hữu, duy tâm chỉ có Vô, Việt thì cả Hữu cả Vô một trật.”

VI.-VIỆT TỈNH: TIỀN THÂN KHUNG NGŨ HÀNH

“ Chân lý đó còn được kết thành đồ án mới lạ ở chỗ vẽ ra cái Không được mới tài, bởi Không thì vô hình làm sao mà vẽ. Vậy mà Việt Nho vẽ được đấy, đó là nhờ cái khung Giếng Việt. Lại một cái vô lý nữa! Giếng thì đâu chả có, việc gì mà giữ của Việt ? Thừa gọi là giếng Việt vì nó khác với giếng thông thường ở chỗ bao gồm cả Có với Không: Có hay Hữu biểu thị bằng 4 thanh gỗ đặt 4 chung quanh miệng giếng, còn Vô được biểu thị bằng miệng giếng tròn, dân chúng quen nói về giếng rằng : “ Bằng cái sàng, Ba làng ăn không hết “ . Ba làng đây chỉ cả đạo Đất, Trời, Người cùng tham dự vào cái vô ở giữa gọi là vô biên, vô bờ, vô bến, vô cùng.



Khung Giếng Việt

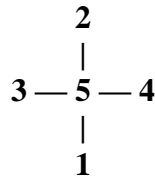
(*Khung Giếng Việt này được phổ biến ở miền Nam VN*)

“ Lại một cái vô lý nữa! Giếng thì đâu chả có, việc gì mà giữ của Việt ? Thừa gọi là giếng Việt vì nó khác với giếng thông thường ở chỗ bao gồm cả Có với Không: Có hay Hữu biểu thị bằng 4 thanh gỗ đặt 4 chung quanh miệng giếng, còn Vô được biểu thị bằng miệng giếng tròn, dân

chúng quen nói về giếng rằng : “ Bằng cái sàng, Ba làng ăn không hết “ . Ba làng đây chỉ cả đạo Đất, Trời, Người cùng tham dự vào cái vô ở giữa gọi là vô biên, vô bờ, vô bến, vô cùng.”

VII.- GIẾNG VIỆT: ĐĂNG KÝ CHỦ QUYỀN NGŨ HÀNH TRÊN TRỜI

“ Vì lối đặt 4 thanh gỗ nên có 3 tầng chỉ Trời, Đất, Người; mới gọi là giếng Việt, và Tổ tiên Việt đã đưa lên Trời trước bạ giữ bản quyền không ai được in lại bằng đặt tên cho ngôi sao đầu của chòm sao phương Nam gồm 7 sao : Tinh, Quỷ, Liễu, Tinh, Trương, Dục, Chẩn. Sao Tinh có hình Việt Tinh. Thế là có đủ khung đủ số rồi, chỉ còn việc đem số đặt vào khung nữa là ra cơ cấu Ngũ hành như sau :



Đó là xương sống của Việt cũng như của cả Nho. Trong đó số 5 ở trung cung Hành Thổ chơi vai trò then chốt bằng đem lại cho 4 hành chung quanh sự phong phú vô biên, miễn biết khai giếng đúng cỡ, nhưng người sau chưa bao giờ xét tới Ngũ hành như Cơ cấu hết, mà chỉ xét theo câu nói : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ, thành ra quên vị trí Trung ương của Thổ, nên cũng đánh mất phân nhiệm màu của Việt Nho. Vì Thổ ở trung cung đại diện cho Vô thể hay muốn nói cách tích cực là cả Toàn Thể, người ta quen dịch là Đất. Sự thật không phải là đất mà là cái đức của cả Đất Trời cùng hàm tàng trong đó. “

VIII.- NGŨ HÀNH : ĐỒ HÌNH VÀ SỐ ĐỘ

Người sau không để ý tới chỗ tế vi đó nên khinh dễ Hành Thổ coi như bà con nghèo, vì

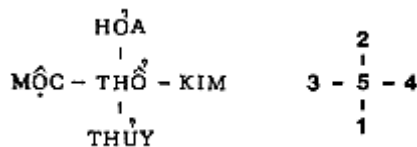
Hành **Thổ** chẳng có chi hết (0: Vô, Vô / Hữu chứ không là Vô cực: 0) , bốn hành xung quanh đều có phương có mùa:

Hành **Mộc** số 3, phương Đông, mùa Xuân, màu xanh.

Hành **Hỏa** số 2, phương Nam, mùa Hạ, màu đỏ.

Hành **Kim** số 4, phương Tây, mùa Thu, màu trắng.

Hành **Thủy**, số 1, phương Bắc, mùa Đông, màu đen.



Ngũ hành: Đồ hình & Số độ

Thật ra Thổ chẳng có phương mà cũng chẳng có mùa, nên phải đi xin 4 hành kia tí đuôi là tuần cuối đưa về làm vốn gọi là “ Tứ Quý “. Túng đến nỗi bị gọi là “ **hành vô hành, địa vô địa** “. Thảm thương chưa! Sự thực thì sự quan trọng chính lại nằm trong Hành Thổ như câu phương ngôn quen nói : “ **Trung hòa cực thịnh hồ Ngũ** “.

Lý Nhân Tôn gọi là “ Hành Thổ phú nhân “, vì Thổ đại diện nguyên lý Mẹ là cái làm cho văn hóa Việt trường tồn miên viễn . Ông Paul Mus nói Việt Nam không bị Tàu đồng hóa là nhờ lễ Gia tiên và Thổ thần, Thổ thần đây chính là **Hành Thổ đại diện cho Vô thể để lập thế quân bình với Hữu thể**.

Các “ Ngũ hành “ khác không là Ngũ hành, mà thường là: **tứ Tố** “ , với khuyết điểm rất lớn là thiếu Vô thể, nên mất Quân bình sơ nguyên, trở nên một chiều kích, Aristotle đã hé thấy điều đó nên có thêm vào yếu tố thứ 5 (quinta essentia) là **ether** nhưng thử máu thì thấy cùng loại máu Hữu, y như 4 tố kia, tức ether cũng là khí có tinh tế hơn nhưng còn nằm trên bình diện Hữu, chưa vào bình diện Vô. Đàng khác tứ Tố thiếu sự kết hợp với phương, mùa, màu sắc, vị . . . , nên không diễn tính cách “ Thiên Địa nhất thể “ như Ngũ hành, và do đó tứ Tố có tính cách cố định, không tăng trưởng được như **Ngũ hành để biến ra các đồ án sau như Hà đồ, Lạc thư, Hồng phạm, Cửu trù**, thành ra chẳng có giá trị gì hết trời .

IX.- CƠ CẤU CỦA NHỎ QUA BẢNG NGUYỆT LỆNH

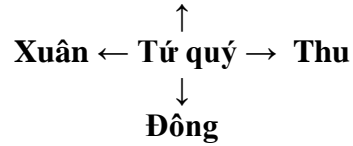
Ngũ Hành	Thủy	Hỏa	Mộc	Kim	Thổ
Thời Tiết	Đông	Hạ	Xuân	Thu	Tứ quý
Ngũ Phương	Bắc	Nam	Đông	Tây	Trung ương
Ngũ Tạng	Thận	Tâm	Can	Phế	Tỳ
Tác Dụng	Thị giác	Thính giác	Cử chỉ	Ngôn ngữ	Tư duy
Ngũ Sắc	Đen	Đỏ	Xanh	Trắng	Vàng
Ngũ Vị	Mặn	Đắng	Chua	Cay	Ngọt
Ngũ Cung	Vũ	Chủy	Giốc	Thương	Cung
5 Số	6	7	8	9	5
Thiên Can	Nhâm- Quý	Bính- Đinh	Giáp- Ất	Canh- Thân	Mậu-Kỷ

X.- CƠ CẤU CỦA NHỎ THEO KHUNG NGŨ HÀNH

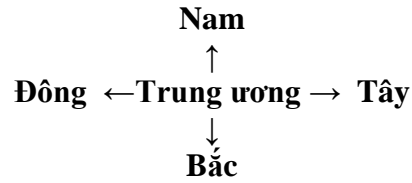
(THEO BẢNG NGUYỆT LỆNH)

1.- CƠ CẤU THỜI GIAN

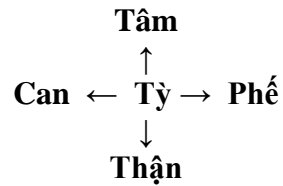
Hạ



2.- CƠ CẤU KHÔNG GIAN



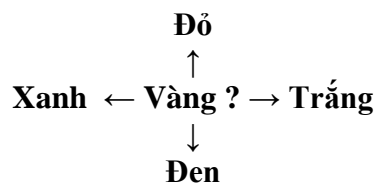
3.- CƠ CẤU NGŨ TANG



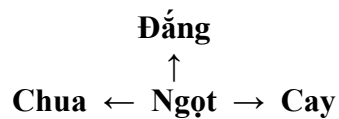
4.- CƠ CẤU NGŨ QUAN: (TƯ DUY)



5.- CƠ CẤU NGŨ SẮC (HỘI HOA)

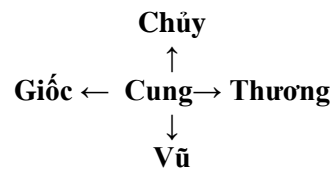


6.- CƠ CẤU NGŨ VỊ (ẨM THỰC)

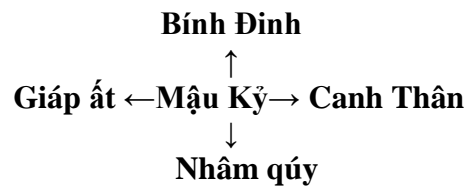


↓
Mặn

7.- CƠ CẤU NGŨ CUNG (NHAC)

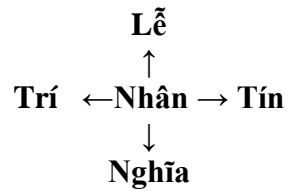


8.- CƠ CẤU THIÊN CAN

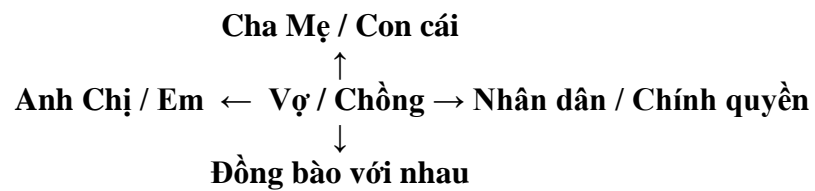


9.- CƠ CẤU TU, TỀ:

a.- Ngũ thường



b.- Ngũ luân

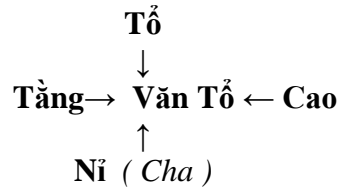


10.- CƠ CẤU TRỊ, BÌNH HAY CHỦ ĐẠO HÒA CỦA DÂN TỘC



11.- CƠ CẤU PHỤNG VỤ: VĂN TỔ

“ Lối đặt bài vị theo Ngũ hành Chính sự xếp đặt này nói lên một cuộc cách mạng vĩ đại đã xảy ra ở miền Việt.



Nĩ là cha, khi còn sống thì gọi là phụ, khi qua đời thì gọi là khảo, khi rước vào Miếu thì gọi là Nĩ

Chính sự xếp đặt này nói lên một cuộc cách mạng vĩ đại đã xảy ra ở miền Việt Nho: nó biến đổi tục thờ Ông Bà theo kiểu ma thuật (tin ông bà về ăn của dâng) để vươn lên đợt Tâm linh gọi là lễ Gia tiên mà ý nghĩa cao nhất là thờ Nhân tính, và chỉ ở đợt này mới có lối xếp bài vị theo Cơ cấu Ngũ hành. Nó biểu lộ một cuộc cách mạng trong ý nghĩa, khiến cho lễ Gia tiên tồn tại cho đến nay, và còn có thể trở nên một nghi lễ có thực chất. Để thấy được ý nghĩa đó (thờ Nhân tính) cao sâu đến đâu thì cần phải biết hai ý nghĩa thấp hơn.

Ý nghĩa thấp nhất là tin linh hồn Tổ tiên về hưởng các của đơm cúng, đó là tin tưởng theo đợt Bái vật.

Ý nghĩa thứ hai là tỏ lòng tưởng nhớ Ông Bà biểu lộ lòng tri ân Tiên Tổ. Ý nghĩa này thuộc Luân lý ai cũng có thể chấp nhận.

Còn ý nghĩa thứ ba là thờ Nhân tính. Đó là đợt cao nhất mà Văn hóa Việt Nho đã đạt được nhờ quan niệm về con Người như “nơi quy tụ Đức của Trời và Đất (Nhân giả kỳ Thiên Địa chi đức). Nếu Trời Đất đáng thờ thì Người là nơi quy tụ Đức của Trời Đất cũng đáng thờ vậy. Đó là ý đã trở nên cột cái cho nền Nhân chủ Việt Nho đã được biểu lộ vào khung Ngũ hành “

(*Hồn Nước với Lễ Gia Tiên, Kim Định*)

Trong các Họ đại Tôn của Việt Nam, các Bài vị Tổ tiên trên Bàn thờ ở nhà Thượng được sắp xếp theo Bài vị Văn Tổ ở trên. Trong Bài vị Văn Tổ, từ vị trí : Nĩ, Tổ, Tàng, Cao chúng ta có thể truy lên đến Thượng Đế (Perfect Ancestor).

Việc thờ cúng Tổ tiên của Dân tộc chúng ta mang hai Ý nghĩa:

1.- Thờ Thượng đế (perfect Ancestor), khởi từ **Viêm Đế** thuộc **Quẻ Ly** (**Lưỡng Long** triều **Nguyệt**) của **phương Nam** thuộc **hành Hỏa**, nên thờ mặt **Trời**, cũng là **thờ Trời**.

2.- Thờ Nhân tính (Human dignity), đó là : **Nhân / Trí, Hùng -Dũng**.

Chúng ta biết **Dân Tàu** không có **Bàn thờ Tổ Tiên** (?), họ chỉ thờ **Ông Địa** (: **Địa lợi**) ở dưới **Đất**.

Các **Bài vị** trên **Bàn thờ Tổ tiên** của **Việt Nam** được sắp đặt theo **khung Ngũ hành** gọi là **Văn Tổ**, nên **Việt là Chủ của Ngũ hành, Ngũ hành là nền tảng của Nho**, điều này chứng tỏ **Tàu** không phải là **Chủ của Nho**. **Nhà Hán** không là **Chủ của Nho** mà cũng chẳng có chữ **Hán** nào cả, đó là **sự tiếm quyền và tiếm danh**.

Sự việc này chẳng khác nào ngày nay **Trung cộng** bảo các **đảo trên biển Đông** là **Di sản ngàn đời** của họ không thể tranh cãi, mà cũng chẳng khác nào trong các nước theo **CS**, tất cả mọi thứ của **quốc gia** đều cho là thuộc về **đảng CS** mà quên nói thêm là mọi thứ đều do **đảng** họ đã **ăn cướp bằng bạo lực** mà có!

Tiên Nho đặt các Hành liên hệ với Đức tính con Người:

a.- **Đông**: Minh triết

b.- **Nam**: Nhân hậu

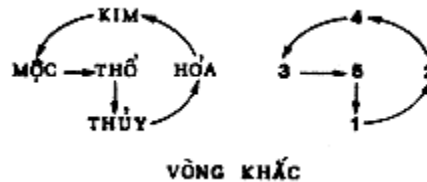
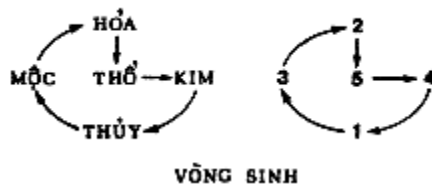
c.- **Tây**: Công minh

d.- **Bắc**: Tàng trữ

XI.- NGŨ HÀNH VỚI CÁC VÒNG

1.- VÒNG SINH

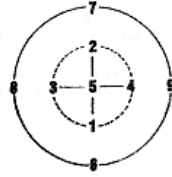
Đi theo chiều kim đồng hồ: Kim Thủy Mộc Hỏa Thổ: 4 1 3 2 5



2.- VÒNG KHÁNG (KHẮC)

Đi ngược chiều kim đồng hồ: Thủy Hỏa Kim Mộc Thổ: **1 4 2 3 5**

3.-VÒNG TRONG VÒNG NGOÀI



Vòng trong : (1, 2, 3, 4, 5).

Vòng ngoài: Hợp Nội Ngoại chi Đạo

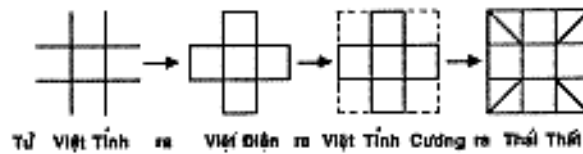
$$5+1=6$$

$$5+2=7$$

$$5+3=8$$

$$5+4=9$$

XII.- VIỆT TỈNH, VIỆT ĐIỆN, VIỆT TỈNH CƯƠNG, THÁI THẤT



Kép nét Thập tự nhai (Templum) hay khung Ngũ hành thành Việt Tỉnh

Khung Ngũ hành biểu tượng cho Thiên lý hay Dịch lý

Thái Thất biểu tượng cho cách Tu thân theo Thiên lý hay Dịch lý

4	9	2
3	5	7
8	1	6

Việt Tỉnh Cương

Lạc Thư

Cũng là hình lạc Thư: Hình Ma phương (Matrix) trong Toán học, khi cộng 3 số theo chiều nào cũng có tổng số là 15. Nước Văn Lang có 15 bộ là do Hình **Lạc Thư của người Lạc Việt**.

Các Số Lẻ (1, 3, 5, 7, 9) được xếp theo khung hình Chữ Thập, (4 Phương chính) còn các số Chẵn (2, 4, 6, 8) được xếp theo hình Chữ Thập chéo (4 Phương bàng).

Việt Tỉnh cương cũng là Lạc Thư, Hình này khoa học gọi là Ma trận (Matrix), cộng 3 số bất cứ chiều nào cũng có Tổng số 15, nên Tổ tiên Việt lập nước Văn Lang có 15 Bộ.

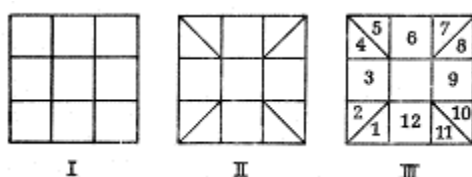
Việt Tỉnh cương (là cách quân phân Điện sản trong xã hội xưa của Tổ Tiên Việt) có **9 Ô**, **8 Ô** xung quanh thuộc về Nhân dân (thuộc Tư hữu), còn **Ô 5** ở giữa dành cho Vua (thuộc

Công sản hay Công điền công thổ: **Công hữu**) đây là phép Tỉnh điền trong chế độ Bình sản để thực hiện Công bằng Xã hội tương đối trong Xã hội Nông nghiệp. Còn trong xã hội Công nghiệp thì thiết lập quỹ An sinh Xã hội để thực hiện Công bằng Xã hội tương đối.

Việt Tinh cương có 5 trù (Số Lễ: 1, 3, 7, 9) , cộng thêm 4 trù 4 góc (Số Chấn: 2, 4, 6, 8) thành Cửu trù Hồng phạm. (các cặp đôi cực Lễ / Chấn kết thành Lương nhất)

XIII.- PHÉP AN THỔ (ĐƯỜNG VỀ TÂM LINH)

“ Phép “ An Thổ “ này cùng với “ Tứ Quý “ đã được cụ thể hoá qua thể chế nhà Minh Đường với Nguyệt Lệnh là để thi hành câu An Thổ , hay là “ Dịch vô tư dã, vô vi dã “ .



Nhà Minh Đường lấy khung của Cửu Lạc gồm có 4 phương , 4 hướng như hình sau : Nhà Minh Đường (Mùa Xuân nhà vua ở phòng hướng Đông bắt đầu từ tháng giêng).

Hình I chia đôi 4 phương thành 8 cá (cá thể : tức làm cho ra nhỏ hơn nữa).

Hình II . 8 cá cộng với 4 hướng thành ra con số 12 để hợp cho 12 tháng.

Hình III và gọi là Nguyệt Lệnh: nghĩa là mệnh lệnh phải thi hành trong tháng, ví dụ 3 tháng Xuân phải ở phòng Đông, mặc áo xanh, ăn đồ ứng hợp (xem Nguyệt Lệnh) Tháng Quý tức là tuần cuối mùa (cuối các tháng 3, 6, 9, 12) thì vào ở Trung Cung hành Thổ gọi là “ An Thổ “ để làm gì ? Thừa đề “Đôn hồ Nhân “ là trở về chỗ sâu thăm lòng mình, bằng cách “ Vô tư dã, vô vi dã “, đặt đạt khả năng yêu được mọi người, phải vượt qua được phân biệt thuộc cá thể, như giàu nghèo, nam nữ, tôn giáo, giống nòi. . . để cảm nghiệm được bản thể Con Người Đại Ngã Tâm Linh cùng với Thiên Địa Vạn Vật Nhất Thể, để thấy mọi người như mình: cùng một bản thể. Đây gọi là Hoa Quý theo nghĩa Quý là nơi cả 9 con đường đều thông hội (căn hai của 9 là 3) . Vì thế Thổ thần (hiểu là hành Thổ) có 3 mắt để xem thấu được 3 cõi Trời, Đất, Người .

Tất cả đạo lý Dịch nằm trong chỗ “ An Thổ “ là vậy. Đó cũng là con đường Chính Trung của cuộc tiến hoá muôn loài, cũng là phần siêu hình Tiên thiên Bát quái.”

III: Thái Thất: Các tháng: 1 / 2; 4 / 5 ; 7 / 8; 10 / 11 ở 4 góc gọi là Tứ quý: Thời gian lo Tu thân.

XIV.- TIÊN THIÊN VÀ HẬU THIÊN BÁT QUÁI



TIÊN THIÊN BÁT QUÁI

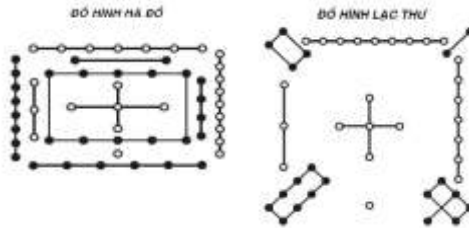
(Các Quẻ đối xứng qua Tâm)



HẬU THIÊN BÁT QUÁI

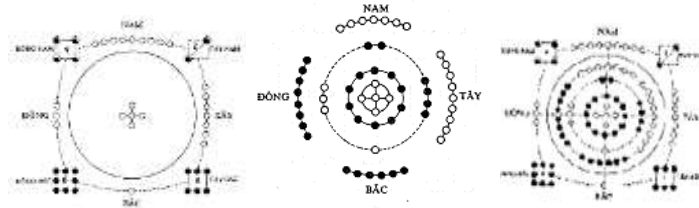
Các Quẻ Li / Khảm đối xứng qua trục Tung
 Các Quẻ Chấn / Đoài; Khôn/ Kiên; Tốn / Cấn đối xứng qua trục Hoành.

XV.- HÀ ĐỒ, LẠC THƯ



Hà đồ thì các số được xếp theo cách **Hợp Nội Ngoại chi Đạo**.
 Lạc thư thì các số lẻ được xếp theo 4 phương chính còn các số Chẵn được xếp xen kẽ theo 4 phương Bàng (trục Chéo góc).

XVI.- ĐỒ - THƯ HỢP NHẤT



Hà đồ (Các số Lẻ xếp theo 4 phương bàng (Các số Chẵn xếp theo chữ Thập chéo)

Lạc thư (Các số được xếp theo 4 phương chính (Các số Lẻ xếp theo chữ Thập)

Đồ - Thư hợp nhất Kết hợp theo lối Tròn Vuông hợp nhất.

Hà đồ (20 đen < - : âm > + 25 trắng < + dương: > = 45 .

Lạc thư (30 đen < - > + 25 trắng < + > = 55

50 Đen < - > = 50 < + > (Nam Nữ bình đẳng)

Đồ (Sách Cha) - Thư (Sách Mẹ) hợp nhất: 45 + 55 = 100

Huyền thoại “ 100 Trứng 100 Con “ của Lạc Việt về nền tảng Gia đình cũng là nền tảng Xã hội. Đây là “ Đại Đạo Âm / Dương hoà “ của Lạc Việt, tức là Việt Nam.
(Tàu không có Lạc thư)

XVII.- HỒNG PHẠM, CỬU TRÙ

1.- HỒNG PHẠM

4	9	2
3	5	7
8	1	6

Hồng Phạm

4 Ngũ Kỳ	9 Ngũ Phúc Lục Cực	2 Ngũ Sự
3 Bát Chính	5 Hoàng Cực	7 Kế Nghi
8 Thứ Trưng	1 Ngũ Hành	6 Tam Đức

Cửu Trù

Hồng Phạm là mọi việc (4 góc mang số chẵn) đều phải theo mẫu lớn (Hồng phạm) là Ngũ hành đặt ở giữa .

2.- CỬU TRÙ

Kể ra những việc cần làm cho một nước đời xưa . Toàn là những việc tinh thần, nên đáng gọi là Tâm linh sử quan. Đây là việc mẫu kê theo con số 9 của dân Lạc Việt gọi là Cửu Lạc.

XVIII.- CHỮ VIÊN: VÃN VÀ VẠN: LẠC THƯ MINH TRIẾT

Chữ Viên chỉ cuộc sống viên mãn tròn đầy, gồm cả Văn lẫn Vạn.

Viên = Văn + Vạn

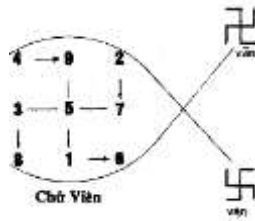
4	—	9	2	
3	—	5	—	7

8	1	— 6

Mạch nối hình chữ Vãn: *Ngược Kim Đồng hồ : Tả nhậm (Thuận Thiên)*

4	9	— 2
3	— 5	— 7
8	— 1	6

Mạch nối Hình chữ Vạn: *Cùng chiều Kim Đồng hồ : Hữu nhậm (Nghịch Thiên)*



Chữ Viên = Chữ Vãn + Chữ Vạn

Khi các số Lẻ / số Chẵn được quay theo chiều Chữ Vãn (Tả nhậm) và chữ Vạn (Hữu nhậm), các cặp đối cực Số Lẻ / số Chẵn đan kết với nhau cá biệt hóa mà sinh ra Vạn vật.

Chữ Viên cũng như Ngũ hành đều là nguồn Sinh Sinh Hoá Hóa của Vũ trụ, cũng tương đương với Time - (số Lẻ) / Space - (số Chẵn) Continuum của Einstein.

(Xem Lạc Thư Minh Triết của Kim Định và Waring Time and Space trên SPACE.com)

Vãn là Tu thân cho đến độ coi sống chết như nhau (tức đắc Đạo). Vạn là toả ra cùng khắp hết đến độ “ Tế thể An bang “, tức là việc Thiện việc Nghĩa lớn lao hơn hết có thể có ở Đời. Chữ Viên chỉ có ở Việt Nho cũng như ý tưởng Tế thể An bang vậy .

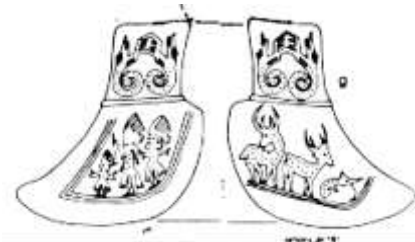
CHƯƠNG BA

NGUỒN GỐC CỦA DỊCH VIỆT

*Nguồn gốc của Dịch Việt nằm trong **Biểu tượng Tiên / Rồng** được thăng hoa từ Chim / Rắn, và trong Huyền thoại Sách Ước với 2 trang **Hoả** (số 2) **Mộc** (số 3), truyện Việt Tĩnh với **viên Ngọc Long Toại** với cặp **Trông / Mái** cũng như **Nòng / Nọc**. Các Biểu tượng đó được tượng trưng bằng số 2, chúng ta thấy số 2 nằm trong nhiều cổ vật, cổ nghệ :*



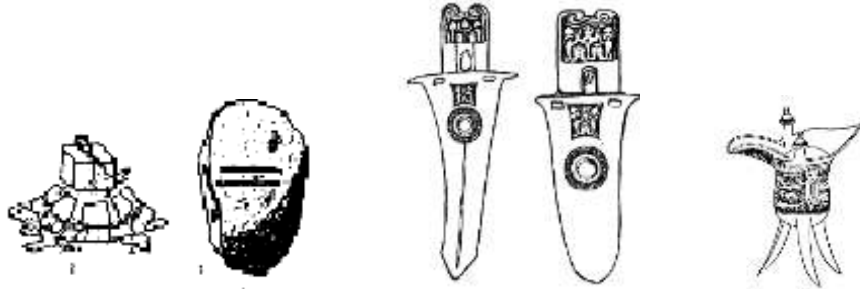
Hình Tiên Rồng ; số 2



Cây Phủ Việt: Trên có 2 Giao Long, Dưới có 3 người mang Lôông chim, 3 con Nai (Lộc)

Danh Tinh: Việt

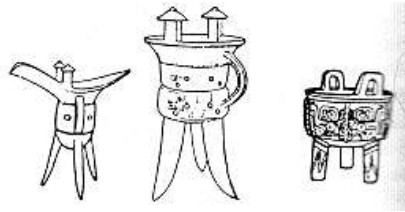
Thê Tính: 2 – 3.



Hòn sỏi Bắc Sơn có hai nét khắc song song (Dual unit) Cái Qua (Cán dao) Cái Tước : 2 tai 3 chân



Cán dao với 3 hình người ở Trên và 2 hình người ở dưới



Hình cái Tước , cái Giá , cái Đỉnh, ca ba đều có 2 tai , 3 chân



Hình cửu đỉnh ở thành nội Huế . Đỉnh có 2 tai 3 chân



Chùa một cột: Một cột Tròn tượng trưng cho **Nọc (Dương vật)**, Hồ Vương tượng trưng cho **Nòng (Âm vật)** : Nòng nọc : Số 2

Nhà 3 Gian 2 Chái, nhà 5 Gian 2 Chái, Tam cấp 3 bước, cổng Tam (3) quan, đốt 3 nén nhang...

Chiếc áo dài : Phía trên có 2 nút gài (Vai bên phải)

P phía dưới nách có 3 nút gài .

Những Huyền thoại, cổ vật, cổ nghệ, cấu trúc nhà cửa . . đều mang số 2, 3. **2 – 3, 5 (2 + 3 = 5)** là **Cơ cấu của nền Văn hoá Việt** ,

Số 2: Dịch lý : Vũ trụ quan Động

Số 3: Nhân sinh quan Nhân chủ

Số 5: Tâm linh sử quan: Nguồn Sống (Thủy: Vật chất) và nguồn Sáng (Hỏa:Tinh thần)

DỊCH LÝ

A.-NỀN TẢNG CỦA DỊCH

Dịch: Nghịch số chi Lý: Cặp Đối cực Âm / Dương của Thái cực

Thái cực là Nhất Nguyên lưỡng cực

[9].-Wave / Particle duality

[11] .- Xem *The End of the Science*

Nguyên tắc: Biến dịch bất biến: Do Âm / Dương tương thôi (vừa đấu tranh vừa hợp tác)
theo phương cách:

I.- CHẤP KỲ LƯƠNG ĐOAN

Hai Đối cực không chấp nhận nhau hoàn toàn và không phủ nhận nhau hoàn toàn.

II.- DOÃN CHẤP QUYẾT TRUNG

*Tìm sự thỏa thuận với nhau theo Lễ Công chính ở đâu đây giữa hai bên được gọi là Chính trung. Đây là **giải pháp Lương lợi (win – win solution)** không ai Thiệt hay Lợi hoàn toàn được gọi là **Cách Hoà giải bất đồng giữa hai bên, chứ không theo lối giải quyết “ win – loose solution “** như kiểu “ Mâu Thuẫn thống nhất “*

Kết quả là Âm / Dương hoà.

(Xem [9].- Wave Particle duality, [10].- *The Brain*,,

III.- HƯỚNG ĐỘNG CỦA KINH DỊCH

“ **Hướng động của Kinh Dịch** đã được gói ghém trong chữ Dịch kép bởi Nhật và Nguyệt (日/月:易) Nguyệt biến thể) **Bất biến** (tĩnh chi): non change. **Biến hóa (xoáy ốc):** sequent change.

Biến động (duy biến): cyclic change (16)

Đồ biểu trên đưa ra ba giải pháp, hai trật một trùng. Hai giải pháp trật vì thái quá là **duy Tĩnh** và **duy Động**. Cái lỗi của hai giải pháp này ở tại chỗ đòi tách biệt ra hai yếu tố Động Tĩnh, để loại bỏ một giữ lại một. **Nhật = Duy tĩnh**, được tượng trưng do mặt Trời (luôn luôn Tròn) chủ trương cố định, bất biến, đó là điều không có trong thực tại, nơi đây muôn vật đều biến chuyển, thành ra họ phải tìm yếu tố Tĩnh nơi các ý niệm là những cái chỉ có trong tưởng tượng (đối với người Đông phương thì tướng của Tâm là tướng, nên tư tưởng cũng gọi là Tướng tức Huyền tướng hư tượng). **Nguyệt = tượng trưng cho thuyết duy Biến.**

[11]- *The meaning of number 14*

Mặt Trăng luôn luôn thay đổi, cho luân lý hoàn cảnh (situation) chống lại với duy Tĩnh cổ điển. Nhưng phản động lại ít khi tránh được thái quá. Đành rằng trong cõi Hiện tượng không có hằng Tuyệt đối, nhưng phải có hằng Tương đối. Nếu không lấy chi làm tiêu chuẩn để thiết lập khoa học, Triết gia lấy chi làm y cứ để tìm hướng sống đặng quyết định các giá trị thúc đẩy con người bèn Tâm gắng sức tiến tới.

Vì thế duy **Biến cũng phải sụp đổ như duy Tĩnh**, và chỉ còn những **thuyết Trung dung kiểu kinh Dịch là có thể tồn tại**.

Kinh Dịch chủ trương “**Nhật Nguyệt phối hợp**: “ 易 ”: không bao giờ phân lìa hai yếu tố **Động Tĩnh ra khỏi nhau**. Trong **Động có Tĩnh**, trong **Tĩnh có Động** mà **Động Tĩnh đều có luật thường**. “**Động Tĩnh hữu thường, Cương Nhu đoan hỷ**, (*Hệ từ 1*).

Luật thường đó là Thái cực, nên nói “**Dịch hữu thái cực**”. Mà Thái cực là Thiên, “**Nhật Nguyệt đắc Thiên nhi năng cửu chiếu**. **Tứ thời biến hóa nhi năng cửu thành**. **Thánh nhân cửu kỳ đạo nhi thiên hạ hóa thành**. **Quan kỳ sở hằng nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hĩ**” (quẻ Hằng).

Mặt Trời mặt Trăng nhờ được Trời nên có thể soi lâu, bốn mùa biến hóa nên có sức trở thành lâu dài. Thánh nhân bèn chí với Đạo của mình nên giúp hóa thành được Thiên hạ, nhờ quan sát được sự thường hằng mà thấy được tính Trời vậy.” Sự không tách biệt Động Tĩnh đó đã được nhấn mạnh trong **thuyết Tuần hoàn**, mà người Ấn Độ tượng trưng bằng con Rắn cắn đuôi (**chung nhi phục thủy**). Nhân đó nhiều học giả nhận lầm rằng bên Á Châu chỉ có quan niệm Biến hóa vòng tròn. Sự thực thì cần phân biệt có hai thứ Tuần hoàn: một thứ Đại quy mô gồm mỗi năm Brahma không biết cơ man nào là tỉ tỉ năm, là cái mà nay Nietzsche đưa ra dưới danh hiệu trở lại Vĩnh cửu. Cái vận này vượt quá sức suy tư của con người hiện tại, thà nên kính nhi viễn chi. Vì nếu đem cái quan niệm hẹp hòi của con người hiện tại mà suy tư về các vận kỳ này sẽ vấp lỗi nhiều. Vậy chỉ nên nói về vận Nhỏ gồm trong vận To, nhưng hợp tỷ xích con Người. Vậy trong vận Nhỏ như thế thì phải nói Đông phương chủ trương Tiến hóa xoáy ốc (spirale) mới đúng.

Câu ấy có thể tìm chứng minh nơi nhịp điệu của các vật ở tầm xích ta. Con người có Thở ra lại Hít vào, có Đêm rồi có Ngày, có Sống rồi có Chết... nhân đó theo nguyên lý “**Thiên Địa Vạn vật nhất Thể**” để suy rộng ra và được dùng làm chỗ tựa cho Nhân sinh quan, vì quan niệm chẳng qua là phản ảnh tâm trạng mà tâm trạng đó gồm ba yếu tố này: Phải có cái gì luôn luôn mới (**nhật nhật tân**). (Hệ từ).

Phải có lối hướng Thượng (**Dịch hữu Thái cực**). Phải có gì Thường hằng (có hằng mới có cửu, có cửu mới có mạnh mẽ hùng tráng, mới xứng **Quân tử tự cường bất tức**).

Vậy thì Vũ trụ quan của triết Đông là một cái nhìn có được theo nhiều yếu tố thuận lợi nhất cho Nhân sinh quan. Quả là một cái nhìn rất Quân bình có Động có Tĩnh xứng hợp với **Nguyên lý Thiên Địa Vạn vật nhất Thể**, nhất Tịch một Mở ra rồi nhất Hạp một Đóng vào trở về Góc rẽ (**quy Cấn**) lộn lại cái Mệnh khởi thủy, đi các vòng 8,4,2 để đến cái nồn trong cùng, nhập vào cái “ **bất sinh giả năng sinh giả, bất hóa giả năng hóa giả**”: cái không sinh mới có thể sinh ra cái sinh khác, cái bất biến mới có sức biến đổi những cái biến đổi, (Liệt Tử) nghĩa là Biến động bao giờ cũng phải có tính cách Nội khởi, và hướng Thượng.

Nhờ đó mà triết Đông xưa như chiếc xe lửa đặt trên cặp đường rầy Âm Dương nhằm hướng Thái cực mà tiến. Không may từ ngày súng đạn Thái Tây đê bẹp, lòng tự tin tắt phụt, xăng

nhót cạn dần, đầu máy trục trặc, hành khách trên xe ngỡ ngác không biết phải múa trên chân nào. Ai sẽ đứng ra rửa máy, bơm dầu lên điện? Nhìn sang phía xe triết Tây thấy náo nhiệt. Nhưng quan sát kỹ mới thấy cảnh nhộn nhịp kia còn mang theo nhiều tính chất Náo động.

Nietzsche bình luận tình trạng chung hiện nay có viết: **“thời đại chúng ta là thời đại náo động chứ không phải là thời đại hăng nồng, nó luôn luôn động cựa cho ám, bởi vì nó cảm thấy mình không ám, tựu trung nó rét cóng”** và dưới một ít tác giả thêm **“họ không biết cái dòng biến chuyển điều hòa, thâm sâu mãnh liệt, là cái dẫn tới một cùng đích, họ đùa té bì búng om sòm mà không cảm thấy sự khốn quẫn do quá bị khích động lố lằng”** (17). “Notre siècle est un siècle agité, c’est pourquoi ce n’est pas un siècle passionné, il s’échauffe continuellement parce qu’il sent qu’il n’est pas chaud, au fond il gèle.” (Volonté, P. vol II p.31) “Notre siècle nerveux s’imagine que les grands hommes se distinguent par une excitation perpétuelle et une éternelle mobile d’humeur, ils ignorent le courant régulier, profond et puissant, qui même vers un but; ils barbotent et font du tapage et ne sentent pas la misère de cette excitabilité capricieuse.” (Volonté, P. vol. II, p.54)

Tình trạng triết Tây hiện nay là một tình trạng ngập ngừng giữa Động và Tĩnh. Cứ kể lý thuyết thì Động quá lắm, nhưng xem gần lại thì nhiều khi chỉ là động kiểu gió trong màn bạc, thổi đổ nhà mà chưa nát mặt được mấy ai. Sao thế? Vì họ còn giữ lại đầy yếu tố Tĩnh bên trong, tức là còn mang duy Niệm tính, thì dụ như “ai ai cũng dễ dàng nhận thấy nơi hiện tượng luận”: le caractère intellectualise d’une pareille doctrine a été relevé par tous les critiques. (18) Đã duy Niệm thì Động toàn diện sao được. Đây là tiêu chuẩn đích thực để đo sự cao thấp về tầm mức năng Động tính của một nền Triết học.

Một Triết học càng đưa tới nhiều thực hiện có tính cách Nội khởi và hướng Thượng bao nhiêu càng năng động bấy nhiêu, trái lại là Tĩnh chỉ.

Công thức này chỉ là câu kết của những trang trên, nếu đem ra đo các nền Triết học nó sẽ mở ra cho ta những nhãn giới bất ngờ. Tóm lại tình trạng Động Tĩnh của Triết lý hiện nay, ta có thể nói như sau:

Triết Đông xưa thì Động nay thì nằm li bì tê liệt, lâu lâu cựa mình ngáp nhẹ một cái; còn Triết Tây ngần ngại giữa Động và Tĩnh. Miệng thì la Động, nhưng cái Động chưa lưu thông đến Tâm hồn, Ý chí và Thân mình; chung quy cũng chưa vượt qua mức “lý thuyết chi Động”.

(Những Dị biệt giữa hai nền Triết lý Đông Tây. Kim Định)

B.-BA LUẬT LỚN TRONG VŨ TRỤ

(Lạc Thư minh triết: Cuối chương II & chương III. Kim Định)

I.- NGUỒN GỐC

“ Trong Hệ từ X của Kinh Dịch có nói: “ **Phù! Dịch khai vật thành vụ** : Ôi! Chỉ có Dịch mới khai được Vật, nên mới thành ra Vụ, nghĩa là Trí tri hay là đạt đến việc hiểu biết được đường hướng mà con Người phải đi, đường đó cũng gọi là Đạo. Đạo là đi trở lại cùng Nguyên thủy; “ **Nguyên thủy phục chung** “ , hoặc tuần hoàn hay là đi một vòng trở lại nơi đã phát xuất. Như vậy “ **khai vật là khai Đạo** “, còn “ **thành vụ là thành Tính tồn tồn** “.

Đề đào sâu chúng ta hãy tìm hiểu chữ Vật trong đồng văn của nó, Hệ Từ hạ truyện rằng:

“ **Đạo hữu biến động** cố viết **Hào**: 道有變動故曰爻

Hào hữu Đẳng cố viết **Vật**: 爻有等故曰物

Vật tương Tap cố viết **Văn**: 物相卡故曰文

Văn bất Đương cố Cát Hung sinh yên: 文不當故吉凶生焉 “

(H.T.X)

Theo câu trên thì Vật là Hào, mà Hào là đạo Biến động. Bởi Biến động nên có Đẳng loại, và sự pha độ các Loại gọi là Văn, Văn mà trùng độ thì Cát, không đúng độ là Hung.

Đọc kỹ 3 câu trên chúng ta nhận ra 3 luật Vũ trụ nằm gọn bên trong:

Một là Luật Biến động (Đạo hữu Biến động)

Hai là Luật Loại tụ (Hữu Đẳng)

Ba là Luật Giá sắc : (Sinh ra Cát Hung).”

II.- BA LUẬT LỚN

“ Vũ trụ quan Dịch xoay vần theo những luật tắc bất dịch gọi là Thiên tắc. Thiên tắc có nhiều nhưng có thể thu gọn vào ba luật lớn. Đó là Luật Biến động, Loại tụ và Giá sắc.

1.- LUẬT BIẾN ĐỘNG

A.- BIẾN ĐỘNG

Muôn vật trên đời biến động không một vật nào nghỉ ngơi.

Luật Biến Động là luật phổ biến, vì nó làm nên cơ cấu sự vật. Sự vật có là do sự động, không có động thì không có vật, mỗi vật đều là sự động hay là một cuộc chạy vòng tròn để trở lại điểm xuất phát, nên ta gọi là Tuần hoàn. Động theo vòng tròn là thể cách của luật Biến Động, nên nó cũng có tầm phổ biến như vậy. Muôn vật trong vũ trụ không vật nào ra ngoài luật đó. **Mặt Trời mặt Trăng** mọc bên Đông lặn về bên Tây để rồi lại mọc bên Đông. **Nước Biển** bốc thành hơi, hơi tụ lại thành mây làm mưa xuống lại chảy ra biển để rồi lại bốc hơi lên. **Máu trong Tim** chảy ra nuôi thân xác rồi trở lại về trái Tim để đi ra nữa. **Tất cả đều đi theo vòng tròn.** Chính sự Động Tuần hoàn này làm nên sự vật, vậy mọi sự vật chẳng

qua là những hình thái động xoáy ốc khác nhau. Bỏ sự Động đi thì trên Trời dưới Đất không còn gì nữa cả. Không có vật nào thoát ra khỏi luật này.

Chúng ta thấy sự thực theo luật Biến động này đi trái ngược với giác quan, cho sự vật là bất động, đông đặc, ù lì. Chính vì thế mà con người khó theo đúng được Đạo nên cần bàn nhiều về luật này, ở đây chỉ xin rút ra một kết luận trực tiếp là :

B.- DẠNG THỨC ĐỘNG

Mọi vật có là trong dạng thức Động

Những hình thức đó quy dịch sự mau chậm của sự Động, những động vật hiện ra hình tích khả giác là những vật “động chậm “ lên giác quan “ Thấy “ : Giác quan cũng cùng một tiết nhịp với chúng nên tưởng là chúng im lìm, kỳ thực là chúng biến động không ngừng nghỉ, vật động càng chậm thì càng cứng chắc, càng động mau thì nhẹ xốp. . . Cây sắt được phóng đi rất mau bằng tốc độ của ánh sáng thì sẽ trở thành ánh sáng.

C.- CHẤT THỂ: KHÍ CHẤT VÀ TINH KHÍ

Vì thế mà có nhiều đợt Chất Thể, nhưng cho tiện thì ta chỉ thâm vào hai loại là **Tinh Khí** và **Khí Chất**:

1.-KHÍ CHẤT

Khí Chất ở trong tầm giác quan, có thể tiếp xúc bằng xem, nghe, sờ mó, cảm nghĩ, đo đếm.

2.- TINH KHÍ

Tinh Khí thì vượt tầm giác quan, mà con người có thể tiếp xúc bằng một nhạy cảm của Tâm tình.

3.- Ý TƯỢNG

Những hình thái làm bằng **Tinh khí** sẽ gọi là **Tượng**. Tượng là hình thái quá tế vi. Khi ta có một ý nghĩ gì thì Ý nghĩ đó liền làm nảy ra một Tượng: **Nếu nó ở đợt Lý trí giác quan thì sẽ gọi là Ý tượng.**

4.- LINH TƯỢNG

‘**Nếu thuộc đợt Tâm linh thì gọi là Linh Tượng.**

Ý tượng Linh tượng đều tuân theo luật chung là biến động theo vòng tròn, rồi nó trở lại nguyên thủy nơi phát xuất của nó.

5.-TIẾT NHỊP UYÊN NGUYÊN

Đó là đại đề mấy ý niệm cần thiết về luật đầu tiên là Biến Dịch và đó là luật phổ biến, gọi được là Tiết nhịp uyên nguyên, vì thế muốn hoà với tiết nhịp đó cần con người phải biến dịch theo, nghĩa là phải tự Động, phải “ **tự Lực tự Cường** “ **phải biến động trong mọi việc: Thân xác cũng như Tâm trí, ngừng nghỉ là ứ trệ là trái luật Thiên nhiên và sẽ bị đẩy đi như một yếu tố làm rối loạn Tiết điệu của Vũ trụ.**

6.-SỰ HỘI THÔNG: HOÀ HỢP VỚI TIẾT ĐIỆU

Khi có sự hoà hợp với tiết điệu thì ta gọi là “ sự Hội thông “, miễn hiểu chữ Sự theo nghĩa Biến động của Dịch “ **Thông biến chi vị Sự** “ (H.T.V) . “ Sự chính là việc Biến thông, sự Động “.

Gọi là luật phổ biến vì nó thâm nhập mọi việc: Hễ không động là ú trệ: Xác thân thiếu vận động trở nên yếu nhược, cơ năng nào không vận động tới sẽ thoái bộ. Tâm trí cũng thế, thiếu luyện tập, suy tư, tìm hiểu sẽ trở nên trì độn. **Muốn sống mạnh phải tự Cường cả trên mọi phương diện Vật chất lẫn Tinh Thần.**

2.- LUẬT LOẠI TỤ

“ Luật thứ hai rất quan trọng gọi là Loại tụ, nói rộng là “ Các từng kỳ loại “. Mỗi loại đi theo với loại của nó. Luật này được trình bày bằng câu:

Đồng Thanh tương ứng, Đồng Khí tương cầu: 同聲相應同氣相求.

Hoặc: **Thủy lưu thấp, hỏa tựu táo: 水流濕火就燥:** Nước chảy về chỗ thấp, lửa đi đến chỗ nóng.

Hoặc: **Vân tòng Long, Phong tòng Hồ: 雲從龍風從虎:** Mây theo Rồng, Gió theo Hồ

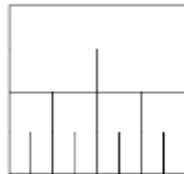
Đó là những phương thức bày tỏ luật Loại tụ (Loi des affinités): Các giống loại như nhau thì tìm nhau, hội tụ với nhau. Có muôn vàn loài, nhưng chỉ ra được hai loại lớn và chỉ thị bằng hai chữ Thiên Địa với câu nói : “ **Thiên cao Địa Ty** : Trời cao Đất thấp. “. Đó là bày tỏ theo lối Tinh, còn Động là:

本乎天者親上 本乎地者親下 則各從其類也:

“ **Bổn hồ Thiên giả thân Thượng. Bổn hồ Địa giả Thân Hạ. Tắc các tòng kỳ loại dã** “

“ Vật nào xuất bởi Trời thì đi với Trời. Vật nào bởi Đất thì đi với Đất. Mỗi vật theo loại của mình “

Hai chữ Thiên Địa ở đây là hai danh từ rất tổng quát chỉ hai loại Thiên Địa, nhưng không có giới hạn rõ rệt, vì nó ăn ngoàm với nhau. Nhưng ta có thể quan niệm rằng càng lên thì càng nhẹ, càng sáng, càng trong, càng mở rộng. . . , càng xuống thì càng nặng, càng trọc, càng tối, càng thu hẹp. . . Theo như được biểu thị trong lược đồ Thái cực sau:



Khi quan niệm theo án đồ trên thì dễ có được một ý tưởng khá rõ rệt về sự vật có hai bình diện, và một ý thức sâu đậm về nét **Gấp Đôi** mà ta có thể tính từ dưới trở lên: **càng ở dưới càng nặng nề, tối tăm, được biểu thị trong hình Thái cực đồ vì càng đi xuống thì hình càng rậm rạp, tối tăm, lãnh lẽo : Từ 2 ra 4, xuống 8, rồi 16, 32, . . .Ngược lại càng đi vào (hay đi lên) lại càng gần sự mở rộng, sáng láng, nóng nảy, 8 ô dồn lại còn 4, rồi 4 thành 2.**

A.- VÒNG ĐẠI DIỆN VÀ VÒNG TIỂU DIỄN

Với luật Loại tụ này chúng ta thấy luật Biến động đã kép lên một đợt: Ở luật I mọi vật đều động theo Vòng tròn, ở đây cũng thế, nhưng có 2 loại Vòng khác nhau: **Một vòng Thiên cũng gọi là Đại Diễn, một vòng Địa gọi là Tiểu Diễn.** Vòng nào cũng chia ra làm 4 chặng: **Bốn chặng của vòng Thiên là Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh. Bốn chặng của vòng Địa là Thành, Thịnh, Suy Hủy.**

Sự khác biệt nổi lên ở hai đợt sau cùng: Một bên là Lợi, Trinh. Một bên là Suy, Hủy.

Suy, Hủy vì nó lệ thuộc vào những cái thô đại, hiện hình nên theo trọn vẹn luật Thời Không . Lợi, Trinh thì đi theo những cái tế vi, bất tử.

Thí dụ: Khi con người chết thì chỉ có các cơ quan, tế bào tan rã, nhưng Khí năng vi thể vẫn còn nên nó khoác vòng Ngoài. Thế mà hai vòng đó vận hành đồng thời trong con Người chúng ta nên rất khó phân biệt. Con người thể tục chỉ biết có vòng Ngoài, nên đánh mất nét Gấp Đồi, nghĩa là mất ý thức về vòng Trong. Để giúp vào việc nhận thức lại vòng Trong này hãy dùng vài thí dụ rất cụ thể. Thí dụ cụ thể có lẽ là **Cơ quan Sinh Dục, vì nó là nơi tận cùng của hai vòng cách rõ rệt: “ Suy, Hủy “ là Nước Tiểu. “ Lợi, Trinh “ là Tinh Trùng có thể thành con người khác.**

Trong khi Nước Tiểu con người tống ra ngoài một thức căn bã đã làm xong một vòng hoạt động của nó, còn khi giao hợp thì Tinh Trùng lại là những nguyên tố tham dự vào vòng Sinh Sinh. Vì thế khi giao hợp con người dễ có cảm giác lâng lâng như được nhỏ bật ra khỏi những hạn chế bé nhỏ cá nhân để hoà hợp trong Vũ trụ bao la. Thí dụ cụ thể này đưa đến những công tác Tinh thần Vật chất. Những sản phẩm của Nghệ thuật, của Triết còn sống mãi, trong khi những chinh phục vật chất đã tan lìa. Tuy nhiên trong thực tế 2 vòng thấm thấu vào nhau khó phân biệt.

B.- CON NGƯỜI LƯƠNG THÊ

Chính sự thấm thấu của hai vòng Đại Diễn (vòng Sinh) và Tiểu Diễn (cũng gọi là vòng Thành) làm nên con Người Lương thê nghĩa là có hai đời sống: đời sống miên viễn của Đại Ngã Tâm linh và đời sống Sinh Hủy của Tiểu Ngã cá biệt. Cần làm thế nào để giữ được Quân bình Chất Lượng giữa hai vòng Đại Diễn và Tiểu Diễn.. Để giữ được thì Thái hòa, tức sự bình quân chất lượng giữa Thiên và Địa.

C.- QUAN NIỆM NHỊ NGUYÊN CỦA DESCARTES VỀ LINH HỒN VÀ THỂ XÁC

Chúng ta biết ở đây là những gì đã hiện ra hình tích làm đối tượng cho giác quan, nơi quy tụ mọi dữ kiện do giác quan thu lượm. Vậy mà Lý trí thuộc óc não, là những cơ năng vật chất nên ta gọi nó là cơ năng thuộc Địa: cái gì xuất phát do nó sẽ phát triển ra vòng Địa là Thành, Thịnh, Suy, Hủy. Sở dĩ như vậy vì càng xuống càng kép nét, càng trở nên Trí tuệ nặng nề, nên nếu xuống quá độ thì sẽ không theo kịp đà biến dịch của Vũ trụ Càn Khôn, mà chỉ biết chạy theo bộ chỉ huy của vòng Tiểu Diễn Lý trí, nên gọi là Nhị nguyên. Thí dụ rõ nhất về **Nhị nguyên là quan niệm của Descartes về Linh hồn và Thể xác**, cho rằng hai đảng vận hành song song không liên hệ chi với nhau, xác thân chuyển vận như cái máy có thể tháo rời ra từng bánh xe với những hoạt động rõ rệt. Chúng ta biết rằng sự rõ rệt chính xác là thuộc về địa vị những vật đã hiện ra hình tích có mốc giới phân minh, cái nọ phân biệt hẳn với cái kia. Nên khi đề cao sự minh hiển khách quan kiểu Descartes là đã lọt ổ phục kích của Lý trí vốn thích những xác định và ghét những gì u linh. Đây cũng là hậu quả của quan niệm im lìm về sự vật, nên không chịu “ Tụ Cường bất Túc “ để đưa ánh sáng Tâm linh vào vùng địa lý Hiện tượng. Theo Loại tụ thì:

“ Đồng Thanh tương ứng. Dị Khí tương thù “

Nếu không tinh tẩn tụ Cường thì một hai tia sáng le lói của Tâm linh xuất hiện liền bị Lý trí xua đuổi vì thuộc “ Dị Khí “, nên nó tương Thù. Nó chỉ đón nhận có “ Đồng Thanh Lý trí “ với nó và vì thế nó

đưa con Người vào rỏ, chỉ có Lý trí rỗng, chỉ còn có “Đồng đồng vắng lai “, tức vận hành trong cõi Duy, cõi đồng nhất đánh mất nét Gấp Đồi. **Đó là cái vòng đeo cổ Triết học Nhị nguyên.**

D.- CÁCH CHỮA BỆNH NHỊ NGUYÊN

Muốn thoát thì **con người phải biết cách vun tưới hạt giống Tâm linh** để nó mạnh lên và kéo những luồng sáng Tâm linh đến với mình để trở nên mạnh mẽ, không bị Lý trí tổng cổ ra ngoài, nhưng làm chủ tình thế bằng tăng cường vòng Đại diện Tâm linh để bao trùm lấy vòng Tiểu Diện Lý trí, để làm nên Nhất Thể vâng theo nhất luật. Đây là truyện khó nên Kinh Dịch chỉ có nói tới vòng này, vì vòng Ngoài ai cũng chạy theo rồi, nên ai cũng biết vì nó hiện hình ra trước giác quan. Còn vòng Trong vi tế vì vượt giác quan nên dễ bị chối đo hay quên lãng và đầu sao cũng khó biết, vì vậy Kinh Dịch chỉ chuyên bàn về số Sinh, vì hễ xuôi Trên là xuôi Dưới, vì Tổng hành dinh của con Người chính là ở vòng Đại Diện này, còn Lý trí là Tổng hành dinh cấp Tiểu Diện nằm trong vòng Đại Diện. Vì lẽ đó Kinh Dịch đề cao Tâm linh.

E.- MÂM BỆNH DUY VẬT

Khi lãng quên Tâm linh, hoặc chuyên chăm cho Lý trí nảy nở đến độ lấn át Tâm linh thì là Duy Trí, nên thiếu Biến thông, và đó là tình trạng thông thường.

Con người hầu hết là Duy Vật. Không phải chỉ có Cộng sản mới Duy Vật, tuy có thuộc những thứ Duy Vật khác nhau, nhưng bản chất vẫn là Một: Không còn là “ Đồng Dị vãng lai “ hay nói theo luận lý vẫn là luật “ Đồng Nhất rỗng “, đánh mất tron ven nét Gấp Đồi, nên cũng mất luôn Thái Hòa, không còn thể Biến hoá.

Quẻ Thái ở cung Song Ngư, nếu giữ đúng luật Thái Hoà thì cá Chép sẽ hoá Long: **Song Ngư mới biến ra “ Lương Long châu Nguyệt. Sao không châu “ Nhật Dương “ lại châu “ Nguyệt Âm “ ?**

G.- HÁN NHO HẠ ĐÀN BÀ

Cần đặt ra câu hỏi này để lộ mặt nạ sự xuyên tạc của Hán Nho đục rựa đã đưa vào câu “ **Thiên cao Địa ty** “ và “ **nâng Dương hạ Âm** “ . . . để hạ Đàn bà, lấy có Đàn bà là Âm, là Khôn, là Địa . . . Đây là xuyên tạc, vì trong khí nói “ **Thiên cao Địa ty** “ là nói trong **Tiên Thiên thì Thiên chỉ Tâm linh, còn Địa ty chỉ Lý trí**. Vậy không có nghĩa là “ hạ “ Đàn bà và “ nâng “ Đàn ông.

H.- ĐÀN BÀ GIÀU TÂM LINH HƠN ĐÀN ÔNG

Nhưng ngược lại là khác, vì Thái Hoà không có phân ranh kiểu Nhị nguyên $A = A$, nhưng “ trong Âm có căn Dương “, trong con Trai có nhiều chất Âm, trong con Gái có nhiều chất Dương: “ Dương quái đa Âm, Âm quái đa Dương “ (H.T 4).

Thí dụ: **Trưởng Nam là quẻ Chấn (số 4) thì 1 Dương 2 Âm, còn Trưởng Nữ là quẻ Đoài (số 2) thì 1 Âm 2 Dương. Như vậy là trong Nữ có nhiều Tâm linh hơn Nam, nên cái Quy là Tâm linh lại nằm tron tay Nữ Oa chứ không trong tay Phục Hy chỉ có cái Củ thuộc Địa, dùng để đo đếm. Bởi lẽ đó Đàn bà luôn luôn được dùng để biểu thị nền Minh Triết. Vì Minh Triết phát xuất từ Nông nghiệp giàu tính chất Mẹ, nên về sau gọi là Âu Cơ, rồi đến My nương và My Châu. My với Mẹ đều chỉ Minh Triết nông nghiệp là một, nên khi My Châu bị giết thì cũng là lúc nền Minh Triết Việt Mẽ bị đàn áp trước Hán học đục rựa và tất nhiên nó đàn áp luôn Đàn bà.**

I.- TAM TÒNG ĐỤC RỰA CỦA HÁN NHO

Và cái luật Tam tông Tiên Thiên chỉ sự tuân theo ba luật Vũ trụ là Biến Dịch, Loại tụ và Giá sắc dốt ra tông 3 cái đực rựa: “ **Tại gia tông Phu. Xuất giá tông Phu. Phu tử tông Tử** “. Thế là trận khởi đường rầy tiến hoá: **Tông 3 đực là 3 Địa, tông 3 cái Cũ (Địa) còn chi nữa là cái Quy (Thiên).** Hán học nhi dĩ hĩ !”

3.- LUẬT GIÁ SẮC

“ **Đây là luật tối quan trọng, nên Lạc Thư đặt nó ở Trung cung hành Thổ với câu “ Thổ viên Giá Sắc** “. Cốt ý để người học chú ý đặc biệt, nhưng trong thực tế người ta vẫn quên luôn, mặc dầu tuân theo những chỉ thị của luật đó trên bình diện Hình nhi Hạ mà quên Hình nhi Thượng, mà thực tế ra là hai đọt y như nhau theo luật Nhất Thế: “ **Thiên Nhân tương dữ** “. Muốn diễn tả hai chữ Giá Sắc ra tiếng thông thường thì là Gieo Gặt. Đây là một luật rất phong phú mà ta có thể gồm vào những câu sau:

Thứ nhất là **Gieo Gặt**
 Thứ hai là **Ai Gieo tất Kẻ đó Gặt**
 Thứ ba là **Gieo Gì Gặt Nấy**
 Thứ tư **Gieo Một Gặt Trăm.**

Đó toàn là những sự thực hiện nhiên trước mắt, đến nỗi không ai thèm chú ý đến nữa. Vì thế cũng quên luôn rằng nó hiệu nghiệm trong khắp Hoàn vũ trên mọi phương diện, nên bất kỳ ở đâu cũng phải chú ý chọn giống, vì nó quan trọng cả trăm lần. Ngạn ngữ có câu: “ **Gieo Gió Gặt Bão** “. Câu nói tuyệt hay vì diễn tả được ý niệm then chốt của luật Giá Sắc, một là Gieo gì gặt Nấy: Gieo Gió Gặt Bão. Hai là Gặt được gấp Bội: Gieo Gió Gặt Bão. Bão là Gió được tăng cường gấp Trăm lần.

4.- LUẬT LOẠI TỤ, GIÁ SẮC Ở ĐỢT LINH TƯỢNG

Chúng ta cần giải thích ý niệm hai này **trên bình diện đại diện của Linh Tượng**. Ở đây nó cũng vận hành theo hai luật Biến Dịch là Loại Tụ nói trên. Vậy trước hết **theo luật Biến Dịch** hễ cái gì Có là Có trong dạng thức, trong mô hình : Thí dụ khi ta làm một cử động bất kỳ nào dù chỉ là một ý nghĩ thoáng qua thì liền tạo thành (Nguyên) một mô hình đầy chuyên động tính, nên tỏa ra xung quanh một Trường để hoặc bị thu hút bởi những ý nghĩ tương tự, hoặc nếu nó mạnh hơn thì sẽ lôi cuốn các ý khác đồng loại mà nó gặp được trên con đường Tuần hoàn (luật I) để cùng với nó tăng thêm (Hanh) và do đó lại kéo thêm nhiều ý tưởng khác để gia tăng thêm nữa hầu hướng đến chỗ Gặt vào gấp Trăm, nhờ đó biến thành điều Lợi (Lợi hay Hại tùy nghi).

Nếu Ý nghĩ ban đầu do Tâm linh thì nó sẽ kéo theo Ý nghĩ loại Tâm linh. Nếu Ý nghĩ do Lý trí thì nó sẽ kéo theo những Ý nghĩ thuộc Lý trí.

Và cứ như thế càng đi càng trở nên mạnh mẽ, để có thể trở thành một Trường, một bầu khí và bao quanh người phát xuất cũng như những người cùng cùng loại ý tưởng đó, tiếng Tây quen nói là : “ une idée en l’air “ là vô tình ám chỉ điều đó. Điều này ta có thể kiểm soát phần nào thí dụ nhiều khi ta có một ý tưởng như người khác: Đôi khi nói lên rồi ta mới biết nhưng ít khi nói ra nên ta tưởng là ít có, mà thực ra nó có rất nhiều phát minh được phát hiện cùng một thời ở nhiều nơi . . . thì chính là do **luật Loại Tụ Giá Sắc** này.

5.- VỀ KHÍ HẠO NHIÊN CỦA MẠNH TỬ

Chính trong ý này mà Mạnh Tử nói về khí Hạo Nhiên được nuôi dưỡng thì tràn ngập Trời Đất.

“ Kỳ vi Khí dã, chí đại chí cương. Dĩ Trục dưỡng nhi vô hại, tắc hồ Thiên Địa chi gian “ (Mạnh. II)

Khi bầu khí này đã đạt độ mạnh đủ thì nó làm thành tác động. **Vì thế nhiều việc tuy ta không đích thân làm mà vẫn mang trách nhiệm, vì đã hoặc phát khởi ý nghĩ đầu tiên hoặc tham dự vào những ý nghĩ tương tự .**

Suy nghĩ điều trên ta mới hiểu lý do tại sao tiên Hiền đặt nặng **“ Thành Ý “**: vì nó là đầu dây mối nhợ cho những việc rất hệ trọng. Thế nên cần phải giữ ý cho thuần hành. Để được vậy cần vươn lên tới đợt Tâm linh.

Vậy khi con người đi theo đường Lý trí thì gieo những hạt giống nặng, giống lạnh. . . , nên gặt những cái nặng nề, lạnh lẽo và nếu chất Lý trí nhiều quá thì sẽ phá vỡ mất thể Quân bình và trật ra khỏi hai đường rầy làm nên trục Tiến hoá. Hai đường rầy này là Thiên và Địa mà con người phải tham dự cả hai ở một mức độ **“ Bình Quân Chất Lượng “ . Có duy trì nổi Bình quân mới giữ được cái đạo Biến thông. Biến thông là sự trao đổi giữa hai vòng Ngoài và Trong hay là bình diện Thể Chất và Tâm Linh. Có Biến thông mới là Nhất Thể sống động.**

Ở trên đã nói rằng vòng Đại Diễn bao gồm vòng Tiểu Diễn, nên hễ Đại Diễn xuôi thì Tiểu Diễn cũng xuôi.

6.- TẦM QUAN TRỌNG CỦA LUẬT GIÁ SẮC: GIEO CHŨNG TỬ THIỆN

Nếu vậy để cho chắc ăn thì ta nên gieo toàn chủng tử Thiện chăng? Được lắm, nhưng vì con người là vật Lưỡng thể, nếu không gieo xuống Đất thì gieo vào đâu ? Và nếu không gieo xuống Đất thì làm sao Biến động theo Tuần hoàn: tức là trước khi trở lại phát xuất điểm nó phải đi hết một vòng của Địa lẫn Thiên . Chính cái vòng Địa này có sống cho đầy đủ mới làm chín hoa quả do Hạt gieo ra, vì theo luật Giá Sắc thì hạt gieo xuống có thối ra mới đơm bông và nở ra trăm hạt khác.

Vậy khi trốn đời cũng lại là trái luật Giá Sắc là luật nền móng, nên phải hiện thực nó trong hết mọi chiều kích.

Vì thế điều quan trọng là chúng ta phải nhận thức ra được tầm phổ biến của luật này: nó ăn sâu vào cõi Tâm linh. Vì cõi này nằm bên ngoài tầm giác quan nên con người hay lơ đãng và vì đó nay mới gặt biết bao là Bão do chính mình gieo ra, vô thức mà gieo ra.

Ngày nay những khám phá mới của Khoa học đã mở ra chân trời trên những thế giới vi trùng, luồng sóng điện, từ trường. . . là những cái trước kia người ta không ngờ đến là có, thì nay đã thành một thực thể thông thường.

Hy vọng rằng nhờ đó người ta sẽ chú ý đến luật Giá Sắc để nó cũng phải trở nên một thực thể thông thường như vậy, để con người chỉ gieo những hạt giống Tốt, những ý nghĩ Yêu thương, Công bình, Kính trọng lẫn nhau, và cố tránh những ý nghĩ ghen ghét, Oán hờn, Cừ địch, Hận thù, vì không một cái gì trong Trời Đất dù chỉ một ý nghĩ thoáng qua mà không nằm trong vòng 3 luật của Càn Khôn đã trình bày ở trên. Nếu chúng ta suy nghĩ kỹ và tìm hiểu trên mọi sự vật chung quanh mình thì sẽ nhận ra tầm quan trọng của luật Giá Sắc.

7.- GIEO VÀ CHỜ

Bây giờ bàn đến điểm chốt của luật Giá Sắc là biết chờ đợi nuôi dưỡng những hạt giống tốt mình đã gieo ra: **không nên “ vật trợ trưởng ”** đừng có giúp cho nó mau mọc nhưng biết tùy thời, có thời Gieo rồi thời Gặt nghĩa là tin chắc vào luật Giá Sắc. **Đã có Giá tất có Sắc.**

Nếu đã gieo hạt Tâm linh thì tất chính mình sẽ gặt Tâm linh: những chất cao cả, sáng láng, an vui, thanh thoát. . . toàn là những chất giúp ích cho tiến hoá mạnh. Điều quan trọng là biết chờ đợi chờ thời Gặt. Đã có Gieo thì có Gặt.

8.- QUẾ NHU: TÔN TÂM DƯỠNG TÍNH (LÀM ĂN VÀ LÀM NGƯỜI)

Vì thế mà có quẻ thứ 5 là Nhu trong Kinh Dịch mà Nho giáo đã đặc biệt chú ý bằng dùng tên quẻ Nhu để đặt cho Đạo là Nho: Nho đem quẻ Nhu áp dụng cho con Người, nên Nhu thêm bộ Nhon thành ra chữ Nho (儒 = 亠 + 需). Điều quan trọng nhất trong quẻ Nhu là “ **Hữu phu “ nghĩa là tin vào khả năng Tâm linh nơi con người .** Đó là điều tối quan trọng cho sự tiến hoá, vì có tin như vậy thì mới đủ nhẫn nại cường kiên để đạt sự sáng láng hanh thông bền vững tốt lành. Đây là điều kiện để thành công trong mọi việc lớn mà việc lớn nhất của một đời người là Tiến hoá.

Lời Kinh của quẻ Nhu: “ **Nhu: Hữu phu quang hanh trinh cát: Lợi thiệp đại xuyên “**

Quan trọng của đạo Nho là Hữu phu, tức tin tưởng vào khả năng vô biên của mình , thiếu đức tin đó thì một là chờ đợi một cách thụ động vô vọng, hai là không đủ dài hơi để chờ đợi. Chỉ những con người có chương trình dài hạn tin chắc vào khả năng của mình mới dễ nhịn nhục chờ đợi lâu dài. Vì lúc ấy không còn chờ cho qua, nhưng là chờ đợi để mà vun tưới những hạt giống Tốt mới được gieo ra và cần phải nuôi dưỡng, nên tượng quẻ Nhu gọi là “**Ẩm thực chi đạo**”.

Tượng viết : **Vân thượng ư Thiên Nhu quân tử dĩ ẩm thực yển lạc “**. Nhu là đạo nuôi dưỡng ăn uống hiền theo cả vòng Ngoài thuộc “ **làm Ăn “** , lẫn vòng Trong thuộc “ **làm Người “** là nuôi dưỡng bằng “ **tôn Tâm dưỡng Tính “**, dưỡng Khí phách cho tới độ Tròn Đầy và luôn luôn tin tưởng vào kết quả tốt lành. Đó là ý của quẻ Nhu.

Tượng của quẻ Nhu là chờ đợi, vì trên Trời quẻ Càn có Nước (quẻ Khảm) nên chữ Nhu viết với bộ Văn và nhu là có nghĩa là Chờ vì sắp có mưa . “ **Vân thượng ư Thiên “** trên Trời có mây tức sẽ có mưa. Có mưa là sẽ có gặt.

Vì thế mới nói quẻ Nhu là tinh hoa của luật Giá Sắc. Giá Sắc gồm thấu hai luật trước là Biến Dịch và Loại Tụ. Cái lớn lao của Nho giáo nằm ở chỗ đó. Ba luật trên ảnh hưởng rất lớn trên đời sống con người.”

III.- ẢNH HƯỞNG CỦA BA LUẬT TRÊN ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

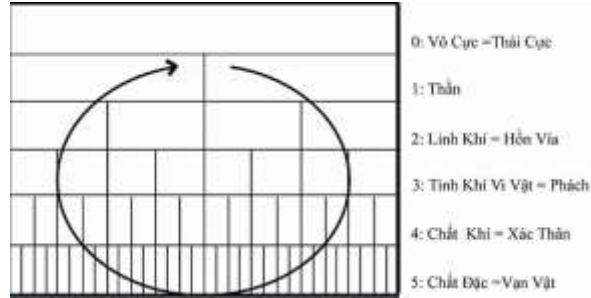
“ **Tinh khí vi vật. Du hồn vi biến: 精氣爲物游魂爲變 (H.T.IV)**

1.- NHỮNG ĐỢT TIẾN HÓA

Câu trên diễn tả con Người tham dự Địa như Vật và Thiên như Hồn . Hồn là cốt cán nắm phần then chốt trong việc Biến. Chữ Biến đây bao hàm cả 3 luật căn bản là:

Biến Dịch: 變易 Loại Tụ: 類聚 Giá Sắc: 稼穡.

Vì Biến Dịch nên cần phải Du là đi xuyên qua. Xuyên qua những gì?. Muốn hiểu thấu đáo chúng ta cần hiểu quan niệm Thái Cực đồ về khía cạnh tiến hoá theo hình rút gọn như sau:



Trong bảng trên có 5 đợt. Mỗi đợt chia ra hai cánh: **Cánh Ra (Mực)**, **cánh Vào (Chiêu)**. **Cánh Ra là Vô thức, cánh Vào là Tự thức.** Thí dụ:

A.- TẦNG 2 LÀ THẦN

Thần trở Lại (Chiêu) là Thần **Tự thức**, còn Thần trở Ra là Thần **Tiềm thức**. **Tự thức sinh ra Động trong Vũ trụ sinh sinh, đã Tự thức về mình.**

Tiềm thức tuy có Thần nhưng còn ở trạng thái phôi thai hay là Tiềm chế, cần được phát triển bằng đi xuyên qua các cuộc Tiến hoá Tiểu Diễn: Thành, Thịnh, Suy, Hủy, nói nôm na là tiến tự bé tới lớn rồi chín muồi. . . Đó là tình trạng con người khi nhập xác thân, nhưng còn trong tình trạng Tiềm thức, nên cũng gọi là **Thần Cơ** hay **Thần Chủng Tử** và chỉ có thể lấy lại được Tự thức bằng cách lớn lên, hay gọi là tiến hóa. Đó là lộ trình mà Thần tự lúc phát xuất đều phải qua, nhưng ở giai đoạn Nào thì Thần vẫn là Thần, mà **đặc tính của nó là Tự Nội, Tự Lực, Tự Cường.**

Nhưng ở đoạn khởi đầu phát xuất thì tính chất Nội khởi Tự Quyết hầu như không có, và nó sẽ có đến độ đầy đủ nếu người ấy biết sống đúng chiều Tiến hoá. Cứ **nói chung ra thì Tự Tính này có mạnh nhất từ đợt Thần trở lên. Từ đợt Thần trở xuống thì bớt dần và lúc đó sẽ hành động ít do Tự Tính, Tự Nội nhưng là do mệnh lệnh bên ngoài dưới hình thức Bản năng ít còn Tự Ý định đoạt.**

B.- SAU ĐỢT THẦN LÀ LINH KHÍ (HỒN VÍA)

* Hồn khóm, Vía

Linh khí có thể coi là phát xuất điểm của **Hồn con Vật gọi là Hồn Khóm (Âme groupe)**. Tại sao con vật cần Hồn Khóm, vì chúng thiếu tính chất Tự Cường của Thần, nên cần nhiều Hồn hợp lại để nương tựa nhau nên gọi là Hồn Khóm.

Với con Người thì đây là đợt có các loại Vô Hồn Thần gọi là Vía.

* Phách: Khí chất

Bên dưới Hồn Khóm thì là Phách thuộc đợt Khí Chất.

Khí Chất có thể chia 2 tầng là Tinh Khí và Chất Khí: **Tinh Khí** là tầng Trên, **Chất Khí** tầng Dưới. Các vật tự đợt Khí Chất phát xuất thì phải trải qua cuộc Tiểu Diễn nghĩa là cuộc Tiến hoá theo điều kiện của Thời gian Không gian.

Thí dụ: con Người phát xuất từ tầng Thần Tiềm thức thì phải đi xuyên qua các đợt 1, 2, 3 và khởi đầu việc đi trở lại nguồn từ 3, qua 2, rồi 1, như vậy là làm nên một vòng tròn (luật Tuần hoàn) chia ra làm 2 thời: một Thời Ra, một Thời Vào (nhất Hạp nhất Tịch).

Thời Ra đi từ 1 đến 4, là thời Tiềm Thức. Thời Vào là từ 4 trở về 1 gọi là Tự Thức.

Con Vật cũng phải tiến hoá theo vòng tròn như con Người, nhưng vòng của nó nhỏ hơn .

Thí dụ: Con Vật phát xuất từ độn 2 thì cũng tận cùng ở độn 2, nên thiếu Thần tức là thiếu Độc lập tính nên cũng chẳng cần Hồn Khóm.

Con Người được định nghĩa như là “ **Thiên Địa cho đức** “, thì trong câu “ **Tinh Khí vi Vật** “ chỉ cái đức của Địa.

Còn câu “ **Du Hồn vi Biến** “ chỉ cái đức của Thiên. **Du hồn kết hợp với Tinh Khí làm nên con Người.** Nói kiểu thông thường thì **Tinh Khí là Xác Thân**, còn **Du Hồn Là Hồn Linh.** **Tuy Hồn Linh là Tinh thần nhưng phải tuân theo luật Biến Dịch: nhất Hạp nhất Tịch: Một đi vào thế giới Vật chất, một nữa cùng với Vật chất thăng hoa đi vào thế giới Tâm linh.”**

2.- LỘ TRÌNH CỦA HỒN LINH

“ Vì thế mà cần phải “ Du “ là đi xuyên qua những gì? Theo Kinh Dịch thì **Hồn ở độn Thần** , mà **Thần ở độn Âm Dương:** “**Âm Dương bất trắc vị chi Thần** “. “ **Bất trắc** “ không đo lường được, chỉ đo lường được từ khi có hình thái, và **chỉ có hình thái ở độn Tứ Tượng.** Với **Tứ Tượng** chúng ta mới khởi đầu có ý niệm về một vật gì, vì có ý niệm bao hàm một hình thái nào đó, vậy nếu mới là “ **Âm Dương bất trắc** thì cũng với **Thần là một** “, vì “ **Thần vô phương** “, nên cũng **bất khả đo lường.** Nhưng vì **Hồn đã nằm trong cuộc biến hoá nên phải xuyên qua các độn để đi hết một vòng:** Từ “ **Âm Dương bất trắc** “ xuống đến độn “**Âm Dương bất khả trắc** “ là **Xác Thân** hay những **Vật Hiện hình tích ở các độn giữa, biểu thị bằng hai ô Tứ Tượng và Bát Quái.** Những độn đó trong con Người gọi là **Vía và Phách.**

Theo luật Loại tụ thì một loại chỉ có thể tác động trong một bình diện khi có những khí cụ cùng một loại với bình diện đó. Thí dụ muốn tác động trên Hiện tượng thì phải có khí cụ cùng loại Hiện tượng và Xác Thân. Theo luật Loại tụ này thì mỗi Hồn khi đi qua độn nào thì cần phải mặc Vỏ làm bằng Chất của bình diện ấy. **Vậy khi Hồn khởi cuộc du hành trong cõi biến hoá thì độn đầu tiên phải bước vào là độn từ vùng ở độn Hồn mặc cái Vỏ ngoài là Vía.** Vía thuộc loại Linh khí bên trên Tinh khí của Phách sẽ nói dưới. Linh Khí cũng có nhiều độ thì Vía cũng thế, nhưng trong thực hiện chúng ta chỉ cần một chữ Vía để chỉ chung cho các Vỏ khác nhau của Hồn, càng đi sâu xuống thì Vía

càng trở nên dày đặc hơn, để cuối cùng có thể kết hợp với Phách. Vì thiên nhiên không nhảy vọt “ *Natura non facit saltus* “. Tuy vậy cần bao nhiêu Vía thì chúng ta chưa vội tìm hiểu vì bao giờ đạt tới đó mới đủ sức, hiện nay chúng ta hãy cố gắng cảm nghiệm được độn **Phách liền với Xác Thân trứ hình.** Ví thế **Phách là cái Vỏ cuối cùng mà Hồn phải mặc lấy để kết hợp với Xác,** hoặc nói lối khác là **nhà Tiền đường của Xác để Hồn Vía bước vào nhà Xác.** Lúc nhập này được nhiều nhà truyền thống cho là xảy ra vào khoảng giữa kỳ thai nghén: ba bốn tháng sau khi có thai. Như thế **Phách đã thuộc Vật chất nhưng ở độn trên nên gọi là Tinh Khí và chính với Tinh khí mà khởi đầu có Vật.** Các Thú vật này cũng có Hồn, nhưng nhiều lắm là từ độn Vía trở xuống, vì thế khác hẳn với con Người, nên nói con vật có Hồn là nói theo nghĩa rộng, vì thế truyền thống Tâm linh hay dùng chữ “ **Hồn khóm** “ cho con Vật. Xét về mặt **Vật chất** thì con Người cũng như con Vật đều mặc một thứ Vỏ (**Xác**) tuy có hoàn bị hơn nhưng chất liệu là một, và có hai độn **Tinh khí và Khí chất.**

A.- TINH KHÍ

Khởi đầu bằng Tinh Khí vượt giác quan nên không thấy, trừ một số người có năng khiếu riêng đã có thể thấy **Phách như một bóng bao quanh Người** vì thế nhiều môn phái kêu Phách là double étherique. Đó là **một thứ Xác nhưng làm bằng Tinh khí,** nên con mắt thường không thấy, tuy nhiên vẫn có: **Khi một người cụt tay chân có lần cảm thấy như đau đớn hay nặng nề ở**

những phần tay chân đã mất, thì chính là tay chân của Phách. Sau khi qua đời thì Phách lia khỏi Xác và nếu cuộc tiến hoá của người đó đúng mức thì Phách sẽ tan liền đi ít lâu sau. Khi ấy Hồn sinh hoạt trên đọt Vía (corps astral).

B.- VÍA: LINH LỰC

Vía thuộc đọt Tinh khí cũng gọi là Đức, nên Đức có nghĩa uyên nguyên là Linh Lực. Linh khí nằm ở giữa Khí chất và Thần. Bên trên Thần là Thiên hay Thái cực. Vì Thái cực cũng chính là Vô cực, nên ta không thể nào quan niệm Nói, Nghĩ gì được cả, nên gọi là vô Thanh, vô Xú, vô Ảnh, vô Hình. Bởi con Người chúng ta chỉ phát xuất từ đọt Thần. Thần thì trên giáp đọt dưới của Thiên, nên đờ Ý Thức và vì thế cũng bất biến, còn đọt dưới (Thiên mệnh) biến hoá mới đạt bậc Tự Thức . Tự Thức như vậy chỉ có trên nẻo về, nẻo Sác, còn nẻo đi ra gọi là Nhất Hạp hay là Giá thì mới chí là hạt giống gieo ra, có thể gọi là Cơ hay Chung tử “

3.- LUẬT LIÊN ĐỐI CĂN CƠ

A.- PHÁT TRIỂN ĐỀU ĐẶN MỌI CƠ NĂNG ĐỂ SỐNG SUNG MÃN

“Trong con Người tuy đã có Thần, nhưng mới là Thần ở trạng thái Cơ hay chung tử nên chưa có Nhận thức. Vì Nhận thức chỉ có được lần lần qua những kinh nghiệm sống trong Xác Thân. Sống càng sung mãn thì càng dễ nhận thức.

Sung mãn gồm hai ý niệm: Một là sống đến cùng cực. Hai là sống hết mọi kích thước Người.

Chính ý niệm sau làm nền tảng cho luật Liên đối Căn cơ; theo đó mọi cơ năng phải phát triển đều đặn không được cái nọ lấn át cái kia: ” **Vạn vật tịnh dục nhi bất tương hại** ” (T D). Vì thế luật này không cho phép đi quá đà trong khi hiện thực việc sống cùng cực: thí dụ lấy cơ sống cùng cực Lý trí mà bỏ qua các cơ năng khác thì sẽ rơi vào Duy Lý, nên cản trở việc sống tất cả mọi chiều kích của con Người.

B.- LUẬT CĂN CƠ BỊ HIỂU LẦM

Đây là luật tối quan trọng nhưng thường bị hiểu lầm ngay ở những tôn giáo lớn. Người ta tưởng có thể siêu hoá bằng diệt trừ một số Cơ Năng hay là Thân Xác. Đây là một lầm lẫn tai hại, khởi xuất do sự hiểu sai đứ Điều độ, Quả Dục.

Quả Dục nhằm điều lý tất cả mọi Dục, mọi Nhu yếu của con Người, nhưng khi hiểu sai thì biến Quả Dục ra các loại Diệt Dục, Hãm mình, Đánh Xác. Hiện nay nhân loại đang nhận thức ra sự sai lầm đó, và đang cố công đi vào đường lối Tiến hoá bằng cách phát triển đầy đủ mọi Cơ Năng, mọi chiều kích.

C.- CÁC CƠ NĂNG CẦN PHÁT TRIỂN: SINH LÝ VÀ TÂM LÝ

Các chiều kích đó ta có thể tóm vào hai mối là **Sinh lý và Tâm lý: Tâm lý có thể gồm 3 chữ Ý, Tinh, Chí. Cả 3 đều phải phát triển điều hòa.** Vậy mà Duy Lý hay làm hại Tinh và nhất là Chí, nên gây ra ứ trệ, vì theo luật Liên đối uyên nguyên thì khi một cơ năng bị bỏ rơi không nảy nở thì nó ngăn trở sự nảy nở các Cơ Năng khác. Vì thế nếu con Người chỉ sống theo một chiều kích dù có sống đến tốt chiều kích đó thì chưa gọi là sung mãn. Muốn sung mãn phải sống tất cả mọi kích thước Người, mà có **sống sung mãn mới tiến hoá, hay là đạt cái Tâm thức mà Kinh Dịch gọi là Tự thức (Quả Kiền).**

D.- Ý THỨC VÀ TỰ THỨC

Chữ Tự thức nói lên một Chân lý nền tảng mà xưa nay ít người hiểu ra. **Người ta thường lẫn Ý Thức và Tự Thức, cũng như đồng hoá Hồn với Lý Trí suy tư** “ Tôi suy tư vậy là có Tôi : Je pense que je suis “ là một câu tai hại, vì nó cắt hoạn con Người mất phần Tâm linh và trói ghì Người vào mặt Đất. Bởi vì chỉ có Tâm mới đi với Thần với Thiên, còn Lý trí đi với Đất với Hiện tượng. Dùng Lý trí ta mới được có Ý thức, Ý thức là nhận ra có mình, mình là một Cá thể khác với tha nhân tha vật, tuy nhiên đó mới là Cá nhân Thức. Chỉ đạt Ý thức là khi nào nhận thấy chiều kích Vũ trụ nơi mình (Conscience cosmique), biết mình là thuộc Tâm linh, cần phải hiện thực được thì như Thần “ **Chí Thành như Thần** “.

4.- XÁC ĐỊNH TÍNH CHẤT HỒN

“ Câu “ **Chí Thành như Thần** “ giúp ta xác định tính chất của chữ Hồn trong câu “ **Du Hồn vi Biến** “ Trên đã nói Hồn phát xuất tự đọt Thần là luận theo câu này. Và nhờ đó xác định nổi tính chất Hồn, vì chữ Hồn còn lơ mơ đến nỗi người ta có thể bảo con Thú vật cũng có Hồn. **Vậy có chi khác nhau giữa Hồn Người và Hồn Vật?**

Ta sẽ tìm được câu trả lời nhờ câu “ **Chí Thành như Thần** “. **Chí Thành là chỉ bước đạt Thân hay là đọt cuối cùng của vòng Tiến hoá Tuần hoàn**, theo đó Vật nào cũng trở lại xuất phát điểm.

A.- XUẤT DIỄN VÀ NHẬP DIỄN

Vì luật Tuần hoàn, nên bản chất của Vật **lúc đi ra cũng như lúc trở về** . Nếu lúc trở về là Thần thì lúc trở ra cũng là Thần. Vậy thì Hồn trong câu “ **Du Hồn vi Biến** “ là thuộc đọt Thần, chỉ khác nhau một Ra một Vào: Ra gọi là Xuất Diễn (évolution) cũng gọi là Tiên hay Giá. Vào gọi là Nhập Diễn (involution) gọi là Hậu hay Sác.

B.- VÔ THỨC VÀ NHẬN THỨC

Cái khác nhau là “ **Tiên Mê hậu Đắc** “ (Quê Khôn) nghĩa là khi đi Ra thì Mê hay là Vô Thức, còn lúc trở về thì là Đắc hay là đã có Nhận Thức: **Du Hồn là đọt Vô Thức: con Người sinh ra cũng Vô Thức và chỉ khởi đầu Ý Thức từ lối 12 đến 16 tuổi**. Khi đó hẳn thấy “ mình bị vát ra đây rồi “, tức đã đi được 1/3 đường Tiến hoá mà không hay biết, vì thế gọi là Vô Thức. Bây giờ còn lại 2/3 phải đi cho xong. Nếu xong xuôi thì sẽ tiến dần đến Tự Thức ra khỏi cuộc Tiêu Diễn có Sinh Tử để nhập vào Vũ trụ Đại Diễn “ Sinh sinh bất tức “.

C.- ĐẠT THÂN: “THẦN CHỦNG TỬ “ ĐÃ TRỞ THÀNH “ THẦN LỚN TUỔI “

Khi con Người chết thì gọi là “ Sinh thì “ tức là lúc “ Sinh Sinh “ vào cõi chỉ có “ Sinh Sinh Đại Ngã này “, để hoàn thành chặng đường chót trong cuộc đi về Thái Thất, tức là hiện thực trở lại mình là “ Thần Lớn Tuổi “, nghĩa là không còn là “ Thần Chung Tử “ nữa, vì lúc ấy đã chín mùi để Tự Thức trọn vẹn. Và đây là cứu cánh con Người tức là đạt Thân cũng là đạt Thần. Những điểm này thuộc cuộc Đại Diễn Tâm linh, vượt tầm Lý trí suy luận nên khi người ta bám riết Lý trí thì không nhận thấy, thành thử chỉ quan niệm sự vật im lìm trong thế đồng nhất. Và vì vậy dễ đánh mất chất Thần trong quan niệm Hồn Thiêng :

D.- BẠC VÀ LOẠI CỦA XÁC VÀ HỒN

Con Người và Hồn Thiêng chỉ còn được quan niệm theo quan niệm Đồng nhất, **có khác với Xác là khác về Bậc, chứ không về Loại**. Để được khác Loại phải có Thần, còn đây chỉ là khác Bậc nghĩa là Xác thì cụ thể, còn Hồn thì trừu tượng, cả hai còn nằm trong tầm với của Lý trí, và do đó đánh mất tính chất căn bản hơn hết của con Người phát xuất tự Thần.”

5.- THẦN BẤT Ý

A.- THẦN: TỰ LỰC TỰ CƯỜNG

“ Bản chất của Thần là “ Bất Ý “ : Không cậy dựa vào đâu cả.

Chính vì không cậy dựa vào đâu, nên nói **“ Duy Thần đã có bất tật ? nhi túc, bất hành nhi chí (H.T.X) : Chỉ có Thần không vội mà mau, không đi mà đến “**, là vì không lệ thuộc điều kiện Không gian và Thời gian, vì thế quan niệm con Người chỉ có Xác và Hồn như Descartes thì sẽ đánh mất Thần, tức là đánh mất Tự Lực Tự cường, và dẫn đến chỗ bắt con Người lệ thuộc vào Ngoại lực quá đáng làm suy yếu Tinh Thần con Người vô kể vì lý do đó trong nền Triết lý Việt Nho hay nhấn mạnh đến chữ Tự: Tự Lực. Tự Cường: **“ Thành giả tự Thành đã nhi Đạo, tự Đạo đã “ (T.D. 25)**.

B.- CỨU CÁNH CỦA CON NGƯỜI LÀ NGƯỜI

Còn rất nhiều câu khác, nhưng quan trọng hơn hết là chữ Tự Tin, miễn hiểu được cách sâu xa tận gốc. Tự Tin đây không chỉ nên hiểu theo đọt Luân lý có nghĩa là Tin vào khả năng của mình, nhưng còn phải hiểu đến cùng tốt nghĩa Siêu Hình là Tự Minh đã đủ túc lý tồn tại, không quy chiếu vào cái chi khác như là Cùng Địch. Cái đó Kinh Dịch kêu là **“ Hữu Phu “ . “ Hữu Phú “ là cái Đức Tự Tin đến bậc Siêu hình này, nghĩa là Con Người đã là Cứu Cánh của Mình**, nói như Kant: **“ Con Người là finalité sans fin ”**. Con Người là một thực thể tối vô ích, vì nó không dùng vào việc chi được cả, bởi chung Cứu Cánh của Nó đã là Nó rồi, và Nó chỉ đạt Cứu Cánh khi Nó biết trở lại với Nó, Cứu Cánh của Người là Người, là trở lại với Nhân Tính của Mình, chỉ có thể thôi, chứ không trở thành khí cụ hữu ích cho cái chi cả, dù cho là Quốc gia, cho Nhà nước cho Đạo, trái lại Đạo cũng như Nhà nước, Quốc gia được thiết lập ra vì con Người. Bởi vậy có thể nói là Nó hoàn toàn Vô ích cũng như hoàn toàn Tự Lập, đến nỗi một mình Nó đủ là một Hồn rồi.”

6.- Ý NGHĨA SỰ ĐỘC LẬP VÀ CÔ LẬP

A.- CHÂN NHÂN: CON NGƯỜI TỰ CHỦ VÀ CÔ ĐƠN

“ Đây là lý do sâu xa tại sao những con Người Chân nhân ưa thích sự Độc lập Tự chủ nhất là sự Cô đơn. Vì chính Cô đơn là những giờ phút con người tìm lại cái nguồn Chân thực của mình, Cội nguồn đó là Thần. Vì thế mà Cô đơn được xưng tụng là Cơ hội Sáng tạo, là giúp thắp Ngọn Đuốc Soi Đường cho chúng nhân, là dịp xây dựng luồng Tinh thần cho nhân loại, là vì Cô đơn tạo điều kiện cho Hồn xuất hiện nguyên hình như chính nó là thể, nghĩa là Thần, và chỉ khi nào Thần tác động thì mới có sự Sống sự Sáng, sự Cao cả. Bởi thế ta thấy trong lịch sử loài người chưa có công trình lớn lao vĩ đại mà không được thai nghén trong Cô đơn cũng như không có Đại nhân chân thực, nếu không được nuôi dưỡng trong Cô đơn. Là vì chính Cô đơn giúp cho con Người tiếp xúc với Tinh thần nơi mình, cái Thần đó ẩn tàng

trong thâm sâu và chỉ chịu nhô lên mặt Ý thức ở những Tâm hồn thanh thản vắng tiếng ồn ào của Thế tục và những rộn rã của Trần cấu.

B.- VĂN HÓA VÀ VĂN HỌC

Vì Thần cũng tuân luật Loại tự nên chỉ xuất hiện ở những tâm thức “ **đồng thanh đồng khí** “ nghĩa là Tự Tin, Tự lập, Bất Ý . Khi có bầu khí đó thì Thần xuất hiện kiểu của Thần nghĩa là bằng những tia chớp loé sáng mà người xưa quen gọi là “ **Trực giác** “ , là “ **Triều văn Đạo** “ hay **Linh Hứng, Thần Hứng . . .** Đây là những phút rất ngắn ngủi chỉ như tia chớp nhưng lại gây ra cả một bầu sáng nóng đầy chất sống, là những cái nền tảng cho Văn hoá chân thật, Văn hoá loại đó sẽ cải hóa, biến đổi con Người và hướng lên tầng cao.

Còn hiện nay Văn hoá chỉ là Văn học nghĩa là những kiến thức do lý trí, tưởng tượng ra thiếu chất sống, sáng nóng, càng chồng chất càng làm ngạt thở nhiều, vì bản chất của chúng thuộc về Đất, thiếu chất Tư Chủ, nếu cần phải chất nhiều để chúng dựa nhau. Đâm ra lấy Lượng làm Phẩm, đó là điều vô ích, chỉ làm cho con Người gần với con Vật.

C.- CON VẬT VÀ CON NGƯỜI TRÊN NỀN MÓNG DỊCH

Con Vật không có Thần nên Hồn chúng phải là Hồn Khóm (Âme groupe) . Hậu quả là cần phải có cả từng khóm mới đứng được, vì chúng không có túc lý tồn tại nơi mình, nên nó phải quy chiếu vào tha Vật, tha Nhân như khí cụ: Nó sinh ra để “ có ích cho “. Vậy dù gọi là Hồn thì cũng gọi là gương, vì Chủng tử của chúng phải xuất nhiều lần là tự đọt Linh khí vô thức, sống trọn vẹn theo Bản năng, tức vâng theo các luật Tạo hóa cách vô thức không như con Người, nên nói “ **Nhân linh ư vạn Vật** “ là thế. Chữ **Linh** trong câu này hiểu là Thần, nhưng trong thực tế chưa là Thần Tự Thức, mới là Thần Vô Thức.

Như trên đã nói, mỗi tầng mở rộng mệnh môn hơn tầng dưới, nên mỗi khi một thực thể tham dự vào đọt trên thì cũng thông phần đó. Ta chỉ lấy sự di chuyển xác thân để hiểu phần nào sự di chuyển tâm thức. Các con vật vì chỉ tham dự vào vòng Đại Diễn Linh Khí cách Vô thức (ở chỗ truyền chủng) nên cũng chỉ di động một vùng nhỏ thường là cố định, không biến hoá kiểu con người. Đến như cây cỏ thì hết luôn và lệ thuộc trọn vẹn vào một nơi, đóng cọc xuống đó nên không có gì Tự lập nữa . Nếu lấy sự thoát lệ thuộc này làm thước đo, thì biết con Người vượt xa con vật cả một loại, và loại ấy ban cho con Người khả năng tự ý tham dự vào cuộc Đại Diễn tức cuộc tiến hoa trên giai tầng Linh Khí và Thần Linh. Các con Vật chỉ tham dự vào vòng Đại Diễn này cách Vô thức ở Truyền chủng, còn thì chúng Vô Thần cũng như Vô Thức. Nói cụ thể là không làm Chủ được vận mạng của mình, không có Tự do theo nghĩa Tự mình quyết định. Cái đó là của riêng con Người, và Bản tính con Người là Tự do, vì Tự do phát xuất từ Thần, mà “ **Thần vô phương** “, nên là Tự do không lệ thuộc, tức là do mình định đoạt. Đó là luật Loại tự. Luật này cho, phép thu nạp hay kết hợp với những gì cùng loại. Nếu bản gốc Người là Thần, là Tự do, thì chỉ có thể nuôi dưỡng để lớn lên để Tiến hoá bằng những yếu tố Tự Do, Tự Chủ. Ngoại giả các yếu tố tự ngoài chỉ có thể làm nảy nở phần Thể Xác. Và như thế không giúp gì vào việc Tiến hoá ít ra sau 20 tuổi. Vì chỉ từ quãng này thì con Người mới đạt tuổi Thành Nhân, tức là đủ khả năng sống trọn vẹn Người. Đại để đó là quan niệm con Người đặt trên nền móng Kinh Dịch: nó vừa Tiến hoá vừa Mở Rộng và chúng ta sẽ hiểu hơn giá trị của nó trong khi đem nó làm tiêu chuẩn để thẩm định các ý nghĩa con Người được Triết học đề ra. “

7.- HẬU QUẢ KHI THIẾU THẦN

“ Trên ta nói qua về con Người được quan niệm như một con Vật biết suy lý của Aristote hay Descartes, chúng đã dẫn đến chỗ Vật hóa con Người, tức bóc lột trọn vẹn mất phần Thần là Tự Quyết, Tự chủ, mà chỉ là những Vật Thể. Ở đây cần thêm một định nghĩa quen thuộc trong trong thời mới coi con Người, coi con Người như con vật có xã hội tính, chính trị tính hay kinh tế tính (animal sociale, politicum, economicum). Tất cả các quan niệm này đều lấy Tuỳ làm Chính, sẽ cần quy hướng con Người vào Xã hội, vào Quốc gia, Nhà nước hay Đảng vào việc sản xuất. Như vậy là lấy Quốc gia làm cứu cánh cho con Người hoặc lấy năng xuất Đảng hay gì khác đều là đánh mất trọn vẹn tinh hoa con Người. Những quan niệm đó sẽ dẫn đến giáo dục Từng Loạt (đồng nhất hoá), những lối tổ chức vào Đoàn lũ hoá không để cho con Người còn những phút riêng tư : Tất cả muốn thay thế Hồn Thần bằng Hồn Khóm, ở Hồn Khóm không có suy tư riêng lẻ, không cần chi tới Cô đơn riêng biệt. Vì Cô đơn riêng lẻ cần cho suy tư, thế mà nơi con Vật đã có Bản năng thay thế cho suy tư nên không cần đến Cô đơn.

Còn nơi con Người bị Đoàn lũ hoá thì đã có Ủy Ban suy tư hộ, cần tất cả dân chúng chỉ phải phục tùng Thượng cấp: Đây chính là tước đoạt con Người mất Hồn Thần để gia nhập vào Hồn Khóm. Tất cả Xã hội độc tài đều đi theo lối thay Hồn Thần bằng Hồn Khóm này.

Theo luật Loại tỵ thì “ **Di Khí tương Thù** “, nên quan niệm này Thù ghét “ **Suy Tư Riêng Lẻ** “, những giờ khắc Cô đơn để cho Lòng nghe tiếng Lòng. Tất cả đều bị bãi bỏ hết. Như vậy là chặn đứng Tiến hoá của con Người.

8.- NỀN GIÁO DỤC CỦA XÃ HỘI TÂM LINH

Vì những lý do đó nên các Xã hội Tâm linh, những nền Giáo dục có Tính Chất Giáo Hóa đều phải tạo điều kiện thuận lợi nảy nở cho Tinh thần. Đó là điều chúng ta nhận ra đã có Thể chế như bốn Lễ gọi là: Quan, Hôn, Tang, Tế.

A.- LỄ GIA QUAN: GIẢI PHÓNG CON NGƯỜI

Trong 4 Lễ này Thì Quan đứng đầu, vì nó nhằm giải phóng con Người ra khỏi quyền uy của Cha Mẹ, hay tất cả những quyền bính khác. Đây là một Lễ riêng biệt của Văn hoá Việt Nho nó rất quan trọng nhưng cũng là một Lễ đã trụt mấy hầu hết ý nghĩa, vì ít được các quyền bính chấp nhận. Gọi là riêng biệt Việt Nho ít ra trong vòng ba nền Văn hoá: Âu, Án, Viêm thì chỉ có Viêm Việt duy trì được ít ra Hình thái. Lễ này là hậu quả của quan niệm Hồn Thần. Hồn Thần khác với Hồn Khóm ở chỗ Độc lập Hùng cường, nhưng vì Thần Tiên Thức nên mới khởi đầu phát triển Tính chất của Thần từ tuổi Dậy Thì. Dậy Thì là là giai đoạn của con Người phát triển tạm đủ khía cạnh Cá nhân (Nhân) được biểu lộ ra ngoài bằng khả năng Truyền Chủng, mà dấu hiệu là có Kinh Nguyệt ở trẻ Nữ và Xuất Tinh ở trẻ Nam. Những hiện tượng đó thuộc Truyền sinh, có phạm vi rộng lớn hơn Bảo sinh (Cá nhân). Trên phương diện Tinh thần là mở đầu cho sự trỗi dậy của Óc Phê Bình, Óc Phê Bình biểu lộ nhu yếu khẳng định Sự Độc lập và củng cố Nhân cách Biệt lập của mình, kéo theo sự muốn Thoát ly Gia đình, giữ bỏ mọi quyền uy và để coi những lập trường và chủ trương là lẽ thói đi trước là Cổ hủ, cần vượt qua vì thế cũng là tuổi dễ gây nên những va chạm với những ai muốn coi Hấn như Niên thiếu, và cư xử với Hấn cách Trịch thượng.

Tất cả những thái độ đó bị người không hiểu cho là lố lăng, kiêu ngạo. Nhưng với ai hiểu được Nhân tính con Người thì không những chấp nhận mà còn coi đó như những báo hiệu tốt của một

cuộc Tiến hoá mà Hồn Thần bắt đầu công cuộc nhận thức ra bản chất của mình. Do lẽ đó những xã hội được thắm nhuần Minh Triết đã đặt ra những Thẻ chế giúp cho sự nảy nở kia được gặp bầu khí thuận lợi và được hướng dẫn. Văn hoá Việt Nho đã thiết lập Lễ Gia quan trong ý đó.

Vì Lễ Quan nhằm hướng con Người ra khỏi sự Ỗ lại, để bắt đầu cuộc sống Độc lập, không còn chịu quyền uy nào, trong đó phải kể trước hết tới quyền uy của Mẹ Cha. Quyền uy này cần thiết cho đứa trẻ từ lúc ra đời tới chung quanh tuổi Đôi Mười (có thể 15 – 20), sau đó nên làm Lễ Gia quan để trả lại quyền Tự Định Đoạt cho Con Cái, và Cha Mẹ rút lui vào địa vị Cố vấn Bạn hữu. Lễ Gia quan như vậy là sự thoát ly quyền uy, được tổ chức do chính những người đang nắm quyền uy hầu giải phóng Người đến tuổi Thành Nhân thoát khỏi những ràng buộc tự ngoại không còn cần thiết nữa.

Dưới đây là Lời người Cha dặn dò người Con lúc 20 tuổi khi làm lễ Gia quan hay Lễ Đội mũ để người Con bắt đầu cuộc sống tự lập:

Cư Thiên hạ chi Quảng Cư: *Hãy sống nơi chốn Cao rộng trong Trời Đất.*

Hành Thiên hạ chi Đại Đạo: *Hãy sinh hoạt theo Đại Đạo Âm Dương hoà tức là theo Dịch lý.*

Phú quý bất năng dâm: *Có được giàu sang cũng không được buông thả mà sống dâm dật, phải Tiết độ trong mọi lãnh vực theo lối sống **Quả dục**, tức là **Chiết trung giữa Diệt dục và Đa dục.***

Bần tiện bất năng di: *Có gặp cảnh nghèo hèn thì cũng không thể sửa đổi nếp sống theo Nhân Nghĩa, tức là Yêu thương nhau mà hành xử công bằng với nhau.*

Uy vũ bất năng khuất: *Gặp lúc phải sống trong chế độ độc tài thì không thể khuất phục trước hành động áp chế bất công.*

B.- NHỮNG MỐI LIÊN HỆ TƯƠNG QUAN: QUÂN, SỰ, PHỤ

Vì thế để cho Lễ Gia quan đạt được hầu hết hậu quả mong muốn thì cần có sự tham dự của hết mọi người liên hệ tới trẻ Thành Nhân như Quân, Sự, Phụ:

Quân: Về mặt Chính quyền chỉ được phép đòi ở người Dân những hy sinh tối thiểu để duy trì Nước, không bao giờ được xen lấn vào những địa hạt Tự Riêng thuộc Nhân. Chỉ có Dân thuộc Xã hội, còn Nhân thì không, nên kêu là Nhân Chủ.

Phụ: Hiểu là Cha Mẹ lo liệu cho Con Cái cả hai phương diện Tinh thần và Vật chất, nhưng cũng chỉ đến tuổi Gia quan là nên ngừng. Sau đó cần để cho Con Cái hiện thực đức Tự Cường Tự Lực, vì có vậy chúng mới đạt Cứu Cánh của con Người.

Bởi thế ngay về đàng tài Sản Cha Mẹ đừng quá lo để lại gia tài lớn cho con, vì như thế làm làm cho chúng mất dịp Tự Lực Cánh Sinh, tức cũng là vô tình làm chậm bước Tiến hoá của chúng, nên theo luật Giá Sắc những Cha Mẹ đó cũng phải chịu trách nhiệm.

Vì thế những Cha Mẹ hiểu thấu đáo không nên lo lắng quá nhiều về việc gây gia tài để lại cho Con Cái: Chỉ cần cho chúng một khởi điểm tạm tạm, còn chính chúng phải làm lấy: kể ngay từ những đồ dùng trang trí trong nhà. Đây là dịp để cho Con phát triển Tài năng: Sống đầy đủ mọi chiều kích: Trong đó có Lý trí cần phải tài bồi bằng Tự Lực Cánh sinh. Con cái nên được giáo dục để chúng ý thức tầm quan trọng của chữ “ Tự Cường “ để sau này không những không phàn nàn về sự thiếu sản nghiệp Cha Mẹ giới cho, mà còn coi đó là dịp may để phát triển óc Tự Cường, Tự Lực.

Sư: Xét về Thầy thì trách nhiệm càng quan trọng hơn. Nhiệm vụ ông Thầy là hướng dẫn đại cương, còn để cho môn đệ phải tự tìm lấy đường lối Riêng Tư nhất là tự gây cho mình những trực giác rất cần thiết cho đời sống Tâm linh.

Dem những ý nghĩ toàn Lý trí nhất là quá nhiều sự kiện về Hiện tượng nhồi nhét vào đầu óc trẻ là một Tội Ác mà hiện nay hầu hết các chương trình Giáo dục đều phạm.

Đã biết luật Giá Sắc “ Ai Gieo Nảy Gặt “, mà lại không để thì giờ cho “ Trẻ Gieo “, không giúp cho chúng gieo Hạt Giống Tâm linh, còn làm tê liệt khả năng gieo Hạt Giống bằng chông chắt Hạt Lý trí, bằng bắt lệ thuộc vào sự kiện Hiện tượng tức là Lệ thuộc vào Đất thì không thể đưa chúng đến chỗ Biến hoá, nhưng làm ứ trệ, làm ngãng đường Tiến hóa và lâm vào đủ loại bế tắc. Con Người hiện đại đang bị khốn đốn, thì truy căn ra là do tất cả các ngành Giáo dục, Văn hoá đều đều toàn một chất Địa (Duy Lý) thì làm sao không phá vỡ mất cái môi Thái Hòa, tức Hoà với Tiết Điệu uyên nguyên cùng Trời Đất.

Thuận theo Tiết Điệu đó là quả Khôn. Đi theo Tự Cường đó là quả Kiền, nên Kinh Dịch đã diễn tả cuộc Tiến hoá bằng quả Kiền. Theo Thuyết quái VII thì Kiền là Tự Cường, Tự Lập: “ Kiền, Kiện dã “, chữ Kiền viết với bộ Nhân ý nói lên tính cách Tự Chủ, Tự Lập, Tự Cường như câu giải nghĩa quả Kiền : “ Chung nhật kiền kiền “ và “ Quân tử dĩ Cường bất tức “. Vì vậy lấy tượng Kiền là Ròng. Ròng không lệ thuộc vào đâu cả : lúc lặn dưới nước, khi hiện lên ruộng, lúc bay lên Trời . Thực là Tự Cường, Tự Lập.

Cần vâng theo luật Loại tự mà tích chứa những tư tưởng cao đẹp, những cử động rộng lượng nhân ái để sửa soạn môi trường thuận lợi cho sự thức dậy và bay lên của Ròng tức là của Thần. Đây chính là ý của “ Nhật tân chi vị thịnh đức “ trong Dịch.

Để tóm lại. Đây là một bài nhằm phác họa lộ trình Tiến hoá của con Người. Xác định nơi phát xuất của nó là Thần, hay là Hồn Thần để phân biệt với Hồn Khóm của con Vật. Đặc tính của Hồn Thần là bất ý, là Độc lập, thường được biểu lộ vào lối chung quanh 20 tuổi. Do đó Lễ Gia quan nhằm giúp vào việc phát triển đặc trưng của Hồn Thần là Tự lập, Tự do. . Tự do Tự Cường mới là điều cốt chính; còn lộ trình xuất phát điểm, quá trình Tiến hoá chỉ là những phương tiện suy tư nâng đỡ Tâm hồn không nên quan trọng hoá.”

9.- TỰ DO

A.- HAI THỨ TỰ DO: NGANG / DỌC

“ Có hai thứ Tự do: Một Nội, một Ngoại.

Tự do Ngoại cũng gọi là Tự do Chính trị ở tại nó không bị thẳng thức áp đảo tự bên Ngoài do Tha Nhân như Xã hội hay Gia đình (libertas coercionis).

Tự do Nội cũng gọi là Tự do Triết lý hay Tâm lý đối diện với Định mệnh. Khi ta không bị tha Nhân thẳng thức ta có thể muốn làm chi tùy sở thích thì gọi là Tự do, nhưng có thực Tự do không, hay chỉ là Tự do bên ngoài, còn trong thực chất thì bị điều động do một Định mệnh khắt khe không sao thoát ra được, nhưng vì không ý thức được, nên thường cho là mình Tự do, mà kỳ thực không Tự do!

B.- TÂY PHƯƠNG KHÔNG PHÂN BIỆT ĐƯỢC

HAI BÌNH DIỆN NGANG VÀ DỌC

Vấn đề Tự do đã được đề ra và bàn cãi sôi động trong Triết học Tây phương qua hàng bao thế kỷ không những bằng tranh luận nhưng còn bằng đấu tranh đẫm máu và cho tới gần đây vẫn chưa tìm ra được câu trả lời.

Sự thất bại ở chỗ các Triết học đó không phân biệt ra được hai bình diện Ngang và Dọc, nên đã không tìm ra giải pháp ổn thỏa. Đến khi ghé tìm bên Triết Đông lại hiểu lầm vì đã dùng phạm trù hàng Ngang, nên nhiều học giả đi tới kết luận là người phương Đông không có Ý niệm về Tự do, nhưng hầu hết theo thuyết Định mệnh. Chính vì đó mà phương ông bị ứ trệ trong chậm tiến.

C.- ĐÔNG PHƯƠNG KHÔNG CÓ Ý NIỆM VỀ TỰ DO?

Có thực Đông phương thiếu ý niệm Tự do hay ngược lại **vấn đề Tự do không còn sôi động chính vì đã giải quyết phần nào ổn thỏa?** Đáp câu hỏi đầu ta không ngần ngại thừa là không phải thế, vì có hay không chỉ là phạm trù Nhị nguyên, hàng Ngang, còn **triết Đông nhất là phần Việt Nho thì “ Có như Không, Không như Có “** như sẽ bàn dài trong phần Định Mệnh, ở đây chỉ xin nói đến phần Tự do, vì chỉ gần ghi nhận rằng : **Triết Nho hầu như không nói gì đến Tự do chính bởi phần nào đã tìm cho vấn đề một giải pháp ổn thỏa. Được như thế là vì đã theo một chiều hướng khác với triết Tây.**

D.- TỰ DO HÀNG NGANG CỦA TÂY VÀ TỰ DO HÀNG DỌC CỦA ĐÔNG

Có thể nói **Triết Tây tìm Tự do theo hàng Ngang, nghĩa là tự do với Tha Nhân, Tha Vật. Còn Triết Đông lại tìm Tự do hàng Dọc nghĩa là tìm ngay nơi Mình.**

Và đầu trước hết là đưa ngay ra một quan niệm về con Người rất Tự do. Thí dụ Định nghĩa Người như một ông Vua tức Nhân Hoàng đối với Địa Hoàng và Nhân Hoàng. Đó là hình ảnh ông Bàn Cổ to lớn hơn vô cùng quan niệm về con Người của Triết học Duy niệm. Vì **Bàn Cổ** có tham dự vào việc sáng tạo Vũ trụ, phần nào giống với **đại Nhân Purusha bên đất Ấn.** Cả hai đều khác với Vũ trụ Hy Lạp, trong đó tất cả đều là công việc của Thần minh, chứ con Người không có tham dự gì vào việc tạo thành chi cả . Công việc vĩ đại hơn hết trong nền **Nhân bản Hy La** mà con Người có thể làm được là việc ăn cắp tí lửa **do Prométhée thực hiện.** Ăn cắp tí lửa đã thám thắp gì với sắp đặt Vũ trụ của Bàn Cổ, thế nhưng với quan niệm Tây Âu thì đã to lớn lắm, và do lẽ đó trong thời Phục Hưng Prométhée được ca ngợi như là Thần Linh vì đã có công thắp ngọn đèn Tiến hoá sửa soạn cho sự bùng nổ của cuộc cách mạng Pháp 1780. Cuộc cách mạng này được nhiều Sử gia, Triết gia đã chào mừng như một bình minh của sự trưởng thành con Người, trong đó con Người khởi đầu đòi quyền bất khả sang nhượng về sự định đoạt cho Số kiếp, của mình. Thế hệ đàn anh chúng ta vì nằm trong chế độ đô hộ nên cũng coi cuộc **cách mạng Pháp** như là biến cố độc nhất trong lịch sử. **Thực ra thì một trăm năm trước cuộc cách mạng Pháp 1670 bản Nhân quyền của Anh đã ra đời rồi và năm 1787 có cuộc cách mạng Mỹ,** nó đã sửa soạn sẵn cho cuộc cách mạng Pháp không đi tiên khởi và cũng như các cuộc cách mạng kia đều không gây ảnh hưởng lớn cho con Người mà không là người Da trắng.

Lý do sâu xa là vì tất cả các Quyền lợi và Tự do mà 3 bản Văn trên đòi đều nằm trọn vẹn trong hàng Ngang, nên sự Tự do đó đều được chinh phục trên sự bóc lột và tiêu diệt các dân màu. Nói khác các dân màu đã bị tước đoạt không những Tự do mà cả đến mạng sống ngay chính trong quang thời gian ra đời của những bản Nhân quyền và những Khẩu hiệu tuyên dương Tự do . Tự do đó tôi gọi là hàng Ngang. Vì hễ Người này Dân này đòi phần hơn thì Người kia Dân kia chịu phần kém.

Chỉ có Tự do đích thực theo chiều Dọc như kiểu Đông phương. **Đông phương đã từ lâu đi Vào con đường Tự do hàng Dọc này đến nỗi có thể nói chính Triết Đông đã góp phần lớn nhất vào việc làm cho cách mạng Pháp bùng nổ** (Xem C ửa Không hai chương cuối).

Tuy nhiên mới chỉ giúp được bước đầu, thì các Triết học gia đã ngừng lại không kịp khám phá ra chiều Dọc Tâm Linh vì thế mà cuộc cách mạng Pháp đã giữ bỏ được cái gông cùm thuộc loại Bái vật, chứ chưa thoát gọng kìm Ý hệ, nên chưa đạt quan niệm chân thực về Tự do.

E.- ÂU CHÂU CÒN ĐONG ĐƯA GIỮA TỰ DO CÁ NHÂN VÀ TỰ DO ĐOÀN THỂ

Lịch sử châu Âu cho tới nay vẫn còn đong đưa giữa hai Thái cực một là Tự do quá trớn buông thả thiếu hẳn Chủ Đạo, đến nỗi không biết phân biệt giữa Tự do Cá nhân và Tự do Đoàn thể. **Cái sau bị hạn chế bởi những luật lệ thiết yếu cho sự tồn tại của Xã hội**

Nhưng người ta không hiểu để cho Tự do Cá nhân lấn cả sang những phạm vi rất cần thiết cho sự trường tồn của nó như hiện nay Hippi là đại biểu dễ nhận hơn hết. Họ chối bỏ mọi luật lệ, mọi ràng buộc thói tục, mà không ý thức rằng cái đó cần cho cuộc sống chung mà không ngăn cản việc đi tìm Tự do. Chính vì thế họ không bao giờ thiết lập được Tự do như ý vì thường đã gây ra phản động bằng Độc Tài đi tới chà đạp lên cả Tự do Cá nhân như Phát Xít đã làm xưa và Cộng sản làm hiện nay. Đó cũng chỉ là sự phản động lại những chủ trương Tự do thái quá cho phép “ **Kẻ mạnh bóc lột kẻ Yếu** “. Và như thế chỉ có đong đưa giữa hai Thái quá: Một bên là Tự do Cá nhân đến cùng tột, bên kia là Độc tài chen lấn vào tận Lương tâm tư nhân, gây nên một sự bất ổn Tâm hồn.

Lý do là tại Triết học đã tự giam mình trong phạm vi Lý trí hạn cục hàng Ngang : quan niệm Tự do Báo chí, Tự do suy tư chống đối kẻ khác, rồi chống đối nhau giữa Cá nhân và Xã hội mà không sao đưa ra được một quan niệm “ Tự do tích cực “ vươn lên khỏi hai hạn từ Cá nhân và Xã hội, hầu giúp nhau tiến trên đường Tự do chân thực nó hệ tại biết vươn lên đọt Tâm linh để nhận ra những Tàn số cao hơn, rộng hơn, với những khả năng vô biên như quan niệm Đông phương.”

G.- TỰ DO HÀNG DỌC

Quan niệm này đặt theo hướng đi lên, càng lên càng Tự do, càng xuống càng Nô lệ, như có thể minh họa phần nào bằng Thái cực như sau:

Ta hãy ví đọt 5 với bình diện giác quan, trong đó phạm vi rất hẹp, vì cùng một lô mà trên cùng chỉ là một, còn ở dưới chia ra làm 32.

Vì thế Tự do ở đọt này thường chỉ là thỏa mãn những **nhu cầu cá nhân** : Ăn, Uống, Tình dục. . . nhưng lên đến đọt 3 , 2 thì mở rộng và được quan niệm như sự thoát ra khỏi yêu sách của Cá nhân để hành động theo những lý lẽ rộng lớn hơn, thí dụ thuộc **Gia đình hay Quốc gia, Nhân loại**.

Rồi khi lên nữa đến đọt 1 thì là vượt tất cả biên cương nhỏ bé của cả Nhân loại để **bao hàm tất cả Vạn Vật trong một cái nhìn Nhất Thể**, nên không còn gì ngăn trở sự Tự do. Nên Tự do tối hậu đó được biểu thị bằng bảng trắng trên cùng: Bao nhiêu những giới hạn ở đọt 5 đều biến mất khi lên đến đọt trên cùng để mình cùng Vũ trụ thông hội trong một Tiết nhịp, sống động đến nỗi mình không còn cảm thấy bị chống đối ràng buộc, hay hạn chế bởi cái chi nữa, nhưng tất cả đều hòa hợp với mình.

Trạng thái đó gọi là Thái Hòa và đây mới là Tự do chân thực, Tự do xứng danh với Minh Triết, nên tuy nói là hàng Dọc, mà thực ra bao gồm cả hàng Ngang: không những nó ổn

thỏa cả Thiên lẫn Địa mà cả Nhân nữa hay nói theo tiếng ngày nay là thích ứng với thế giới bao quanh sinh lý Hiện tượng với thế giới Nhân luân và thế giới Tâm linh nội Ngã : “ The umwelt of our biological and physical foundations. The mitwelt of social relations and the eigenwelt of one’s own inner life and self conscious : . Psychotherapy East and West). Alan Watts. Mentor book p. 95.

Sự phân biệt này giúp ta ý thức rõ hơn về ý nghĩa Tam tài là điều cần thiết cho việc hiểu được Tự do chân chính là cái có tính cách co dãn và mở rộng ra mãi theo đà tiến của Tâm thức, của Triết lý.”

H.- BẢO CHỨNG

*Tự do chân thực: Không nô lệ Vật, nô lệ Tâm linh.

“ Những điều bàn trên đây không chỉ là những lý lẽ suông, nhưng thực ra đã có những hiện thực, những thể chế làm bảo chứng: trong đó phải **đặt nổi sự giải phóng con Người**. **Khi con Người trong Xã hội được giải phóng khỏi vòng Nô lệ Người, Nô lệ Vật và Nô lệ Tâm linh thì phải kể là bấy nhiêu bước tiến lớn lao của Triết lý.**

Tuy những điều giải thoát đó chưa lan tỏa tới toàn dân vì trình độ học thức và kinh tế quá thấp. Nhưng khi đã có lý thuyết và một số thể chế để thực hiện thì ta có thể coi như những bảo chứng quý giá, chúng bắt ta phải kính nể và nghiên cứu về những tư tưởng đó.

Vậy nền tư tưởng Đông phương nhất là phần Việt Nho đặt con Người trong Tam tài như một Vua trong Vũ trụ nên rất ít bị lệ thuộc, nhờ vậy vấn đề chỉ còn là cố hiện thực đến độ “ Chí Thành để được như Thần ”. Do lẽ đó ta hiểu tại sao Triết Nho đề cao vai trò con Người Đại Ngã có vẻ còn hơn cả Trời cùng Đất là cốt nhấn mạnh đến Nhân chủ tính con Người, vì nó là gốc nguồn của Tự do chân thực.

Ta có thể thấy sự quan trọng đặt nơi con Người trong một số câu Minh triết, chẳng hạn: “ **Thiên Thời bất như Địa Lợi, Địa Lợi bất như Nhân Hoà** “.

* Chinh phục Tự do chân thực bằng hướng Nội

Trên đây là một suy luận liên hệ tới tiêu biểu thuộc Thời gian nên ít người nhận ra, điều đó không mấy quan trọng, miễn người ta hiện thực được nội dung chân thực của quan niệm Tự do. Và lúc ấy người ta sẽ hiểu phải chinh phục nó theo chiều hướng nào: **Không phải trong chiều hướng hàng Ngang buông thả các Dục vọng, hoặc vượt qua các pháp luật của Đoàn thể hay lấn chân vào Tự do của Lân nhân, nhưng bằng vươn lên, cũng có nghĩa là Hướng Nội để đón nhận những tia sáng Tâm linh tự nơi Lòng Minh.** Mỗi khi những tia sáng chớp lên trong lòng là mỗi lần làm trụt xuống một số Thành Kiến có tính cách thu hẹp che khuất, không để cho sự vật hiện ra nguyên hình, không cho mình nhận ra như mình có trong Bản chất uyên nguyên. Nghĩa là một thực thể Lương Thê

có hai đời sống: Một Cá nhân trên bình diện Hiện tượng, một Đại Ngã Tâm linh trên bình diện Vũ trụ.

Tự do phải biết tìm trên bình diện Vũ trụ thì mới thỏa mãn nguyện vọng sâu thẳm của con Người.

Không nhận ra điều đó lại chỉ tìm cầu có bình diện Hiện tượng thì sẽ lấn chân sang địa hạt khác: Ở Cá nhân là một tài năng lăm sang tài năng khác , thí dụ Lý lẫn Tình, còn với Tha Nhân là những bất công hoặc những lộn xộn làm rối loạn trật tự của đời sống công cộng. Còn khi ý thức ra được Đại Ngã tâm linh thì mặc tình chinh phục và mỗi bước tiến lên được ghi nhận bằng một cuộc chuyển hoá Tâm thức được biểu lộ bằng sự rộng mở chân trời cho Hồn tung cánh bay

lên. Và như thế cuộc chinh phục Tự do đã không làm phiền Lân nhân hay Xã hội mà còn trở nên một cuộc Hành hương đầy hứng khởi nên cũng rất kiên trì hơn các lối tu trì của các Tôn giáo. Vì nó dẫn tới cái Tri chân thực đến chỗ “ **Tam gia tương kiến** “ (Ba nhà xem tận mặt nhau), không còn bị hình danh sắc tướng che khuất để nô lệ hoá mình.

Đây là cái nhìn gây nên Tâm hồn thư thái an nhiên an lạc, cái nhìn ra chính Bản tính uyên nguyên của con Người, vốn là một Thực Thể đầy Tự do.

*** Bản tính của con Người : Tự do - Thần -**

Chính với Tự do hàng Dục Tâm linh này chúng ta mới có quyền nói **Bản tính con Người là Tự do. Nói thế hay nói Bản tính con Người là Thần cũng như nhau.** Vì thần là tự ý định đoạt nên gọi là Tự do: có nghĩa là do Tự mình phát xuất định đoạt; ngoại giả các loại Tự do hàng Ngang: Tự do theo Dục vọng, Tự do theo Chèn ép Lân nhân, Tự do phá rối Trật tự chỉ là những nẻo đường đưa tới Vong Thân, Thù hận. Bấy nhiêu điều là sản phẩm của những nền Triết học bò Ngang.”

IV.- LỜI KẾT

Bài trên hơi dài, vì phải diễn giải từ những câu chữ Nho, được phát biểu một cách quá súc tích, nghe như nhát gừng, nên phải đi theo cung cách Triết lý, phải dài dòng, việc này có thể làm cho nhiều vị khó lưu tâm, thực ra đây không phải là chuyện trên Trời dưới Đất, mà là chuyện về con Người chúng ta, thiện nghĩ chúng ta có thể rút ra được vài bài học hữu ích.:

Tất cả nguồn tư tưởng trên đều được Triết gia Kim Định khai triển từ Lạc Thư là sách của Dân Lạc tức là Tổ tiên Việt.

1.- LẠC THƯ

“ **Lạc thư được gọi là sách Mẹ đối lại với Hà Đồ là sách của Cha.**

Cha cầm cái Cũ Vuông đi theo vòng Ngoài, phải chịu điều kiện của Thời Không, có nghĩa là đi theo lối lẩn từng bước gọi là Diễn dịch, là Luận lý biện chứng.

Còn Mẹ Nữ Oa cầm cái Quy Tròn chỉ lối biết Trực thị, Trực giác, là cái biết riêng của Phụ nữ có sự mẫn tiệp Tâm linh và tế nhị hơn đàn ông. Chính thế mà đàn bà yêu thích cái gì cụ thể, riêng tư vì do khả năng nhìn thấy trong cái Riêng tư có cái Phổ biến, nhìn được cái Vô biên trong cái Hữu hạn. Chính bởi đó mà Lạc dân có thể hãnh diện là Dân tộc duy nhất trong thế giới mà không có Triết học. Sở dĩ không có Triết học là điều hãnh diện, vì Triết học đã được thâm nhập vào đời Sống, nên gọi là Giao Lạc hay Giao Chỉ theo nghĩa hai Chỉ giao nhau: Chỉ Trời (số Lễ) giao với Chỉ Đất (số Chấn), chỉ Phi thường giao với chỉ Thường thường, nói khác đi Triết học được hiện thực vào Đời Sống, nên không còn Triết đứng riêng ngoài Đời Sống. Muốn thấy Triết Việt thì đừng có tìm trong Sách mà phải tìm trong Lối Sống .

Chính nhờ trực giác nên tinh hoa của Lạc Thư là nhìn ra Trời ngay trong Đất, bởi vậy ở Lạc Thư số Đất (số Chấn, chen lẩn với số Trời (số Lễ). Điều ấy có nghĩa là nhìn thấy Đạo ngay trong đời khởi tìm đâu xa, nói khác đi nhìn thấy cái Phi thường trong những cái Thường thường.

Nhờ thế mà Việt Nam Triết học đã được hiện thực vào Đời Sống trước dăm ngàn năm sớm hơn những nơi chỉ biết tìm cái Phi thường ở những cái Phi thường, nên thiếu hiệu nghiệm. Vì Phi thường không thường xảy ra, nên mới gọi là Phi thường, nên khi tìm cái Phi thường trong cái Phi thường là chạy theo ảo tưởng. Muốn tránh ảo tưởng phải biết tìm Đạo trong Đời, tìm Phi thường ngay trong những cái Thường thường mới hiệu nghiệm.”

(Lược trích trong Lạc Thư minh triết: Gia phả. Kim Định)

2.- VỀ BA LUẬT LỚN TRONG VŨ TRỤ

Những Tư tưởng trên là Minh triết xuất phát từ Dịch Lý, đây cũng là Việt lý đi sâu vào đời sống ở Nơi Đây và Bây Giờ, hàng ngày nên tập quen sống trong những cái Nhỏ Vật Thường thường, vì trong cái Thường thường có ẩn chứa cái Phi thường, nhận ra được cái Phi Thường giúp ta đi vào đời sống Tâm linh, chứ không là thứ Dịch 64 quẻ chuyên về bói toán như người Tàu chuyên chú.

* **Ba luật lớn trong Vũ trụ** là luật thuộc về thế giới Tâm linh, giúp con Người trở về Nguồn mà sống cho sung mãn, đây là lãnh vực mà ngày nay người ta lãng quên hay khinh thường, nên gây ra bao nhiêu nan đề cho con Người và Xã hội.

Còn các **Định luật khoa học** là những định luật trong thế giới Hiện tượng. Ta có thể nghĩ định luật Tâm linh là luật Mẹ và định luật Khoa học là những luật Con.

Cả hai loại Định luật này đều là Dịch lý, là Thiên lý, đều là luật của Thượng đế của Thiên Chúa. Những định luật này cũng không thể nghịch với đức Tin về đấng Tối cao.

Con Người có đi vào những định luật về Tâm linh mới tiếp cận được với nguồn Sóng và nguồn Sáng, tức là nguồn Tình Yêu thương và nguồn Lý công chính. Đó là cốt tuỷ là Gốc của con Người. Khi đã thiếu nguồn Tình thì không còn là Người nữa, không còn Nhân Tính nữa, vì Tính Tình là Bản chất của Nhân. Khi sống ngoài thế giới Hiện tượng con Người phải khám phá các định luật khoa học để nâng cao đời sống Vật chất và Tinh thần.

Vì con Người là Vật Lương Thê, nên phải sống quân bình giữa hai đời sống Tâm linh và Thế sự ngược chiều nhau, mới phát triển hết mọi cơ năng. Đời sống Tâm linh thì Hướng Nội, còn đời sống Thế sự thì lại Hướng Ngoại. Do đó ta không thể chỉ chuyên môn chỉ sống trong một lãnh vực chuyên biệt mà có đời sống quân bình được. Sống như vậy chẳng khác nào chúng ta đi trong cuộc Đời với một chân. Người ta bảo trong 20 thế kỷ nay, người Âu Châu chưa biết Quy tư (hướng Nội). Có được phát triển toàn diện như vậy con Người mới có thể sống hoà nhịp với Tiết nhịp của Vũ trụ. Sống được như vậy, Cha ông Chúng ta gọi là Thuận thiên, vì có sống thuận với Thiên lý thì mới phát triển và tồn tại được, phải sống làm sao cho “ **Thiên Thời, Địa Lợi, Nhân Hoà** “ thì con Người mới đạt tới Hoà bình, hạnh phúc chân thật. Cuộc sống thuận Thiên hay hoà điệu với Tiết nhịp Vũ trụ đã được Cha ông chúng ta quảng diễn trên mặt Trống Đồng Ngọc Lũ.

*Theo **luật Biến Động** thì mọi vật trong Vũ trụ đều biến đổi hàng giây hàng phút, vậy muốn cuộc sống được viên mãn, thì con Người cũng phải hoạt động không ngừng để được Tiến hoá theo nhịp điệu của Vũ trụ. Vì vậy cho nên từ lúc mới sinh ra cho đến lúc từ giả cuộc đời, con Người không bao giờ ngừng nghỉ hoạt động được. **Con Người không phải được sinh ra là đã Thành, mà là đang Thành suốt cả cuộc Đời**, muốn Thành để Trưởng Thành thì phải biến hoá, vì vậy cho nên khi ngừng nghỉ hoạt động thì cuộc sống sẽ bị ứ trệ, một cơ năng không được phát triển sẽ làm đình trệ sự Tiến hoá của những cơ năng khác.

Ngay **khi còn là Ấu nhi**, nếu Cha Mẹ không âu yếm nâng niu đủ thì đời sống Tình cảm không phát triển cân xứng cũng như không cho tiếp xúc với thế giới bên ngoài đủ thì Lý trí cũng không được nâng cao.

Đến tuổi vào Trường, nếu không chú ý trau dồi yếu tố Thành Nhân để giúp các em biết cách ăn ở xử trí ở đời cho phải Người phải Ta, cũng như trau dồi kiến thức thông thường để cho hai yếu tố Đức và Tài phát triển đồng đều thì đời sống sẽ không được quân bình.

Việc Giáo dục ngày nay, hầu như các nước trên thế giới đều chú trọng về việc trau dồi kiến thức tức yếu tố thành Thân để dành nhau về kế mưu sinh, mà quên đi cách sống Hoà với mọi người. Đây là nguyên nhân gây ra Bất hòa và Bất công trong xã hội.

Đến tuổi Trưởng thành là tuổi Tự lập, nếu Cha Mẹ cứ sợ con cái vấp ngã, mà ôm ấp trong cánh tay của mình thì lại ngăn cản sự phát triển tính chất Tự chủ, Tự Lực, tự Cường của con cái. Đây là phần quan trọng nhất của mỗi con Người, thiếu phần này con Người sẽ sa vào vòng Nô lệ.

Nếu trong thời kỳ sống Tự lập mà cá nhân đó không biết tiếp tục trau dồi hai phương diện Tâm linh và Thế sự cho điều hoà thì đời sống sẽ mất quân bình: Hoặc sống nặng về Tình quá thì sẽ đối xử thiên lệch với những người này người khác, nếu nặng về Lý quá thì sẽ đi vào ngõ gian manh. Cả hai đều gây ra Bất Hòa và Bất công trong Xã hội.

Sống trong Xã hội, nếu chỉ lo làm việc Bác ái, mà quên cổ vũ và thực hiện Công bằng xã hội thì là chọn Để tránh Khó, chọn Ngọn bở Gốc.

Làm việc Bác ái tuy khó mà dễ, vì nó không đụng chạm tới ai, mà lại dễ mua cảm tình. Còn thực hiện lẽ sống Công bằng là đụng chạm tới cốt tủy của sự sống nhiều Người và cũng đụng ngay với chính mình, như một quán tính con Người dễ sa vào vòng sống Bất công.

Thực hiện và bảo vệ lẽ sống công bằng là công việc bảo vệ Nhân quyền và Nhân phẩm cho mọi Người. Xã hội ngày nay mỗi ngày một loạn thêm là vì Lý trí quá phát triển để tranh danh đoạt lợi một cách vô cùng tinh vi, mà quên yếu tố đối xử Công bình với nhau, cứ mạnh được yếu thua, khôn ngoan hơn, thế lực hơn, nhiều tiền hơn thì dành được phần nhiều phần tốt. Toàn cầu hoá là cuộc chạy đua giao tranh lợi, cuộc giao tranh này có giúp cho Hoà bình Nhân loại không thì cứ để ý tất ta có thể thấy. Thường các Tôn giáo chỉ chú trọng đến việc để là làm Bác ái, mà quên cổ vũ và thực hiện Công bằng Xã hội.

Mầm mống Cộng sản nằm trong Bất công xã hội Âu Châu cũng như các nơi khác.

CS quốc tế cho mình là Phải và cho Đế quốc thực dân là Trái vì Bất công, Đế quốc thực dân thì kết tội CS quốc tế là tàn bạo, vì vô Thần, chẳng bên nào thấy cái xà trong con mắt mình, nên xã hội cứ triển miên rồi ren. Những người bên phía hữu Thần muốn tiêu diệt Cộng sản đến tận gốc thì phải thiết lập cho được Công bằng Xã hội một cách tương đối, chứ chỉ dùng vũ lực để tiêu diệt thì chính vũ lực lại là mầm mống cho thứ Cộng sản khác tinh vi và độc hại hơn.

Phải có một Tâm hồn nhạy cảm phát xuất từ lòng Bác ái, thì mới nhận ra lẽ Công bằng để ăn ở Hoà với mọi Người. Cứ chỉ Bác ái thì dễ nhận thấy nhưng ăn ở Công bằng trong mọi trường hợp thì lại rất phức tạp và khó khăn, lại vì người ta có nhiều cách để tránh né che lấp. Nhân loại đang ngủ quên hay lơ đãn vấn đề Công bằng tương đối trong xã hội!

Liên hiệp quốc cũng theo con đường Bác ái mà cũng chưa chú ý đủ tới yếu tố Công bằng xã hội.

Mầm loạn của Thế giới là Bất Công, và nguồn gốc của Hoà Bình là lẽ Công bằng trong mọi lãnh vực. Bất công là do con Người gây ra, muốn sửa Bất công thì trước tiên phải sửa nơi mỗi con Người. Con Người không gieo Bất công là con Người “ **Tình Lý tương tham** “, biết cách “ **ăn ở phải Người phải Ta** “. Vấn đề xã hội thật đơn giản nhưng vô cùng khó khăn, vì nó liên hệ đến mọi người, mà bá nhân bá tánh, và mọi người phải chịu trách nhiệm sửa lại phần gây rối của mình bằng cách phải tìm cách sống Công bằng để Hoà với nhau, các quốc gia cũng vậy. Để cho mọi người tỉnh ngộ là điều còn diệu vợi. Cứ sống theo lối nhiều sai không ai đóng cửa Chùa thì cả thế giới sẽ dất nhau xuống hố. Ta chỉ mong thực hiện được Công bằng xã hội

trương đối, để cho bất cứ ai cũng có điều kiện tối thiểu để sống xứng với Nhân phẩm, vì khi được sinh ra chúng ta đã gặp sự bất công ngay trong bản chất của chúng ta, vì mỗi người có những khả năng và tư cách hơn kém khác nhau. CS đã có ảo tưởng muốn thực hiện công bằng xã hội tuyệt đối nên đã phá hoại “ cào bằng tất cả” mọi thứ từ con Người đến Xã hội, để rồi chết chìm trong đó.

Chúng ta không thể CHỈ quy tụ với nhau tại nhà thờ hay nhà Chùa mà cầu Xin Chúa Phật ban Hoà bình cho chúng ta. Chúng ta không thể cứ theo thói ăn ở bất công, xả rác ra cùng Thế giới rồi ngồi mà cầu xin Chúa Phật dọn rác đi cho chúng ta được, mà chính chúng ta, mỗi người phải đứng trước mặt Chúa, mặt Phật đoan quyết với các Ngài rằng chúng ta sẽ cùng nhau sửa đổi đường ăn lối ở cho Công bằng để sửa chữa lại Bất công, để chấm dứt mầm loạn mọi nơi trong Xã hội. Cầu xin Hoà bình nơi Chúa Phật mà không lo xoá đi Bất công trong Tâm khảm mọi người ở mọi nơi thì là điều ảo tưởng, vì Thiên Chúa không thể xoá cái luật Công bằng mà Ngài đã tạo dựng ra từ muôn thuở để sửa lại những Bất công do những con cái hư như chúng ta gieo rác ra mọi nơi, nguyên nhân đơn giản là chúng ta không vâng theo lời các Ngài dạy mà ra! Tay cứ làm chuyện Bất công mà miệng cứ xin xỏ kêu nài Hoà bình, thì thật chúng ta không xứng đáng với bậc Con Cái cao quý của các Ngài. Chỉ cần mỗi người tự mình thấp đức lên, cầu xin Ngài soi đường chỉ lối mà thực lối sống Yêu thương và hành xử Công bằng với nhau thì mọi dự sẽ được tốt đẹp. Con Người ngày nay luôn tự hào về trình độ Văn minh của mình, nhưng cứ xét xem trong cách ăn ở với nhau có thực sự được Văn minh không?

*.-Về luật Loại tụ, người Bình dân bảo” Tuồng nào đi theo tập nấy “, Nho thì bảo là “**Mã tâm Mã, Nguru tâm Nguru**”, còn Văn gia thì bảo “**Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương** “. Luật này giúp chúng ta biết cách sống và giao tiếp ở đời với ai và thế nào để cho không bị sa vào con đường trái Đạo làm Người. Cha ông đã bảo “**Ở ống thì dài ở bầu thì tròn** “, cho nên mình không thể nào thoát khỏi ảnh hưởng của môi trường sống nhất là khi giao tiếp với lân nhân với tha nhân. Sống trong Đời chúng ta luôn luôn trực diện với các đối cực như Thiện với Ác, Đẹp với Xấu, Chân thật với Giả dối, Cao cả và Thấp hèn, Lành với Dữ, May với Rủi. . . Theo luật Loại tụ thì Thiện, Đẹp, Chân thật, Cao cả, Lành, May. . . thường hay đi với nhau, còn Ác, Xấu, Giả dối Thấp hèn, Dữ, Rủi. . . lại cùng nhau tụ họp, chỉ vì “Đồng Thanh đồng Khí “.

Nhưng nhờ có luật **Biến động**, con Người có thể thay đổi theo luật Tiến hoá để Đổi mới, để hoàn Thiện con Người. Nếu không có cặp Đối cực để Biến hoá mà Tiến bộ mà vươn lên Từ Thấp lên cao, Từ Xấu tới Tốt, từ Thiện tới Ác, từ Thấp hèn tới Cao cả, từ Bất Tài tới Đa Tài . . (Nghĩa là luôn chú tâm vào công việc Perfect for being and perfect of things), thì phỏng đời sống con Người còn có ý nghĩa nào nữa không? Đây là phần thưởng cao quý Thượng Đế dành cho mọi con Người có việc làm để nâng cao phẩm chất, để không những đời nay được yên vui hạnh phúc, mà chắc không thể mất phần Vĩnh cửu đời sau.

Phải lấy thành quả Hiện tại bảo đảm cho cuộc sống Tương lai, chứ cứ mơ màng ở Tương lai mà bỏ quên Hiện tại thì chắc đời nay với “ Tay Trắng “ thì đời sau cũng vẫn “ Trắng Tay “! Giây phút nào trong đời cũng phải là Hiện tại, mà Hiện tại nào cũng rán biến đổi để vươn lên. Cha ông chúng ta gọi đó là Hiện tại miên trường. Quên Hiện tại miên trường là quên đời Sống! Cứ níu kéo cái Quá khứ vàng son hay đen tối, cũng như hy vọng hảo huyền về cái Tương lai xa vời là sống trong ảo vọng.

Muốn đổi mới để tiến bộ thì hàng ngày ngay từ lúc còn măng non cho đến tuổi già lúc nào chúng ta cũng phải gieo giống: gieo những mầm Ý tưởng Tốt, những việc làm nhỏ nhặt Tốt,

*những lời nói nhỏ nhẹ “ cho vừa lòng nhau “ , . . . phải Gieo luôn luôn để được Gặt luôn luôn những kết quả tốt gấp bội, nhờ đó mà có nguồn Vui, nguồn Hứng khởi cho cuộc sống hàng ngày. Trong khi gieo giống Tốt tất ta cũng phải biết tránh những mầm mống xấu, phải lấy” Thói quen Tốt để thắng thói quen Xấu “. Trong khi giao tiếp hàng ngày chúng ta cũng phải chọn những Người tốt để học hỏi trau dồi thêm và cũng phải biết người Xấu với những khuyết điểm của họ mà né tránh. Ngay đến việc dạy dỗ con cái, Cha ông chúng ta đã bảo : “ **Thói thường chọn Bạn mà chơi. Sông kia bên Lở nên Bồi biết chăng?** “ **Giàu vì bạn, sang vì Vợ** “ cũng giúp chúng ta ý thức được vấn đề thiết thân với cuộc sống chúng ta. Để đến lúc con Người đã hư đi vì Thói quen thì khó mà sửa chữa được!*

*Không biết đã bao lâu nay, sống trong môi trường Phân hoá trầm trọng, chúng ta cứ kêu gào Đoàn kết, kêu gào thì cứ kêu gào, nhưng Đoàn kết thì mãi tới nay vẫn chưa ló dạng, vì sao vậy? Lẽ đơn giản là con dân Việt đang ở trong tình trạng” **Đông Sàng Dị Mộng**”.*

Sàng đây là sàng Quốc gia, mà mộng đây là mộng của Cá nhân, của Đảng phái, của Tôn giáo. Không lẽ cả toàn Dân của cả Quốc gia mà chỉ đi phục vụ cho một hay nhiều Đảng phái “ Lừa Bị p “ sao?

*Con dân chúng ta đã bị lừa đảo triền miên, nay cũng phải mở mắt ra chứ! Thành ra có kêu gào “ **rát cổ đổ họng** “ thì rồi ra cũng chỉ là những tiếng kêu trong sa mạc.*

Chỉ khi nào chúng ta thực sự biết cách lo cho bát Com manh Áo (Quyền Tư hữu) và quyền Tự do giúp phát triển Dân trí mà không cho ăn Bánh Vẽ thì nhân dân ai mà chẳng theo.

3.- TÌM VỀ HỒN THIÊNG SÔNG NÚI

*Thỉnh thoảng có một số người cũng đã nhắc tới Hồn Thiêng Sông Núi, còn có vô số Người lại kêu gào: “ **Lấy Hạ tầng cơ sở xây dựng Thượng tầng kiến trúc**, hay nói dễ hiểu hơn là **lấy Vật chất xây dựng Tinh thần** “, nhưng đây là Tinh thần của thứ Vật chất lạnh cóng đã làm băng giá hết Tình người!*

*“ **Hồn thiêng** “ là “**Hồn thiêng liêng** “ thì ở đâu cũng có, nơi đâu cũng hiển hiện được. Vì có “ **Thần** “ mới có “**Hồn Thiêng** “, mà **Thần** thì vô phương, nên đâu đâu cũng ở.*

*Nhưng Tổ tiên chúng ta đã sợ con Cháu khó tìm ra những thứ vô hình, nên đã cẩn thận chỉ cho “ **nơi chốn của Hồn thiêng** là ở nơi **Sông / Núi** “, đây là **Sông / Núi của Tiên / Rồng**. Vì cho **Tiên / Rồng** là chuyện hoang đường, nên con cháu mới để **Lạc Hồn** đi mất, nên cứ nhón nháo đi tìm, chẳng khác nào như đàn Gà con mất Mẹ. Theo Tổ tiên ta, thì **Sông, Biển** là chốn ở **Sâu thẳm của Cha Lạc Long Quân, Núi Non** là nơi ở **Cao vời của Mẹ Âu Cơ**, nói tắt là **Non Nước của Tiên Rồng**. **Tiên Rồng** là **Vật biểu của Tổ tiên Việt**, nó chứa ý nghĩa Minh triết về đời sống con Người và cuộc đời, chứ không là chuyện **Thần thoại**, để kể cho trẻ con nghe, mà là bài học muôn đời cho Người lớn. **Cha Rồng ở đáy biển** là là **Trí sâu thẳm**, đó là nguồn **Lý Công chính**. Còn **Mẹ Tiên ở trên Núi cao**, là nguồn **Nhân ái vô biên**, đây là nguồn **Tình cao cả**. Do đó mà có câu: “ **Mẹ non Nhân Cha nước Trí** “. **Cha Mẹ chia tay nhau theo lẽ Công bằng để phân cực để “ **Bác hậu phối Địa, Cao minh phối Thiên** “ hầu phát triển hết khả năng của con Người. Sự chia tay này không phải là **Ly dị** như nhiều người lầm tưởng, vì họ quen mắt là **Cha Rồng Mẹ Tiên còn hẹn gặp nhau trên cánh Đồng Thương** để cho “ **hai nguồn Tình Lý tương tham** “, có thể mới sinh ra con **Hùng / Dũng**. “ **Nhân / Trí, Hùng / Dũng** “ mới là chất keo sơn gắn bó mọi con dân Việt lại với nhau. Do đó mới có câu: “**Mẹ Non Nhân, Cha Nước Trí, Con Hùng Dũng** “. **Vậy khi nhắc đến nòi giống Tiên Rồng** là ta nói đến nòi giống “ **Nhân / Trí, Hùng / Dũng**”***

Ngày nay người ta vẫn nói tới con cháu Rồng Tiên, là chỉ nhắc tới cái vỏ, còn cái ruột là nguồn Sống Nhân / Trí , Hùng / Dũng có lẽ đã quên bằng từ lâu! Khi đã đánh mất nguồn sống Nhân Trí, Hùng, Dũng thì Cha Rồng Mẹ Tiên chỉ còn là chuyện hoang đường chẳng ăn nhập gì vào đời sống chúng ta nữa. Ai tin đây là chuyện hoang đường thì chính người đó đã đánh mất nguồn sống vô song! Nếu con Người mà đánh mất nguồn Nhân, Trí, Hùng, Dũng thì chẳng còn là **Người tự Chủ** nữa, con Người này đã **mất hết sức tự Lực tự Cường**, nên trở thành yếu xù chỉ có thể làm nhiệm vụ nô lệ, làm nghề xin xỏ mà thôi. Bao lâu chưa phục hoạt lại nguồn sống dồi dào đó thì con Người còn đánh mất quyền làm Người, làm Chủ !

Muốn trở lại với con Người của Tổ tiên thì chúng ta phải tìm cách gọi Hồn thiêng Sông Núi về. **Vậy làm thế nào để chúng ta trở lại với Hồn thiêng Sông núi của Tổ tiên, mà chúng ta đã để lạc lối đâu đây? Vấn đề không phải là Hồn thiêng Sông Núi ở xa, đã biến mất, đã bỏ chúng ta mà đi, thực ra Hồn thiêng còn luôn ở đó, đâu đâu chẳng hiện diện, vì là vô hình nên ta chỉ có thể thấy bằng con mắt Tâm linh. Điều rõ ràng là chính chúng ta đã lìa bỏ những giá trị đó nên đã cắt đứt mối liên hệ với Tổ Tiên mà thôi. Vì vậy nhiều khi có Mắt mà ta chẳng Thấy, có Tai mà đâu có Nghe, có Trí mà đâu có Hiểu, có Lòng mà đâu có Động, mọi biển cổ trái Đạo làm Người Xẩy ra trước mắt hàng ngày mà ta cứ đứng đưng, xem ra chẳng có liên hệ gì đến ta!**

Theo luật Giá sắc (Gieo Gặt) muốn có lại Hồn Thiêng thì chúng ta phải gieo: **Gieo Chủng tử (hạt giống) Nhân, chủng tử Trí, hãy tập yêu thương mọi người, ăn ở công bằng với mọi người, từ gần tới xa, từ trong gia đình ra cộng đồng, rồi ra xã hội.**

Mọi Người đều là tinh hoa của Trời Đất, từ ông ăn mày đến bậc cao sang đều được quý trọng và Yêu thương hết, mọi người đều cần được đối xử Công bằng, những người thất thế cần được nâng đỡ, được chia sẻ, vì Thương để đã cho mình phần hơn rồi. Trong xã hội ta không có giai cấp mà chỉ có Tôn ti trật tự mà thôi. Mỗi người một Tư cách và Khả năng riêng, một nhiệm vụ và quyền lợi tương xứng, ai làm trọn nhiệm vụ tốt đẹp mới có danh dự, mới đáng được tôn trọng.

Việc đầu tiên là ai ai cũng phải gieo điều Thiện bỏ điều Ác. Có gieo chủng tử Nhân , chủng tử Trí, và thực hành những điều đó thì ta gặt được nhiều chủng tử Hùng Dũng. Ta phải liên tục cứ Gieo cứ Gặt, đến một mức độ nào đó khi Nhân Trí Dũng được trưởng thành thì tự nhiên Hồn sẽ tìm Hồn mà đến, Hồn chúng ta sẽ nối Kết được với Hồn Thiêng Sông Núi, theo luật “ Đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu “ Chẳng cần phải chạy sang Tây sang Tàu, lên Bắc xuôi Nam mà tâm sư học Đạo, Đạo làm Người đã có ở trong mỗi con Người trong Dân tộc chúng ta rồi. Đây là con Người Phù đồng to lớn, biết sống ngang tàng trong Trời Đất để xứng đáng là con cái của Trời Cao Đất dày. Chúng ta chỉ cần học những điều mà chúng ta chưa có, còn đã có thì lo mà tài bồi để phát triển thêm. Bỏ quên cái Hay (Nhân, Trí, Hùng Dũng) của Ta mà đi học cái Dở (Giai cấp đấu tranh với Hận thù với Tham tàn và Cường bạo) của Người thì là việc của giống người có Trí lự loài Tôm !!

Nếu mọi người đều biết gieo và Gặt những chủng tử Nhân, Trí, theo luật Loại tự thì tự nhiên tất cả con Dân Việt sẽ biết lối tìm về gốc Tổ, ở đó tất cả đều gặp gỡ nhau trong bầu khí hân hoan, và chắc chắn được gắn bó với nhau trong mối Tình Lý keo sơn, chẳng cần gì phải kêu gào la hét mới nhận ra mà tìm về với nhau. Gương ngày xưa còn đó: “ Động vi Bình, Tĩnh vi dân “ Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh, trăm người như một, mỗi người hai vai hai gánh, việc

nhà việc nước đều tròn. Vì vậy Nhân Trí Hùng Dũng là cai gốc của Tinh thần Dân tộc, bỏ gốc này thì dân tộc tan ra từng mảnh.

Vậy Hồn thiêng Sông Núi là nguồn Sống Nhân / Trí Hùng / Dũng.

Đây là vấn đề thiết thân với mọi Người, không là chuyện tán nhảm!

4.- VẤN ĐỀ ĐỊNH MỆNH VÀ THIÊN MỆNH

(Lạc Thư minh triết: IV. Từ Định Mệnh tới Thiên Mệnh. Kim Định)

A.- THUYẾT ĐỊNH MỆNH CỦA TÂY PHƯƠNG

“Người Tây phương cho rằng: Thuyết Định mệnh mang tính chất thụ động, cái gì cũng do Trời cho Đất. Trời Đất xếp đặt đâu đành chịu đấy: Trời bắt phải bần hàn cùng cực thì ráng mà chịu chứ không dám cự quạ chi cả để thoát ra ngoài vòng khổ cực. Đó là Định mệnh, là niềm tin cố hữu đã trải qua bao ngàn năm.

B.- THIÊN MỆNH CỦA HÁN NHO

Còn Thiên mệnh thì Hán Nho hiểu theo nghĩa Chính trị tôn Quân quyền, nên Thiên mệnh hiểu là quyền Vua do Trời ban cho hoặc nữa hiểu theo nghĩa ngoại lực.

C.- THIÊN MỆNH THEO NGHĨA NGUYÊN SƠ

Theo nghĩa nguyên sơ thì Thiên mệnh chính là Tính:” Thiên mệnh vị chi Tính “. Vậy Mệnh là gì, nghĩa cao cả hơn cả là mệnh lệnh của Hóa công, hay cách khác là những luật tắc thiên nhiên có tính cách phổ biến, vì tất cả muôn vật trong vũ trụ hoàn toàn đều phải tuân theo. Định mệnh là khi hiểu cái Mệnh từ ngoài đổ vào, con Người không có tham dự chi cả. Vì con Người là một Tài, nên không những có Định mệnh mà còn có con đường Tính mệnh nữa. Tính mệnh là tự nội, con Người hoàn toàn nắm then chốt như một Vua tự quyết định lấy về Vận mạng của mình.”

5.- THEN CHÓT CỦA THIÊN MỆNH

(Lạc Thư minh triết: IV. Từ Định Mệnh tới Thiên Mệnh. Kim Định)

“Theo luật Giá Sắc mỗi khi chúng ta làm một tác động nào, dù chỉ là một ý tưởng thì liền nảy sinh ra những luồng sóng rung chuyển đi một vòng rồi trở lại theo luật tuần hoàn, trong Chu trình đó nó quện theo những luồng sóng Thiên hay Địa và khi trở về nó trở về nơi phát xuất, nó sẽ ghìm người đó xuống nếu thuộc Địa, hay được nâng lên trên đã tiến hoá nếu thuộc Thiên.

Địa là nói về những cái gì thuộc Hình và Lượng có tính chất hạn hẹp bé nhỏ, nói cụ thể là những gì cá nhân, ích kỷ, tư riêng, nhất là những cái gì gây thiệt hại cho lân nhân, dù chỉ là bằng tư tưởng như những ý nghĩ oán ghét ghen ty, làm hại người. . . Những tư tưởng này khi phát xuất sẽ kéo theo những tư tưởng ô trọc cùng loại để trở về kéo theo tâm thức chum sâu mãi trong Định mệnh, và nếu không có một cuộc phản công lại thì người đó bị cột chặt dần dần trong đọt Định mệnh, nói theo tiếng tôn giáo là đi lần xuống nẻo Âm phủ, Địa ngục.

Vì thế muốn tránh Địa ngục hay nói theo Việt Nho muốn đi lên đường Tiến hoá để đạt Tính Mệnh, Thiên Mệnh thì cần phải có những yếu tố thuộc Thiên.

Thiên là những gì thuộc Phẩm, nói cụ thể là những gì trọn hảo, tốt đẹp, những gì có tính cách công cộng, những tác động vô vị lợi, những tư tưởng cao thượng theo nghĩa mưu cầu hạnh phúc chung cho tha nhân, cho nước, cho nhân loại.

Tất cả những cái đó ta có thể gói ghém vào hai chữ Nhân ái, hoặc Từ bi.

Chính chữ Nhân là một của cao quý vô ngần giúp cho con Người thoát cảnh nô lệ của Định mệnh để vươn lên chốn tiêu dao của Thiên mệnh. Chính chữ Nhân quyết định hướng Tiến hoa của con Người, chữ Nhân là cái lái để con Người lái đi lên.

Con Người sinh ra và lớn lên trong bình diện Hình, Danh, Sắc, Tướng tức là những cái thuộc về Địa, về Âm. . . , là những đối tượng tự nhiên của giác quan của trí não, không cần phải cố gắng nhiều cũng nhận ra. Ngược lại Thiên thuộc về phần Thần, nhưng là Thần Cơ tức là cái mầm còn tiềm ẩn, nên tôi cũng gọi là Thần Nhộng chưa nở ra Thần Ngài, nên cần phải săn sóc tài bồi thì mới nở ra hết để đạt kích thước cân đối với bên Địa.

Nhưng vì phần Thiên hay Thần chỉ là cái mầm trong trạng thái phôi thai, nên dễ khuất lấp con mắt thường tình, và vì vậy số người chăm sóc vun tưới cái mầm đó rất ít, nên cũng rất ít người đạt Tính Mệnh.

Cách vun tưới tốt nhất là làm những công việc chính đáng nhằm mục đích vô vị lợi, nuôi dưỡng những tư tưởng tốt đẹp, chất nhiều khả năng làm phần chấn Tâm hồn, hướng đến Yêu thương.

Mỗi tư tưởng như vậy được tung ra là nó kéo theo nhiều tư tưởng cùng loại để trở lại với mình và làm cho to dần phần Thiên để trước là gỡ mình ra khỏi Định Mệnh, và sau là giúp tiến mau trên con đường Tính Mệnh.

Như thế bất kỳ ở đợt nào con Người cũng còn có thể làm chủ được Vận Mệnh của mình.

Và chính trong ý hướng đó mà Tiên Nho có những câu như “ **Đức năng thắng Số** “ hoặc “ **Đức trọng Quỷ Thần kinh** “. Quỷ Thần hay Số đều chỉ cái Định Mệnh, tuy người thường nghe dễ sợ nhưng con Người có thể thắng vượt như thường. Khi còn chìm sâu trong Định Mệnh hay nói theo tiếng nhà Phật là khi Quả Báo còn quá nặng thì lúc ấy rất khó khăn, nhưng khi Quả Báo đã bớt huân tập, đã nhẹ đi, tức khi đã có đủ phần Thiên nổi lên mặt Định Mệnh, trên mặt Ruộng (hiện Long tại Điền) thì từ lúc đó con Người sẽ ung dung trúng Đạo, an nhiên thư thái như một ông Vua, vì cảm thấy mình nắm được vận hệ của mình để tiến lên cõi Thiên Mệnh. Trên đây hay nói đến ý tưởng thì nên hiểu theo nghĩa rộng là bao hàm tác động. Sở dĩ nói đến tư tưởng nhiều vì nó là đầu mối dẫn tới tác động. **Khi một Tâm hồn nuôi dưỡng mình bằng những tư tưởng cao cả mệnh mệnh thì đây là những con đường rất tốt để dẫn tới cõi Thiên Mệnh. Chúng tôi đã viết bộ “ Triết Lý An vi “ trong ý đó.**

An vi là làm vì những mục đích cao cả, vì ơn ích cho nhân loại, vì vậy các vấn đề đề cập đến trong đó thường rất bao la. Khi Tâm hồn nào đã làm quen với những tư tưởng như thế sẽ có lúc cảm thấy mình an nhiên như hoà hợp với Thiên Địa. Đó chính là bước lớn trên con đường Tiến hoá, mà cuối cùng sẽ là Thần. mà Thần là Tự Cường Tự Lực, tự làm Chủ Vận Mệnh của mình. Như thế là muốn đi mạnh trên con đường Tiến hoá, thì không cần phải làm những việc Dị Thường, mà chỉ làm những việc Thường thường với ý hướng tốt lành cao cả, những cảm tình tao nhã thanh bai. Chính những ý tưởng, những cảm tình đó với ý chí cao thượng mới là cái lái con tàu Định Mệnh hướng vào cõi Thiên Mệnh.

Một khi bước vào cõi Thiên Mệnh thì cũng là ngày khởi đầu hiện thực sứ mệnh mệnh mệnh của con Người Đại ngã Tâm linh là “ **Dữ Thiên Địa tham** “ và “ **Tán Thiên Địa chi hóa dục** “ không gì cao cả hơn nữa.”

6.- ĐỜI SỐNG TU THÂN

Có một điều rất quan hệ đến đời sống tu Đức của bàn dân thiên hạ chúng ta, mà đa số tín đồ đều không mấy quan tâm. Đây là luật Giá sắc hay luật Nhân quả, là luật vô cùng quan trọng, mà chúng ta cứ lơ đã, thân nhiên sống theo lối mòn, không mấy hiệu quả về đường ăn lối ở. Đó là lối sống chỉ có chuyên lo Thờ phượng và Cầu xin, tuy đây là việc hình thức nên làm, nếu chúng ta không quan niệm vấn đề cho được rõ ràng.

Thực ra việc cầu nguyện không phải để mà cầu xin những cái gì cụ thể (ready made), mà cả cộng đoàn ngồi lại với nhau, cùng nguyện cầu để cho lắng đọng Tâm hồn, giúp cõi lòng được yên tĩnh, hầu đón nhận được sự sáng soi từ Thiên Chúa về những gì mình muốn được sáng soi để có những hành động kế tiếp giúp cho sự sống được tốt đẹp hơn.

Có như vậy mới tránh được những tư dục gây ra sai lầm đáng tiếc.

Đó mới là việc chính yếu trong đời sống Đạo. Đạo là con Đường giúp cải thiện đời sống cho ngày một tốt đẹp hơn. Đã có “ Đạo nói ” phải có “ Đạo làm ” để thực hiện. Nếu chúng ta cứ đi Lễ cầu nguyện để xin những ơn chung chung như Hoà Bình chẳng hạn, hay chỉ để Tôn Vinh Chúa chẳng hạn, để Chúa ban Ôn cho một cách mơ hồ, thì đó là việc làm không chủ đích. Thực ra Thiên Chúa đã có dư thừa mọi thứ, chẳng cần gì đến chúng ta phải Thờ phượng và Tôn vinh, thiện nghĩ trước tiên là chúng ta phải ăn ở với nhau làm sao để ai cũng nhận ra là tất cả đều là con Cái của Thiên Chúa đã, những người con Biết Yêu thương, Kính trọng và ăn ở Công bằng với nhau. Sự Tôn vinh và Thờ phượng chỉ cần khi chúng ta có đủ tư cách là những người Tôn vinh thực sự, khi là những con người đã biết sống Hoà với nhau, vì Đạo Chúa là Đạo Hoà Bình., Chưa biết sống san sẻ với nhau trong lúc con người ly tán, nhà đang tan, nước sắp mất thì thiết tưởng chưa phải là lúc đến trước mặt Chúa mà năn nỉ nài xin. Hãy trở về làm Hòa với người gây bất hòa rồi hãy đến Tế lễ.

Trước thời sự nóng bỏng ngày nay trong nước cũng giúp chúng ta nên xét lại một đôi điều cần thiết: Đức Phật thì bảo: “ Ta là ngón tay chỉ Trăng ”, các con phải tự thấp đuốc lên mà đi tìm Trăng (Không cần phải thờ phượng cánh tay ta). Trăng đây là nguồn Giác ngộ để giải thoát. Muốn vậy thì hàng ngày phải dẹp bỏ lối sống “ Tham , Sân, Si “ có Phá / Chấp được các thứ tróc phược đó mới vén màn vô minh mà giác ngộ được.

Còn Chúa Yêsu cũng phán: “ Không phải cứ lạy Chúa lạy Chúa mà được lên Thiên đàng, mà phải làm theo Ý Ta ”, mà Ý Chúa là lệnh truyền “ Mến Chúa Yêu Người và Tha thứ cho nhau “ . Vậy cả Tín đồ Phật giáo Công giáo cũng như các tôn giáo khác cứ đi lễ thật nhiều, cầu nguyện liên miên, mà không lo cải thiện đời sống, cứ vui vẻ sống trong đời sống đầy Bất công, thì liệu Chúa và Phật có kéo mình lên Thiên đàng, Niết bàn được không. Chắc chắn là tất cả chúng ta chưa thể đạt tới cuộc sống Công bằng, vì Bất công còn như núi Thái Sơn còn lù lù khắp nơi trước mặt chúng ta, tiên vàn hãy dọn đống rác khổng lồ đi đã. Theo thiện ý chắc chắn là Chúa không thể làm gì được. Tuy rằng Chúa là đấng toàn năng, làm việc gì mà chẳng được, nhưng mà cả vũ trụ này đã được luật Thiên chúa điều hành từ thuở tạo thiên lập địa rồi, mọi sự đã hoàn tất và hoàn hảo, Chúa không làm thêm bớt gì nữa, lẽ đâu còn ngồi nghe xin xỏ mà xoá tội theo lời cầu xin của từng người. Sao lại quan niệm Chúa như một người tầm thường như thế được?

Cũng dựa vào luật Giá sắc: Có bao giờ chúng ta gieo mướp đắng mà gặt hái được vô số quả cam ngon không?

Chúng ta có nghĩ rằng, theo lý đơn giản, khi cây mướp đắng đơm hoa kết quả, chúng ta thử cầu xin ngày đêm xem Chúa có biến quả mướp đắng thành quả cam cho chúng ta không? Lẽ dĩ nhiên

là không, vì đây là luật Trời bất di bất dịch. Lời này khác với lời của CS, hãy cầu xin với Marx Lenin sẽ có bánh mì ăn! Đây chỉ là lời dối trá của con Người làm chính trị.

Gieo Gặt là luật bất di bất dịch của Thượng Đế, nếu Thượng Đế sửa đổi Bất công thành Công bằng theo lời cầu xin là Thượng Đế đã phạm vào luật trợn hảo mà Ngài đã tạo ra từ ngày khai Thiên lập Địa. Vì bất toàn, nên con Người cần được Tha thứ là để giúp nhau cải thiện mối liên hệ trong đời sống hàng ngày để giúp nhau hoàn thiện hơn, chứ không thể dựa vào lòng tha thứ hải hà của Thượng Đế mà xin xỏ xoá tội đi được.

Việc xin xỏ kêu nài chỉ làm giáng cấp phẩm giá con cái của đấng Chúa tể Càn Khôn Vũ trụ, vì nó xoi mòn Nhân cách làm cho con Người ngày càng ỷ lại, đánh mất tính chất Tự Chủ, tự Lực, tự Cường. Khi con Người mất tính chất Tự chủ, tự Cường thì sẽ sa vào vòng Nô lệ, thì không những đánh mất cuộc sống Tự do, đánh mất quốc gia, và cũng bỏ Thượng Đế mà đi lang thang vô Hồn vô Hướng. Cũng theo luật Giá sắc, ai gieo Gió tất phải gặt Bão, Bão là Gió được gấp lên hàng trăm lần. Gió đây có thể là điều Thiện hay điều Ác.

Gieo được điều Thiện chắc sẽ gặp may lành hạnh phúc, ít ai làm điều lành mà gặp Quả báo bao giờ. Còn gieo điều Ác thì tất sẽ gặt được hàng trăm cơn Bão Ác ghê hồn: Ác hữu Ác báo.

Ý nghĩ ác độc hại người, lời nói hung hiểm sắc như dao, hành động tàn bạo dưới trăm ngàn hình thức, nhất là cướp của giết người. Đây là loại ác thuộc lãnh vực cá nhân. Ai vay kẻ ấy trả, nếu chưa trả hết thì “ **Cha ăn mặn, con còn phải khát nước** “, không thể nào tránh. Không Trời Phật nào cứu nổi, Tay làm thì Đầu phải chịu chịu trách nhiệm.

Còn đối với tập thể thì Ác quả lại gặp trăm ngàn lần. Đây là nói về các tập thể tà giáo, cũng như các chính thể độc tài.

Trong tất cả các thứ tội đối với Nhân dân, thì tội cướp đoạt quyền Tư hữu, quyền Tự do căn bản làm Người, quyền Xây dựng Gia đình là những tội lớn tây Trời. Cướp quyền Tư hữu là ăn cướp mồ hôi nước mắt, sức lực của con Người. Đây là tội lớn hàng đầu, vì nó huỷ diệt nền tảng sự sống của con Người. Cướp đoạt hay hạn chế quyền Tự do căn bản của người dân là cướp đoạt cơ hội làm Người, vì con Người được sinh ra dưới dạng chưa Thành, mà luôn luôn là đang Thành, cần phải có cơ hội và phương tiện để tiến bộ để nâng cao Tư cách và Khả năng của mình. Tự do là bản chất của con Người Nhân chủ, con Người bị tước đoạt Tự do thì sẽ biến thành Nô lệ.

Phá gia đình hay bất cứ hành động nào làm nguy hại đến đời sống gia đình là phá con Người cũng như nền tảng quốc gia. Gia đình là Tổ ấm un đúc Tình Người, cũng là nơi un đúc tinh thần cộng thể cơ bản cho xã hội. Đây là hành động phá hoại nền tảng Quốc gia. Những hành động cướp quyền Tư hữu, tước đoạt quyền Tự do căn bản cũng như phá hoại Gia đình dưới nhiều hình thức đều chống lại con Người cũng như chống lại luật tắc của Đấng Trời cao.

Ngoài ra còn thêm tội buôn Dân dưới trăm ngàn hình thức, tội bán Nước trong nhiều lãnh vực là tội lớn nhất trong mọi tội. Tội cọng Rắn (kẻ thù truyền kiếp: Chuyên dùng bạo lực để đàn áp và cướp bóc) cắn Gà nhà (Đồng bào) không biết phải gọi tên là tội gì, đây là sự ác lớn nhất trong mọi sự ác. Những tội này như những ngọn lửa đang hoả thiêu con Người và Đất nước chúng ta!

Khi ngôi nhà Quốc gia đang bùng cháy thì tất cả mọi con dân, không kể trên dưới cao thấp sang hèn, tất cả vớ được cái gì thì đem hết khả năng nhào vô mà chữa cháy. Không có ngôi mà lý luận thuyết giảng hơn thua nữa! Khi con Người đã tự cắt mối liên hệ của mình với Thượng đế, Thiên Chúa, tức là từ bỏ nguồn sống Nhân, Trí, Hùng, Dũng thì cũng cắt đứt

mối liên hệ với “ **Hồn Thiêng Sông núi** “ của **Tổ tiên**, tiếp theo là **cắt đứt** mối liên hệ với **Đồng bào**.

Khi tôn “ kẻ Thù cường bạo” làm Cha làm Bọn “ để cùng nhau Đàn áp, Giết chóc và Cướp dật “, lẽ tất nhiên Đồng bào là nạn nhân của những kẻ Hung tàn. Khởi đầu Quốc Nạn và Quốc Nhục bắt đầu từ đây! Khi Hồn đã lạc rồi thì sẽ đi lang thang khắp chốn, rước thứ Văn hoá máu và nước mắt “ về mà phá hết mọi thứ: Từ con Người, đến gia đình rồi Tổ quốc.

Các chế độ độc tài ngày nay cũng giống như loài chuột, nay đã chạy cùng Sào rồi. Đây là cái Sào của gian ác, nay chỉ có hai con đường hoặc quay trở lại con đường Lành, hoặc sẽ rơi xuống hố thẳm của sự Gian ác.

Còn đa số chúng ta cũng phần nào đang ngủ mê, một số thì” Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi “, còn số khác thì đang làm phù thủy, vì quên Gốc, nên còn đôn đáo đi kiếm cây đũa Thần ngoại bang về mong cứu Người, cứu Nước theo cung Cách sửa chữa Hiện tượng vòng ngoài, để cho mau có kết quả, còn số nữa thì thấy con Người còn tốt chán, xã hội cũng đang yên vui, chưa có gì đụng tới mình thì cứ vui hưởng cuộc đời đi đã. . . Nhưng theo tinh thần “ **Liên đới trách nhiệm “ đa số còn cứ vô Tâm để cho một thiểu số đàn áp hành hạ toàn dân trong đó có chính mình, thì theo luật Trời có ảnh hưởng gì không ? Rõ ràng là trong khi nguy khốn, mình không chịu cùng cứu nhau thì rồi ra sẽ chết chum cả đồng!**

Thử xem có ai “ **Chạy Trời cho khỏi nắng** được Không “ ? Thử xem cái Câu: “ **Thuận Thiên giả Tôn, nghịch Thiên giả Vong** “ hiệu nghiệm đến mức nào? Thiên đây là các luật tắc mà chúng ta đề cập ở trên.

Trước Quốc nạn và quốc nhục tày Trời như thế, các nhà đấu tranh Dân chủ trong Phong trào 8406, các đảng phái đã dũng cảm đứng lên, đã bị bách hại tàn tệ, nhưng phong trào ngày càng lan rộng. Đặc biệt là hành động nhập cuộc của các Giáo xứ trong các Giáo phận Công giáo là điều vô cùng Cấp thiết và Hệ trọng. Cấp thiết vì “ **nước đã quá chân rồi** “, Hệ trọng vì là “ **ngọn lửa mỗi rực sáng** “ !

Hành động Cầu nguyện cho Công lý của Giáo dân Thái Hà là hành động khởi đầu cho công cuộc xây dựng Hoà Bình, là hành động đem Đạo lý vào Đời để được sống tốt đẹp hơn, nghĩa là xây dựng Hoà Bình từng bước. Nhưng muốn làm cho được hiệu quả thì chúng ta không thể không thực hiện theo bước Lưỡng hành: **Đòi Công lý ở Người, mà cũng Hối Công chính ở nơi Ta. Công lý là bản chất của Hoà bình, muốn Hoà bình thì ai ai cũng phải sống theo Công lý.** Chúa không bao giờ từ chối lời cầu xin của chúng ta.

Những hành động đòi thực hiện Công lý để mọi người sống Hoà bình với nhau, đòi bảo vệ Môi trường để bảo vệ sự sống Lành mạnh, đều là nhu cầu thiết yếu cho toàn dân và đó chính là cốt tủy của đời sống Kitô giáo. Đó là cuộc Sống Đạo giữa lòng Dân tộc.

Đây là cuộc đấu tranh Bất bạo động không thể bỏ qua, lúc thuận lợi nào đó, giáo dân của 26 giáo phận cùng mọi thành phần dân chúng bị bóc lột và áp bức trong nước, một tay nắm tay người khác, một tay khác cầm hai biểu ngữ “ **đòi Công lý cho toàn dân, và bảo vệ tất cả mọi môi trường sống** “ im lặng ra đường để bày tỏ ý nguyện sắt đá của nhân dân để làm lay chuyển nhà cầm quyền và lũ Bá quyền “ **Lòng chai Trí sạn** “.

Toàn dân không thể để bị tiêu diệt trước và sau lúc nền Kinh tế ảo XHCN phát triển!

Không chế độ độc tài nào, kẻ bành trướng nào có thể bỏ tù hay giết hại hết hàng triệu người im lặng đòi Công lý cho 90 triệu nhân dân của một Quốc gia đầy Quốc nạn và Quốc nhục!

Cầu xin Thiên Chúa, Đức Phật và Hồn thiêng Sông Núi mở Lòng mở Trì để mỗi chúng ta đón Hồn “ Nhân, Trí, Hùng / Dũng “ trở về trong Tâm khảm mọi con Dân Việt chúng ta, để mà vùng lên vực dậy!

E.- KẾT LUẬN

Để kết thúc chương “ Chủ nhân của kinh Dịch “ chúng ta có thể phát biểu mà không sợ sai lầm:

“ Ai là chủ nhân của Kinh Dịch thì đương nhiên là Chủ nhân của Nho, vì Kinh Dịch là Linh hồn của Nho và Nho cũng là Cơ thể của Kinh Dịch. Nho nào phát xuất từ Vật biểu Độc Dương thì không có đối cực để lập mối Tương quan Chính trung để Tiến bộ và Hoà với nhau, nên mất Quân bình mà bị sa đoạ thành Bá đạo. Đó là trường hợp Hán Nho của Thiên tử “.

CHƯƠNG BỐN

TRIẾT LÝ NHÂN SINH

NHÂN SINH QUAN VIỆT NHO: NHÂN CHỦ

A.- VẤN ĐỀ CON NGƯỜI

I.- NHỮNG TRANG SÁCH ĐÃ THẤT LẠC

(Nhân chủ. Kim Định)

“ Một thi sĩ Perse cho Triết lý là bản thảo lúc đem in đã bay mất hai trang đầu và cuối. Nói thế vì Triết lý thường gồm ba loại vấn đề sau:

- a. **Nhân sinh hà tại?** Tại sao tôi sinh ra ở trên đời? Vì nguyên do nào?
 b. **Tại thế hà như?** Và sinh ra để làm gì? Tức triết lý nhân sinh.
 c. **Hậu thế như hà?** Sau này sẽ ra sao? Tức là vấn đề cứu cánh con người.

Trong ba loại đó thì vấn đề:

- a) Nguyên uỷ vạn vật cũng như về loài người
 b) Cứu cánh cuối cùng của con người... thuộc trang đầu và cuối, coi như đã mất vì thực ra là không thể tìm được câu trả lời thỏa mãn cho trí khôn. Trang Tử cho là vấn đề khởi đầu cũng như chung cục là không thể biết (**chung thủy bất khả tri**). Đó cũng là ý nghĩa câu “**triết lý khởi tự chỗ ngoại lý để rồi tận cùng ở chỗ ngoại lý**” (Laphilosophie commence par la non-raison pour terminer par la non-raison).

Nghĩa là triết lý trung thực tuyên bố không dám động đến mấy vấn đề nọ. Ai muốn hiểu thì đi tìm nơi khác, thí dụ nơi Tôn giáo.

Những Tôn giáo nguyên chất thì dùng mặc niệm, chẳng hạn tam giáo Sémites: Judêu, Kitô, Islam, theo đó thì nguyên thủy và cứu cánh con người là Thiên Chúa; tất cả mọi việc trên đời đều được giải nghĩa bằng thánh ý màu nhiệm của Chúa.

Những Tôn giáo triết lý tức là triết lý biến thái ra Tôn giáo như tam giáo Đông phương hay khoa triết lý Truyền Thống nói chung, thì thường do môn đệ về sau tìm cách giải nghĩa, nên những lời đó không đủ giá trị và nhiều người cho đó là chuyện “về quý” có nói rõ ràng minh nhiên về kiếp sau thì cũng chẳng qua là thứ rõ ràng của lý thuyết chứ chẳng thể nào kiểm chứng. Vì thế bàn tới là tỏ ra chưa hiểu được vấn đề.

Bởi vậy chính các Tổ sư thường không chịu đề cập.

Phật tổ gầy ra ngoài không cho bàn đến số kiếp về sau đặng dốc toàn sinh lực vào việc tu luyện. Không cũng thế rất ít bàn tới những vấn đề vũ trụ nguyên thủy “**Tử hãn ngôn Lợi dữ Mệnh dữ Nhân**”. (L.N VIII.1)

Đó là đại loại tình trạng chung. Nhưng như thế thì vòng tư tưởng **Triết học cổ điển có câu: “Về nguồn gốc con người và vạn vật, không nên bàn luận”** (de fontibus non est disputandum) “A force de vouloir rechercher les origines, on devient l'écrevisse”. Vì rằng chuyên môn tìm hiểu nguồn gốc vạn vật thì sẽ làm cho người đó trở thành ti hí mất lưon (cách ngôn triết). Trung thành với nguyên tắc “**khuyết nghi**” (không biết rõ thì nên để trống).

Việt Nho thường chỉ bàn có những trang giữa còn lại: nghĩa là các vấn đề Cương thường Đạo lý trong cõi Nhân sinh xử thế hiện hình ngay ra trước mắt thanh thiên bạch nhật ai cũng có thể hiểu và thể nghiệm ngoài ra không dám nói gì. Tuy nhiên khi hiện thực đúng đường lối Tâm linh thì sẽ cảm nghiệm ơn ích của tầng Đại ngã Tâm linh như hậu quả sẽ tràn cả xuống đời sống thường nhật cũng được an lạc.

Đó là đại loại tình trạng chung. Nhưng như thế thì vòng tư tưởng chúng ta vừa thực hiện xuyên qua nhiều nơi không đem lại cho chúng ta giải đáp nào rõ rệt. Tuy nhiên không vô ích vì nó cho ta nhiều kinh nghiệm để thấy “chữ tại” trong câu “**Thiên lý tại Nhân tâm**” có thể dùng làm một thứ ngoặc đơn để ta xếp vào đó tất cả những vấn đề vượt qua tầm hiểu biết của chúng ta (mettre en parenthèse) như vấn đề vận mệnh cứu cánh con người.

Nếu bảo **Việt Nho chủ trương Vô thần vô Ngôi vị là dấn nhảm nhảm hiệu**. Đây chỉ là thứ giải bày một số lý lẽ về sự hiệu nghiệm chứ không về sự phải hay trái. Còn **chủ trương Việt Nho là “Thiên lý tại Nhân Tâm”** nghĩa là “đặt vào ngoặc”, và **chỉ cố gắng thực nghiệm: “thần chi cách tự, bất khả đạt tự”** (T.D), thần minh chỉ có cách cảm thông chứ không thể đo lường.

Thái độ đó ta có thể hiểu như sau:

Con người hiện tại cũng ví được với đám người mù đang lần mò về một cái thành phố lý tưởng, trong đó ta sẽ khỏi mù lòa và sống mãi trong tiêu dao phúc lạc. Những người mù đang tiến vào thành ấy có hạng bò ra bàn cãi về thành đó hình sắc ra sao, kiến trúc thế nào, bàn cãi đến quên cả đi lên. Đó là những người bị ví với “**lũ mù xem voi**”, người thì bảo voi như cái cột cái quạt, người thì bảo voi như cái chổi, con đĩa. Tất cả đều nói về một chuyện mà mình không nhìn bao quát được, nên đáng cho là nói mò.

Còn một nhóm khác cứ chịu khó đi lên theo một hướng tiến chập chờn không bao giờ thấy rõ cả. Nhưng cứ đi hâu như không còn bàn cãi về hình thù kiến trúc của thành phố, cho rằng có bàn cãi cũng bằng bàn quần, vì thành còn xa, bàn cãi chẳng qua là lấy lời lẽ suông mà tranh hơn tranh thiệt. **Chi bằng cứ gắng đi lên tới khi “nhập ư thất”** lúc đó mắt sẽ mở ra, trông thấy mục đích như lai. Xét thế ta thấy câu “**Thiên lý tại Nhân Tâm**” đưa ra một biện pháp vắn tắt nhưng có ba cái đủ sau:

Trước nhất đủ cho **con Người có phần cao quý độc lập** vượt xa hẳn câu định nghĩa người là con Vật suy lý, do đó **không bao giờ để cho Thiên hay Địa biến con người thành dụng cụ**, nhưng tự tại là **một vật linh thiêng nối liền với Tính và Mệnh tức là có đủ yếu tố biến hóa từ Vật đến Nhân, từ Nhân đến Thần mà nhiều triết gia hiện đang cố gắng đem vào quan niệm con Người như ý niệm Nhân Thần (*)**.

Đây là một bước tiến bộ rất xa đưa đến lưỡng hợp tính của Đông phương là trong Nhân có Thần. Trong ý đó Mạnh Tử nói: “**Tồn kỳ Tâm dưỡng kỳ Tính sở dĩ sự Thiên dã**”. Tồn tâm dưỡng tính đã là thờ Trời vậy.

(*) *Théandrique của Berdiaeff hay Solviev hoặc Dostoievski chẳng hạn.*

Thứ hai như vậy đủ để gọi dậy và làm tăng trưởng mọi nghị lực và quy tụ chúng vào một đích điểm tức là có đủ yếu tố **gây nên thống nhất trong con người tư riêng để quy tụ lại một mối**, “**Tình / Lý tương tham, Tri / Hành hợp nhất**”

Còn về nhân loại cũng có một tiêu chuẩn thống nhất đã nhiều lần tỏ ra hiệu nghiệm vượt xa các yếu tố khác. Đó là cái “**Tính tương cận**” vậy. Lấy Tính con người làm nơi hội tụ thì hiệu nghiệm vượt xa lấy Tập tục nơi này, nọ kia khác... vì “**Tập tương viễn**” nó làm cho con người xa lìa nhau.

Thứ ba đủ cho con người yên lòng để vững dạ tiến bước, cứ đi lên, lên mãi khỏi cần bận tâm về đích điểm cứ “**Cung hành**” mà tiến.

Nietzsche mong cầu rằng: “**phải làm thế nào để leo dốc? Thưa cứ lên và đừng nghĩ tới dốc**” (Comment faut-il prendre la pente? Monte et n’y pense pas. Gai Savoir p.18).

Giá ông biết ba đợt hành của Trung Dung! (tức **Cưỡng hành, Lợi hành và An hành cũng gọi là Cung hành**).

Cũng vì đưa hai chữ Tính Mệnh đi liền nhau, Nho triết ở vào một quang cảnh lạc quan tự căn để: đó là Dịch lý biến hóa không có luật trừ: muôn vật ở đâu và bao giờ cũng là đi trên con đường “**phục quy kì căn**” tức là **dẫn tới Thái cực, mà Thái cực ở ngay Tâm mình “Thiên lý tại Nhân Tâm” khỏi tìm đâu xa**. Cái sinh thú sâu thẳm của triết lý nhân sinh phát nguyên từ đó. Chưa nói đến cuộc sông vật chất xác thân cũng vì đó mà được ung dung nhàn tản. Điều ấy thật cả cho cá nhân cũng như cho xã hội nào biết theo lối Tâm linh.

Tóm lại Dịch lý ở trong dòng Truyền Thống là “**nhất Bản tán vạn Thù**”: một Góc phân hóa ra muôn Nẻo. Nay tự **muôn nẻo phân đa trở lại Đơn nhất**. Tự ngoài mà vào: hết lớp nông thì đến lớp sâu, cuối cùng gặp Tính, đầu là Tính, cuối là Mệnh “ **phản u Mệnh vị chi Đạo**”: trở về với Mệnh là cốt tuỷ Đạo. **Đạo đó là Tâm đạo**: một con đường tiến đến chỗ cùng của lòng tin mình vào những khả năng vô biên của con Người.

Sứ mệnh của con người là tổng động viên mọi năng lực để tiến đến mức đó, tiến đến cái “Nhân Tâm Thiên lý hồn nhiên nhất thể”.

[3]. *Becoming One*

II.- MẪU NGƯỜI ĐIỂN HÌNH

Đã sinh ra là Người thì cứ tự nhiên mà sống, sao lại còn phải bàn bạc về con Người làm gì cho thêm phiền toái? Thưa: Trong mọi thứ trên đời thì chỉ có con Người là khó hiểu nhất, vì Lòng người khôn dò, Tính Tình con Người năng đổi thay, mỗi người lại có một Bản sắc khác nhau, nên con Người mình làm sao thấu hiểu hết được những người khác có liên hệ với mình để ăn ở cho được an vui với nhau, hơn nữa chính mình mới là người mà mình khó hiểu nhất.

*Cho nên vấn đề “ **Tri Kỷ, tri Bĩ** “ trở nên rất cần thiết cho cuộc sống. Có Tri Kỷ thì mới mong tri Bĩ được. Tri Kỷ đã khó thì tri Bĩ lại càng khó hơn. Nếu không lưu tâm giải quyết hai vấn đề này thì dễ đi đến chỗ vong Thân, vong Gia, vong Quốc, vong Nô. Nan đề này đã và đang là nan đề gọi là Quốc nạn và Quốc nhục của Dân tộc.*

III.-CÁCH ĐỊNH VỊ CON NGƯỜI NHÂN CHỦ

Mỗi nền Văn hoá đều có mẫu người khác nhau: Người CS có mẫu người Bolchevick, Công giáo thì cho mọi con Người đều là con Chúa, Phật giáo cũng vậy, ai ai cũng là Phật đang thành , Hán Nho có con người Quân tử Tàu, Nho gia (Việt Nho) có con Người Nhân chủ được định nghĩa như sau:

“ Nhân giả, Kỳ:

Thiên / Địa chi Đức (1) ,

Âm / Dương chi giao (2) ,

Quỷ / Thần chi hội (3) ,

Ngũ hành (Thủy / Hỏa, Mộc / Kim) chi tú khí (4) “

“ (1): **Con Người là cái Đức hay Tinh hoa của Trời / Đất**: Tinh hoa của Trời là Tinh thần, là Nhân / Nghĩa (Trí), tinh hoa của Đất là Vật chất: <Phần cao quý của con Người>.

(2) : **Con Người là sự giao hòa giữa Âm / Dương hay Gái / Trai kết đôi thành Vợ / Chồng mà sống hạnh phúc bên nhau, xây dựng Gia đình thành Tổ ấm, nhờ đó mà “ Gia đình hoà thuận “ là Góc bèn vững của Xã hội.**

(3) : *Con Người là nơi hội tụ của Quỷ / Thần hay Xấu / Tốt, đó là **Bản chất Bất toàn** của con Người .(**Nhân chi sơ,Tính bản Thiện:** Lúc mới sinh ra, con người vốn lành (Mạnh Tử), **Nhân chi sơ,Tính bản Ác:** Lúc mới sinh ra, con người vốn ác (Tuân Tử) .*

(4) : *Con Người là khí tốt của Ngũ hành hay tinh hoa của bộ máy Huyền vi của Vũ trụ.(**Nhân linh ư Vạn vật :** Nguồn mạch của Mối liên hệ Hòa của con Người.)*

IV.- NHẬN DIỆN BẢN NĂNG CON NGƯỜI

*Có Triết lý cũng như Tôn giáo xem Bản năng con Người là xấu xa, nên tìm cách xa lánh, còn Nho giáo thì lại chấp nhận Bản năng con Người và tìm cách thăng hoa cuộc sống để giúp con Người Bản năng đạt được cái Đức hay Tinh hoa của Trời Đất . Đức là phẩm chất có đủ nơi mình “ **Đức giả bị dã** “ giúp sống sao cho hợp với “ **Thiên sinh , Địa dưỡng, Nhân hoà** “. **Triết lý Nhân sinh của Nho được đặt trên Cái kiềng Bản năng có 3 chân: Thực, Sắc, Diện.***

Thực, Sắc, Diện: Thiên tính dã.

(Bản năng: Ăn uống, Sắc dục, Thể Diện đều là Thiên tính)

1.-THỰC

*Những của ăn phải được chọn lựa thứ tốt tươi, phải pha chế nêm nếm sao cho vừa **Ngon vừa Lành**, và bày biện đẹp mắt sao cho đạt 3 tiêu chuẩn “ **Chân, Thiện, Mỹ:***

*“Ăn không những là nhu yếu không ai có thể chối từ, không ăn là **Cơ Thể** hết sống, mà Ăn còn là nhu cầu giúp thăng hoa cuộc sống **Tinh thần để được “ Nhân Linh ư Vạn vật** “ ,do đó mới có câu : “ **Có Thực mới vực được Đạo** “ (Đạo lý Nhân sinh) .*

*Đây là cách **nhân “Chân** “ Của Ăn hợp với Dịch lý **Ngon / Lành**. Thường đồ ăn Ngon (dễ Tiêu hóa) thì không mấy Lành (Dễ sinh bệnh), ngược lại đồ ăn Lành (có lợi cho sức khỏe) lại không được Ngon (khó tiêu hóa, ít bổ dưỡng), nên cách chọn lựa, pha chế, gia vị, nấu nướng phải có Nghệ thuật Âm Thực cao mới giúp cho đồ ăn vừa Ngon vừa Lành hợp với Dịch lý , Ngon / Lành là hai yếu tố ngược nhau, nên phải chọn lựa chế biến làm sao cho hai yếu tố ngon Lành được hài hoà thì mới giúp cho việc **Ăn không những nuôi Vật chất mà còn giúp thăng hoa cuộc sống Tinh thần hàng ngày**, vì vậy cho nên không thể xem thường cũng như quá chú trọng về Cửa Ăn.*

*Đồ ăn phải chọn lựa, cắt tía, gia vị, pha chế, nấu nướng, làm sao cho thỏa mãn được các giác quan: ngon, thơm, đẹp, ngon, giòn. . ,mà còn phải được Trình bày trên mâm bàn bát đĩa sao cho đẹp mắt , hể nhìn vào là chảy nước bọt giúp cho sự tiêu hóa. Có thể mới đạt **tiêu chuẩn “ Mỹ :***

*Khi ăn thì ngồi chung mâm bàn, trước tiên phải để ý đến chỗ Ngồi để Thi lễ “ **Kính Già yêu Trẻ** “. Các Đồ ăn được để chung trong nhiều đĩa để khi dùng chung phải để ý “ **Lưu tâm và chia sẻ** “ thức ăn cho nhau để trau dồi Tình / Lý hàng ngày với nhau.*

*Đây là **Tiêu chuẩn Thiện**, nhờ đó mà Thực có khả năng vực được Đạo (Đạo Lý Nhân sinh) .Các bà Mẹ Việt Nam là những nghệ nhân tuyệt vời về khoa Âm thực.*

Câu “ Có thực mới vực được Đạo “ , tức là **Đạo trau dồi Chân Thiện Mỹ hàng ngày để “ Tập dữ Tính thành “**.

2.-SẮC

Là sắc dục cần được thỏa mãn trong đời sống Vợ Chồng vừa để Vợ chồng tham gia vào cuộc sinh sinh hoá hóa trong Vũ trụ, vì mỗi con người là một **Tiểu Vũ trụ**. Gia đình giúp Vợ Chồng sống thuận hòa với nhau theo **Tiêu chuẩn “ Tình Nghĩa “** tức là Tình yêu và “ lẽ sống Phải Người phải Ta “ để xây dựng Gia đình và Xã hội.

Khi kết hôn, cặp Gái Trai được **nối kết khăng khít với nhau bằng Tình qua Lễ Thành hôn**, khi sống với nhau nhờ đức Nghĩa tức là lẽ Sống công bằng được y ước với nhau trong **Lễ Giao Bái**, nhờ đó mà sống hòa với nhau suốt đời trong cảnh : **Thuận Vợ thuận Chồng, tát Bề Đông cũng cạn “**, đó là nền tảng Hạnh phúc Gia đình.

Vì không hiểu được tinh thần của Lễ Giao, cứ nghĩ là lạc hậu nên bỏ đi, nên một số Gia đình đã biến thành Tổ Nóng hay Tổ lạnh.

Số là sau **Lễ Thành hôn**, vào buổi tối, khi hai Vợ Chồng vào phòng riêng thì làm **Lễ Giao Bái**, Giao Bái là Lễ hai Vợ Chồng nối kết với nhau **bằng Nghĩa (Lý)** trước khi trao Thân gởi Phận cho nhau, hai Vợ Chồng rót một chén rượu, vừa Bái nhau 3 bái để cam kết Tôn trọng nhau suốt đời (phu phụ tương kính như tân) mà sống Hoà với nhau, và mỗi người uống nửa chén rượu để cam kết sống khăng khít với nhau cho đến : “ **Đầu bạc răng long, xương rủ cốt mòn “**.

Nhờ sống theo Tình / Nghĩa mà “ **Thuận Vợ thuận Chồng tát bề Đông cũng cạn** ” giúp Gia đình thành Tổ Ấm để chung sống Hạnh phúc và nuôi dạy con cái.

Gia đình còn là **Trường học đầu đời** để Cha Mẹ góp công đào tạo nên những **Trai hùng Gái đảm** cho xã hội, nên Gia đình được chọn làm nền tảng của Xã hội .

Sống tron Gia đình, người con được đào luyện bằng hai nguồn **Tình / Lý tương tham**.

Lý của người Cha tựa như ánh sáng mặt Trời, khi thì rực rỡ như ánh sáng ban mai, khi lại gay gắt như ánh nắng chói chang lúc trưa hè, đây là nguồn **Lý có tính Cương**.

Còn Tình của người Mẹ lại có tính Nhu, lúc thì mơ màng mơn trớn như ánh trăng mờ, lúc lại vàng vạc như ánh trăng rằm mùa Thu. **Tình của người Mẹ lại có tính Cương**.

Được đào luyện trong môi trường **Tình / Lý, Nhu / Cương** một cách “ **Hợp Nội / Ngoại chi đạo** hay **Tình / Lý tương tham** “ như thế mới giúp cho Con cái thành Trai hùng Gái đảm.

Những chế độ nào không biết tôn trọng, bảo vệ giá trị Gia đình cũng như đoạt quyền Giáo dục con cái của Gia đình là chế độ Nghịch Thiên, Tàn Nhân, hại Quốc.

3.- DIỆN

Là Thể Diện, mọi người đều cần phải tu trì cái **Thể cho được tốt đẹp, giúp cho cái Diện có bộ mặt hiền lành, nhờ đó mà con Người đạt tới Nhân phẩm: Nhân, Trí, Hùng - Dũng**.

Huyền thoại Mẹ Âu Cơ lên núi cao, ngồi yên tĩnh để tu dưỡng Lòng Nhân, Cha Lạc Long lặn lội khắp biển sâu để luyện Trí. Khi sống với nhau làm sao cho Nhân Trí hài hòa thì đạt đức Hùng - Dũng. Hùng là sức mạnh của Thể xác (bắp thịt), Dũng là sức mạnh của Tinh thần, nhờ đó mà con Người có một “ **Tinh thần minh mẫn trong một Thể xác tráng kiện “**.

Từ huyền thoại trên mà có Châm ngôn:

“ Mẹ Âu Cơ : Non Nhân, Cha Lạc Long : Nước Trí, Con Hùng Vương : Hùng - Dũng “.

Nhân, Trí, Hùng - Dũng là Tinh thần lập Quốc của Dân tộc Việt Nam .

Nhờ Trí sâu (Lý) mà con người biết cách “*Ăn nên làm ra* “, và nhờ Tâm rộng (Lòng Nhân) mà con Người biết cách hành xử Công bằng với nhau để hoàn thiện được mối Liên hệ Hòa với Thượng đế, Tha nhân và với Thiên nhiên.

Thực Sắc tuy thuộc Bản năng, nhưng nhờ biết cách biết “ Hoàn thiện mọi việc Làm “ và “ Hoàn thiện mọi mối Liên hệ Hòa “ để thăng hoa cuộc sống hầu đạt tới Nhân phẩm: Nhân, Trí, Hùng - Dũng.

Đây là cách Vi Nhân nhằm đạt tới nền tảng Triết lý Nhân sinh của Tổ tiên.

Đây là nền tảng Nhân bản và cũng là Tinh thần của nền Văn hóa mà Tổ tiên chúng ta gọi là Hồn Thiêng Sông (Trí) Núi (Nhân) .

V.- HAI MỤC TIÊU “ VI NHÂN “ GIÚP THĂNG HOA CUỘC SỐNG

Cách Vi Nhân của Tổ Tiên chúng ta theo Tiêu chuẩn “ **Đị, Giản** “, vì : “ **Đị tắc đị Tri, Giản tắc đị Tông** : Dễ để ai ai cũng hiểu được, Đơn giản để mọi người dễ theo “.

Trong cuộc sống hàng ngày con Người không bám vào Quá khứ cũng như mơ tưởng về Tương lai mà luôn bám vào Hiện tại miên trường (ever present) tức là **Nơi Đây và Bây Giờ** (: Here (không gian) , Now (Thời gian) , nghĩa là con Người phải luôn bám vào Không Thời gian để thăng hoa cuộc sống, bằng cách :

1.- HOÀN THIỆN MỌI VIỆC LÀM

Bao giờ làm bất cứ việc gì, con Người cũng bắt đầu từ Nơi mình, và không dựa nơi Người (Cận thủ chư Thân, Viễn thủ chư Vật: Gần cây nơi mình, Xa mới cây nơi người), do đó mà mọi sự mình phải khởi từ Gần tới Xa, từ Nhỏ tới To, từ Dễ tới Khó, từ Đơn giản tới Phức Tạp, từ Tinh vi đến Vĩ đại. . . hầu vươn lên những giá trị cao cả.

Không làm cái Gần thì làm gì có cái Xa, không làm làm cái Nhỏ, cái Đơn giản, cái Tầm Thường, cái Tinh vi thì làm sao có được cái To, cái Phức tạp, cái Phi thường, cái Vĩ đại?!

Cứ bám vào những ước mơ, vào lý tưởng cao vời, cùng những hứa hẹn tốt đẹp mai sau, mà không chú trọng xây dựng mọi thứ trong từng giây từng phút Nơi Đây và Bây Giờ thì không bao giờ đạt được Nhân phẩm. Quên Tinh thần Nội khởi mà mê sảng Vọng ngoại là Nan đề của chúng ta.

Theo tinh thần Triết lý An vi hay Dịch lý thì các cặp đối cực :

Gần / Xa → I (Lưỡng nhất)

Nhỏ / To → I

Đơn giản / Phức tạp → I

Tầm thường / Phi thường → I

Tinh vi / Vĩ đại → I

Đó là Lý do khi muốn vươn lên thì chúng ta phải bắt đầu từ cái Gân, cái Đơn giản, cái Tâm Thường, cái Tinh vi, vì **vạn vật tương liên**, nên muốn có được cái To thì phải bắt đầu làm từ cái Nhỏ. . .

Chúng ta cứ xem gương sống của Bà Thánh Teresa Hải đồng và Bà Thánh Teresa Calcutta thì rõ:

Bà Thánh Teresa Hải đồng nên Thánh bằng cách làm những chuyện nhỏ mọn tinh vi.

Bà Thánh Teresa Calcutta đi làm chuyện quá Tâm thường là đi nhặt những trẻ em bệnh tật sắp chết đói cũng như những bệnh nhân bị bỏ rơi ngoài đường đang hấp hối đem về mà chăm sóc, nuôi dưỡng, nhờ **hành động Tâm thường** không ai dám làm đó mà người ta nhận ra cái **Tinh Bác ái Phi thường** của Bà.

Chúng ta thường bắt đầu bằng cái Xa, cái To, cái Phức tạp, cái Phi thường, cái Vĩ đại, nhưng **Lực bất tòng Tâm**, nên không đạt kết quả.

Làm Người mà quên nhu yếu thâm sâu của con Người tức là “bỏ đói con Người”, thì làm sao mà con người có Lòng rộng Trí sâu để có Tư cách và Khả năng mà làm việc.

Những kẻ Lòng hẹp Trí nông thì chỉ có khôn vặt và có khả năng đấu đá dành dật nhau làm rối loạn xã hội, làm khổ con Người !

Thử hỏi Con Người đói những gì ? Thưa đó là 3 nhu yếu làm phát triển và làm thăng hoa cuộc sống con Người:

1.- Được có Quyền Ăn (Quyền Tư hữu : Có Thực mới vực được Đạo (Đạo lý Nhân sinh)

2.- Được có Quyền Nói (: Quyền Tự do, nền tảng của Nhân quyền)

3.- Quyền được có Cơ hội và Phương tiện “ Vi nhân “ để có Nhân phẩm (Tự do Văn hoá và Tôn giáo).

Những chế độ độc tài muốn cho dễ độc trị, nên dùng chính sách Bản cùng hoá và Ngu dân, nên cố tình “Bỏ đói con Người” !

2.- HOÀN THIỆN MỌI MỐI LIÊN HỆ: HÒA

Lối sống Hoàn thiện mối Liên hệ phải được bắt đầu từ trong Gia đình, tới Học đường rồi ra ngoài Xã hội. Trong Gia đình thì “ **Học Ăn, học Nói học Gối, học Mỏ** “. Tổ Tiên chúng ta đã có một kho tàng Minh triết trong Ca dao Tục ngữ về cuộc sống làm Người.

Để biết cách sống hòa với nhau thì phải biết cách tu Thân theo **tiêu chuẩn Ngũ Thường**, và phải thực hiện mối Giao hảo Hoà theo **Ngũ luân** qua **tiêu chuẩn Nhân / Nghĩa**

Gia đình, Học đường, nhất là Tôn giáo sẽ giúp mọi người đi về nguồn Tâm linh để thiết lập mối Liên hệ với đấng Tối cao, nhờ mối liên hệ đó mà biết cách làm tốt mối liên hệ với tha nhân cũng như với vạn vật trong các môi trường, nhờ quan niệm “ **Vạn vật đồng nhất thể và vạn vật tương liên**”.

Chứng nào mối Liên hệ hàng Dọc và hàng Ngang còn bị rối loạn thì con Người còn khổ đau dài dài.

VI.- HAI MỤC TIÊU CỦA TU THÂN ĐỀ “ VI NHÂN “

Hai Mục tiêu của Tu thân là Hoàn thiện mối Liên hệ hàng Dọc với Thiên Địa, và mối Liên hệ hàng Ngang với Tha nhân và Vạn vật, đó là Ngũ thường và Ngũ luân.

1.- NGŨ THƯỜNG : MỐI LIÊN HỆ HÀNG DỌC

Ngũ thường là 5 Đức tính mà mọi người phải thường xuyên trau dồi và hành xử trong cuộc sống hàng ngày, mỗi Đức tính đều có hai chiều Đi / Lại để giúp mọi người sống hợp với Thiên lý mà Hòa với nhau, trong đó Nhân là Đức nòng cốt, Nhân đóng vai trò như Trung cung hành Thổ trong Ngũ hành , thiếu Gốc nhân thì mọi đức khác sẽ bị thiên lệch.

Lễ

↑

Trí ← Nhân → Tín

↓

Nghĩa

Ngũ Thường

Nhân: Ái Thân ↔ Ái Nhân

Nghĩa: Đồng đồng Vãng ↔ Lai

Lễ: Cung Kỳ ↔ Kính Tha

Trí: Trí kỹ ↔ Trí bỉ

Tín: Tín Kỹ ↔ Tín Tha

Sở dĩ người ta khinh chê Ngũ luân và Ngũ thường là vì trong cách đối xử với nhau, **người ta đã đối xử với nhau chỉ có một chiều**, lý do sâu xa là vì ảnh hưởng Dịch của Hán Nho, Dịch Tàu chỉ có Ròng mà thiếu Tiên, nên trong cách ăn ở với nhau mới:

**Chỉ biết yêu Mình mà không yêu Người
Chỉ đòi Công bằng cho Mình mà xử Bất công với Người khác
Chỉ biết trọng Mình mà khinh Người
Biết Mình mà không biết Người
Mình không giữ chữ Tín thì làm sao Người khác Tin Mình ?**

Đây là do ảnh hưởng từ nền Văn hoá Du mục, lối cai trị mục con Người chỉ có một chiều theo cây gậy mục đồng.

Chữ nét Gấp đôi như Ăn / Nói; Ăn / Ở; Ăn / Làm ; Ăn / Mặc ; Học / Hành ; Đi / Đứng; Có Đi / có Lại. . . tràn đầy trong Văn hoá Việt. Nét Gấp đôi hàm chứa Tinh hoa của Mạch sống Văn hóa Việt, vì đó là Dịch lý Tiên / Rồng, là Thiên lý từ Thái cực Âm / Dương Hoà.

2.- NGŨ LUÂN: MỐI LIÊN HỆ HÀNG NGANG

Cha Mẹ / Con cái



Nhân dân/ Chính Quyền ← Vợ / Chồng → Đồng bào với nhau



Con cái: Anh / Chị / Em

Mối Liên hệ Hoà trong Gia đình và Xã hội được đặt nền tảng trên Tình / Nghĩa Vợ chồng của Gia đình, Gia đình được tôn lên làm Đại Đạo Âm / Dương Hoà.

Mối Liên hệ hòa giữa Cha Mẹ / Con cái, Anh / Em, Đồng bào đều dựa theo Tiêu chuẩn Tình / Nghĩa. Đối với Chính quyền và Nhân dân thì dựa trên Nhân quyền / Dân quyền, vẫn có nền tảng Tình Nghĩa.

Con Người có Tình thì tìm đến với nhau, khi ăn ở Công bằng với nhau thì sẽ Hoà với nhau. Tình / Nghĩa Đồng bào là Gốc đoàn kết Dân tộc, do đó mà Gia đình được chọn làm nền tảng cho Xã hội.

Gia đình, Học đường, nhất là Tôn giáo sẽ giúp mọi người đi về nguồn Tâm linh để thiết lập mối Liên hệ với đấng Tối cao, nhờ mối liên hệ đó mà biết cách làm tốt mối liên hệ với tha nhân cũng như với vạn vật trong các môi trường, nhờ quan niệm “ Vạn vật đồng nhất thể và vạn vật tương liên”.

Chừng nào mọi mối Liên hệ hàng Dọc với Trời Đất và hàng Ngang với Tha nhân còn bị rối loạn thì con Người còn khổ đau dài dài.

Sau đây là Bài Thơ diễn tả mối Liên hệ khăng khít giữa Tam tài với nhau:

3.- CON NGƯỜI TO LỚN TRONG TAM TÀI

“ Trời Đất sinh Ta có Ý không?
 Chưa sinh Trời Đất có Ta trong
 Ta cùng Trời Đất ba Ngôi sánh
 Trời Đất in Ta một chữ Đồng
 Đất nứt Ta ra Trời chuyển động
 Ta thay Trời mở Đất mênh mông
 Trời che Đất chở Ta thông thả
 Trời Đất Ta đây đủ Hóa công “
 Trần Cao Vân

Đây là con Người Nhân chủ Việt tộc sống trong môi trường Thiên Địa, nhờ lối sống Thuận Thiên tức là theo các Luật lớn trong Vũ trụ (Dịch lý, Giá sắc, Loại tỵ, Phán phục) nên đạt Trạng thái :” **Thiên sinh, Địa dưỡng, Nhân hòa**” , nên hòa đồng cùng Tiết nhịp Hòa của Vũ trụ (cosmic rhythm).

Một lần nữa xin nhắc tới Tinh thần con Người Việt Nho:

VII.- TINH THẦN BÁT KHUẤT CỦA CON NGƯỜI NHÂN CHỦ VIỆT NHO

1.- LỄ GIA QUAN

Khi con Người đã “ **Vi Nhân** “ để hoàn thiện mọi việc Làm và hoàn thiện mọi mối Liên hệ (hàng Dục với Trời Đất và hàng Ngang với Tha nhân và Vạn vật) thì đạt vị thế Nhân chủ.

Vào tuổi 20, trong Lễ Gia quan tức là Lễ Đới Mũ cho người con Trai để sống Tự lập, người Cha nhắn nhủ người Con những lời sau đây:

“ **Cư Thiên hạ chi quang cư, hành Thiên hạ chi Đại Đạo, Phú quý bất năng dâm, bản tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất . Mạnh Tử** “:

Cư Thiên hạ chi quang cư: Sống thênh thang giữa Trời Đất mệnh mông, nên con Người phải trở nên to lớn kiêu Bần Cổ mới đủ sức làm tròn Sứ mạng của mình.

Hành Thiên hạ chi Đại Đạo: Lấy đại Đạo “ Âm Dương hoà “ hay tiêu chuẩn Nhân / Nghĩa mà hành xử ở đời cho thuận với lòng Người và hợp với Thiên lý.

Phú quý bất năng dâm: Có được giàu sang cũng không hoang dâm vô độ, luôn sống theo nếp sống **Quả dục**, tức là nếp sống Tiết độ, nếp sống Chiết trung giữa Diệt dục và Đa dục. (No more, no less)

Bản tiện bất năng di: khi gặp cảnh nghèo hèn cũng không thay đổi nếp sống Nhân Nghĩa.

Uy vũ bất năng khuất: Gặp lúc bị đàn áp bằng bạo lực cũng không rời nếp sống Nhân / Nghĩa của con Người Nhân chủ.

Còn người con Gái thì có Lễ cài Trâm.

Xin đọc mấy Bài thơ sau để thấy rõ khí Hạo nhiên “ Chí đại chí cương “ của con Người Nhân chủ Nguyễn Công Trứ.

2.- CON NGƯỜI NHÂN CHỦ NGUYỄN CÔNG TRỨ

(1728 – 1858)

Nguyễn Công Trứ : Con Người Nhân chủ

Chí làm Trai

Vòng Trời Đất Dọc Ngang Ngang Dọc.
 Nợ tang bồng vay trả trả vay,
 Chí làm trai Nam Bắc Đông Tây,
 Cho phỉ sức anh hùng trong bồn bể .
 Nhân sinh tự cổ tuý vô tử,
 Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh (1)
 Đã chắc rằng ai nhục ai vinh,
 Mấy kẻ biết anh hùng khi vị ngộ.
 Cũng có lúc mưa dôn sóng vỗ,
 Quyết ra tay buồm lái với cuồng phong.
 Chí những toan xẻ núi lấp sông,
 Làm nên tiếng anh hùng đầu đầy tỏ.
 Đường mây rộng thênh thênh cử bộ,
 Nợ tang bồng trang trắng, võ tay reo
 Thành thời thơ túi rượu bầu.

Nguyễn Công Trứ

(1) .-Người ở đời chẳng ai mà không chết, phải làm sao lưu lại tấm lòng son trong sử xanh.

(*Chí làm trai*)

Trót đem thân thế hẹn tang bồng,
 Xếp bút nghiên theo việc kiếm cung
 Hết hai chữ Trung Trinh báo quốc,
 Một mình để vì Dân vì Nước ,
 Túi kinh luân từ trước để ngàn sau,
 Hơn nhau hai tiếng Công hầu.

Nguyễn Công Trứ: Con người Xử thế

Phận sự làm Trai

Vũ trụ chức phận nội
 Đáng trọng phu một túi kinh luân,
 Thượng vị đức, hạ vị dân,
 Sắp hai chữ “ Quân Thân “ mà gánh vác ,
 Có trung hiếu, nên đứng trong trời đất,
 Không công danh thà nát với cỏ cây,
 Chí tang bồng hồ thỉ dạ nào khuây,
 Phải hăm hở ra tài kinh tế,
 Người ở thế, trả nợ đời là thế,
 Của đồng lân thiên hạ tiêu chung
 Hơn nhau hai chữ anh hùng.

Nguyễn Công Trứ: Chí Nam nhi

Thông minh nhất nam tử,
 Yêu vi thiên hạ kỳ.
 Trót sinh ra thời phải có chi chi,
 Chẳng lẽ tiêu lưng ba vạn sáu.
 Đố kị sá chi con Tạo,
 Nợ tang bồng quyết trả cho xong.
 Đã xông pha bút trận thì gắng gỏi kiếm cung,
 Làm cho rõ tu mi nam tử.
 Trong vũ trụ đã đành phận sự,
 Phải có danh mà đối với núi sông.
 Đi không chẳng lẽ về không?

Nguyễn Công Trứ: Nợ tang bồng

Vũ trụ giai ngô phận sự
 Chẳng công danh chi đứng giữa trần hoàn?
 Chí tang bồng hẹn với giang san
 Đường trung, hiếu, chữ "quân thân" là gánh vác
 Thi rằng:
 Đã mang tiếng ở trong trời đất
 Phải có danh gì với núi sông
 Nợ sách đèn đem nghiên bút già xong
 Cầu xe ngựa lúc đi về mới tỏ
 Duyên ngư thủy, hội long vân còn đó
 Miếng đỉnh chung cho biết mùi đời
 Nhấn trắng nhũ gió đưa người
 Bẻ ngành đan quế cho rồi liền tay
 Trần ai ai có kém ai!

Nguyễn Công Trứ: Kể sĩ Đạt quan

Tước hữu ngũ, sĩ cư kỳ liệt,
 Dân hữu tứ, Sĩ vi chi tiên ,
 Có giang sơn thì Sĩ đã có tên,
 Từ Chu, Hán vốn Sĩ này là quý,
 Miền hương đảng đã khen rằng hiếu nghị,
 Đạo lập thân phải giữ lấy cương thường,
 Khí hạo nhiên chí đại chí cương,
 So chính khí đã đầy trong trời đất,
 Lúc vị ngộ, hối tàng nơi bồng tất,
 Hiêu hiêu nhiên điều Vị canh Sần,
 Xe Bò Luân dẫu chưa gặp Thang Văn,
 Phù thế giáo một vài câu thanh nghị,
 Cầm chính đạo để tịch tà, cự bí,
 Hồi cuồng lan nhi chương bách xuyên,
 Ròng mây khi gặp hội ưa duyên ,

Dem quách cả Sở Tồn làm Sở Dụng
 Trong lãng miếu ra tài lương đồng,
 Ngoài biên thủy rạch mũi can thương,
 Làm sao cho bách thể lưu phương
 Trước là Sĩ, sau là khanh tướng .
 Kinh luân khởi tâm thượng,
 Binh giáp tàng hung trung,
 Vũ trụ chi gian giai phận sự
 Nam nhi đảo thử thị hào hùng

Nguyễn Công Trứ: Đạo sĩ già với Phong thái An vi

Nhà nước yên mà sĩ được thung dung
 Bảy giờ Sĩ mới tìm ông Hoàng Thạch,
 Năm ba chú tiểu đồng lách thếch,
 Tiêu dao nơi hàn cốc, thanh sơn,
 Nào thơ, nào rượu, nào địch, nào đàn
 Đồ thích chí chất đầy trong một túi,
 Mặc ai hỏi, mặc ai không hỏi tới,
 Ngẫm việc đời mà ngẫm kẻ trọc thanh.
 Này này Sĩ mới hoàn danh.

Nguyễn Công Trứ là một Sĩ phu của Việt Tộc, một con Người toàn diện: Khi là danh Tướng, lúc bị giáng cấp làm Linh quyền, lúc làm quan Võ, lúc là quan Văn, lúc làm Dinh điền ở Yên Sơn Tiên Hải, lúc về già là Thi sĩ với bầu rượu túi thơ cùng các Tiểu đồng tiêu dao cùng sơn thủy để hoàn danh kẻ Sĩ, khi nào cũng ngẩng đầu cao cùng Trời Đất, sống hết cỡ làm người Sĩ phu, khi nào cũng sống tận kỳ Tính, luôn luôn là con Người đang thành, sống cho hết cỡ làm Người, con người của đạo Hành vi của Việt tộc.

Tóm lại, lý tưởng sống của Dân tộc Việt Nam được xuất phát từ việc chấp nhận Bản năng con Người, nhờ công trình Vi Nhân theo Hiện tại miên trường (ever present) ở Nơi đây và ngay Bây giờ (Here and Now: Không và Thời gian) theo cung cách “ hoàn thiện mọi việc Làm “ (perfect of things) và hoàn thiện các mối Liên hệ Dọc / Ngang “ (perfect for being) mà thăng hoa cuộc sống như Tiên / Rồng, nên mới có tên Việt.

Việt là vượt mọi khó khăn trở ngại hàng ngày mà vươn lên miền siêu việt. Tổ tiên Việt không dám đặt Lý tưởng của Dân tộc mình ở nơi xa xôi cao vời như Thiên đàng, Nát Bàn, XHCN, mà mọi sự đều khởi nơi Minh từ Gần tới Xa, từ Nhỏ tới To, từ Dễ tới Khó, từ Đơn giản tới Phức tạp, từ Tâm thường tới Phi thường, từ Tinh vi tới Vĩ đại. . . , đó là con đường mòn mà Tổ tiên chúng ta đã tuân tự theo Thiên lý mà vươn lên, chứ không mơ ước về những vọng tưởng quá xa xôi. Ngày nay Cháu Con thích những gì xa xôi cao vời, nhưng “ Lục bất tòng Tâm “, nên chỉ loay hoay một chỗ mà không tiến lên được, vì không làm cái Nhỏ thì làm sao mà lại có cái To?

Số là nạn bành trướng của phương Bắc làm cho mất Góc tiếp theo nạn “ Theo mới mới cũ “ một cách nô lệ Tây phương làm cho vong Thân, cả hai đã làm cho Dân tộc chúng ta ngày càng xuống dốc.

Vì không có Nội lực nên cứ mơ ảo những chuyện xa vời, do ngại chuyện Vi Nhân để có Tư cách và Khả năng, để có Nội lực cũng như biết đường đi nước bước xây dựng con Người, Gia đình và Xã hội. Đến khi mọi lãnh vực đã đổ nát lại mắc phải nạn “ **Lực bất tòng Tâm** “ nên dựng việc nào cũng nát, rồi **cứ chọn việc mau việc dễ mà làm** “, càng làm càng nát, càng nát càng sửa, nhưng cứ sửa các hiện tượng bên ngoài mà quên nguồn bệnh, nên không bao giờ thành công. Do đó mà không những không bao giờ làm nên việc Lớn, mà ngay việc Nhỏ cũng không xong.

Như ngày nay, Tư cách không có, Khả năng cũng không, vốn liếng chỉ có bầu nước bọt để tuyên truyền láo bịp, lại cam tâm làm nô lệ kẻ thù truyền kiếp, đưa cổ cho kẻ thù xiết vòng Kim Cô vào, hết nhượng lãnh thổ lãnh hải, nhất là rước kẻ thù xâm nhập vào các Cơ chế xã hội, thì chuyện mất nước để làm nô lệ là chuyện đương nhiên, nhà cầm quyền đảng CSVN cứ vỗ ngực ta đây là Đỉnh cao trí tuệ của nhân loại!

Lý do sâu xa là đặt lý tưởng sai lầm vào chuyện “ lấy việc đâm đá nhau tranh dành vật chất làm anh hùng, mà không biết sống HOÀ với nhau theo đường Công chính mới là Đại Nghĩa “.

Vì những thế lực lớn trên thế giới làm chuyện lằng nhằng, gây ra cảnh Ông biến thành Thằng, Thằng biến nên Ông, khiến cho thành phần Quốc gia phải bó tay chịu trận! Nếu qua kinh biển không trưởng Trí và không có Hùng Tâm Dũng Chí đối chọi lại, thì CSVN vẫn trường trị, còn thành phần Quốc gia thì cứ mãi trong vòng lặn dạn lao đao!

B.- VẤN ĐỀ DÂN TỘC

I.- TINH THẦN DÂN TỘC MANG THIÊN LÝ

Vì “ **Nhân Tâm Thiên lý hồn nhiên nhất thể**: Lòng Người và Lẽ Trời Đất Trời đều có cùng Bản thể, nên Tinh thần Dân tộc Việt Nam cũng mang theo Thiên lý .

Lại nữa “ **Vạn vật đồng nhất thể** : Mọi sinh vật đều có cùng Bản thể (Nguyên tử gồm proton và electron) , nên trong cuộc sống, khi con người thấy sinh vật nào trên mặt đất có Linh lực thì chọn làm Vật Tổ, từ đó thăng hoa lên thành Vật biểu được tương trưng cho đời sống Tinh thần cao quý (Tâm linh) của mình. Tổ tiên xưa cũng có thói quen An Vật Tổ để mong có Linh lực như Vật Tổ .

Tổ tiên Việt đã chọn Vật Tổ kép: Chim / Rắn.

Chim có khả năng bay Lên Núi Cao là chỗ Yên tĩnh, bao la sáng sủa (**Cao minh phối Thiên**) để đôn hậu Tinh Người hầu vượn lên giá trị cao cả (biến Lượng thành Phẩm). Chim Âu là loài Lưỡng thể có thể kiếm ăn trên đất liền và cả dưới Biển, nên mới có thể gặp Rồng.

Rắn (Xà long mình dài) và **Cá sáu** (Giao long có 4 chân) kết hợp thành Rồng, Rồng có khả năng lặn lợi Xuống Biển Sâu cực Động (**Bác hậu phối Địa**) để phát triển Lý trí. Rồng còn có khả năng tung lên không trung làm mưa làm gió, nhờ vậy mà Rồng cũng dễ gặp Tiên. Tiên Rồng gặp nhau để tương giao, tương hợp, tương hoà để kết nên Vợ Chồng. Vợ Chồng Rồng Tiên xây Tổ ấm Gia đình sống hạnh phúc bên nhau, vừa sống với nhau theo tiêu chuẩn “ **Tình / Lý tương tham** “ để xây dựng Gia đình hạnh phúc và nuôi dạy con cái nên người Trai hùng Gái đảm. Tổ ấm Gia đình được chọn làm nền tảng cho Xã hội.

Do vậy mà **Tiên và Rồng được chọn làm Vật biểu kép cho Tinh thần Dân tộc. Tinh thần đó là cặp Nhân / Trí .**

Nhân hay *Nhân ái* là lòng *Kính trọng Yêu thương* và *Bao dung* nhau.

Trí hay *Lý Công chính*, là lối ăn ở công bằng hay cách hành xử “ *Phải Người phải Ta* “ để sống Hòa với nhau.

Khi sống với nhau sao cho *Nhân Trí hài hòa* (*Tình / Lý tương tham*) thì tạo ra đức *Hùng- Dũng*. *Hùng* là sức mạnh của *Bắp thịt*, của *Thể xác*, *Dũng* là sức mạnh của *Tinh thần*, nhờ đó mà con Người có “ **một Tinh thần minh mẫn trong một Cơ thể tráng kiện** “. Con Người phải có *Lòng rộng* mới có thể đạt tới nghệ thuật sống uyển chuyển, và có *Trí sâu* mới hành xử thích hợp với trình độ từng người, từng hoàn cảnh và từng sự việc, nhờ đó mà sống Hòa với nhau.

Vậy *Nhân, Trí, Hùng - Dũng* là *Tam cương* của *Dân tộc Việt Nam*, do đó mà có *Châm ngôn*: “ **Mẹ Tiên Âu Cơ: Non Nhân, Cha Rồng Lạc Long: Nước Trí, Con Hùng vương: Hùng Dũng.**”

[10]. **The Brain:** Xem chức năng của hai bán cầu não.

Nhân Trí còn được ví von thành “ *Hòn Thiêng Sông Núi* (*Trí hay Nghĩa, Núi Nhân*).

Ngày nay nhiều con cháu đã bỏ lối *Vi Nhân* : *Làm Người “ Lên Cao Xuống Sâu “* cho có *Nhân Nghĩa*, mà “ *theo Mới nói Cũ* mà “ *chỉ “ chuyên “ Vi Phú “* nên đã thất bại trong cuộc sống, nhiều người trở nên bất *Nhân* làm chuyện bất *Công* gây khổ đau cho nhau, lại đổ lỗi cho *Nhân Nghĩa* là lạc hậu, cho *Tổ tiên* là quê mùa, thay vì tìm trở về *Gốc* mà sống Hòa với nhau, thì lại đôn đả đi học *Khôn* người ngoài theo thói *Bạo động*, cho là văn minh tân tiến, hời hả đem về làm lý tưởng cướp bóc tàn sát lẫn nhau!

Trong bài viết “ *Bạn và Tôi là những kẻ đần độn ở một Đất nước thất bại* “ , *Ông Kỳ Anh* có viết: “ . . . dường như chúng ta không có một thành công nào để minh chứng chúng ta là một dân tộc thông minh, không một công trình khoa học hay phát minh sáng chế nào đóng góp cho nhân loại. Nếu *Tổ tiên* ta thông minh, thì ngày xưa “ *Ba “ Quân “*, *Mẹ “ Cơ “* đã ngồi xuống cùng giải quyết vấn đề, hoà hợp hoà giải chứ không phải phải đi đến quyết định ly thân, gia đình chia cắt kẻ dốt 50 con lên rừng, người dẫn 50 con xuống biển.”

Theo thiển ý, chúng ta quả là kẻ *Đần độn*, kẻ *Đần độn* nhất lại là kẻ đã để mất *Gốc Dân tộc*: *Gốc Làm Người*: **Vi Nhân nan hĩ: Làm Người khó thay !.**

Gốc 50 con trèo lên *Núi cao* yên *Tĩnh* để tu dưỡng *Lòng Nhân hậu* có *Tư cách*, *Gốc 50 con* lặn sâu xuống *Biển Động* để rèn luyện *Trí hậu* có *Khả năng*, đó chỉ là *Biểu tượng* cho con đường *Phân cực* một cách *Bình đẳng* giữa *Nữ / Nam* để trau dồi *Bản sắc Tình / Nghĩa* khác biệt nơi mỗi *Phái*.

Bản sắc Mẹ là Nhân: nguồn Tình Yêu cao cả bao la.

Bản sắc Cha là Trí hay Nghĩa: nguồn Lý Công chính Sâu thẳm (Chu tri).

Con Người có *Nhân* thì mới biết *Kính trọng*, *Yêu thương* nhau và *Bao dung* mà tha thứ cho nhau khi làm lỡ, có *Trí* hay *Nghĩa* thì mới biết cách ăn ở theo lẽ *Công chính* để sống Hòa với nhau mà xây nhà dựng nước và nuôi dạy con cái nên *Trai hùng Gái đảm*.

Đây là bước đường Phân cực hay Thù đồ để phát triển bản sắc riêng biệt Gái / Trai.

*Trong Huyền thoại Tiên Rồng, Khi bắt đầu chia tay trên bước đường Phân cực, **Bố Lạc Long** còn căn dặn là khi có chuyện cần thì gọi **Bố** là **Bố** hiện về ngay để **Tiên Rồng** tương ngộ, tương giao, tương hợp, tương hòa, tương sinh hầu sống sao cho “**Tình Lý** tương tham” mà Hòa với nhau .*

Đây là bước đường Đồng Quy để Đồng bào đoàn kết với nhau, để chung Lòng chung Trí và góp Sức Xây dựng và Giữ nước.

Đồng quy / Thù đồ là cặp đối cực tuy là nghịch số theo Dịch lý nhưng luôn cần phải được giao hòa theo tỷ lệ Tham Thiên Lưỡng Địa (3 / 2).

*Quả là chúng ta đần độn không hiểu Di chỉ “**Làm Người**” của Tổ tiên, nên khi ăn ở với nhau mới bắt Nhân, bắt Nghĩa, gây sự bắt Hòa, tìm cách cướp bóc chém giết nhau, rồi lại đem lỗi đổ lên đầu Cha Ông, quả như lời mắng trách của Tổ Tiên “**Đi làm Đĩ bốn phương không nên, lại đổ tội cho Mồ mã** “.*

Tại sao lại có sự ngộ nhận như vậy?

*Số là lối Nói ngày xưa của Tổ tiên khác với lối nói thẳng của chúng ta ngày nay. **Tổ tiên chúng ta nói bằng Truyền kỳ, bằng Biểu tượng, bằng Huyền thoại cũng giống như lối ẩn dụ của Chúa Giê-su.** Nói ở chỗ này mà nghĩa ở chỗ kia, mà lại còn có ý tổng quát, phải cảm thông bằng trực giác, chứ không thể hiểu theo từng chữ, từng câu, theo Lý chày. (**Khả dĩ hội ý, bất khả ngôn truyền**: Có thể hội ý bằng cảm quan : < Feeling > bằng Trực giác mà không thể ngôn truyền bằng lời nói của Lý trí < Thinking >)*

Thực ra làm gì có Chim nào hóa Tiên, cũng như làm gì có Rắn nọ hoá Rồng, đó chỉ là những “**Biểu tượng Vi Nhân**” (ẩn dụ) về quá trình thăng hoa cuộc sống (**Từ Lượng tới Phẩm**) cho hết Lốt Ngợm mà **Làm Người!** Vì không hiểu hay ngại không muốn chịu khó Tu Thân nên mới đổ lỗi cho Tiên Rồng là chuyện hoang đường, chuyện trâu ma thần rắn..!

II.- NỀN TẢNG TINH THẦN LẬP QUỐC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Tinh thần lập Quốc hay Hiến pháp Sơ khởi của Dân tộc Việt Nam được tóm tắt vào trong Châm ngôn:” Mẹ Âu Cơ : Non Nhân, Cha Lạc Long: Nước Trí, Con Hùng Vương : Hùng - Dũng”

Mẹ phải lên Núi cao “yên tĩnh” tu Thân để un đúc lòng Nhân, Cha thì lại lặn lội nơi Biển sâu “luôn chuyển động” để luyện Trí tìm cho ra Lý Công chính, còn Con Hùng Vương thì phải sống theo Nhân Trí hài hòa để trở nên Hùng- Dũng.

Hùng là sức mạnh Vật chất, Dũng là sức mạnh Tinh thần.

Nói gọn là mỗi người phải biết Suy đi theo lý Công chính (Suy tư ra Thế sự) và Nghĩ lại để tu dưỡng lòng Nhân (Quy tư về nguồn Tâm linh) để sống sao cho nghịch số Nhân / Trí được hài hoà để cuộc sống được viên mãn mới có Đức Hùng / Dũng.

Có sinh hoạt hai chiều ngược nhau cho hài hòa như vậy thì con Người mới có đủ Tư cách và Khả năng .

Châm ngôn trên chỉ là Di chỉ “ Vi Nhân “ của Tổ tiên dõ lại cho Con Cháu Tiên / Rồng.

Mọi con Dân Việt đều phải sống theo Tinh thần câu Châm ngôn trên hay theo Tinh thần Đồng bào của Mẹ Âu Cơ để chung Lòng, chung Trí và góp Sức để Dựng nước và Giữ nước .

Từ khi con Dân Việt Nam bắt đầu “ theo Mới nói Cũ “ cho Tiên Rồng là chuyện hoang đường, Tinh Đồng bào là lỗi thời nên mới bị Lạc Hồn Dân tộc mà tan đàn xẻ nghé, đưa đến tình trạng phân hóa trầm trọng như ngày nay. Thay vì Tổ tiên là Vua Hùng thì một số lại thờ Tổ sư Marx, Lénine, một số lại bán hồn cho Hoàng đế, cho Tần Thủy Hoàng, Mao Trạch Đông, Tập Cận Bình của Đại Hán, một số thì Vô Tổ, kết quả nhìn Đồng bào thành kẻ xa lạ, thậm chí thành kẻ Thù, biến Quốc gia thành đấu trường, lấy việc tranh dành hơn thua, giết chóc và cướp bóc đồng bào làm lý tưởng của cuộc Sống!

Mọi lỗi lầm đến từ hai nguyên nhân:

1.- Từ kẻ thù truyền kiếp khổng lồ luôn tìm cách thôn tính và tiêu diệt Dân tộc Việt Nam trải dài suốt 4715 năm (2018), kể từ lãnh tụ Du mục Hữu Hùng tức Hiên Viên Hoàng đế của Đại Hán.

2.- Từ một Dân tộc bị áp bức bóc lột, bị đẩy vào tình trạng bản cùng, nên bị Lạc HỒN mà đánh mất GỐC quý.

Tiên / Rồng, Nhân / Trí hay Nhân / Nghĩa , Hùng / Dũng là cặp đối cực của Dịch, khi sống sao cho các cặp đối cực trở thành nét Lưỡng nhất thì Tinh thần Dân tộc mới Bất khuất mà trở nên vô Dịch. Đây là niềm tin sống động phải tu Nhân tích Đức và hành xử hài hòa với nhau mới có tác dụng, chứ không có Trí / Hành theo Nhân / Nghĩa rồi quay lại bảo Nhân Nghĩa là lạc hậu không hợp thời thì đúng là vô tình bị sa xuống hầm tai vạ.

Khi đánh mất thứ Quốc bảo này thì trước sau gì thì Dân tộc cũng sa vào trông nô lệ!

III.- CÁCH ĐEM ĐẠO LÝ NHÂN SINH VÀO ĐỜI

CHẾ ĐỘ BÌNH SẢN: VẤN ĐỀ CÔNG BÌNH XÃ HỘI

1.-NGUỒN GỐC CỦA CÔNG BÌNH XÃ HỘI:

A.- NHỮNG GÌ CHỨA TRAO BAN

(Trích ba dụ ngôn trong Tân Ước Mã Thi.(Mát Thêu)

Thánh kinh hội Quốc tế xuất bản 1994)

“ Nước Trời giống như trường hợp người Chủ lên đường viễn du, gọi các đầy tớ vào, ủy thác cho họ tài sản của mình. Chủ giao cho mỗi người tùy khả năng: Người thứ nhất 50 lạng vàng, người thứ nhì 20 lạng và người thứ ba 10 lạng.

Sau khi chủ lên đường, người 50 lạng lập tức kinh doanh, lời được 50 lạng. Người 20 lạng cũng đầu tư, thu lời 20mlạng, còn người nhận 10 lạng đào đất chôn dấu số vàng của chủ. Sau một thời gian khá lâu, chủ trở về, tính số với các đầy tớ.

Người nhận 50 lạng đem thêm 50 lạng đến trình: “ Thưa Chủ, 50 lạng vàng chủ giao, tôi làm thêm được 50 lạng nữa “. Chủ khen: “ Tốt lắm, con rất ngay thật trung thành. Con đã trung thành trong việc nhỏ, nên sẽ được uỷ thác nhiều việc lớn. Con đến đây chung vui với ta.

Người nhận 20 lạng cũng bước đến thưa chủ: “ 20 lạng vàng chủ giao, tôi làm lời thêm 20 lạng nữa. Chủ khen: “ Con rất ngay thật trung thành. Con đã trung thành trong việc nhỏ, nên đã được uỷ thác nhiều việc lớn. Con đến đây chung vui với ta “.

Người nhận 10 lạng đến phân trần: “ Thưa Chủ, tôi biết chủ khát khe, hay gặt hái trong chỗ không gieo, thu hoạch ở nơi không trồng. Vì lo sợ nên tôi tìm chỗ chôn dấu vàng của chủ, và đây tôi xin giao lại số vàng cho chủ. “ Chủ quả trách: “ Anh thật gian ngoa lừa dối! Đã biết ta thu hoạch lợi tức, sao anh không gửi số vàng ấy vào ngân hàng để khi ta về lấy cả vốn lẫn lời? “ Rồi chủ ra lệnh: “Đem 10 lạng này cho người có 100 lạng! Vì ai có, sẽ được thêm đến mức dư dật, còn ai không có, dù còn gì cũng bị lấy đi. Còn tên đầy tớ vô dụng kia, đem quăng nó vào chỗ tối tăm, đây than khóc và nghiến răng! “

B.- Ý NGHĨA CỦA DỰ NGÔN LẠNG VÀNG

THEO VIỆT NHO

Trước khi viễn du, người Chủ gọi đầy tớ đến rồi giao Vốn cho các tôi tớ “ làm Lời “: Đây là ẩn dụ nói về việc Chúa sáng tạo ra loài người hay cách khác là con người được bẩm thụ từ Thiên Chúa: Người thì được Chúa ban phát 50 lạng, người thì 20 lạng, người thì 10 lạng.

*Các lạng đây chỉ về Thể chất và Tinh thần mỗi người lãnh được từ khi Cha mẹ sinh ra, tức cũng là từ Chúa trao ban cho được Nho gọi là **Thiên bẩm** .*

C.- THIÊN CHÚA TẠO RA CON NGƯỜI DƯỜNG NHƯ BẤT CÔNG

Khi giao cho đầy tớ - con cái Chúa - , mỗi người một số Lạng khác nhau, người thì 50, kẻ 20, người khác thì 10, nên về Trí tuệ, người thì thông minh, người thì có sự hiểu biết trung bình, người thì u tối, về Thể xác người thì khỏe mạnh, kẻ thì gầy yếu, người là lực sĩ, kẻ lại tật nguyền, vì thế mà những con người trong nhân loại đã có Tư cách và Khả năng khác nhau (do sự bẩm thụ khác nhau) được diễn ra dưới muôn hình muôn vẻ.

*Do Thiên bẩm khác nhau, mà có kẻ Thông minh, người kém hiểu biết, kẻ Giàu người Nghèo, kẻ Sang người Hèn, kẻ lành người dữ, người thì làm ra mỗi giờ hàng ngàn, kẻ thì không làm ra một đồng xu, đưa tới cảnh “ **Người ăn không hết, kẻ thì lần không ra** “ .*

Ngoài ra, có một số người với Thiên bẩm trội hơn, tuy đã có đời sống sung túc, nhưng lại còn dùng ưu thế của mình để áp bức bóc lột người thấp cổ bé miệng để làm giàu thêm, gây nên muôn vàn bất công trong xã hội.

*Vậy nguồn gốc của mọi Bất công làm rối loạn xã hội xưa nay đều do hai nguồn: **Thiên bẩm** và **Nhân vi**.*

Thế mà xưa nay hầu như người ta chỉ lưu ý tới nạn Bất công do Nhân vi, mà không nhận ra nạn Bất công cũng đến từ gốc Thiên bẩm.

D.- CON NGƯỜI PHẢI SỐNG NHƯ THẾ NÀO

TRONG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI DƯỜNG NHƯ BẤT CÔNG?

Mỗi người được sinh ra ngoài sự lựa chọn của Cha Mẹ mình và chính mình, có hỏi Trời Trời cũng chẳng nói, vậy con Người biết làm sao đây ngoài việc tìm cách hành xử thích hợp với môi trường để tồn tại và phát triển.

Ngoài sự bất công nơi loài người như thế thì trong vũ trụ cũng chẳng khác, mặt đất thì chỗ Cao nơi Thấp, nước bao giờ cũng chảy trên Cao xuống Thấp, gió cũng di chuyển từ nơi Áp suất Cao tới Áp suất Thấp, dòng điện cũng vận chuyển từ Điện thế Cao tới Điện thế Thấp, . . . tất cả đều nhằm khóa lấp bớt sự cách biệt, nhưng nhờ có cách biệt mới có sự Biến hoá, chứ khi mọi thứ đã san bằng rồi thì Vũ trụ hết Biến hoá, sự sống bị tiêu diệt.

Vậy sống trong thế giới Hiện tượng, mọi sự đều biến hóa không ngừng, con Người phải nương theo Thời tiết, nương theo định luật Thiên nhiên để tồn tại và phát triển. Con người được sinh ra với Bản sinh cách biệt dường như bất công, lại sống trong môi trường Vũ trụ cũng xem ra cũng bất công, con Người không có cách nào hơn là phải sống hoà nhập vào hiện tượng Thiên nhiên, sao cho đỡ bất công để mọi thứ được giao hoà với nhau nhất là hòa cùng tiết nhịp Tiến hoá của vũ trụ, có như thế thì mới giúp con người được phát triển toàn diện. Là một trong Tam tài, là “**Nhân linh vạn vật**”, nên con Người phải tìm cách thăng hoa cuộc sống để được tiến lên trong ba đợt:

“**Một là con người chất thể** chung với con vật lo về **ăn, mặc, ở và làm**, cốt để giữ đời sống sinh lý hoàn toàn ngoại vi.

Thứ đến con người Văn hoá lo về **Lý trí, Tâm tình, Văn học, Nghệ thuật, Thi ca, Nhạc, Họa**. . . Đây là đợt riêng biệt cho con người.

Đợt ba con người Tâm linh lo đi đến chỗ “**chí Thành như Thần**”. Con người siêu lên đợt trên hoàn toàn Nội tâm, con mắt không thấy được, nên cũng gọi được là Vô, là Trống, như ta có thể thấy rõ trong Trống Đồng có 3 vòng Thiên, Địa, Nhân này. Người lý tưởng phải gồm được cả ba. **Tuy đợt chất thể là chung với con vật, nhưng không được khinh khi.**

Văn hoá trọn vẹn phải lo cho mọi người no đủ, vì đói thì chẳng làm được gì về Văn hóa Văn học cả, nên **Văn hoá nào không móc nối con người sinh lý là nền Văn hoá nguy hại**, nhất là làm cho con người mất khả năng mở lên đợt ba thì rõ ràng là thiếu nguyên lý Mẹ, mà nguyên lý Mẹ (Trọng Tình hơn Lý) rất dễ mất, vì là đợt ẩn sâu trong Tâm hồn.”

(*Thái Bình Minh Triết. Kim Định. Tr.46 – 47*).

Nếu không có thế giới hiện tượng “**Nước lỏng chảy Xuống, Hơi nước bay Lên**” như thế, thì con người không có môi trường tiến hoá để vươn lên đời sống siêu việt, thì làm sao con Người được xưng danh là **con cái Thượng Đế**.

Khi được sinh ra thì con người mới là **con người “Quý / Thần chi hội**” hay con người đang thành”, nên Công việc làm Người (Vi Nhân) cho đạt tới vị trí Người còn vô cùng khó khăn, nhưng cũng rất cao cả. Có phải đây là Ý của Chúa muốn mọi con cái của Ngài phải biết sống theo cách “**Vâng Ý Cha dưới Đất cũng như trên Trời**”? Ý Cha là con Người phải thực sự “**yêu mọi Người**” và trước tiên là phải “**mến Chúa hết Lòng và hết Trí khôn**”. Có Vi Nhân được như thế thì con Người mới hành xử với nhau được tương đối công bằng.

E.- ĐẬU LÀ Ý CỦA THƯỢNG ĐẾ

Theo Việt Nho thì Ý của Thượng Đế chính là Thiên lý, mà Thiên lý là Dịch lý tức “Chân lý ngược chiều” được vận hành trong vũ trụ: Tâm linh và Thể sự là chân lý ngược chiều, như khi thở Vào thì phổi đầy không khí, khi thở Ra thì không khí chẳng còn, trong cuộc sống con người cũng thế, muốn tồn tại ở trần thế thì ta phải Chấp, phải chiếm hữu, nhưng khi muốn trở về nguồn Tâm linh là nguồn Vô nên phải Phá, bỏ hết mọi sự, có biết sống nhịp nhàng cân bằng giữa cặp đối cực Chấp / Phá (Receiving / Giving) như thế thì mới thuận Thiên, Cha ông chúng ta đã bảo: **Mọi sự Có mà như Không, Không mà lại Có**, con người phải nhận ra và nương theo sự biến hoá Có / Không; Không / Có không ngừng trong Vũ trụ để nương theo đó mà tồn tại và phát triển được.

Môi trường sống và con người đều chứa sự bất công, nhưng nhờ sự mất cân bằng mới có biến hoá, có biến hoá mới tiến bộ, nên con người cũng phải nhịp theo Thiên lý mà làm giảm bớt sự bất công để lập thế quân bình động - Thế Hòa giữa hai đối cực - đó là sứ mạng của con Người phải sống theo Dịch lý.

Mặt khác con người không thể dựa vào những Lạng được trao ban, mà chiếm ưu thế sống riêng cho mình, phải dựa vào số nhân lành mà “ làm Lờì “ mà đóng góp chung cho cuộc sống Hòa. Lờì (receiving) ít thì phải Cho (giving) ít, Lờì nhiều thì phải Bù nhiều. Con Người cũng không thể dựa vào số Lạng mà phân biệt cao thấp sang hèn, mà dành phần ăn trên ngồi trốc, Chúa Giê-su đã phán xét rõ ràng.

Những con người thông minh mẫn tuệ, mà không làm gì cho xã hội để khóa lấp bớt bất công xã hội để giúp mọi người sống hoà với nhau là nghịch Thiên lý.

Đó là công việc Vi Nhân theo nghịch số, đây là công việc vô cùng khó khăn, nhưng với con Chúa là con người Nhân chủ, biết tự lực tự cường và sống thuận theo Thiên lý thì đạt Đạo, con người trở nên rất cao cả .

Cha ông chúng ta đã bảo Thiên chúa, Thượng đế là Hoá nhi, mà “ Hoá nhi đa hý lộng” , nên trong cuộc sống con người phải rất uyển chuyển mà hý lộng theo, có khi xem những cái nhỏ còn quan trọng hơn những cái lớn, (**Vật khinh hình trọng**) đó là những cái sảy nảy ra cái ung, có khi lại xem “ cái không “ quý hơn “ cái có “, như bức tranh vô giá, vô giá là nhờ vào cái “ Hồn” chính là cái “ Vô “ của bức tranh. Vẽ tranh không chỉ vẽ cái Xác mà còn “ phải vẽ làm sao cho nổi lên “ được cái Hồn của bức tranh thì mới đạt nghệ thuật.

Thời này nhiều người tôn vật chất làm chủ (vật chủ), họ đấu tranh, chèn ép, dành dật, cướp giết nhau cho thêm vật chất dư dật tích trữ đầy kho chật lẫm, trong cảnh xã hội tràn ngập bất công, làm cho con người khổ đau. chỉ vì họ chỉ còn cái Xác mà đã đánh mất cái Hồn.

Vì không hiểu Thiên ý hay Lý nghịch số, nên triết gia thượng thặng ở Âu châu như Platon chấp nhận chế độ nô lệ, cho rằng nếu không có nô lệ thì lấy ai làm việc, vì giai cấp thượng lưu, giai cấp quý tộc tự cho mình là những người thượng đẳng có quyền “ ngồi mát ăn bát vàng”.

Còn Chúa Giê- su thì ngược lại, Ngài cũng lao động, cũng sống đời sống bình thường như mọi người. Ngài bênh vực những người bệnh tật khốn khổ, khó nghèo, tội lỗi để xoa dịu bớt cảnh bất công. Ngài bảo hàng giáo phẩm phải phục vụ đoàn chiên, phải rửa chân cho đoàn chiên, - những người bị thất thế - , có lẽ không phải một năm chỉ rửa chân tượng trưng một lần, mà thường xuyên.

Đáng lẽ các vị lãnh đạo nhiều lạng phải lưu tâm đem số Lời của mình vào việc khóa lấp bớt bất công xã hội, Những thành phần giàu có, quyền thế cứ thân nhiên tạo ra thêm bất công, nên mới nảy sinh ra chế độ CS.

Vì thấy bất công xã hội làm khổ con người khôn xiết, nên những người CS đầy nhiệt huyết gấp rút xoá bất công xã hội, để mưu hạnh phúc cho con người. Họ giết một số người để mưu hạnh phúc cho một số người, họ tước bỏ quyền Tư hữu của mọi người để họ ban phát sự sống cho mọi người, họ tước quyền được ăn (Tư hữu) và được nói (quyền Tự do) của con Người. Quyền Tự do và Tư hữu là Thiên tính, nên họ đã mặc nhiên thay Thượng Đế để cai quản loài người.

Họ chỉ biết bất công “ phần nào “ do loài người làm ra, (Nhân vi) mà không biết đến phần bất công khác là do Thượng đế chủ ý đã tạo ra con Người (Thiên bẩm) trong môi trường bất công để buộc con Người phải tu Thân mà nên Thánh, Con Người không trở nên Thánh thì không xứng là con cái Chúa, họ không thể hành xử Công chính với nhau nếu thiếu lòng Bác ái. Còn CS thì cổ võ Hận thù, hành động đại bất công để giải quyết những bất công áp đặt. Là kẻ vô thần, họ đâu có biết Thượng Đế tạo ra con người trong môi trường sống động như thế để con người có cơ hội phát triển hết khả năng của mình mà hoàn thành sứ mạng Hòa làm cho con người cao cả, xứng với địa vị con cái Thượng Đế. Từ chối không làm chuyện đó thì con Người chưa thoát khỏi lối Ngộm!.

2.- NAN ĐỀ BẤT CÔNG XÃ HỘI

Nan đề xã hội muôn thuở vẫn là sự bất công trong gia đình và ngoài xã hội: Người ta chỉ biết một số bất công do cách ăn ở của con người tạo ra, còn sự bất công qua số Lạng nhận lãnh từ Thiên Chúa thì không biết đến, nên cách ứng xử của con người với vấn đề bất công xã hội không thể giải quyết ôn hòa.

Một số trong Giai cấp thượng lưu, giai cấp quý tộc, nhất là đế quốc thực dân, giai cấp địa chủ tuy nhờ Thiên bẩm mà có đời sống Tinh thần và Vật chất cao hơn, đáng lý họ cũng nương theo luật Thiên nhiên, biết lấy Nhiều bù Ít, lấy Mạnh giúp Yếu, lấy Lành cảm Ác, nhưng một số đã không lý tới nguồn gốc sự bất công đã có trong xã hội mà còn tạo ra bất công làm khốn khổ con người.

Còn CS thì không biết đến sự bất công từ Thiên bẩm, mà cào bằng tất cả, tước đi Thiên tính của con người đưa tới cảnh con người bị dày dạn!

Vấn đề là không thấy được nguồn gốc của bất công là do Thiên bẩm và cũng do con Người, nhất là không hiểu rõ Thiên lý tức là Dịch lý nghịch số để có những ứng xử thích hợp. Không thấy được con người muôn màu muôn vẻ về tư cách và khả năng khác nhau thì làm sao mà đòi hỏi được sự công bằng tuyệt đối trong xã hội. Một người làm một giờ được hàng trăm hàng ngàn, còn người khác thì không làm ra một xu, thì công bằng làm sao đây?

Nhưng mặt khác không lo tìm cách giảm thiểu bất công xã hội thì xã hội cứ tranh đấu cướp bóc nhau, đâm chém nhau mà gây đau khổ cho nhau, thì rốt cuộc dẫn nhau xuống hố. Chỉ khi nào mọi người nhận rõ nghịch số của Dịch lý mà hành xử thuận theo Thiên lý làm cho hai đối cực bớt cách biệt mà Hoà với nhau thì mới ôn hòa.

Chỉ có những người sống thực sự theo tinh thần Hòa của Tôn giáo mới giải quyết được nan đề, nhưng khổ thay nhiều khi Tôn giáo chỉ “ lấy Đạo tạo Đời “ nên cũng vô bổ.

Căn bản vấn đề là: Con người bất toàn với Tư cách và Khả năng khác nhau, nếu cứ theo đà » mạnh được yếu thua, kiên ăn cá cá ăn kiên « thì cả hai phía người giàu kẻ nghèo sẽ dồn

nhau vào chỗ chết, CS là một ví dụ. Chỉ có con người biết chấp nhận nhau là những con người bất toàn giúp nhau sống tương đối công bằng với nhau để sống hòa với nhau.

Muốn thực hiện cuộc sống công bằng với nhau thì tiên vàn mọi người phải đều biết tôn trọng nhau, vì đều là con Chúa, con Phật, là tinh hoa của Trời Đất, nên phải yêu thương nhau, chấp nhận những dị biệt của nhau mà tha thứ cho nhau, và ăn ở theo lối hai chiều : « có Đi có Lại, phải Người phải ta » thì mới đi đến chỗ Hoà mà sống yên vui với nhau được.

Nho giáo có Nhân, Trí, Hùng- Dũng, Phật giáo có Bi, Trí, Dũng, hay Từ Bi Hỷ xả, Kitô giáo có Bác Ái, Công bằng và tha thứ. Mọi người có thực sự sống kết hợp với những giá trị cao cả đó thì mới giải quyết nổi vấn đề.

Vấn đề chính là mọi người phải tu dưỡng lòng Nhân hay lòng Từ bi hay Bác ái, để có yếu tố căn bản này thì mọi điều khác như chấp nhận nhau, tha thứ cho nhau mà ăn ở tương đối công bằng với nhau đều có thể thực hiện được.

Vì vậy cho nên nan đề của nhân loại vẫn là quên đời sống Tâm linh và cách hành xử hai chiều với nhau trong gia đình và xã hội.

Chỉ khi nào có con người Nhân chủ có đủ Nhân, Trí, Hùng - Dũng để biết cách sống « Dĩ Hoà vi quý » thì mọi vấn nạn của con người Bất Nhân và xã hội Bất Công mới giải quyết được.

Đó mới chỉ là lãnh vực cá nhân.

Nan đề của Nhân loại ngày là coi nhẹ đời sống Tâm linh, nhưng Tâm linh và Khoa học là cặp đối cực cần luôn được quân bình. Có Tâm linh mà khoa học kém cỏi thì không thể ăn nên làm ra, có Khoa học mà thiếu Tâm linh tức là đánh mất Lương tâm thì Khoa học sẽ hủy diệt Nhân loại.

3.- CÔNG BẰNG TƯƠNG ĐỐI

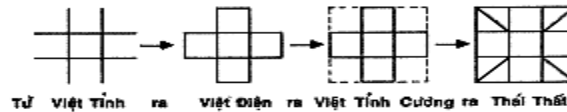
Do số Lượng “ nhiều ít đầu tiên được nhận lãnh từ Thiên Chúa “ mà con người không thể có công bằng tuyệt đối trong thế giới hiện tượng tương đối. Nhưng chỉ trong thế giới hiện tượng tương đối mà con người có môi trường để Vi Nhân bằng cách hoàn thiện những thứ bất toàn. Nhiệm vụ cao cả và khó khăn nhất của nhân loại là khi sống trong thế giới bất toàn phải tổ chức thế nào để cho ai ai cũng có điều kiện sống hợp với nhân phẩm. Đó là nhu yếu thâm sâu của mọi con người: Quyền có Ăn và quyền được Nói. Nhân loại đã thất bại triền miên trong công cuộc Vi Nhân căn bản này. Ta nên nhớ con người là một trong Tam tài, nên phải hành kiện như “ Thiên hành kiện bất tức: Trời hoạt động không ngừng nghỉ qua các Hiện tượng biến hoá trong thiên nhiên, nên con người cũng phải làm việc không nghỉ ngơi để tạo ra của cải Vật chất và của ăn Tinh thần. Làm ra cái Ăn là một trong nhu yếu nền tảng của Nhân quyền, khi bảo vệ được cái Ăn thì có Nhân quyền, cái Ăn cũng được gọi là quyền Tư hữu. Trong chế độ Tư bản thì quyền Tư hữu tuyệt đối, nên những người nhận được nhiều lượng lại có quá nhiều Tư hữu, mà người ít lượng thì lại không có cái Ăn, trở thành Vô sản, nên vô Nhân quyền luôn. Còn trong chế độ CS thì quyền Tư hữu bị tước sạch để làm Công hữu, tuy có Làm nhiều mà Hưởng ít, con người trở thành Vô sản như súc vật, Nhân quyền bị tước.

Nan đề của nhân loại hiện nay vẫn là quyền Tư hữu. Mỗi cá nhân nhờ hoạt động của Trí óc và Tay chân mà sản xuất ra của cải gọi là quyền Tư hữu. Sản vật do Trí óc và mồ hôi nước mắt của mình tạo ra thì mình có quyền hưởng mà không ai có thể tước đoạt, chỉ những tài sản nào không do công lao của mình mà chiếm lấy thì mới bắt công. Giàu Nghèo mà do bóc lột và bị bóc lột mới bắt công. Những người giàu dùng mưu gian và quyền thế để bóc lột kẻ nghèo mới bắt

công, còn người nghèo vì lười biếng mà nghèo thì cũng chẳng do bất công. Nhưng sống trong xã hội mà kẻ nghèo thì đông mà người giàu thì ít, nếu người giàu không biết san sẻ thì vấn đề CS sẽ nảy sinh. Do đó mà cần có Lòng bác ái, Lòng Từ bi cũng như Lòng Nhân ái, chỉ có những người có Tình yêu cao cả như thế mới biết chia sẻ với người thất thế trong cuộc sống, nhưng vấn đề Công bằng tương đối trong xã hội lại thuộc về trách nhiệm của nhà cầm quyền.

4.- CÔNG BẰNG TƯƠNG ĐỐI TRONG XÃ HỘI NÔNG NGHIỆP VÀ KỸ NGHỆ

Nho có chữ Tỉnh “井” có nghĩa là cái giếng, chữ Tỉnh lại do sự kếp nếp của khung Ngũ hành. Thời xa xưa của Tổ tiên Việt có phép Tỉnh điền, phép Tỉnh điền chia ruộng đất theo hình chữ Tỉnh tức là chia ra 9 ô, 8 ô xung quanh thuộc **Tư điền**, tức là quyền **Tư hữu**, còn ô ở trung Tâm thuộc **công điền dành chon nhà Vua thuộc Công hữu**. Trong thời kỳ Pháp thuộc thì ruộng đất ở miền Bắc và miền Trung còn chiếm đến 26%. Tổ Tiên xưa dùng Công điền công thổ cung cấp cho những gia đình nghèo thất thế mỗi người một số sào ruộng để họ tự canh tác mà mưu sinh, không ai có quyền dùng “miếng ăn” để hiếp đáp người khác. Chính sách này được gọi là **Chế độ Bình sản**, có mục đích là giải quyết nạn Bất công xã hội, do sự chênh lệch về Thiên bẩm nơi từng người.
(Xem hình Việt Tỉnh cương ở dưới cùng có 9 ô: 8 ô xung quanh thuộc về **Tư hữu**, ô số 5 ở giữa thuộc về **Công hữu**)



4	9	2
3	5	7
8	1	6

Việt Tỉnh Cương

Thế mà trong **chế độ Nông nghiệp thô sơ**, Cha Ông chúng ta đã biết lấy Công điền Công thổ để điều hòa giữa Công và Tư hữu để giúp cho những người bất hạnh có cuộc sống tương đối xứng với Nhân phẩm.

Trong chế độ Nông nghiệp xưa tại miền Bắc và miền Trung, Công điền và công thổ trong mỗi làng chiếm hơn một nửa. Công hữu này được cấp phát cho những người thất thế, những cô nhi quả phụ, những người tật nguyền, mỗi người đều được cấp phát một số sào ruộng để họ “tự canh tác lấy” mà sống, không ai có thể dùng miếng ăn để bắt nạt họ. Còn người tật nguyền thì lấy ruộng đất được cấp phát cho “Rong canh” tức là cho người khác cày cấy để thu tô tức là thu một số thóc, tuy là ít nhưng họ không có bị chết đói.

Đây là cách giải quyết vấn đề Công bằng tương đối trong xã thôn ngày xưa..

Trong xã hội Kỹ nghệ Tây phương nhất là Hoa kỳ đã dùng thuế Lũy tiến, tức là lấy Tư hữu đóng góp vào Công hữu để thiết lập những tiện nghi công cộng cho mọi người chung hưởng, nhất là thiết lập Quỹ An sinh xã hội để giúp những người thất thế về trợ cấp xã hội cũng như bảo hiểm y tế giúp họ được sống như là một con người có Nhân phẩm, ngoài ra còn giúp huấn nghệ cho họ sống tự lập được.

Ngày nay vấn đề này đang được đùn đẩy giữa Obamacare và Trumpcare. Obamacare thì tăng thuế người giàu để giúp cho người Già, người có lợi tức thấp cùng Bảo hiểm sức khỏe cho họ, còn Trumpcare thì bớt phúc lợi cũng như bảo hiểm sức khỏe của người già và người nghèo để khuyến khích họ sống tự lập giảm thuế cho người giàu để kích thích sự sản xuất.

Xem ra hai đảng Công hòa và Dân chủ chưa gặp nhau ổn thỏa nơi Tinh thần Hiến pháp ” Hợp Chúng Quốc “, nghĩa là phải dàn xếp mọi sự làm sao cho : Bác ái / Công bằng trở thành Lưỡng nhất →1: Dual unit: 2→1).

Tinh thần đó sẽ Lưỡng nhất khi hai Đảng biết hành xử theo tinh thần “ **Quần nhi bất Đảng** “, nghĩa là hai Đảng biết đặt quyền lợi của Nhân dân trên quyền lợi của Đảng.

“

5.- KẾT LUẬN

Người Công giáo cho rằng: “ **Greed is not good** “, còn một số người **Tư bản** thì lại định nghĩa: “ **Greed is good, Capitalist is greed** “, còn **nhà Phật** ở Đông phương thì bảo: “ **Tham, Sân, Si** “ gây ra nghiệp chướng là gốc đau thương của nhân loại. **Nho giáo** thì “ **Nhân dục vô nhai**: lòng tham không đáy “ là nguyên nhân làm cho “ **Đạo Tâm suy vi, Nhân Tâm duy nguy** “. **Quả thật** lòng Tham của con Người là nguồn rối loạn của xã hội, vì lòng Tham là nguồn cội của bất công trong gia đình và xã hội.

Ở Tây phương lòng Tham đã sản sinh ra **chế độ Nô lệ, Đế quốc Thực dân. Chế độ CS** cũng vì quá tham nên nổi lên chống Đế quốc Thực dân để cướp đoạt mà thống trị thế giới. Ở Đông phương thì là **chế độ Phong kiến, Tàu** là đại diện chói chang của “ Tham tàn và Cường bạo “, suốt trường kỳ lịch sử 4715 năm, họ không ngớt rắp tâm gây chiến tranh cướp bóc và bành trướng.

Đối cực Tư bản và Cộng sản tuy biến đổi theo thời gian, nhưng vẫn chưa thay đổi được bản chất Lòng Tham. Là người ít ai chế ngự được lòng Tham, ngay trong lòng các vị tu trì. Lòng Tham gây ra mưu gian và dùng bạo lực để cướp bóc chiếm đoạt dưới muôn ngàn hình thức: Trong mỗi cá nhân là mầm mống Tham tàn và cường bạo cứ âm ỉ, trong gia đình là “ **Chồng Chúa Vợ Tôi hay Vợ Chúa Chồng Tôi**”, đối với con cái thì Cha Mẹ cũng cũng dùng uy thế bạo lực mà không ché. Trong xã hội thì gây nên một đấu trường dưới trăm mưu nghìn kế để tranh dành: **Địa vị, Quyền lực, Danh vọng, Tài sản, Tình ái**. Những con người yếu đuối thế cô là nạn nhân. Nhìn chung thế giới ngày càng chùng chát bất công.

Ở Trung Đông và nhiều nơi trên thế giới có rất nhiều cá nhân ô m bom tự sát, cố giết cho được nhiều người để trả thù những gì họ cho là bất công, cũng có quốc gia cố sản xuất bom nguyên tử để trả đũa bất công. ở Đông phương còn có một số nước duy trì chế độ độc tài để bảo vệ sự bất công. Riêng Việt Nam thì sự bất công đã đi đến cùng cực là “ **giết hại đồng bào để bán nước cho trót lọt**”. Xem thế lối sống Tham lam gây ra bất công, khi nạn bất công xã hội đi đến cùng cực mà không tìm cách giải quyết tận gốc rễ thì ngày tận thế không xa.

Ngày nay, các nước Tây phương một mặt đang liên kết với nhau để cứu vớt những sự mất quân bình trong cơ chế quốc gia, mặt khác cố xuý phong trào Dân chủ để làm giảm bớt sự bất công ở các nước độc tài. Phong trào này khởi đầu từ phong trào Giải Thực rồi Giải Cộng, nay đang dâng cao tại Trung Đông và Châu Phi, và cũng đã lan qua châu Á. Ngay ở Hoa Kỳ mấy năm trước đây còn có phong trào “ Occupy Wall Street “ nêu khẩu hiệu 99% và 1%: 99% là đa số nghèo hay không đủ và 1% là thành phần quá giàu. Khẩu hiệu đó cảnh báo nạn bất công qua sự phân cách giàu nghèo quá xa . Phong trào này đã lan ra nhiều nơi, đây cũng là “ Ý Dân là Ý Trời” để mong lập lại sự công bằng xã hội. Lại nữa những người giàu ở xứ này có một số thường ít khôn vật.

Mới đây lại có tình trạng Brexit, một số nước co cụm lại theo Dân túy, mà phớt lờ Toàn cầu hóa, chẳng qua là “ Trong nước không ấm, ngoài thế giới chẳng êm “, xét kỹ thì cái nguồn gây rối đó chính là “ Nhân Dục vô nhai “ : Cái Dục ngược với Thiên lý.

Tất cả chỉ còn là sự hàn gắn bề ngoài, mà vấn đề nằm ngay trong thâm cung của Lòng mỗi người. Vì không có Công bằng tuyệt đối ở trần gian này, nên chỉ có Lòng Bác ái, Lòng Nhân ái, Lòng Từ bi và Lý công chính hay lẽ “ Phải Người phải Ta “ của mọi người mới mong giải quyết một cách tương đối.

Nhân loại đang mắc hai thứ bệnh: **Bệnh Cá nhân và bệnh Xã hội.**

Nguồn gốc của Bệnh Cá nhân là lòng Tham nằm trong Lòng mỗi người, bệnh Xã hội nằm trong các Cơ chế quốc gia không hợp lý.

Bệnh Cá nhân là nguồn gốc phải ưu tiên sửa trước, còn các Cơ chế xã hội bất công phải sửa tiếp theo. Không sửa Lòng Tham gây ra bất công mà chỉ sửa các hiện tượng trong các Cơ chế xã hội thì không thể được. Lòng Tham gây ra bất công ở Bên Trong, nếu chữa bệnh Nội thương bằng những hiện tượng Bên Ngoài thì chắc không bao giờ lành bệnh. Tâm linh và Khoa học là nguồn gốc của sự sống Tinh Lý hài hòa,(cũng là Bác ái, Công bằng, Bi, Trí hay Nhân, Trí) là thân được Hòa mà con người không thể quên, mà phải dùng để chữa bệnh bất công. Vấn đề chính là ai cũng có Nói mà chẳng ai lưu tâm Làm thật sự, một số người làm chưa đủ mà mọi người phải giúp nhau cùng Làm mới được!

Bệnh Xã hội là bệnh “ Dĩ Cường lưỡng Nhược: Cá Lớn nuốt cá Bé “ dưới muôn vàn Hình thức với nhiều Nhân danh, chỉ khi nào cái Riêng của từng Quốc gia tìm được vị trí sống ổn định trong Bàn Cờ Chung của Thế giới thì khi đó Nhân loại mới mong được yên vui .

CHƯƠNG NĂM

SỰ GẶP GỠ GIỮA CƠ CẤU VIỆT NHO

VỚI

CƠ CHẾ XÃ HỘI CÙNG SINH HOẠT CỦA NỀN DÂN CHỦ HOA KỲ

Chúng tôi không chuyên về Luật pháp mà chỉ đề cập đến vấn đề Sinh hoạt Dân chủ theo tinh thần Văn hoá, nếu có sai sót xin chỉ điểm cho. Đa tạ.

[10]. *The Great Seal of the USA & The Living Constitution*

A.- NỀN TẢNG CỦA CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ

I.- HIẾN PHÁP HOA KỲ

Hiên thân của Tinh thần Bác ái và Công bằng

Nói một cách Tổng quát Hiến pháp là Luật tối thượng của Quốc gia để đem Đạo lý “ Bác ái và Công bằng vào Đời “ hay đem Công lý vào Đời sống Xã hội để làm chứng cho Lòng Bác ái. Một xã hội mà Công lý (tức là công bằng tương đối) được thể hiện thì xã hội mới tương đối được Hòa bình. Khi Xã hội giảm thiểu tối đa được sự Bất công thì nhân dân mới được sống yên vui, mới được Hạnh phúc. Hạnh phúc là mục tiêu tối hậu của Hiến pháp.

II.- TUYỂN HIỆN

Muốn có người tài giỏi chăm lo việc nước thì phải Tuyển Hiện. Có Tuyển hiện bằng cách Bầu cử Tự do thì mới chọn được những ứng cử viên có Tư cách và Khả năng để phục vụ nhân dân.

Cách thể hiện quyền Lựa chọn Tự do bằng: Phiếu Dân bầu và Phiếu Cử tri đoàn

*Trong cuộc sống con Người thì sự Lựa chọn Cá nhân là quan trọng và linh thiêng nhất, đó là sự Tự do Lựa chọn (Freedom of choice). Con Người không thể sống một mình để tồn tại và phát triển, nên phải kết hợp thành Cộng đồng của nhiều người, nên phải trải qua nhiều sự Lựa chọn Tự do, vì tôn trọng sự Tự do lựa chọn của người khác để hoà với nhau, nên sự lựa chọn Tự do cá nhân bị hạn chế., việc này đưa tới luật Sinh hoạt “ **Thiểu số phục tùng đa số** ”, có vậy thì mọi sinh hoạt chung của Cộng đồng và Quốc gia mới tiến triển được.*

*Vì vậy khi nhiều người cùng nhau bàn Công việc chung thuộc lãnh vực nào cũng đều phải tuân theo luật “ **Thiểu số phục tùng đa số** “.*

*Thế nhưng vì sự hiểu biết mọi người không đồng đều, đối với những việc quan trọng và khó khăn thì luật Sinh hoạt trên không đáp ứng được yêu cầu ích lợi chung, trong trường hợp này đa số thiểu hiểu biết lại phải tuân theo thiểu số thông thạo vấn đề (Competency). Ví dụ hàng triệu Y tá không thể chữa bệnh hữu hiệu bằng một Bác sĩ, do đó mà có luật sinh hoạt “ **Đa số phục tùng Thiểu số** “.*

Trong sinh hoạt Quốc gia thì sự Phổ thông bầu phiếu chọn các Vị đại biểu Quốc hội nhất là Tổng Thống thì phải thoả đáng được cả hai luật Sinh hoạt trên.

*Phiếu Dân bầu (popular vote) thì theo luật “**Thiểu số phục tùng Đa số**”.*

*Còn phiếu Cử tri đoàn (Phiếu các Dân cử của Tiểu bang:electoral vote) thì lại theo luật “**Đa số phục tùng Thiểu số**”*

*Đối với việc bầu Tổng thống thì Ứng cử viên nào có cả hai loại phiếu Dân bầu và phiếu Cử tri đoàn nhiều hơn thì trúng cử ,gặp trường hợp Ứng cử viên có Phiếu Dân bầu tuy ít hơn, nhưng mà số phiếu Cử tri đoàn lại nhiều hơn thì lại thắng cuộc, ở đây “**Đa số phục tùng Thiểu số**” vì các vị trong Cử tri đoàn lại thông thạo việc xây dựng và Cứu nước hơn toàn dân.*

III.- TỔ CHỨC VÀ SINH HOẠT TRONG CƠ CHẾ TAM QUYỀN PHÂN LẬP:

1.- CƠ CHẾ XÃ HỘI: CÁI KIỀNG 3 CHÂN

Ngành Lập Pháp : Đại diện cho Nhân dân chuyên trách làm Luật và Chiến lược Quốc gia

Ngành Hành pháp là Chính quyền có nhiệm vụ thi hành Luật để mưu phúc lợi cho toàn dân

Ngành Tư pháp duy trì Công lý Xã hội

2.-THỂ HIỆN PHÂN QUYỀN BÌNH ĐẲNG

*Cả ba ngành **Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp** đều có quyền ngang nhau, có quyền kiểm soát nhau theo Tinh thần Hiến pháp để giữ tình trạng Cân bằng, nhờ vậy mà giúp các Cơ chế xã hội được tiến bộ đồng bộ và được cân bằng, nên khi có sự sai lầm thì mới điều chỉnh được, còn sinh hoạt một chiều như CS khi gặp sai lầm thì đổ cả mảng.*

3.- SINH HOẠT DÂN CHỦ

*Sinh hoạt Dân chủ là lối Sinh hoạt theo Dịch lý bằng cách Kiểm soát nhau để duy trì thể Quân bình động mà Tiến bộ (check and Balance: Thể hiện Dịch lý “**Chấp kỳ Lương đoan**”.*

*Trong Sinh hoạt Dân chủ thì cả ba ngành **Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp** đều dựa trên tinh thần Hiến pháp (Bác ái và Công bằng) để kiểm soát nhau hầu lập thể Quân bình (tức là Duy trì lẽ Công bằng cách gọi là check and balance). Trong sinh hoạt của mỗi ngành thì theo luật “**Thiểu số phục tùng Đa số**.”*

*Còn khi hai ngành Lập và Hành pháp có vấn đề tranh cãi mà không đi tới ổn thoả thì phải đưa lên **Tối Cao Pháp Viện** để được phân giải, hai ngành phải tuân theo sự phán quyết của Tòa Tối cao, trong trường hợp này thì **Đa số phải phục tùng Thiểu số** do yếu tố thông thạo vấn đề Luật pháp theo Hiến pháp (competency).*

4.- HAI LỐI SINH HOẠT GIẢI QUYẾT BẤT ĐỒNG

A.- SINH HOẠT THEO LỐI “**THIỂU SỐ PHỤC TÙNG ĐA SỐ**”

Ngành Lập pháp làm Luật (đại diện cho Đa số)

Hạ viện chuyên về Đường lối Nội Trị, Thượng viện chuyên về Ngoại giao. Lối sinh hoạt của Thượng và Hạ nghị viện hay cả hai Viện đều theo luật: “ **Thiểu số phục tùng đa số** “

Nội trị / Ngoại giao →1

Ngành Hành pháp (Thiểu số)

Thi hành Luật pháp để thực hiện công cuộc Dân sinh và Dân trí cũng như công việc Quốc phòng.

Ngành Tư pháp (competency): Duy trì Luật để bảo vệ Công lý Xã hội.

B.- SINH HOẠT THEO LỐI “ĐA SỐ PHỤC TÙNG THIỂU SỐ “

Hai ngành Lập pháp và Hành pháp cũng như Tư pháp (Tối cao pháp viện) thì theo lối sinh hoạt “**Đa số phục tùng Thiểu số** “.

(Trong cuộc bầu cử Tổng Thống khi một ứng cử viên có **phiếu Dân bầu** (popular vote) ít hơn, nhưng **phiếu Cử tri đoàn** (electoral vote) nhiều hơn ứng cử viên khác thì ứng cử viên này thắng cuộc. Cử tri đoàn là Thiểu số mà Dân là Đa số .

5.- MỤC TIÊU CỦA SINH HOẠT DÂN CHỦ

Kiểm soát nhau “ theo Tinh thần Hiến pháp “ để duy trì thế Quân bình mà Tiến bộ.

(*Check and Balance : Thể hiện Dịch lý “ Chấp kỷ Lương đoan “ tức là Sinh hoạt Dân chủ*).

Trong Sinh hoạt Dân chủ cả ba ngành Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp đều dựa trên tinh thần Hiến pháp (Bác ái và Công bằng) để kiểm soát nhau hầu lập thế Quân bình (tức là Duy trì lẽ Công bằng cách gọi là check and balance). Trong sinh hoạt của mỗi ngành thì theo luật Thiểu số phục tùng Đa số.

Còn khi hai ngành có vấn đề tranh cãi mà không đi tới ổn thoả thì phải đưa lên Tối Cao Pháp Viện để được phân giải, hai ngành phải tuân theo sự phán quyết của Tòa Tối cao, trong trường hợp này thì Đa số phải phục tùng Thiểu số do yếu tố thông thạo vấn đề Luật pháp (competency)

6.- THỰC HIỆN CÔNG BẰNG (TƯƠNG ĐỐI) XÃ HỘI

Hiến pháp Hoa Kỳ cũng chỉ là Bản khế Ước Xã hội mang tình chất Lương nhất giữa cặp đối cực: Bác ái / Công bằng, cùng phương cách đem Đạo lý Nhân sinh vào Đời sống xã hội qua các Cơ cấu và Sinh hoạt theo Dịch lý tức là đem Công lý vào Xã hội để phục vụ mọi người.

Mây lâu nay chúng ta thấy chính quyền Tổng Thống Trump đang ra sức phé bỏ Obamacare, mà chưa đề xuất ra được Trumpcare tốt hơn. Vấn đề này có liên quan đến vấn đề công bằng tương đối trong xã hội.

Bên đảng Dân chủ thì chủ trương đánh thuế Lũy tiến cao vào nhà giàu để lấy tiền sung vào quỹ **An sinh Xã hội** để cung ứng cho chương trình cung cấp thực phẩm, bảo hiểm y tế và huấn nghệ cho thành phần nghèo và tàn tật.

Còn đảng Cộng hoà thì chủ trương cắt phần trợ cấp An sinh xã hội để giảm thuế cho thành phần giàu, buộc thành phần nghèo phải vươn lên mà sống tự lập cũng như khuyến khích thành phần giàu nâng cao sản xuất.

Đây là vấn đề phức tạp, nhưng chúng ta nên nhớ sở dĩ có Chế độ CS là vì Chế độ Đế quốc thực dân, chế độ Phong kiến không lưu tâm giải quyết vấn đề công bằng xã hội tương đối cho ổn..

Qua chủ trương của hai đảng chúng ta thấy chủ trương của đảng Dân chủ xem ra nhân đạo hơn, ngoài việc trợ cấp thực phẩm, bảo hiểm y tế, cho thành phần có lợi tức thấp, chính quyền còn phải giúp huấn nghệ cho họ có việc làm để họ sống tự lập chứ không để họ ỷ lại mà sống nhờ vào trợ cấp xã hội mãi.

Còn Chủ trương đảng Cộng hoà cũng có lý, là khi bớt trợ cấp đi, bị sống trong khó khăn, những người nghèo họ phải vươn lên mà sống tự lập, nhưng mà khi gặp khó khăn quá để họ sống chết mặc bay thì họ cũng hết khả năng vươn lên, đưa tới tình trạng” **Bần cùng sinh đạo tặc**“, thường nhà giàu ít thông cảm được cái khó khăn của kẻ nghèo. Lại nữa cứ lo giảm thuế cho người giàu để người giàu phát triển kinh tế cho giàu thêm, mà để cho thành phần nghèo khó bị cơ cực, xã hội bị xáo trộn, phỏng người giàu có được sống yên vui hay không ?

Đây là vấn đề mà Dịch Lý bảo: Giàu / Nghèo “ Tương thời” sao cho vấn đề Giàu / Nghèo được lưỡng nhất, cũng như cặp đôi cực Bác ái / Công bằng được hài hòa .

Xem ra sự sinh hoạt giữa hai đảng chưa tìm ra giải pháp thích hợp với tinh thần Hiến pháp, đó là làm sao cho hai yếu tố **Bác ái / Công bằng được Lưỡng nhất tức là đạt tỷ lệ Hoà 3 / 2** (Tỷ lệ: Tham < 3 Thiên Lưỡng < 2 > Địa). Khi đảng phái sinh hoạt theo Tinh thần “ **Quần nhi** (theo Hiến pháp) **bất Đảng** (Coi trọng quyền lợi Chung của Nhân dân mà không quá lưu tâm tới quyền lợi Riêng của đảng).

V.- CÁI KHÔN ĐƯỜNG DÀI CỦA HOA KỲ

1.-THIẾT LẬP CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ

Để nâng cao Dân sinh và Dân Trí làm cho Dân giàu nước mạnh, nhất là duy trì cho Tình trạng Quốc gia luôn ổn định.

2.-THỰC HIỆN PHONG TRÀO GIẢI THỰC

Thực hiện Phong trào Giải thực vừa để thể hiện Tinh thần của Hiến pháp và vừa truyền bá việc Bác ái và Công bằng, vì “ **Nhân Nghĩa vị thường bất lợi**”

3 .- LẬP HỘI QUỐC LIÊN RỜI LIÊN HIỆP QUỐC

Thiết lập Môi trường sống Quốc tế để phát triển và bảo vệ an ninh chung để duy trì Trật tự thế giới thì không những giúp cho các nước khác được yên thì chính là cách làm cho nước mình được yên hơn. Khi phương tiện giao thông và truyền thông được nhanh chóng thì các nước không thể co cụm mình trong Chủ nghĩa Dân tuý lạc hậu nữa.

4.-KẾ HOẠCH MARSHALL

Sau thế chiến thứ hai (1939 – 1945), Hoa kỳ đánh bại Phát xít : Đức - Ý - Nhật. Hoa Kỳ không chiếm lấy để cai trị như Đế quốc thực dân, mà lại giúp kẻ thù xây dựng lại những đổ nát của chiến tranh, để biến kẻ thù trở thành những Đối tác của nhau, giúp nhau xây dựng chế độ Dân chủ để vừa phục vụ nhân dân trong nước và vừa làm Đối tác giúp nhau phát triển kinh tế và giữ an ninh chung. Không có Tinh thần Bác ái và Công bằng của nền Hiến pháp thì Hoa kỳ không thể hành xử được như thế . Đó là cái Khôn đường dài, cái Khôn chung cho Nhân loại. Ngày nay các nước Đức Ý Nhật là đồng minh lớn của Hoa kỳ. Đây là hành động “ Make America great “

5.- CÔNG CUỘC TOÀN CẦU HÓA

Thế kỷ 21 là thế kỷ mà Khoa học phát triển cao độ, những công trình xây dựng thật vô cùng to lớn, nhưng công trình phá hoại cũng kinh hoàng. Ngày nay nhiều nước đã có vũ khí nguyên tử cũng như những nhu cầu lớn lao hơn để phát triển kinh tế hầu đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của Nhân dân, nên không thể sống cô lập theo kiểu Dân túy nữa.

Thế giới ngày nay đang run sợ sản phẩm trí tuệ của mình, những vũ khí tối tân và vũ khí nguyên tử đang đe dọa mạng sống nhân loại hàng giây hàng phút. Trước đây để nắm ngôi bá chủ, các nước đã đem bao nhiêu công trình của Trí tuệ và tiền của để sản xuất ra vô số vũ khí giết người hàng loạt, đến nay thì lại ngày đêm vẫn một mặt phát minh ra vũ khí tân tiến hơn, mặt khác lại chăm lo toan tính giải trừ Vũ khí nguyên tử và tìm cách ngăn cấm không cho các nước khác sản xuất ra vũ khí nguyên tử . Việc này khiến nhân loại phải chạy vòng quanh! Khi đã có Vũ khí nguyên tử trong tay, nếu các nhà chính quyền đánh mất Lương tâm thì Nhân loại sẽ bị tiêu diệt cũng như lãnh phải những bệnh tật kinh hoàng do bụi phóng xạ nguyên tử đưa tới.

Hai kế hoạch trên là trách nhiệm Liên đới thuộc cấp Nhân loại của Hoa Kỳ, nếu Nhân loại cứ để cho mối Liên hệ chung bị cắt đứt thì thảm trạng do Vũ khí nguyên tử đem tới sẽ không tránh khỏi. Có ý kiến cho rằng những Công trình đó cũng do Hoa Kỳ đi kiếm thị trường để thủ lợi, nhưng đừng quên những kế hoạch này cũng đem lại lợi ích cho các nước khác, cha ông chúng ta cũng đã có nói: “ **Nhân Nghĩa vị thường bất lợi** “: việc Nhân Nghĩa thường cũng không phải là không có lợi. Đây là cái Khôn dài lâu vì mang tính chất lưỡng lợi. (win – win solution). Xưa nay chưa có nước lớn nào đi vác ngà voi cho các nước nhỏ nào.

Do đó người ta bảo Thế kỷ 21 phải là Thế kỷ Tâm linh, tức là thế kỷ phải phục hoạt lại Lương Tâm cho con người, cho Nhân loại. **Nhân: Nhân giả:** Đã là Con Người thì phải có đức Nhân , tức là lòng yêu thương, kính trọng và bao dung nhau, khi đánh mất lòng Nhân thì con Người Hận thù nhau, đối xử với nhau như Sài lang. CS là bài học đau thương xót xa của Nhân loại. Không phục hoạt lại đời sống Tâm linh thì Nhân loại không thoát khỏi cảnh bị hủy diệt. Quả bom diệt Chủng do Trí não của Nhân loại sản xuất ra đang treo bằng sợi tơ lơ lửng trên đầu Nhân loại .

Phục hoạt đời sống Tâm linh cũng chưa đủ mà phải “ Make the world great “mà không còn chỉ “ Make America great again “ nữa!.

Công trình “ **Toàn cầu hoá ‘ phải là một mệnh lệnh của Thời đại hôm nay** . Thế kỷ này là thế kỷ của truyền thông của internet, giúp các nền Văn hoá, các tôn giáo cũng như các nền Văn minh giao thoa với nhau. **Nếu không tìm cho Nhân loại một thông lộ bằng con đường Xây dựng, con đường của Tình Yêu, của Công lý thì Nhân loại lại sa vào cạm bẫy Hận thù, đây là nguồn sức mạnh phá hoại tiêu diệt cả Nhân loại.**

Tồn tại và Phát triển hài hòa hay “ Khôn độc đại Đàn “ để tiêu diệt nhau là một sự Lựa chọn sinh tử.

Muốn Tồn tại và Phát triển hài hòa với nhau thì phải dấn thân vào công cuộc Toàn cầu hoá. Toàn cầu hoá bằng cách giúp nhau xây dựng chế độ Dân chủ để cải tiến Dân sinh, nâng cao Dân trí để giúp nhau thành Đối tác có khả năng “Ăn nên Làm ra “ và có khả năng bảo vệ quyền lợi công bằng của nhau.

Nhưng công cuộc Toàn cầu hoá không thể chỉ độc hành, mà cần phải có tính thân Dân chủ xuất phát từ nguồn Tâm linh giúp định hướng Công trình Xây dựng Công lý xã hội để không bị lạc nẻo..

Tâm linh giúp cho Khoa học không bị chệch hướng nhờ sự hướng dẫn của Lương Tâm, Lương Tâm mà không có Khoa học thì cũng chẳng làm nên công cán gì , cho nên:

“ Tâm linh / Khoa học → 1. (dual unit)

Tâm linh là nguồn Tình yêu và Lý công chính để giúp mọi người ăn ở công bằng mà sống Hoà với nhau.

Khoa học là Kỹ thuật giúp nâng cao Dân Sinh và Dân Trí.

Tuy là Ngược nhau, nhưng Tâm linh / Khoa học hay Tình / Lý phải tương tham thì Nhân loại mới sống yên ổn với nhau được .

Do say mê ánh sáng chói lọi của Khoa học mà người ta bỏ bê đời sống Tâm linh, nên đánh mất Hướng sống Công chính, mọi sự rắc rối bắt nguồn từ đây. Tâm linh là nguồn Tình thì u linh man mác, Còn Khoa học thuộc phạm vi Lý thì rõ ràng khúc chiết, nên là nghịch số, con người phải có Lòng Rộng Trí Sâu mới hành xử sao cho cặp đôi cực được hài hòa như Âm Dương hòa .

Thế giới ngày nay đang lệch hướng về Khoa học, chừng nào chưa phục hoạt lại đời sống Tâm linh cho cân bằng để khi đó con người chưa biết cách ăn ở hài hòa với nhau, thì viễn tượng Hoà bình chưa lộ dạng.

Xưa nay người ta thường có quan niệm sai lệch về Hoa kỳ.

Ở trong đất nước Hoa Kỳ thì nên có Quan niệm rõ ràng, rằng đây là đất nước của Cơ hội và Phương tiện, mình muốn có đời sống đàng hoàng mà cố vươn lên thì có vô vàn Cơ hội và Phương tiện giúp mình nhất định thành công, nếu mình muốn đi vào hỏa ngục thì cũng có vô vàn cơ hội.

Còn đối với nước ngoài khi giao thương làm ăn với Hoa kỳ thì phải nhận ra Hoa kỳ luôn tìm thị trường khắp thế giới để kiếm lời bằng cách tìm đối tác có khả năng cùng giúp nhau ăn nên làm ra, và cùng nhau chung sức bảo vệ quyền lợi chung theo lối Lương lợi (win – win solution). Khi gặp bất lợi, không có lời thì Hoa kỳ tìm cách rút lui, đó là lối làm ăn thường tình, chứ Hoa Kỳ không chỉ “Ăn cơm nhà vác ngà voi “ như nhiều người lầm tưởng. Vì hai bên chưa hiểu rõ Văn hóa của nhau, nên việc lấy bụng ta suy ra bụng Hoa Kỳ cũng như Hoa kỳ lấy bụng mình mà suy ra bụng nước khác đều là lầm to, Hoa Kỳ không là nước toàn hảo mà cũng không là nước xấu, nhưng nhìn kỹ mà xem trên thế giới Hoa kỳ vẫn là nước tương đối tốt mà thôi.

CHƯƠNG SÁU

VỊ TRÍ VIỆT LINH GIỮA LÒNG ĐÔNG Á

(Nguồn Đạo gốc Nước: Tr. 30 – 38. Kim Định)

I- KHUÔN MẶT ĐÔNG Á

“ Đông Á trong bài này được hiểu là phần đất theo Nho như Tàu, Nhật, Hàn Việt là chính, còn thể thêm mấy nước Miên, Lào, Thái, Mã, Nam Dương, Miến Điện, và miền Đông Ấn Độ. . . , vốn thuộc đại chủng Việt, vì trước khi bị rút vào quỹ đạo của Ấn Độ cũng cùng một Văn hoá Việt Nho. Việt Nam một trong những thừa kế của Văn hoá Việt Nho và là thành phần cốt cán của Đông Dương, nơi gặp gỡ giữa nhiều luồng Văn hoá nhất là Ấn Độ và Tàu. Nói thế tuy đúng nhưng còn thể hỏi gặp gỡ cách nào?

Gặp gỡ để thấu nhận y nguyên hay thấu nhận để biến đổi các luồng Văn hoá nó gặp? Và nếu thế thì bóng dáng Việt Nam thế nào? Đó là mấy khía cạnh chưa được soi tới. Bài này nhằm trình bày mấy điểm trên xuyên qua tinh lõi nước Việt Nam Linh thiêng (gọi tắt là Việt Linh) để đồng bào suy xét và nhận thức ra sứ mạng của mình trong giai đoạn mới. Muốn nhận diện khuôn mặt Việt Linh trước hết cần phân định cảnh vực Tinh thần giữa Đông Tây.

Ta quen nghe nói: “Đông phương Tinh thần, Tây phương Vật chất”.

Nghe vậy nhưng chưa thấy ai xét tới cùng kỳ cực để biết có thực thế chẳng? Và giả có thế thì đâu là dấu hiệu? Nói khác căn cứ vào cái gì để bảo Đông phương Tinh thần? (1)

II.- TINH THẦN BIỂU THỊ BẰNG NỮ TÍNH

Theo truyền thống Tâm linh thì dấu chỉ Tinh thần là Nữ tính, là Mẹ, là Nữ thần với nghĩa thâm sâu hơn Mẫu hệ, vì chữ Mẫu hệ chỉ quy chế xã hội với quyền lợi vật chất chống với Phụ hệ, không bao giờ gồm được Linh thiêng tính của nguyên lý Mẹ mà Nho gọi là Khôn đi với Càn là nguyên lý Cha. Khi Khôn đi với Càn thì có Thái hoà biểu lộ ra Ngoài bằng Thống nhất, do đó dân nước được Hạnh phúc. Gọi dồn cả Thái hoà, Thống nhất và Hạnh phúc lại thì là Tinh thần.

Nói khác đi mấy thứ đó dính vào nhau: hễ có Mẹ thì có Thái hoà, có Hạnh phúc, đâu có Hạnh phúc thì đâu có Thái hoà, đâu có Mẹ. Ngạn ngữ Việt có thể hoá Hạnh phúc bằng câu nói:

“ Còn Mẹ ăn Cơm với Cá. Hết Mẹ liếm Lá gặm Xương “ : Hạnh phúc mà xã hội tạo cho dân là cơm với cá. Còn Nô lệ, Vô sản, bị Chuyên chế là “ liếm Lá gặm Xương “ , là Duy Vật, là Đấu tranh Giai cấp gieo đầy khổ lụy.

Vậy nà khi nghiên cứu thấu triệt, ta sẽ nhận ra rằng: Cơm với Cá chỉ xuất hiện nơi Đông Á, nhất là nơi Việt Nam, còn hết các nơi trong dĩ vãng dài lâu chỉ thấy Lá cùng xương.

III.- MẸ CHA PHI THƯỜNG

Hỏi: Căn cứ vào đâu mà quyết đoán được như thế ? Thưa: Căn cứ vào những Tiên Tổ phi thường, với những Điển chương vô đối như sau. Nhìn khắp trên thế giới thì thấy:

1.- VIỆT NAM CÓ ĐẾN 2 VẬT BIỂU

Thứ nhất là đang khi các nước chỉ có một vật biểu như Ấn voi, Nga gấu, Pháp cò, Anh sư tử v. v. . . thì Việt Nam có đến hai là Tiên và Rồng.

2.- TIÊN VÀ RỒNG LÀ HAI ĐỐI CỰC PHỔ BIẾN

CỦA MỘT THỰC THỂ CAO SIÊU LINH ỨNG

đây không phải chỉ là vật biểu để chỉ thị sông, nhiều khi chỉ còn tính cách trang trí, nhưng đây là cái gì rất thâm sâu, và có Phổ biến tính như hai Đối cực của một thực thể cao siêu linh ứng, đầy tính cách biến hoá được biểu thị bằng nhiều tên khác nhau, thí dụ không những Mẹ Cha, mà còn là Non Nước, Núi Sông, Đất Nước.

3.- TIÊN RỒNG MANG TÍNH CHẤT LƯƠNG THÊ

Thái hòa tính đó được biểu thị ngay trong Mẹ Cha, Tiên Tổ: Ở chỗ các Ngài mang tính chất Lương thê; tức vừa sống trên Đất vừa sống dưới Nước, như Tiên được đại diện nhiều thứ chim như Hồng, Hạc, Vù, Lộ. , đó là những Chim nước, nghĩa là tuy Bay trên Trời, nhưng ại xuống Ăn dưới Nước . Còn Rồng là những giống thuỷ loại như cá Sấu, cá Mập, Long xà, Ngạc ngư, Bàn quý. . . song tất cả đã thăng hoa thành Rồng linh thiêng tuy ở dưới đáy Biển mà cũng bay lên Trời được và khi bay vẫn giữ tính Lương thê bằng đưa Nước đi dưới dạng thức Mây. Lương thê đây được coi như thuộc Tính thể, nên Tiên Tổ Việt tộc đều thể hiện trong mình: các Bà mang lông Chim, các Ông thì xâm mình Rồng.

4.- MẸ TIÊN ĐƯỢC QUÝ TRỌNG HƠN VÀ LUÔN HIỆN DIỆN

Khác với các nơi hầu hết Mẹ bị giáng cấp, còn đây thì Mẹ Tiên không bao giờ vắng mặt như luôn luôn ở thể thượng phong: ladies first. Châm ngôn Việt Nho nói : “ Mẹ Non Nhân, Cha nước Trí “. Cha Trí còn có khi ẩn hiện lung linh, chứ Mẹ Nhân thì luôn luôn hiện diện. Xem thế thì Văn hoá Việt đã biểu lộ đức tính siêu linh và Thái hoà cách toàn triệt ngay từ trong Vật biểu vừa Là Tiên Tổ vừa là Người Siêu ngã, chúng tỏ có đầy khả năng dựng nên một nước Việt Linh u thắng.

IV.- NHỮNG ĐỘNG TÁC CÓ TÂM VÓC VŨ TRỤ

Bây giờ đi sâu vào chi tiết xem Văn hoá Đông Á dành cho Mẹ vai trò nào đặng đo độ tinh thần của nước? Trời ơi! Không thể cao hơn được nữa, toàn là những công tác có tâm vóc vũ trụ:

Nào Mẹ Nữ Oa đội đá vá Trời

Mẹ Hy Hoà để con mặt Nhật rồi phơi trên cây Không tang.

Âu Cơ Tổ mẫu để cái bọc trứng Vũ trụ từ đó đẻ ra trăm con ngàn cháu.

Ôi cao cả xiết bao! (2).

Càng cao hơn khi so với các bà nơi khác:

Bà Pandora mở nắp hộp cho Dịch hạch tràn ra làm khổ con Người.

Bà Evà đi trộm Táo gây tội Tổ tông

Nữ thần Hera bị chồng Zeus treo lên xà nhà mà đánh.

Có thuyết chủ trương Đàn bà không Linh hồn.

Đi vào sâu hơn nữa ta còn gặp rất nhiều Diên chương trình bày điều đó. Đây chỉ xin chọn ra **ít mẫu thuộc làm bằng Huyền số**. Đi vào Số là đi vào khúc mắc trừu tượng. Biết thế, nhưng muốn tìm đến gốc lõi của Văn hoá Việt thì không thể né tránh, vì thư tịch thời sơ nguyên khai sáng đã

thất lạc hết, **chỉ còn lại ít Huyền số thôi**. Không nghiên cứu các số đó thì kể là khước từ những di chỉ còn sót lại của Tổ Tiên. Mà có tìm hiểu những di tích đó mới thực hiểu được tinh lõi Văn hoá Việt. (3)

V.- ĐẠO BA TAM TÀI: THIÊN, ĐỊA, NHÂN

Theo cơ cấu Ngũ hành thì Tây Âu ưa số Chẵn nhất là số 4. Đông phương ưa số Lẻ nhất là bộ số 2-3, 5. Số Chẵn chỉ Đất, chỉ đa tạp, với chủ trương là vạn vật riêng rẽ khác nhau.

Số Lẻ chỉ Trời chỉ Thống nhất: chủ trương tất cả vạn vật tuy khác nhau, nhưng chỉ khác có bên ngoài, chứ tựu trung là Một, là “ Thiên Địa, Vạn Vật đồng nhất Thể “.

Vậy khi tiến sâu vào cõi Đông phương sẽ thấy rõ Đông có được con số thống nhất kỳ lạ này là Vài Ba (2 – 3) mà các nhà nghiên cứu Tây phương gọi là Lưỡng nhất (2- 1 : dual unit) và họ cho là kỳ lạ (4), vì các nơi chỉ có 2 là 2, 1 là 1, không thể có trường hợp thứ ba là 2 mà 1, hay 2 mà 3. Bởi thế trong Triết lý họ đặt ra nguyên lý Triệt Tam: Tiers exclu - để chối bỏ trường hợp thứ ba này.

Trái lại Đông Á thì đề cao số 3 đến cùng cực, gọi đó là **Đạo Ba**. Đạo Ba chính là Đạo Người, Đạo Nhân hay Đạo Nho, khi hiểu Nho theo nghĩa uyên nguyên là “ **Thông Thiên, Địa, Nhân viết Nho** “ , tức là muốn Người có Nho thì phải thông được cả Đạo Trời đạo Đất (không Duy Tâm mà cũng không Duy Vật), nên còn gọi là Đạo Tam Tài; Trời, Đất, Người. Đó là cảnh Thái hoà: Hòa cùng cực đến nổi cao như Trời , thấp như Đất , không những Hoà mà còn Hợp cho đến độ nhất Thể, kéo theo mọi thứ Hoà khác.

Đây là cái nhìn Nối kết. cái nhìn Thái hoà. Ngược với cái nhìn Nhị nguyên Đối kháng: 1 là 1, hai là 2, chống lại với sự Hoà Hợp: coi Vạn Vật là dị biệt, không liên hệ chi với nhau hết mà chỉ có tiêu diệt nhau như Nước với Lửa, Sáng với Tối. . . dẫn đến việc “Chọn Một Bỏ Một “ , chọn Đất bỏ Trời , không thể nhận cả hai một trật.

Vì thế Nhị nguyên đối kháng cuối cùng cũng là Nhất nguyên. Văn hoá chỉ có một tầng Dương mà thiếu tầng Âm. (6).

Đây là lý do tại sao Tây Âu không đạt Lý Thái Hoà, tức là không đạt Tinh thần là vì đã hụt mất bước sơ nguyên là không đạt Lý Thái Cực, nên không thông được các lý khác “ **Nhất Lý thông, vạn Lý minh** “ , thì sau không sao chữa được nữa..

Nietzsche gọi sự khiếm khuyết Thái Hoà đó là “ nhất Chém chẻ Đôi “ Văn hoá Tây phương làm cho luôn luôn rỉ máu trong bao thế kỷ, nay nó chia Văn hoá ra hai mảng: một cho kẻ Thống Trị, một cho đại chúng Bị Trị. Nước chia ra Giai cấp bên Chủ bên Nô, bên Tư bản, bên Vô sản. . . , làm nảy ra không biết bao cuộc binh đao, lan tận ra khắp vũ hoàn, làm cho những dân xa với như chúng ta cũng hứng chịu oan uổng.

VI.- QUẢ TRỨNG VŨ TRỤ VỚI SỐ 2 – 1: HÌNH THÁI CỰC

Hình Thái cực viên đồ và Bát quái:



Trên ta đã nhận định rằng “ Mẹ, Tinh thần với Thái Hoà và Hạnh phúc luôn đi đôi với nhau “: Đâu có Mẹ thì đấy có Tinh thần, có Thái hoà có Hạnh phúc và được biểu thị bằng số Lễ.

Biết thế rồi ta thử đi tìm hiểu thêm mấy bộ số Lễ được coi như dấu chỉ Thái hoà, mà bộ số khai nguyên là 2 – 1. Theo các nhà Huyền niệm Đông Tây thì ban đầu Trời Đất cùng Vạn Vật sinh ra từ một bầu khí hỗn mang mà họ gọi bóng bẩy là **quả trứng Vũ Trụ.**

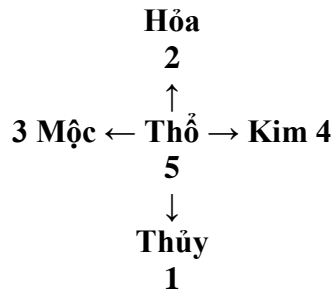
Trứng đó là một bầu tròn tự phân thân thành hai phần Thanh Trọc: Thanh thì bay lên làm Trời, Trọc thì chìm xuống làm Đất. . . Cũng quan niệm đó ở Lạc Việt thì thành ra cái Bọc 100 trứng, nở ra 100 con, 50 con lên Núi, 50 con xuống Biển.

Điều đó chứng tỏ bài học sâu nhiệm nhất là “ Âm Dương hoà “ hay 2 – 1 đã được Tiên Tổ nhập Tâm đến trở thành Xương Thịt, trở thành “ Hồn thiêng Sông Núi “. Chính nhờ con số kỳ diệu “ 2 mà 1 “ mà Văn hoá có tính chất Thái hoà nhất thiên hạ, sinh muôn ơn lành, đáng gọi tên

Minh triết, là khoa gây Hạnh phúc cho đời . Đó là ý niệm của Thuật ngữ “ Lương nhất “ (2 – 1), nói ngược thứ tự câu: ” Thái cực sinh Lương nghi, 1 trước 2 sau, mà Triết học gọi là Nhất nguyên Lương cực . Chính nhờ con số 2 mà 1 đó mà Văn hoá Việt có rất nhiều số quý khác (2 – 3, 5, 9) làm như bấy nhiêu bản tóm triết Việt cách tài tình ưu việt.

Dưới đây ta sẽ phân tích cách tổng quát ít bộ số đó.

VII.- NGŨ HÀNH HAY ĐƯỜNG VỀ CÔI PHÚC



Hình Ngũ hành

Đây là một kỳ công Triết lý của Việt tộc. Cô tự viết số 5 bằng dấu thập tự (\oplus), về sau gọi \oplus là Thập tự nhai (original cross) và được dùng làm lược đồ Nhân tính thành bởi hai nét Ngang và Dọc được bông trong tay Nữ Oa Thái Mẫu.

Gọi Ngũ hành là lược đồ Nhân tính vì Tính con Người cũng được Nho quan niệm thành bởi hai Thái cực, nói tổng quát là Thiên với Địa. Hoà được cùng cực là đạt Thần” **chí Thành như Thần** “, tức đạt Nhân tính đến độ tròn đầy viên mãn. Vậy đọt no tròn đó là Ngũ hành mà tinh lõi là Hành Ngũ ở Trung cung. Châm ngôn Nho nói: “ **Trung hoà cực thịnh hồ Ngũ** “ . Trung hoà là đạt cả Trong Ngoài mà đạt tới cùng cực thì chỉ bằng Hành Ngũ số 5. Vì thế Việt tộc lấy **số 5 làm Quốc Số** . Hạnh phúc đi với Hành Ngũ biểu thị bằng đọt Nữ Oa Thái Mẫu bé bông, lại được Nữ Thần Mộc dạy dỗ với **lược đồ nhà chữ Đinh** (丁) cũng thành bởi hai nét Ngang Dọc như thập tự nhai. Nhấn mạnh nhà chữ Đinh là nhấn mạnh nét Dọc Tâm linh.

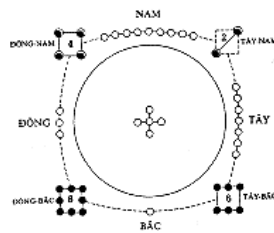
Thiếu nét Dọc thì quan niệm con Người thiếu Tâm linh: con Người đó chỉ có Xác và Hồn, mà thiếu Thần, mà thiếu Thần là thiếu Thống nhất.

Con Người Việt Nho có đầy đủ Thần , vì có đến 3 lần Mẹ: Âu Cơ sinh hạ, Nữ Oa bế bồng, Nữ Thần Mộc dạy dỗ, nên phải có Tinh thần đến cực điểm. Mà có Tinh thần là có Thống nhất đến độ Thái hoà: nước không bị chia ra giai cấp đấu tranh như khắp nơi. Huyền sử nói: “ Mẹ đẻ bọc trứng nở ra 100 con, mà con nào con nấy đều phương trượng cả “ , nghĩa là con nào cũng được hưởng Bình sản , Tự do và được quyền làm Người hết cỡ , gọi là tới đọt Nhân chủ là ngang với Trời Đất, như lời nhà Chí sĩ Trần Cao Vân:

**“ Ta cùng Trời Đất 3 Ngôi sánh
Trời Đất Ta đầy đủ Hoá công “
Trần Cao Vân**

Ôi! Cao cả thay! Thật xứng với công sức của những Mẹ có tâm vóc mệnh mông như vũ trụ. Người cao cả được biểu thị bằng số 5 đó đã được Tiên Tổ ghi vào cây Việt để truyền dòng nối dõi: Nét Ngang là 2 Giao Long, nét Dọc là 3 Người hoá trang Chim: $2 + 3 = 5$. Cũng vì thế số 5 được dùng làm số mật mã của dòng tộc, và được ăn mừng vào ngày mùng 5 tháng 5 , gọi là Tết Trùng Ngũ (2 lần 5). (5)

VIII.- CỬU LẠC VỚI LẠC THƯ MẪU ĐỂ ĐIỂN CHƯƠNG



Hình Lạc thư

Hán Nho thì vầy vớ “ Tứ tượng Bát quái “ tức con số 4 rồi 8 mà Việt Nho kêu la quái với quẻ (để ra mách quẻ) chính là những quái với quẻ đó đã làm diên đầu bao trí khôn một cách vô ích. Nơi Lạc Việt nhờ số 1 Siêu linh thêm vào nên Tứ tượng thành Ngũ hành, Bát quái thành Cửu lạc ($8 + 1 = 9$) – con số 9 của dân Lạc - để rồi xuất lộ thành con đường đạo dưới nhiều tên như Hồng phạm, Cửu trù, Hà đồ, Lạc thư. Trong đó Lạc thư được truyền bá rộng nhất dưới danh nghĩa lạc thư là Sách Mẹ. Lạc thư là Sách Mẹ vì cũng sai mẫn như Âu Cơ Tổ Mẫu là mang hai bọc trứng cộng lại được đủ 100 (để chỉ Bách Việt) . Mẹ ấp 45 trứng, nhỏ hơn 55 của Hà đồ (Nhỏ hơn là Tinh thần hơn, vì niềm là thiên về lượng chất Duy Vật). Lạc thư còn gọi là Sách Mẹ vì không có vòng nào bao quanh thập tự nhai, nên tránh được lối luận lý vòng vo của Hà đồ là thứ hay dẫn tới các thuyết Duy Vật vong Thân. Nhờ không bị chần ngang nên Mẹ trực thị ngay được tính thể con Người nên dễ đi vào đường Minh triết làm ơn ích cho mọi nơi, mọi đời. Mọi đời là trong thời gian với vòng con Giáp, 6 và 18 đời Hùng ($2.9 = 18$). Còn mọi nơi là không gian thì như Thái thất (7) với 15 bộ nước Văn Lang (đem các bộ số Lạc Thư cộng chiều nào cũng ra 15 , nên người ta gọi là Ma phương). Tất cả bộ số đều là con Dấu Chủ quyền của Lạc Việt. Nhưng đây không thể nói hết , chỉ nhắc qua cho biết còn nhiều Điển chương như thế.

IX.- AI HƠN AI?

1.-MẤY BỘ SỐ CỦA LẠC VIỆT

Đó là tóm lược diễn tiến mấy bộ số của Lạc Việt: **Bộ số 2 – 3** của cây Việt diễn tả Việt tính. **Cửu lạc** là chỉ số thành tựu cực cùng, nên làm gốc cho bao bộ số khác đều nhằm phụng sự con Người, trong đó phải kể đến:

Lạc thư Sách Mẹ với 100 chiếc trứng, cũng như biểu diễn thành **Thái thất** để làm nên nơi **đào tạo ra con Người siêu Ngã**, rồi cho đi phát quang huy trong 15 bộ nước Văn Lang.

2.- VIỆT NAM: TRUNG TÂM SÁNG TẠO, PHÁT QUANG HUY RA KHẮP NƠI

Với nền Văn hoá cao sâu đường ấy thì tất Văn lang quốc có một **Chủ đạo quân bình** đến tuyệt đỉnh, không thấy ở đâu khác, dầu là ở **Tàu lẫn Ấn Độ** là hai nước được tin là đã truyền Văn hoá của họ cho Việt.

Và quả thực họ đã truyền, nhưng chỉ truyền những hình thái, nghi thức bên ngoài chứ còn cốt lõi **Tinh thần** thì đã được Việt tộc sáng tạo từ lâu rồi và đã xếp gọn trong mấy bộ số kỳ diệu 2- 3, 5 , 9 . Những số này đã nằm đây trong trống **Đồng**, không ai trông tranh dành vào đây nổi,. Như vậy nên **lết luận**:

Việt Nam không phải là ngã ba đường để các Văn minh đi qua rồi lưu lại chút hương thừa cho mình đón nhận – mà chính đó là “ **Trung tâm sáng tạo** “ rồi **phát quang huy ra khắp nơi**.

Nói điều này nghe táo bạo phải không ? Vì thế cần được kiện chứng bằng lịch sử. các nhà nghiên cứu đều công nhận rằng khi hai nền Văn hoá gặp nhau thì cái nào yếu sẽ bị biến thể theo cái mạnh.

(Mạnh là Văn hoá có Mẹ, Dân nước được hạnh phúc sung sướng). Ta xem về mặt lịch sử Văn hoá Tàu và Ấn Độ khi gặp Văn hoá Việt thì như thế nào?

X.- TÀU CHỈ QUẢNG DIỄN NHO, CÒN SÁNG TẠO THÌ LÀ VIỆT TỘC

1.- VIỆT NAM HỌC CỦA TÀU: VĂN MINH HÌNH THỨC, ÍT ĐỊNH CHẾ. . .

Hết mọi người Tàu cũng như Việt đều tin là Việt học với Tàu. Điều đó đúng mặt Ngoài mà sai mặt Trong. Nghĩa là Việt có học với Tàu thực, nhưng chỉ học về Văn học, Văn minh hình thức, về mấy cái quảng diễn từ chương, về ít định chế cai trị thi cử. . . và chỉ từ **Đời Hán** trở đi, chứ về cái hồn Văn hoá như được **Cơ cầu** đúc kết vào mấy bộ số kỳ lạ vừa nhắc đến trên, thì đó là di sản chung của toàn chủng tộc **Bản Cổ** (sau đọc trại ra **Mông cổ**) **Ty Tổ** của Tàu lẫn Việt, cả hai phát xuất từ một chủng tộc, một Văn hoá.

2.- TÀU LẬP QUỐC TỪ TÀN HÁN,

KHÔNG ĐÓNG GÓP GÌ CHO NỀN TẢNG NHO ĐẠO

Tàu mới tách ra từ **Tên** cũng như **Quốc tịch** từ **đời Chiến Quốc** (466 – 221) với **Hán Tần**. Cái thực thể mới này gọi là **Tàu** không có ăn nhằm chi tới việc **tạo dựng nền tảng Văn hóa** hết, không đóng góp được gì căn bản vào việc **thiết lập nền tảng Nho Đạo** cả: **nền tảng** đó đã được **thiết lập** lối ba bốn ngàn năm trước khi có nước Tàu, và đã kết tinh vào các số **2, 3, 5, 9, 12, 15** như vừa nói trên. **Mấy bộ số** đó **phát xuất** từ đâu thì **Nho** cũng **phát xuất** từ đó . Vậy tất cả chúng đều phát nguyên từ **đại tộc Việt**, lúc chưa có Việt Nam với Tàu, mà chỉ có Việt tộc (trong đó có những người sau này gọi là **Tàu**), và họ đã đóng con **Dấu Chủ quyền** không thể

bôi xoá được. Nên bó buộc phải kết luận rằng không thể nào Nho phát nguyên từ Tàu rồi truyền sang Việt Nam được, vì nếu thế thì Nho Tàu phải hơn Nho Việt.

3.- LÝ DO: VIỆT: NHÂN ĐẠO. TÀU THIÊN VỀ BÁ ĐẠO

Thế mà không cần xét nhiều chỉ một vụ **Tàu chưa thấu hỏi được Mẹ Tiên** là đã tỏ ra kém rồi và cứ sự làm hỏng Nho đến 30 % bằng ghé mạnh sang Du mục Bá đạo, khiến **Khổng Tử phải luôn hướng về phương Nam** mà xuýt xoa, như thí dụ **Châu Dịch đặt Cha trên Mẹ**: đặt Càn trên Khôn, thế là vô tình đi vào cửa Bĩ. Lời Kinh **quẻ Bĩ** rằng: “ **Bĩ chi phí nhân**: Bĩ thì đóc có ra người “, nghĩa là **Nhân Đạo thiên về Bá Đạo**, ngược với **quẻ Thái**: Khôn trên Càn, thì Nhân Đạo mới hanh thông đạt tới “ **Chí Thành như Thần, cùng Thần tri hoá**: đạt tới đọt hiện thực Nhân tính cách tròn đầy viên mãn thì diệu dụng như Thần, để tiến hoá như Thần, nghĩa là thâm sâu vi diệu “. Do sự tráo thủ tự Âm trước Dương đó mà Hán Nho mắc tật hạ nhục đàn bà (mysogyny) kiểu “ **Chồng Chúa Vợ Tôi** “

4.- BÊN VIỆT “ LỆNH ÔNG KHÔNG BẰNG CÔNG BÀ “

Đang khi đó bên Việt Nam các bà vẫn giữ được vị trí cao không những trong các Điển chương Văn hoá, nơi **bao giờ cũng có đủ Âm Dương**, Chấn Lẻ, Mẹ Cha mà cả trong đời sống thực tế cũng gần được như ban đầu. Thí dụ **quyền Tư tề thì tự đầu các Bà làm Chủ Tế**, mãi sau mới cho các Ông Phụ Tế, rồi dần dần cho Đồng Tế. Về sau bên Tàu đánh bật các Bà ra chứ bên Việt thì các bà vẫn giữ Đồng Tế như thường. Nếu Bà qua đời khi Ông chưa tới 70 tuổi, thì bó buộc Ông phải cưới Bà mới để đủ chân Chủ Tế.

Luật Hồng Đức của Việt Nam, ban hành năm 1470 có xác định khi gia đình không con Trai thì con Gái trưởng có toàn quyền giữ hương hỏa và thờ phượng Tổ Tiên.

Phong tục Việt Nam thường chia đều gia tài cho cả con Trai lẫn con Gái. Trong thực tế **người vợ Việt thường tự mình đảm đang việc quản lý tài sản gia đình**, nói là “ **Lấy Chồng phải gánh giang sơn nhà Chồng** “. **Tuy có tục đa thê, nhưng luật pháp buộc phải có sự chấp thuận của vợ chính** và thường thì do vợ chính sắp đặt hết mọi chuyện.

XI.- HỎI ÁN ĐỘ LIỆU CÓ CỨU ĐƯỢC TINH THẦN

KHI NGOẠI VƯƠNG QUÁ BẾT BÁT?

Trước kia tôi cũng tưởng như mọi người rằng Phật giáo là sản phẩm trọn vẹn của Ấn Độ, chứ chưa biết vụ **Ấn giáo đã tống xuất Phật giáo ra khỏi nước một cách hết sức bạo tàn**, cũng như chưa lưu ý tới việc **các phe phái trong tôn giáo Ấn Độ luôn luôn ám hại nhau**. Có thể nói **máu Người luôn luôn đổ ra vì Tôn giáo**. Nước thì chia rẽ be bét, bên Đông là Bengladesh, bên Tây là Pakistan. Còn trong nước các phe phái Ấn giáo chống nhau kinh khủng: Giáo phái Jaina bỏ thần Krishna thuộc phái Bà la môn xuống hỏa ngục tận tầng thứ bảy, vì tội đã xúi Arjuna dóc toàn lực vào cuộc nội chiến, khiến quốc gia suy yếu đến cùng cực, không thể phục hưng lại được nữa, đến nỗi nước lớn như thế mà triều miên bị thống trị bởi các lân bang - hết Greek, Huns, Scythe thì đến Afgan, Turks rồi Anh quốc. Dân chúng bị đói khổ triều miên và đã như vậy tự mấy chục thế kỷ rồi, không một nhóm nào lo cứu gỡ, lại còn gieo sự đói khổ đó vào mấy nước mạn Đông theo Tiêu thừa. (11).

Ông Rajnesh một người thông Kim bác Cổ, Đông Tây đủ đã cực lực cải chính niềm tin rằng Ấn Độ là một nước có Tinh thần cao. Ông nhấn mạnh rằng đó chính là nước Duy Vật

tội tệ nhất thế giới. Những lời Ông nói làm tôi giật mình phải đưa ý kiến mình về Ấn Độ ra xét lại, mới thấy rằng phải nói vậy mới đúng với **cơ cấu uyên nguyên của Ấn độ, là cơ cấu Đực rựa với 3 Thần toàn Nam của Kinh Veda,** lại còn kèm theo tính cách Khí tượng (atmospheric): Lửa, Mặt Trời, Sét - chẳng còn để chỗ nào cho Mẹ hết. Theo Đạo ‘ Thiên Địa Vạn Vật đồng nhất Thể ‘ thì trong Ngoài như nhau một cách cơ thể, ngoài bề rạc chia rẽ khó có thể nói trong đó có Tinh thần đực. Mấy biệt lệ không đáng kể . “ Xem quả biết cây “ vốn là luật phổ biến. Thiếu Thống nhất là thiếu Tinh thần. Như vậy làm sao mà có thể là nguồn Văn hoá Thái hòa đực.

Khi Đạo Phật truyền vào Việt Nam hồi đầu kỷ nguyên với những Trung tâm Luy Lâu. Bình Thành. . . thì liền được tiếp nhận cách tận tình và lập tức Phật giáo đực biến cải đến tận nền tảng: Từ Nam sang Nữ. Bên Ấn chỉ có Phật Ông, vào Việt Nam liền có Phật Bà . Phật Mẫu. Bên Ấn là Nirvana tiêu cực, sang Việt Nam là Toà Sen cực lạc thế giới . Bên Ấn là những tượng khắc khổ sầu bi còm cõi thì bên Việt trở nên lạc quan vui sống như tượng đức Di Lạc yêu đời với chiếc bụng phệ, với cái miệng cười tươi. . . Giặc mạnh như Mông cổ thắng cả thế giới, vậy mà khi xuống tới Việt Nam gặp mấy cư sĩ Phật Giáo thì đành phải chui vào ống đồng mà chạy. Tinh thần hùng cường như vậy làm sao phát xuất từ Ấn Độ chuyên môn làm nô lệ ngoại bang cho đực?

XII.- VIỆT TỘC HƠN VỀ MINH TRIẾT VƯƠNG ĐẠO

Xin hỏi: Có một điều khó nghĩ này: Một đảng thấy nói Việt Nam không những bằng người mà còn hơn người thì nghe có vẻ chướng tai quá, vì hiện tại thiên hạ không những hơn mình xa lắc xa lơ, còn đến thống trị mình là khác, thì làm sao mà mình hơn người cho đực. Trong thực tại thì việc gì của người Việt Nam cũng bết bát: lập công ty thì công ty năng tan, giữ nước thì nước mất, thống trị nước thì nước tụt xuống đến đáy vực nghèo hèn.

..
Thế thì còn dám đưa ra mà tán với tụng, nghe nó lì lợm quá . Làm chi có những truyện oanh liệt như thế đực . Chẳng qua đó là những suy tư an ủi cho bớt nỗi sầu vong quốc, hoặc để lấy le với bà con cách ló bịch thôi.

Thưa: Trên đây không nói về Võ mà nói về Văn và đã chứng minh Việt Đạo chính là Minh triết, nghĩa là nghệ thuật tối cao xếp đặt việc nhà việc nước sao cho mọi người được hạnh phúc.

Còn thiên hạ hơn mình về Võ lực, tài giỏi và giàu mạnh là những yếu tố tự nó không tất nhiên gây hạnh phúc cho dân, mà còn tùy vào việc xếp đặt, nếu bị xếp đặt theo kiểu thống trị thì còn làm dân khổ là khác. Khi sự giàu mạnh tài giỏi kia đực xếp vào túi riêng một giai cấp nắm hầu trọn, thì dù nước có giàu thịnh đến đâu đi nữa, dân chúng vẫn mắc nạn đói túng chật vật. Chuyên chế thì bao giờ cũng bóc lột toàn dân bằng chế độ như chế độ Nô lệ với phân chia tài sản quốc gia hết sức bất công, làm cho toàn dân phải chật vật ưu tư về miếng cơm manh áo.

Vậy ở đây đang nói về đường lối tránh đực điều đó, nói về nghệ thuật tối cao gây hạnh phúc cho toà dân. **Bài này chứng minh rằng Việt Nam đạt điều đó là nhờ có đực nguyên lý Mẹ, điều đó còn hơn nguyên lý Thân tộc của khoa học xã hội ngày nay mới biểu thị đực phân bì phu thôi.**

Chữ Nguyên lý Mẹ đực biểu diễn bằng những bóng dáng Mẹ cao siêu ngang cùng Trời Đất, nước lại đực xây trên mẫu gia đình, vua quan phải săn sóc dân nước như Mẹ Cha lo cho Con đở.

Điều sở đắc của Việt tộc đó đã được chứng minh bằng những Huyền sử chói chang, được kiện chứng bằng những thể chế bền vững, với lý lẽ quán triệt nhất đến nỗi dùng cả Số Độ kiểu Cơ cấu luận làm cho chủ quan khó xen vào. Lại dùng khoa học Đối chiếu chứ không nói mơ hồ, nên những điều nói ra khó mà chối bỏ.

Phương chi rất nhiều học giả ngoại quốc cũng đã nói như thế. Nhất là về những bậc thượng trí thì đâu đâu cũng có ngang nhau, để khỏi nói là người ta có thể có nhiều hơn ta. Vậy tại sao nơi nào có được Minh triết theo nghĩa chính thực là làm cho nhiều người được hạnh phúc, mà chỉ có Việt tộc là hội đủ những yếu tố căn bản hạnh phúc như Bình sản, Tự do và Nhân chủ. Điều đó có thực cho tới tận thời mới, và vừa bị phá hủy thì lại do tay sai ngoại lai, cũng như ta đang phải tan cửa nát nhà lưu vong khắp chốn thì cũng vì Văn hoá ngoại lai. Vậy thì những điều nói trên đâu có chi là .thêu dệt Chỉ còn tìm các giải nghĩa sao đó.

XIII.- VANG BÓNG MỘT THỜI

1.- TẤT CẢ NỀN VĂN MINH ĐANG TIẾN VỀ CĂN BẢN

Có lẽ giải nghĩa bằng sử mạng thì ổn chăng ? Sự vụ như thế này: Khi nhìn bao trùm cả Không gian, lẫn Thời gian sâu thẳm thì thấy được rằng mỗi đã phận Văn hoá đã được Trời trao cho một Sứ mạng phải chu toàn trong một thời gian nào đó, sao cho hợp với nhịp tiến hoá chung của loài Người. **Tất cả đang tiến về Căn bản** (Các phục quy kỳ Căn) theo một thứ đường Vòng nào đó, mà ta chỉ thể thấy được trong một múi thời gian hạn hẹp.

2.- VĂN MINH ĐÔNG Á TỪ THỜI CUỐI THỜI VƯƠNG ĐẠO ĐANG GHÉ SANG BÁ ĐẠO

Theo đó thì Văn minh Đông Á lúc trước ở vào cuối thời Vương đạo đang ghé sang Bá đạo, nói ví von là từ cuối thời Vàng son đi sang đầu thời Bạc, nhưng riêng chúng ta nay thì tạm thời phải đi vào thời Chuyên chế (Đông Chì Sắt như Tây Âu).

3.- VĂN MINH TÂY ÂU TRÀM MÌNH VÀO VẬT CHẤT TỚI MIỀN LÂN HƯ

Tây Âu có sứ mạng làm cho vật chất thăng hoa bằng thiết lập ra Khoa học, để nâng cuộc sống con Người lên một bậc nữa, nên bó buộc phải biết rõ vật chất. Vì thế chính Sứ mệnh bắt Tây Âu phải trâm mình sâu vào Vật chất, ngụp đầu ngụp cổ. Nói theo Siêu hình thì Tây Âu theo bên Duy Hữu: Cả những Linh thiêng cũng cũng bị gán cho cái Hữu đặc sệt, nghĩa là Duy Vật toàn mình – không thấy đâu là An hành, mà tự đầu chí cuối chỉ là Cường hành và Lợi hành (12) . Do đó họ biết vật chất đến tận cùng , đến miền Lân hư (giáp giới cõi Hư vô , như hạt Nhân trong nguyên tử giáp với điện tử).

4.- VĂN MINH AN ĐỘ ĐI VỀ CÔI VÔ LÀM CỰC ĐỐI KHÁNG CHO CÔI HỮU CỦA TÂY ÂU

Còn An Độ có Sứ mạng đi ngược với Tây Âu bằng cái Vô, để làm đối cực chống với Hữu, theo luật phổ biến trong Trời Đất thì muôn vật trên đời phải có đối cực: có Tối phải có Sáng, đã có Hữu tất phải có Vô. Vì cả hai ở thế đối kháng nên không đạt được Thái hoà, cả hai đều bị rơi vào thế chênh lệch và bị khủng hoảng triền miên và chia rẽ be bét như nhau.

Năm 1851 Ông Bachofen trong quyển Das Mutterrecht đã bắt mạch thấy : Văn hoá Tây Âu quá bệnh hoạn, là vì thiếu nguyên lý Mẹ (Chỉ có lý sự mà thiếu Tinh Người). Nói chung luận đề đó rất thâm

sâu xứng là một biến cố đánh dấu khúc quanh tư tưởng Tây Âu . Nhưng Sách ông không được đón nhận vì lúc ấy người ta đang đặt mạnh tin tưởng vào khoa học sẽ giải quyết hết . Phải chờ tới năm 1927 Ông Briffault với quyển Mothers mới chứng minh lại luận đề của Ông Bachofen đến tận gốc rễ qua sự nghiên cứu thấu triệt Văn hoá Xã hội các Cổ dân Thái Bình dương, nhờ đó mới thấy họ rất hạnh phúc, mà căn do là Mẹ được mến yêu tôn kính rất mực.

XIV.- VIỆT TỘC DUY NHẤT CÓ MINH TRIẾT

Nhân đọc bộ sách đó tôi thấy cần nghiên cứu lại về Việt Nam, mới cảm nhận ra rằng Việt Nam quả được Hạnh phúc, quả có Minh triết, vì được ăn tự một nền Văn hoá cao cả hơn hết phát xuất tự Thái Bình dương. Các Điển tịch Việt đều mang gốc tích Biển. Mẹ thì mang tên Chim Hải Âu, Bó thì đóng vai mãi tận đáy Bể , thế mà vẫn đạt Thái hoà , nói bóng là vẫn gặp nhau trên bến Tiêu Tương. Đó là cảnh vực của Lý Thái Cực, mà khi ai đã thấu hiểu được thì cũng đạt mọi lý lẽ khác, mọi vấn đề khác đều được hanh thông, và hạnh phúc tự đó nảy sinh như Ý Kinh Dịch que Thái: Đặt Khôn trên Càn.

Vậy Đông Á và nhất là Việt Nam đã giữ được như thế trong nhiều ngàn năm, **chứng tích là những Điển chương bằng Số Độ như đã nói trên đều được ghi trên cây Việt**, cũng như trong thực tế dân nước đã được hưởng cuộc an vui hoan lạc cho tới thế kỷ này thì mới bị tước đoạt. Tại sao? Thiết nghĩ lý do là tại Trời xếp đặt như sau:

Trong khi hai nền Văn minh Âu Án có Sứ mạng đóng đô tại hai Thái cực: một bên cực Hữu, một bên cực Vô để khai thác Khoa học Tâm linh, thì Đông Á có Sứ mạng đứng giữa cả hai để giữ thế Quân bình.

Nói bóng bẩy thì đang khi Âu Án phải lặn sâu xuống Vật chất (Và Tâm linh ?) như thế để khai thác thêm nhiều khả năng của Vật thể thì Đông Á có sứ mạng đứng trên bờ để canh giữ cảnh Quân bình siêu việt của Thái hoà gồm cả Vô lẫn Hữu (Hữu Vô tương sinh).

XV.- SỨ MẠNG CỦA VIỆT NHO

Hỡi Việt Nho hãy thức dậy mà chu toàn Sứ mạng mà Trời trao phó, nhưng nay thời chuyên biệt cũ đang đi đến tận cùng, Và nhân loại sắp bước lên thời đại Thái hoà hạnh phúc cao hơn, thì mọi Văn hoá đều phải đem phần chuyên biệt của mình đóng góp vào cuộc xây dựng hạnh phúc mới này.

1.- ĐÔNG Á ĐÓNG GÓP PHẦN THÁI HÒA

Phần đóng góp của Đông Á vẫn là Thái hoà, nhưng phải cái Hoà nhuộm nhiều Ý thức hơn, thế mà cái Hoà của Đông Á đã trút hết Ý thức thì chớ, cả chính đến Văn hoá cũng quên hầu trọn, thì làm sao đưa được chuyên môn của mình là Đạo Thái Hoà ? Gọi là chuyên môn vì không thấy nơi khác, kể cả những triết gia thượng thặng xưa cũng như nay, trí khôn thông minh không thiếu , nhưng không một tay nào đạt Đạo Thái Hoà, chỉ giỏi được có một bên , thiếu cái Toàn Bích, **thành ra Văn hoá hai bên Âu Án không có lốt chân Người to lớn để lãnh đạo** (Nho gọi là Tiển tịch có nghĩa là theo lốt).

2.- ĐÔNG Á TUY ĐÃ CÓ TIỀN TÍCH NHƯNG ĐÃ MẤT Ý THỨC

Đành rằng có lỗi bộc phát Nho gọi là “ Nhập ư Thất “ là tự nhiên vào được Nhà (thấu suốt Nhân tính), không cần đến sách vở của Tiên nhân, nhưng trong 25 thế kỷ qua không thấy một ai làm được như thế (14). Vì nếu có thì đã lưu Dấu tích: là Mẹ Cha phi phạm với những bộ Số kỳ lạ nổi bờ Hữu với Vô để cho “ Chân Không diệu hữu “ - cho cõi đời trở nên cảnh Bồng Lai. **Rút kinh nghiệm lịch sử thì thấy đến thời Thái Hoà mới, Trời cũng đưa qua con đường Tiên tích nghĩa là Việt Nho lại được giao phó cho Sứ mạng canh giữ Thái Hoà, vì ngoài Đông Á không đâu có cơ sở Tiên tích huy hoàng sánh được. Thế nhưng có điều bất tiện này là Đông Á không những đã mất Ý thức**

về Sứ mạng của mình mà còn quên luôn bộ chìa khoá “ Tiên tích “ . Vậy thì làm sao có Thái Hòa để xây thời mới , thời “ Bĩ cực Thái lai “ với ý thức sâu sắc hơn trước nhiều.

3.- VIỆT NHO PHẢI VÙNG LÊN TỪ SINH LÀY

Làm thế nào bây giờ ? Không lẽ Trời chịu bó tay. Đòi nào có truyện đó. Với Trời thì dễ lắm: Chỉ việc lay thức tụi nó dậy. Thế là có màn Trời chuyển Ý Thực dân đến tóm cổ mấy tên Việt Nho quảng xuống sinh vật chất để cũng Duy Vật như ai cho chúng thức tỉnh. Rồi thấy huân nhục như thế chưa đủ nên sai Cộng sản đến cỡi lên đầu dặng gìm xuống tận đáy vực thăm bắt phải uống sinh bưng bùn thối, làm cho mặt mũi bơ phờ đui hủi như ma lem, cốt là để cho Ý thức gia tăng đủ độ hài hợp với hai bên Hữu Vô cùng đi lên thời Thái Hoà. Xét thế thì Sứ mạng Việt Nho vẫn còn lớn lao như cũ, vẫn còn phải làm lính tiên phong trong mặt trận Thái Hoà. Muốn chu toàn Sứ mạng tất nhiên phải tìm cách chấm dứt thời Vong Thân rất trầm trọng còn đang đè nặng trên Quê Hương để trở về với Đạo Tổ bằng con Đường Tâm linh có thêm Khoa học.”

Chú giải

(1): Đông Á là Á Châu trừ Cận Đông và phần nào Ấn Độ. Còn đáng kể nhất là dân bản thổ Đông Á, gọi được là Mông cổ, hay Việt tộc. Tên Mông Cổ được chú ý , vì nó liên hệ tới Bàn Cổ, Tỳ Tổ loài người theo quan niệm Việt Nho. Còn tên Việt được chú ý vì có Di vật là Phủ Việt đi kèm, lại dùng tới số lớn là Bách Việt. Vì Việt Nam tỏ ra là thừa kế Việt tộc, nên nhiều khi Việt Nam dùng thay cho Việt tộc. Về Nho phát xuất từ Việt tộc chứ không tự Tàu xét như một thực thể chính trị, chúng tôi đã bàn dài trong hai chục sách, để bác bỏ những sai lầm do Cổ sử gây ra, cốt để người Tàu cũng như Việt nhận lại nhau là con một nhà , cùng một dòng tộc, chung một nền Văn hoá để yêu kính nhau. Đó là những yếu tố thăm sâu bền vững thay vì hận thù nhau khi chỉ căn cứ vào chính trị là cái hơi hợt bên ngoài, nay thay mai đổi. Tàu có phải là nước đâu. Đế quốc gồm cả “ Vạn Quốc “ trong đó Bách Việt chiếm đến 70% là ít. Muốn đặt cho Tàu một tên thật đúng thì đó sẽ là Việt Bắc để đối với Việt Nam. Vì trong nước Tàu nay người Việt còn đông hơn người Việt ở Việt Nam nhiều lắm. Ngay chữ China (do Tần) cũng đã là Việt rồi. Hán cũng thế . Hán Cao Tổ khi mới lên ngôi vẫn xưng mình là Hán Man (nghĩa là Việt)

(2) : Vì những chiều kích siêu linh này mà triết Việt Nho đạt tới Nhân chủ có tầm vóc ngang cùng Trời Đất khi tiến tới đạt đọt “ Chí Thành như Thần “ đang khi triết học lý niệm cứ chạy quanh quẩn hàng ngang dưới chân đồi, như Sisyphus bị kết án phải lăn tảng đá lên đặt trên đỉnh đồi thì đá tự nhiên lăn xuống lại phải cất công đi xuống vùn lên. Cứ như thế, như thế qua hơn 20 thế kỷ, mà vẫn chưa đặt được triết vào ngọn đồi Nhân chủ, Thái Hoà. Chỉ cần được một

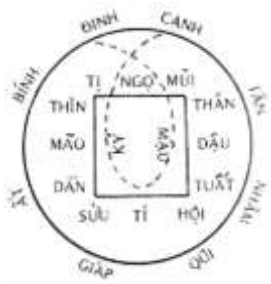
Mẹ phi thường cỡ Nữ Oa hay Âu Cơ thì đâu ra đây liền. Mẹ phi thường đó chính là một “ Trục thị Tâm linh “.

(3): Những ấn tích của Mẹ phi thường đó là những Huyền số: 3 , 5 , 8 , 9 hàm tàng trong bộ Cổ thư gọi là Tam phần, Ngũ Điển, Bát sách, Cửu khâu. Nên ghi nhận nhiều khoa như Lý Hoá chỉ tiến được từ khi đưa Toàn học vào, vì Toán cũng như Siêu hình chỉ chọn một khía cạnh của sự vật để quy tụ năng lực thám hiểm vào đó để đi sâu xa hơn. Vì thế Đạo học xưa dùng đến Huyền số là tỏ ra lý trí đã đi đến trước thềm Tâm linh.

(4): Kỳ lạ vì con số 1 này không còn trong vòng lượng số đếm đo, nhưng đã vươn tới cõi vô biên vô tế, nên là con số Lân hư- một nửa Có một nửa Không - gọi là Thái Nhất, tiếng Latinh là Summun unum, viết được là $1=0$ “. Con số kỳ lạ này làm cho Đạo học Đông phương có được con số 3 quý vô cùng, mở ra nhiều bộ số lẻ kỳ lạ sẽ nói tới sau này.

(5): Hai số 5 đó (trùng Ngũ) là bài học thống nhất dị thường, được biểu lộ đến 3 lần trong Lạc Thư cộng chiều nào cũng được số 5 bộ nước Văn Lang. Cũng vì cây Việt mang những Hình Số định Tính này mà tên Việt được dùng nhiều nhất trong Sử. Huy hiệu Việt Linh thành bởi hai nét vòng và 3 nét thẳng là dựa trên số 5 kép bởi $2 + 3$ này. Bọc 1000 trứng chia đôi , 50 theo Mẹ, 50 theo Cha cũng là để nhắc nhở bài học.

(6): Vòng con Giáp. Hình con Giáp.



Tây Âu có vòng Hoàng Đạo với 12 con vật tượng trưng, xa rời đời sống. Đàng khi vòng con Giáp có các vật gia súc chẳng những không xa lạ, mà lắm con rất thân cận với người như chó với mèo. Tại sao thế ? Thừa vì Hoàng đạo chỉ có một vòng trợ trợ, nên là vòng con Vật còn con Giáp là vòng con Người vì có cả nét Dọc của Thập tự nhai nằm ẩn trong số 10 là thập Thiên can hay gậy Trời (thành bởi số 5 nhân đôi), lại có cả nét Ngang Đất chỉ bằng số Chẵn 12 (6 nhân 2) thành ra con Người được chỉ định bằng hai chữ Mậu Kỷ là can 5 và chi 6. Mậu Kỷ là làm tươi tốt cái siêu ngã Tâm linh của mình bằng đặt vào Nội tâm. Những sách nói vòng con Giáp có là do tàu mượn của Babylon. Nói thế là sai. Vòng 60 Babylon là do sao Jupiter, chỉ có vòng Trời trợ trợ làm sao sinh ra được vòng con Giáp rất tinh vi thành bởi 2 vòng: một Tròn, một Vuông. Vòng Tròn chỉ Trời bao ngoài (?) với Thập Thiên can: Giáp, Ất, Bính Đinh. . . Còn Vuông ở giữa với 12 con vật Địa chi: Tý, Sửu, Dần, Mão. . . Trong cùng là người siêu Ngã : Mậu Kỷ. Ngoài Trời, giữa Đất, trong Người, nên Người được định nghĩa là “ đức Trời đức Đất hội tụ “ . Nói bằng số thì cứ 2 số Thiên can thì 3 số Địa chi thành ra số 5 là Người. Ngày Giỗ Tổ là mùng 10 (5 nhân với 2 Bó Mẹ) tháng 3 vì (vòng Đất chia ra làm 4 mùa) mỗi mùa 3 tháng chỉ bằng 3 con vật Địa chi (Hãy tính kỹ hình con Giáp để theo dõi cách xếp đặt các số dạng nhận ra vòng con Giáp là lược đồ triết Việt vô song. Ngày Tết chỉ việc đưa vòng này ra giải nghĩa là đã trả lời đầy đủ vào cao siêu cho câu hỏi Ý nghĩa Tết là gì.

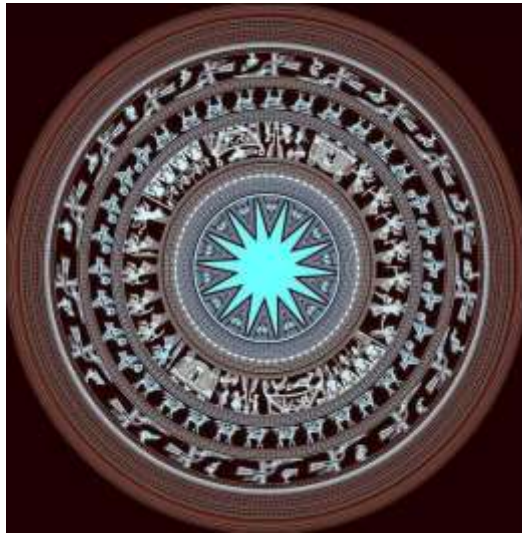
(7): Thái thất: Là căn nhà làm Lịch có 12 phòng cho 12 tháng. Vừa là nhà Vũ trụ để diễn đạt đường lối Tu thân để nên Người toàn diện có đủ 3 tầng Trời, Đất, Người. Vì thế chữ

Thất cũng chỉ Nhân tính như nói” “ Vị nhập ư Thất “ là chưa đạt Nhân tính. (Đây chỉ kể đến mà không quảng diễn kéo dài quá số trang đã hạn định).

Chỉ cần ghi rằng các số cũng y như trong Lạc Thư, nhưng chú trọng vào vụ cộng chiều nào cũng ra 15 (bộ nước Văn Lang) để tỏ rằng Tiên Tổ Lạc Việt đã đóng con chấm chủ quyền kỹ lưỡng vào các bộ số như sau: 2 – 3 thành Ngũ hành thì đã tạo hình trên cây Phũ Việt (Cái búa mang tên Việt) lại còn ăn mừng bằng Tết Trùng Ngũ là Tết riêng của miền Nam.

Đến số 9 thì đóng chấm bằng chữ Lạc: Cửu Lạc. Thái Thất là nhà của Mẹ được đóng dấu bằng Nữ Thần Mộc, dạy anh em Lộ Bàn Lộ Bộc làm nhà chữ Đinh. Thất với Gia đều là nhà , nhưng Thất (室) là nhà Mẹ thì kép bói 3 bộ: Miên (nhà), Công biến thể (Việc) và Thổ là Đất. Còn Gia (家) của Cha thì kép bởi Miên và Thi (là con Heo, oan không).

(8): Trống Đồng là bản tóm huy hoàng toàn thể Triết Việt vừa bằng chính tên di vật là Trống hay là Trống Lòng tức là “ Thành Ý chính Tâm “ không có hậu ý nào. Đó là môi trường Tâm linh cho Tinh thần xuất lộ.



Trống được xếp theo quẻ Thái là Tiên trên mặt Trống, còn dưới Tang là Ròng hiện thân và 6 chiếc thuyền đã hoá Ròng. Mặt Trống được chia 2 : Bên Chấn là Âm, trên nóc nhà có 2 Chim, 6 Người. Bên Lê là Dương, trên nóc nhà 7 Chim, 1 Người.

Toàn mặt Trống chia làm 5 vòng:

2 vòng Ngoài cùng của Chim Muông chỉ Đất.

2 vòng Giữa của Người.

Vòng trong cùng của vàng Nhật thay cho mặt Trời, không hơi không tiếng, tức là trống rỗng mọi đàng (đúng như tên Trống). Các vòng Vũ tiến theo Tả nhậm (để vai Tả hướng vào trung tâm đặng đón Linh lực từ Trung cung phát tiết), nên đạt sự Thống nhất, Thái hoà, chứa chan Hạnh phúc, biểu lộ bằng ca hát múa nhảy. Tóm lại, Trống Đồng là di sản chung Việt tộc thì nay đã được chứng minh xong. Khỏi cần nói thì ai cũng thấy rằng dân nào có Trống thì cũng làm chủ luôn nền Triết lý cao siêu hàm tàng trong Trống, vì tất cả mọi khía cạnh thành tựu của nền Minh Triết đó đều được bày tỏ trong toàn thể cái Trống. Thật là một lâu đài siêu nghệ thuật để minh hoạ một nền Minh triết độc nhất vô nhị trên khắp hoàn vũ.

(10): Khổng Tử sang thăm nước Tống còn gặp Đạo Khôn Càn của tộc Hạ tức của Việt tộc (Liki. VII, art. I, 5) . Còn nhiều lần đề cao phương Nam đã nói nơi khác rồi.

(11): Trong bộ 3 quyển Thái Bình Minh Triết, thì một quyển chuyên nói về Mẹ. Trong khi chờ đợi xuất bản thì tạm đọc bài này cũng có thể coi là bài ” Vịnh tán tụng lòng Mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào “ .

(12) : Như Miến, Thái, Mã Lai, Nam Dương. Đó quả là cái nghèo đói do Triết hồng, nó mới dai dẳng kinh niên đến thế . Như các báo hay nhắc tới khi nói về 4 con Hùm Á Châu, tức là 4 nước mới giàu sau Nhật là Hàn, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore đều theo Nho và Đại thừa.

(13): Triết Việt Nho nay xây trên phạm trù An hành, bên trên Lợi hành và Cưỡng hành . Cưỡng hành là làm vì sợ Trời đánh Thánh vật. Lợi hành là làm vì lợi lộc, hy vọng nợ kia. An hành là làm tự Nội, không cần động lực hay phản lực. Chỉ có An hành mới vươn lên bậc Tâm linh., chứ hai thứ kia thì chỉ bò sát dưới hiện tượng.

(13) : Lân hư là lân cận với Hư Không, tức là khi Tâm thức người nào được mở ra thông với Hư vô Huyền niệm. Bảy giờ mới đạt cái Vô trung thực , Đạo học gọi là “ Chân Không diệu hữu “ . Trước đó thường là cái Vô tiêu cực chống cái Hữu một chiều, cả hai chưa lên tới cùng: chưa đạt cùng Lý tận Tính, nên cũng chưa xuống tận nơi đi vào mọi ngõ ngách của đời sống, thành ra cứ lơ mơ trừu tượng, băng quơ như những mộng du vô tích sự.

(14): Muốn có Ấn tích thì Thiên tài cá nhân chưa đủ mà phải là một chuỗi Thiên tài nối tiếp “ An Bang tế Thế “ trong quãng vài ba trăm năm , mới đủ yếu tố thời gian cho Thế chế lắng đọng thành Số Độ , mới đủ khả năng duy trì được hạnh phúc lâu dài như trong Sử trình của dân Việt.

Trong bài có vài lần nhắc lại những bộ Số đó là của Việt tộc, đã được đóng con Chấm chủ quyền . Cần nhắc lại vì cho tới nay ai cũng tin rằng đó là của Tàu. Đây là niềm tin sai lầm, cần được sửa lại, vì nó dễ dẫn tới hiểu sai Chủ Đạo Tiên Tổ đã giới lại. Nói nhỏ mà nghe riêng với nhau: Việt Nam là kế thừa Văn hoá Việt tộc, là nói cho dễ nghe, chứ mấy bộ số căn bản đều phát xuất từ Huyền sử Việt Nam, như căn bản hơn hết là 2 – 1 hay Tiên Rồng là căn nguyên Ngũ hành với Cửu lạc.”

CHƯƠNG BẢY

TRIẾT LÝ AN VI: LINH HỒN CỦA VIỆT NHO

A.- AN VI LUẬN

(Văn Lang vũ bộ: Mục 14. Kim Định)

I.- THẾ NÀO LÀ AN VI?

“ Nhiều người hiểu An vi là thanh nhân không phải làm gì, khỏi bận tâm đi kiếm tiền kiếm của: thế gọi là An vi. Nếu An vi là vậy thì cần chi đến Triết lý chỉ việc gõ cửa mấy ông nhà giàu bự là đủ. Có người lại nghĩ rằng An vi là không nóng giận, cả không vui mừng nữa; sống bình thản trước mọi cảnh đời: éo le cũng như đắc ý, không dẩy mình vào việc chi, đời sao mặc đời. Nếu An vi là thế thì có khác chi mấy kẻ ù lì, việc chi phải đặt ra Triết lý An vi. Ngược lại triết lý An vi cần:

Cho những người dấn thân vào đời
Cho những người phải chiến đấu
Cho những ai gặp bước gian truân
Cho những ai gặp cảnh bần hàn
Cho những ai muốn cải tạo xã hội.

Như thế thì An vi không có nghĩa là hưởng nhàn mà là làm việc hăng say mà vẫn thanh thản. An vi cũng không phải là vô cầu, nhưng cầu mà như không: không cầu mà cầu; nhắm thành quả mà quan trọng nhưng không đặt ở thành quả, nên không lấy thành quả để luận anh hùng. Bởi vậy với người đời đó là thứ Triết lý rắc rối ốm ờ, nhưng với người thấu hiểu thì lại nhận ra thứ Triết lý vi diệu rất khó đạt được. Tuy nhiên nếu hiểu trúng, đặt nền tảng cho ổn thì hy vọng đạt được không phải là điều vợi. Bởi vậy sau đây chúng ta sẽ bàn đến ít điểm cần cho sự hiểu Triết lý An vi mong có thể hiện thực được vào bản thân cũng như đời sống xã hội.

II.- CẦN ĐẶT VỊ TRÍ CHO AN VI

An Vi nằm đâu đó giữa Hữu vi và Vô vi, hay đúng hơn bên trên hoặc bao quanh lấy cả Hữu vi lẫn Vô vi. Chữ An có nghĩa thông thường là "yêu hòa giải không tranh chấp" (**hiếu Hòa bất tranh viết An**). Nghĩa đó đúng nhưng chỉ ở vòng ngoài trong lối sống thường nhật, chưa phải là nghĩa siêu hình của chữ An vi. Muốn hiểu được An vi cần phải hiểu đến tận gốc rễ, mà cho được thế cần phải hiểu thế nào là Hữu vi và Vô vi và cái cạm bẫy đầy nguy cơ nấp sau hai Triết thuyết đó. Vậy Hữu vi là Có Làm. Có Làm thì phải rồi tại sao lại bảo là chứa chấp nguy hiểm. Thừa rằng, cái đó rất tế vi nên không dễ nhìn ra được, cần phải phân tích thấu triệt.

Ta quen hỏi bạn đang Làm gì đấy? Và câu thưa sẽ là tôi đang uốn cảnh hay Ngắm hoa, Đọc sách, Biên thư. Bạn có thể thưa cả hàng ngàn câu, nhưng khi phân tích ra thì câu nào cũng có một Động tự (uốn) và một Đối tượng (cảnh). Ngay trong câu hỏi làm gì cũng đã có đối tượng rồi: nằm trong chữ Gì? Gì là đối tượng của Làm. Vậy mà cạm bẫy trong chữ Gì, nghĩa là nằm trong đối tượng.

Cái hại là Đối tượng sẽ thu hút hết nghị lực của con người, khiến cho trong hành động Tác nhân sẽ trút hết tinh anh vào đối tượng. Người thường không thấy nguy cơ đâu cả, nhưng hiền triết nhận ra đó là đầu mối của nạn vong Thân, nó ở chỗ bắt con người đầu tư trọn vẹn Tâm thần Ý chí vào đối tượng của việc làm, khiến cho dần dần Đối tượng trở nên Chủ và sẽ đối tượng hóa luôn con người (*objectiver l'homme*) mà nghĩa thông thường là "Nhân hóa Vật": Người hóa ra như Vật, nghĩa là người cư xử và động ứng theo cung cách vật thể. Điều đó sẽ dẫn tới chỗ người xử với người như với vật (*chosifier*).

Từ đây bất cứ cái chi dầu là linh thiêng nhất cũng quan niệm theo lối sự vật tức có hình thể. Thí dụ như siêu hình cũng bị quan niệm kiểu những vật hữu hình, tức như cái gì đứng bên ngoài mình, kiểu một đối tượng, nghĩa là cái tượng hình đứng đối diện với mình, mình phải đi tới nó để chống lại hoặc chiếm hữu lấy: avoir.

Đó là hậu quả đầu tiên làm tiêu tan mất cái linh thiêng vị tể trong Tâm hồn mình mà chính nó mới là bản gốc của người, vì thế gọi là vong Bản. Từ đó sẽ dẫn đến nhiều ác quả mà trước hết là sự đề cao những tác hành có đối tượng bên ngoài mình và thế là dẫn tới Lợi hành: làm hoàn toàn vì lợi. Mà lợi đi với Địa (thiên lợi, địa lợi) tức là đi với cái gì bé nhỏ, có cục hạn như mọi sự vật: vì thế Lợi hành là con đường thẳng đưa người ta đến Duy Vật. Một khi đã Duy Vật thì sẽ coi là vô giá trị mọi việc gì không có lợi, không sản xuất ra cái gì cầm nắm được và như vậy sẽ đi đến chỗ phế bỏ mọi việc Tinh thần, Tâm linh. Hậu quả việc đó là cột chặt con người vào Đất, khiến nó bị tước đoạt hết những khả thể thanh thoát bay bổng, như thấy rõ trong lối hành xử của người cộng sản: chỉ gọi là làm việc khi có sản xuất ra cái chi cụ thể. Đó là tai họa lớn lao hơn hết trong kiếp người. Vì thế có một thái độ đi ngược lại là không làm:

Vô Vi. Ở đây không nói đến chữ Vô vi của Lão Tử (đã bàn rồi trong Định Hướng Văn Học) nhưng có ý nói Vô vi là không làm gì, vì coi sự làm chứa đầy cạm bẫy giam hãm con người lại, không cho tung cánh bay cao. Nói theo kiểu triết Âm Độ là hễ Làm thì có Quả mà có Quả là có giây trói buộc do luật khắt khe nhân quả không cho con người giải thoát. Vậy tốt hơn hết là đừng có làm: Vô Vi. Nhưng Vô Vi cũng đặt ra đầy khó khăn như không làm thì sống sao đây? Muốn sống thì phải có làm, mà có làm thì lại bị trói buộc. Đàng nào cũng chết.

Đại để đó là gọng kìm nan giải đặt ra trước những lương tâm bén nhạy cao độ để thấy nguy hại trong cái Hữu vi, nên chạy ủa sang Vô Vi, vì chưa đủ tinh anh để đặt một lối thoát khác. Và lối đó chính là An vi được đề ra để hòa giải khó khăn gặp trên hai con đường Hữu vi và Vô vi.

Chủ trương của An Vi là làm nhưng không đặt trên cái Có của Hữu vi: nói khác, không đặt quan trọng trên Đối tượng hay hậu quả, nhưng đặt vào Tác động, và nhờ đó tuy có làm mà vẫn không bị đối tượng trăn trói, tức không bị lệ thuộc vào thành quả. Nhờ đó thành tựu hay thất bại không phá vỡ nổi tâm trạng an nhiên thư thái của tác nhân.

Đó là bí quyết của triết lý An Vi, nó nằm bên trên Hữu vi (có làm) và Vô vi (không làm). Nó vừa giống Hữu vi vì có làm, nhưng cũng giống Vô vi vì không đặt trọn sinh lực vào đối tượng (gọi khác là thành công) nhưng phần lớn được đặt vào tác Nhân hay thành Nhân.

Câu nói của nhà cách mạng Nguyễn Thái Học "không thành Công thì thành Nhân" là hậu quả của triết lý An vi. Y như triết lý An Vi là hiện thân của đạo Ba, là đạo đặt trọng tâm vào con người. Đàng khi các triết lý khác, không Hữu vi thì cũng Vô vi, và cả hai gặp nhau ở chỗ đặt quan trọng vào đối tượng, tức là những mục tiêu nằm bên ngoài con người.

Đây là điều rất tế vi đã được minh chứng tỉ mỉ trong cuốn Chử Thời. Ở đây chỉ có thể nói vắn tắt rằng nền siêu hình của các triết học đó đều sai lầm, nói là siêu hình mà kỳ thực là hữu hình hay ít ra hữu tượng như thí dụ Lý giới của Platon hay thể giới Bản thể của Aristote đều là hữu hình. Cho nên sau này Kant mới phê bình là siêu giả tạo (*illusion transcendantale*), nó gieo tai hại vô biên vì làm cho con người vong thân mà không hay biết.

Cứ tưởng để lòng trí vào siêu hình là trở nên cao thượng, có biết đâu rằng đó mới là Siêu hình mà chưa Siêu tượng nên là lối vong Thân tế vi, chính nó giam cầm con người trong gông cùm của thực vật (chạy theo sự vật mà quên bản thân). Dần dần đi đến chỗ cùng cực là chỉ biết trọng những việc gì có công hiệu cụ thể hữu hình v.v. hoặc chỉ biết trọng những việc có đối tượng cao cả, mà chưa sao đạt được thái độ coi trọng việc xét là việc, không cần đối tượng cao hay thấp, vì thế ở đây xin nói tới khía cạnh ấy của triết An Vi, đó là:”

III.- TÌM HOÀN BỊ TRONG MỖI VIỆC BẤT KỂ TO NHỎ

“ Đó là hậu quả của Siêu hình đích thực. Người thực sự đạt siêu hình thì không còn lệ thuộc vào những cái hữu hình (tức đối tượng) nên không đặt quan trọng ở đối tượng, nhưng đặt ngay ở nơi tác nhân, đặt ở thành nhân, còn thành công chỉ được coi như phương tiện, như những chặng trung gian mà không là tối hậu: nên coi mỗi thành công là khởi điểm cho chặng tiến khác. Do đó khi thành tựu không tự mãn, khi thất bại không nản lòng. Bởi chung kỳ vọng là thành Nhân, thành Thân, có tính cách vô biên tức quá cao chẳng bao giờ gặp giới mốc nên không thể tự mãn, vì trước mặt đường tiến vẫn còn rộng mở. Có thất bại cũng chỉ là lật vạt thuộc đối tượng, không hỏng đến đại cuộc là thành Nhân, vì thế mà không nản. Nói thành Nhân không có nghĩa là coi thường thành Công. Thực ra không thể thái bỏ thành Công vì thành Công đã nằm trong thành Nhân như thành phần nằm trong toàn thể. Toàn thể là Nhân, vì Nhân được định nghĩa là "Thiên Địa chi đức" nên đương nhiên Nhân bao gồm mọi đối tượng. Vì không một đối tượng nào dù to hay nhỏ có thể ra khỏi vòng Thiên hay Địa, còn thiếu chi đâu! Đó là một tâm trạng coi như vu vơ, mà ai đạt được lại thấy hậu quả tràn ngập toàn thể thân tâm mình. Vì thế hậu quả đầu tiên khi đạt tâm trạng đó là sẽ làm rất hăng say bất cứ công việc nào vì lúc ấy to nhỏ không được đánh giá quan trọng như trước, bởi to nhỏ do đối tượng, nhưng bây giờ vì không đặt nặng đối tượng, nên việc nào cũng đáng làm với cả tâm hồn thể xác. Người ta nói về Thượng Đế là đáng tỏ ra "rất cao cả trong những việc hết sức bé nhỏ" (maximus in minimis) là vì quan trọng đặt ở tác động, tức là đặt ở tác nhân là Thượng Đế, mà vì Thượng Đế có khả năng vô biên nên dù làm một việc rất nhỏ, như một con muỗi thí dụ, cũng làm đến độ cực kỳ vi tế đến độ đủ biểu lộ được quyền lực vô biên. Họa sĩ có thiên tài không cần phải vẽ cái chi cao cả mà chỉ vẽ vài quả táo thôi như Mục Khê đã làm cũng đủ biểu lộ thiên tài, khỏi cần đối tượng to. Người sao chiêm bao vậy: không cần chiêm bao to hay nhỏ, nhưng cần người chiêm bao phải to. Làm như thế để cho con người nên to, đó là ý nghĩa sâu xa của nền minh triết Tam tài đặt con Người ngang cùng Trời Đất như được bàn nơi khác (Chữ Thời, Nhân Bản). Ở đây chỉ đề cập đến một khía cạnh cụ thể là nền giáo dục. Giáo dục muốn đạt An Vi phải là nền giáo dục làm to con người, gọi tắt là “ vi Nhân. “

IV.- GIÁO DỤC VI NHÂN

“ Nghĩa là nền Giáo dục trước hết nhằm **đào luyện ra Người to**, người to rồi việc mới to, việc nhỏ cũng sẽ hóa ra to, người nhỏ thì việc to rồi cũng hóa ra nhỏ.

Nói khác, **không phải hễ chương trình hay thì rồi mọi việc sẽ hay khi thiếu người hay, nhưng nếu muốn cho mọi việc hay thì cần trước hết phải có người hay.**

Bất cứ chính trị, xã hội, kinh tế chi chi cũng không thoát luật chung đó.

Vậy mà Giáo dục hiện nay lại hướng hết vào đối tượng, mà bỏ bê con Người, vậy là bỏ Gốc ôm Ngọn. Dấu hiệu rõ nhất của sự vụ là giáo dục hướng trọn vẹn vào Lợi hành. Các nhà Giáo dục tận tâm khuyến khích thành công: luôn luôn tập rèn cho trẻ biết đánh giá theo

thành công, đến nỗi coi đó như cứu cánh cuộc đời. Đây là một việc thừa để khởi nói là có hại.

Thừa là vì Thành công thuộc tiểu ngã không cần khuyến khích thì con Người cũng đã chạy theo rồi, nhất là khi còn bé nhỏ chưa thể thấy gì khác hơn là thi đua. Lẽ ra Giáo dục phải biết tiết chế chiều hướng đó lại, để nuôi dưỡng lòng hướng Thượng, lòng ham muốn thành Nhân, vì đó mới là sứ mạng của nền Giáo dục chân chính tức là nuôi dưỡng (dục) cái Nhân tính (giáo) chứ không phải là Giáo dục con Người để chạy theo sự vật đến độ quên mình như nay.

Con Người hiện đại chỉ biết trục vật là lỗi do nơi nền Giáo dục chỉ biết đề cao Thành công là làm nhỏ Tâm hồn con Người lại, không còn chỗ trống cho sự nảy nở những mối Tình cao thượng vị tha. Chỉ khi nào biết đề cao Chủ thể hay Tác nhân, thì mới là vun tưới đại Ngã man mác. Tổ tiên ta được tiếng là: "**Thắng không kiêu, Bại không nản**".

Chính vì đã được tôi luyện trong nền Giáo dục An vi vậy. Để chứng minh xin trưng ra đây hai việc rất linh thiêng đã được in dấu của nền Giáo dục vi Nhân như thế nào. Đó là hai **Lễ Gia Tiên** và **Tế Thiên**

Tại sao Việt Nho đã biến việc thờ Tổ tiên ra lễ Gia tiên, biến việc thờ Thượng Đế ra lễ tế Thiên? Thừa vì thờ Tổ tiên là tin có linh hồn về hưởng của dâng, rồi xin ơn này nọ, vậy là bám vào những cái tư riêng hữu hình bé nhỏ. Điều đó sẽ gây tai họa sâu xa vì dùng những giờ phút trang trọng nhất để vun tưới cho lòng tham, khiến cho những giờ phút linh thiêng nhất được dùng vào việc tài bồi óc ham muốn. Vậy là bó chặt thêm mãi tâm hồn vào những cái bé nhỏ hữu hình, cho nên tiên Nho nói: "**tự cầu đa phúc**" là vì vậy, **tự cầu là không xin gì ngoài mình thì rồi lòng sẽ được thả buông dần và siêu lên đến chỗ thanh thoát an nhiên.**

Vì thế mà tục thờ Ông Bà đã thăng hoa thành lễ Gia tiên. Nơi đây chỉ biết tế dâng là tế dâng, không để cầu cạnh cái chi hết, chỉ cốt dùng việc tế dâng để đi vào tới tận thâm Tâm lòng mình, đặng Hội thông cùng Trời Đất vạn Vật hầu làm nên Nhất thể.

(Đọc quyển Hồn Nước với Lễ Gia Tiên, chương II. Phúc giả bị dã.)

Tế Thiên cũng vậy. Thiên ở đây không còn là Thượng Đế nhân hình nữa, nhưng chỉ còn là luật Trời Đất huyền vi. Người không hiểu cho là lơ mờ, nhưng với người hiểu thì biết đây mới chính là siêu hình: vì Thiên không còn Nhân hình nữa nhưng chỉ là khối linh quang u linh bàng bạc cùng khắp, khiến cho tâm hồn quen thờ trong bầu không khí man mác đó sẽ lơ đãng khỏi đối tượng bé nhỏ để bay lên thanh thoát nhẹ nhàng theo tiết điệu uyên nguyên của vũ trụ, tiên Nho kêu đó là "**đại thuận đại hóa**".

Đại thuận là thuận theo thời Trời, gọi là đại vì không gì lớn lao hơn Trời Đất, nên cũng là đại hóa tức vươn ra mệnh mông như Vũ trụ "**ngô Tâm tiện thị Vũ trụ**" là vậy.

Vì thế **An hành**, An Vi được nhắm như lý tưởng tối hậu của nền Giáo dục đặt xa bên trên hai đợt **Cưỡng hành** và **Lợi hành**.

Cưỡng hành đặt móng trên sự sợ hãi: sợ Trời đánh Thánh vật, tức chưa đi vào đến lý trí nên là thấp nhất.

Đến **Lợi hành** tuy đặt trên lý trí nhưng Đối tượng chỉ mới là thành Công, chưa đạt Tâm linh.

Chỉ còn **An hành** mới đạt Tâm linh trọn vẹn, mới có sức phát huy Nhân phẩm, Nhân cách.

Người ta sẽ dễ nhận ra điều đó khi thấy Việt Nho đã đào tạo ra được nhiều nhân sĩ hơn hết với một tâm hồn thanh thản, cái thanh thản kiên cường không cần chắn gió che sương nhưng dám đi giữa bụi đời xoáy lốc mà vẫn thanh thoát tự tại “.

B.- NHỮNG PHẠM TRÙ CHÍNH TRONG TRIẾT LÝ AN VI

(*Hoa Kỳ với thế chiến lược hoàn cầu: Chương V. Kim Định*)

“ An Vi chính là Triết lý Việt Nho nhưng được đào sâu và quảng diễn hợp với cảm quan thời đại nên cần đặt cho tên mới để dễ nhận diện. Nền triết lý này chia sử trình Tâm thức con Người làm 3 nấc: Bái Vật, Ý Hệ và Tâm Linh.

I.- BỘ PHẠM TRÙ ĐẦU TIÊN

1.- BÁI VẬT

Là thời mông muội, lý trí con Người chưa phát triển đủ nên dễ nghe sao tin vậy: Bất cứ vật nào hễ xem ra có mùi quyền phép đều được coi như thần linh, được tôn thờ bái lạy, nên gọi là Bái Vật (animistic totemic). Con Người thờ đủ thứ vật từ con to như hổ, báo, voi, hùm, sư tử cho đến con nhỏ như cóc, ngoé, bọ cạp, gà, chó, mèo heo. . .

Cao lên một bậc là ma thuật: Khi thấy van xin không được thì tìm cách sai khiến quỷ thần, đó gọi là ma thuật; ma thuật kể như nghi lễ của Bái vật. Như vậy Bái vật là tên rất chung chỉ mọi thứ dị đoan tràn ngập đời sống lúc con Người chưa bước vào tuổi dùng lý trí, còn y cứ trên những định đề của Bái vật, những đế quốc cổ xưa như Babylon, Assyria, Egypte, Perse, Ấn Độ thuộc vào thời này, thời “ Nhĩ bất thuận tâm “ nên rất hoặc.

2.- Ý HỆ

Là giai đoạn chống lại Bái vật. Con Người không tin nữa mà chỉ muốn “ nhìn tận mắt, bắt tận tay “ , quay ra phê bình chỉ trích những niềm tin trước, lấy sự vật thực tế làm nền tảng. Đây là thời kỳ sẽ mở vào khoa học xán lạn, mang lại ơn ích lớn cho loài Người.

Nhưng trong phạm vi triết, vì cũng muốn theo kiểu khoa học chỉ bằng vào có tai mắt, nên hẹp hòi: tai mắt chỉ có thể thấu nhận những hình ảnh của vật trừ hình, gọi là ý niệm.

Nếu xây triết trên ý niệm suông sẽ gây ra ngoài biết bao cái tế vi, vô hình, thí dụ những gì linh thiêng hoặc tình cảm con Người, tình Nhà, tính Nước đều kể như không có.

Chỉ phát triển có lý trí nên gọi là Duy Lý một chiều, rồi hệ thống hoá các ý niệm cách chặt chẽ nên gọi vắn tắt là Ý hệ.

Ý hệ là triết làm bằng ý niệm suông rất khô khan, người ta gọi đó là triết lý vô hồn: không có niềm hy vọng lớn lai để thổi căng cánh buồm nghị lực.

Các đế quốc được thiết lập theo Ý hệ thì như Tây Âu nhất là thời chiếm thuộc địa, hoặc Nga Xô nay.. Còn La Hy có thể coi như ngồi dang chân lên cả hai: Cả Bái vật lẫn Ý hệ.

3.- TÂM LINH

Là giai đoạn của lý trí được mở rộng để bao gồm cả Tình, cả Chí, cả Thiên năng, Tiềm thức, Siêu thức, gọi chung là Tâm, nên chữ Tâm rất rộng nghĩa.

Ta có thể tạm dùng chữ Thiên năng, Siêu thức để chỉ tỏ cửa ngõ của Tâm đang có một ý niệm sơ sài.

Vì tính cách bao trùm đó, nên triết lý xây trên nền Tâm cũng gọi là Triết lý Toàn thể, bao trùm cả Vũ trụ, gọi là “ Vũ trụ chi Tâm “. Tâm biểu lộ ra bằng Tình.

Tình ở đợt Bái vật là thứ Tình bị tràn ngập chưa được lý trí kiểm soát.

Ý hệ thì đẩy Tình ra để Lý trí chiếm trọn.

Đến Tâm linh mới hội nhập cả Tình, cả Lý, cả Thiên năng, Tiềm thức, nên rất hiệu nghiệm, gọi vắn tắt là Linh. Linh với Thần như nhau, đều không ở nơi nào nhất định, mà ở khắp chốn, nói Tâm linh cũng là nói lên sự hiệu nghiệm bao trùm vì có mặt khắp nơi, không gì không tiếp cận. Các nước y cứ trên Tâm linh xưa có Tàu, Việt, Đại Hàn, Nhật Bản, gọi chung là Việt Nho.

II.- BỘ PHẠM TRỪ THỨ HAI

Để nhận rõ hơn tính chất của 3 đợt Tâm thức trên, triết lý An Vi đưa ra bộ phạm trừ thứ hai: Dụng, Từ, Ý, Cơ làm thước đo sự sâu rộng của một nền Triết. Triết nào khởi từ Cơ thì đi xuyên qua Ý và Từ để xuống mãi tới Dụng:

1.- CƠ

LÀ NGUYÊN LÝ CÙNG TỘI

2.- Ý

LÀ TƯ TƯỞNG, LÀ TRIẾT HỌC (HỆ THỐNG CỦA Ý)

3.- TỪ

LÀ LỜI NÓI, VĂN HỌC

4.- DỤNG

LÀ VIỆC LÀM, ĐỊNH CHẾ, THÓI TỤC.

Triết nào khởi từ Cơ đi qua Ý, Từ rồi thấu đến Dụng là triết sâu và rộng nhất. Nói Dụng, Từ, Ý, Cơ là bắt đầu ở chỗ cụ thể hiện hình mà lần lên cũng thấy hợp với Từ và Ý rồi đến Cơ thì cũng vậy.

Triết học lý niệm khởi từ Ý, tận cùng ở Từ hầu không tới được việc làm cụ thể, hậu quả chỉ là những thuyết lý trừu tượng hoặc không tưởng (utopie) chẳng có chân nào trên mặt đất, như Cộng hòa của Plato hay các thuyết trong triết học cổ điển Tây Âu, mà nền tảng siêu hình xây trên ý niệm hữu thể rất trừu tượng thuộc Lý trí rỗng đến độ đẩy lui Tình và Chí là những cái có sức huy động nghị lực con Người, nên triết trở thành trừu tượng son đẹt.

Triết làm ra là để bàn luận trong trường ốc, chứ không thực thi vào đời sống được. Nếu chẳng may người ta cưỡng thi hành như Cộng sản cố tình làm với triết học Karl Marx thì phải bù bằng đủ thứ công an mật vụ để ép buộc, khủng bố mới có Làm, vì cái Làm đó không do tự trong phát xuất thường trái với bản tính con người, nên chỉ có Làm bao lâu còn có sự khủng bố, ép buộc.

Ngược lại, triết lý đặt trên Cơ tức trên nhu yếu thâm sâu của con Người, tất nhiên có Dụng theo, khỏi cần phải thúc đẩy từ ngoài. . . Vì thế nó khác với Ý hệ ở chỗ không đưa ra Utopia hoặc nên ý tưởng rất cao cũng vẫn còn làm được. Thứ đến, nó cũng khác Ý hệ, nhất là khác Bái vật ở chỗ không dùng “Muru Gian Đạo Đức” (vì Đạo Đức mà đánh lừa, pia frauds), thí dụ Mặc Địch hứa tìm việc cho môn đệ, nhưng khi học xong ông nói có việc đâu, đó chỉ là đánh lừa môn sinh để chịu khó học. Bái vật dùng tràn ngập pia frauds đã đành, cả đến Triết lý nhiều khi cũng không chê, thí dụ ông Tổ triết Tây là Plato cũng dùng bộn. Còn Cộng sản thì khỏi nói: luôn luôn sống trên những lời hứa cuội (lợi hành) kèm theo khủng bố (Cưỡng hành), tại Ý hệ là triết học xây trên Ý niệm, không đủ sâu để khơi động nguồn nghị lực tâm hồn, đành phải dùng những trợ lực ngoại khởi như pia frauds.

Hãy so sánh các xã hội cổ sơ vừa nhắc đến, để có sự minh họa. Đang khi các xã hội theo Việt Nho đều có cả 4 đợt: Dụng, Từ, Ý, Cơ:

C.- VIỆT NHO

1.-CƠ

LÀ ĐẠO NGHĨA.

2.-Ý

LÀ TRIẾT LÝ ĐẠO HỌC.

3.-TỪ

LÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT, CŨNG TUÂN THEO ĐẠO LÝ.

4.-DỤNG

LÀ SỰ ÁP DỤNG TRIẾT HỌC VÀO ĐỜI SỐNG GỌI LÀ ĐỊNH CHẾ,

LÀ THÓI TỤC, MÀ TỪ VUA TỚI DÂN ĐỀU CÓ THEO.

Vì thế tất cả 4 chặng đều ăn chịu với nhau như một cơ thể, nên có hiện tượng này là dù triết đưa ra lý tưởng hết sức cao (Cơ), nhưng vẫn hiện thực (Dụng) được, không những thâm nhập vào Triết học (Ý), văn học (Từ), nhưng còn thấu tới Thân Tâm con Người.

Lịch sử văn minh đã phải khen là “nền luân lý hiệu nghiệm hơn hết gặp được trong các dân ở bất cứ thời nào” (W. Durant. Story of Civ. Vol. I 6- 40). Một xã hội đông người nhất, với phương thức cai trị bền bỉ nhất, vào tạo được hạnh phúc hơn hết cho con Người : Không có chế độ Nô lệ hay nếu có cũng đã được bãi bỏ sớm. Tuy có chuyên chế nhưng là chuyện từng giai đoạn với từng ông vua, chứ nói chung thì không. Người ta không thấy chỗ đó vì lẫn lộn với độc tài, độc chuyên với chuyên chế . Độc tài (authoritrianism) thì nhất định các vua xưa đều độc

tài, nhưng không hẳn chuyên chế theo nghĩa mạnh của từ Tyranny hay là Totalitarianism, nó đòi kiểm soát hết mọi chuyện không những chính trị, mà hết cả đời sống, nó định đoạt tiêu chuẩn cho mọi giá trị, từ kinh tế, nghệ thuật, văn học đến bản thân, tư tưởng, cảm tình, tôn giáo như ta thấy thực thi trong các xã hội cộng sản: người dân mất hết mọi tự do.

Trong chế độ quân chủ xưa mà ta gọi là độc tài, người dân còn hưởng rất nhiều tự do, từ tôn giáo, tư tưởng, nghệ thuật đến kinh tế, đi lại, cả đến tài sản. . . Có thể so với dân chủ ngày nay tuy đời sống thấp hơn nhiều, nhưng về tự do không thua bao lắm, thường chỉ trong chính trị, ngoại trừ một số người sống bên cạnh vua bị ràng buộc nhiều hơn, còn toàn dân sống trong thôn làng vẫn có thể nói mà không sợ bị cải chính, là “ phép vua thua lệ làng “

Ngược lại trong các nền văn minh khác như Babylon, Perse (Ba Tư) , Egypte (Ai cập) phải gọi là Đế quốc vì thường có những điểm đi cùng, như chuyện bóc lột hết mọi tự do. Đây là những cái diệt hạnh phúc con Người, các xã hội đó đều có cả bấy nhiêu một cách nền móng. Đó là kết quả của sự xây trên Ý hệ cũng như Bái vật, đã bao gồm một vài giai cấp được hưởng tự do như quý tộc trong xã hội La Hy. Nhưng nói chung, định chế vẫn đặt trên liên hệ Chủ Nô kéo theo sự Giàu Nghèo chênh lệch quá đáng. Đây là lý do căn để để gây nên sự suy sụp các Đế quốc nọ.

Ngoại trừ Ấn Độ, không một đế quốc nào sống được một phần ba tuổi của các xã hội Việt Nho. Là vì Bái vật và Ý hệ không có sự hiệu nghiệm phát xuất từ cơ thể nên không bao được Dụng, Từ, Ý , Cơ mà trở ra chỉ có Từ và Ý, thì Từ đầu óc sản xuất, rồi phát biểu ra miệng, không đủ sức huy động Tâm Tinh. Trái lại Cơ phát xuất từ Tâm Tinh nên huy động toàn thân, tự nhiên thi hành ra, và khi thi hành thì sinh ơn ích, gây hạnh phúc cho con Người.

Các xã hội dân chủ Tây Âu nay dù đã bỏ được chuyên chế, không phải do Cơ, mà hầu hết là do Lương tri như tranh đấu, do Kinh tế phồn thịnh, do Tâm thức con Người đã phát triển đủ. . . Vì không do Cơ, nên xã hội chỉ có luật pháp, trên nữa không có Đạo Nghĩa, dưới không có gì hướng dân việc tu thân, tế gia và các liên hệ tinh tế của con Người. Đây là chỗ cần nói đến sự khác biệt giữa cơ cấu học hiện nay và cơ cấu An Vi. Tuy cả hai cùng dùng phương pháp như nhau: cùng số độ, đồ hình, huyền thoại, huyền sử, cũng đối chiếu với các văn minh, cũng nhìn bao trùm. . . Nhưng cái khác là cơ cấu hiện hầy còn mang nhiều tính chất Lý trí, phần lớn được Lý trí kiên tạo ra (construit) để tìm Hiểu các văn hoá cổ sơ hay giải nghĩa các tác phẩm văn học, chứ không chủ chốt nhằm vào hướng dẫn đời sống. Vì vậy bộ phạm trù Dụng, Từ, Ý, Cơ chỉ áp dụng riêng cho Việt Nho, ít ra cách trung thực hơn cả.”

III.- BA NGUYÊN LÝ

“ Để thấy điều đó ta hãy phân tích cái Cơ của Việt Nho về phương diện triết. Vậy Cơ ở đây được biểu diễn ra 3 nguyên lý tối cao, nên đứng ra gọi là Định đề (premises), đó là:

Nguyên lý Lương hợp

Nguyên lý Nhân chủ

Nguyên lý An vi.

Ba nguyên lý này thuộc Cơ, vì nó không còn ở trong tầm tay lý lẽ để mà chứng minh, mà lý luận nữa, nó đã ăn sâu vào Tiềm thức phần lớn rồi.

1.- NGUYÊN LÝ LƯƠNG HỢP

Hai mà một, một mà hai, có mà như không, không mà lại có, đó là một, không thể nhập nhằng nước đôi, vậy đó là định đề căn bản của triết lý An vi. Nhờ đó, nó đưa ra được Vũ trụ quan Động, ngược hẳn với nguyên lý Tĩnh của Ý hệ, gọi là **nguyên lý Đồng nhất** (identité): A là A, Động là Động, Tĩnh là Tĩnh.

Đã Động thôi Tĩnh, đã Tĩnh thôi Động. Nó rất hợp với Lý trí, nên làm nền móng cho Logic. Trái lại, Việt Nho thì Động mà Tĩnh, Tĩnh mà lại Động. Đó là **Nguyên lý Đồng Thời** (synchronic)

Trong A đồng thời có B, trong B đồng thời có A, một mà hai, hai mà một, các học giả kêu là Dual Unit (Hai mà Một), nó bao gồm cả hai bên.

Đợt cao nhất của nó thuộc siêu hình là Có Không, Không mà lại Có. Có nương Không mà sinh, Không nương Có mà xuất hiện.

Đợt hai thuộc thực tế cụ thể hơn, nên nói Trời Đất, Núi Sông, Mưa Nắng. . . Những chữ đối đáp này chỉ thị hai hạn từ đối lập nên là phạm trù tổng quát chỉ các cặp đối lập như Sáng Tối, Cứng Mềm, Ngày Đêm, Nam Nữ. **Triết học Lý niệm chỉ có một bên, quen gọi là Duy**: một là một, A là A, đã A thì không B, không thể có trường hợp thứ ba được: tertium non datur, excluded middle.

Triết lý An vi không những nhận có trường hợp thứ ba, còn tôn lên gọi là Tam tài và lấy làm nền tảng. Tam tài là Trời, Đất, Người.

Đó cũng là điều nghịch lý, hay siêu lý vì con Người bé nhỏ đặt ngang hàng với Trời cùng Đất sao được: không thấy vô lý sao? Nhưng vậy mới nói là nó vượt khỏi phạm vi Lý trí để ăn sâu vào Tiềm thức và thuộc về Cơ . Cơ chú ý tới mọi liên hệ giữa hai Thái cực, nói trong Tam tài có Người giữa Trời cùng Đất cũng là nói Người là liên hệ giữa Trời và Đất.

Triết học cổ điển chỉ chú ý đến từng hạn từ (term) hoặc Trời hoặc Đất, hoặc Có hoặc Không. Do vậy hoặc Duy Vật hoặc Duy Tâm mà không chú ý đến mối Tương quan của nó như triết Việt Nho chú ý đến cả hai: Cả Âm lẫn Dương, “Âm Dương tương thoi “. Huyền sử nói Mẹ Âu Cơ gặp bố Lạc Long trên cánh đồng Tương là hàm ngụ ý đó. Nói cụ thể là không đặt ưu tiên vào Trời với Đất, mà đặt vào Người được quan niệm là mối Liên Hệ giữa Trời cùng Đất.

Do việc đặt đề này mà **Việt Nho chính là Tổ sư Cơ cấu: vì Cơ cấu không quan tâm đến Hạn từ, nhưng đặt nặng trên Tương quan của Hạn từ.** Tương quan là cái gì năng động. Nói Người là Tài cũng nói Người là Tác năng, là “ tạo hoá Con “ , (tạo hóa không viết hoa) là do vậy. Hậu quả của sự nói Cơ với Dụng là thế. Đó là nguyên lý đầu tiên có thể gọi là Vũ trụ quan động.

2.- NGUYÊN LÝ NHÂN CHỦ

Nguyên lý thứ hai thuộc Nhân sinh quan cũng thuận theo thế Động của Vũ trụ quan gọi là Nhân chủ theo nghĩa người là Chủ nhân ông.

Chủ là cái gì ? Thưa là Chủ Trời cùng Đất, nói đúng ra chủ Thân Tâm mình bao gồm Trời Đất ở trong, ngược với Vật chủ ở hai đợt Bái vật và Ý hệ, nơi ấy con Người vong Thân bị sự vật sai sử nên gọi là Vật chủ (chosisme), Mỹ gọi là Reified man hoặc thingified man). Đó là Nhân sinh quan Nhân chủ.

3.- NGUYÊN LÝ AN VI

Đây là nguyên lý khó hiểu nên cần bộ phạm trù thứ ba gồm: Cường hành, lợi hành và an hành.

A.- CƯỜNG HÀNH

Chỉ những việc mà động cơ ở ngoài con Người như làm vì sợ trời đánh thánh vật, làm vì bị bắt buộc như tù nhân phải lao động, mất hết tự do, tự lực.

B.- LỢI HÀNH

Thì động cơ là lợi lộc, tuy ở ngoài nhưng còn để cho con Người ít tự lực, được tự do khỏi cưỡng buộc, chỉ mất tự do Luân lý.

C.- AN HÀNH

Không còn tìm động cơ từ ngoài nhưng tìm ngay trong mình, thấy đáng làm thì làm, thành bại là thứ yếu. Loại này hợp cho con Người được quan niệm như Nhân chủ, nó không phạm đến Tự do Tâm lý con Người, con Người vẫn là Chủ cả ngoài lẫn trong, Tâm lý vẫn đủ sức tự Cường, tự Lực, khỏi cần sự thúc đẩy từ ngoài. Nó là việc cốt cán cho triết lý xây trên Nhân chủ gọi là An vi. Gọi thế để đặt vị trí giữa hai khuynh hướng triết ở hai Thái cực là Hữu vi và Vô vi.

Hữu vi là cố làm hiểu là sự làm gắn liền với Đối tượng, nô lệ cho Đối tượng. Điều đó kéo theo sự nguy hiểm rất vi tế dẫn con Người đến tai họa bị Vật Hóa (thingification) vì thế đã có sự phản động lại để tránh tiếp xúc với sự vật để khỏi bị Vật Hoá (một thứ chính sách Monroe trong triết cũng gọi là chính sách đà điều).

Nhưng không làm thì sống sai, nhân tiên là không có ăn: theo nguyên tắc tay có Làm thì hàm mới có Nhai.

Thế là Vô vi cũng mắc kẹt như Hữu vi. Đàng nào cũng chết: Làm thì bị Vật Hoá, không Làm thì làm sao sống. Vậy phải tìm lối nào đây để thoát khỏi gọng kìm một bên là Hữu, một bên là Vô. Và câu thưa là An vi.

Triết lý An vi lấy An hành làm lý tưởng, nhưng không gầy bỏ Lợi hành và Cường hành.

Nhưng cái đó thuộc Tiểu ngã, thuộc vòng hiện tượng không dễ gì bỏ được, lý tưởng là phải có thêm nhiều tác động ở đợt An hành, để nó làm Chủ, để nó bao phủ lấy việc hai đợt dưới hầu làm cho chúng trở nên thanh thoát lấy. Còn chính chủ tịch của của Thanh thoát phải là các việc thuộc đợt An hành: Chính những việc này mới giúp vào công cuộc thanh nhàn hơn cả. Vì thế Tiên hiền Việt Nho đã đưa ra định chế Tứ Quý để giúp thực thi. Tứ Quý là bốn tuần cuối bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông Hay tuần cuối của tháng 3, 6, 9, 12. Đó là bốn tuần mà Tứ Quý mượn của bốn tháng nọ. Mượn để làm gì ? Thưa để không làm chi hết, mà chỉ Ngồi Không, chữ Nho nói về vua là “ Thùy Y thường “ : thả lỏng áo quần xuống như Người không phải đi làm. Nếu muốn nói “ có Làm “ thì là làm cái “ Không làm “, vì việc chính của Tứ Quý là trút sạch những cái Có trong lòng mình ra, những cái đó thuộc Hữu vi đầy sức ngang trở Tâm hồn, không để cho cái Có trôi lên mặt Tâm thức để nói lên tiếng nói Thiên mệnh, tức là những nhu yếu thâm sâu của bản tính con Người. Thành thử con Người chỉ nghe được lệnh truyền của Bái vật hoặc Ý hệ hoàn toàn ngoại khởi, không nghe được nguyên ngôn là mệnh lệnh của Nhân tính Tâm linh. Những ngang trở đó có nhiều nhưng được quy vào hai cặp danh từ Bái vật và Ý hệ. Đó là những động cơ từ ngoài, có sức Vật Hoá Người nên lâu lâu cần thì giờ không làm gì mà chỉ lo xả bỏ. Khi xả hết rồi sự làm sẽ thông dong, để trở nên An vi, làm vì đáng làm là làm, không phải làm vì bị trời đánh thánh vật, hoặc vì bôn ba lợi danh nữa. Những thứ làm đó đều bắt con Người nô lệ cho Đối tượng, nô lệ cho sự thúc đẩy bên ngoài, nó làm sa sút Nhân chủ tính, chỉ có an hành mới xứng là việc của con Người Nhân chủ.

Đó là đại để cái khung của triết lý An vi đặt trên cơ cấu ba nguyên lý Lương hợp, Nhân chủ và An hành. Đó là cơ cấu thượng thặng ta có thể diễn tả bằng Hình vẽ, bằng Huyền số, bằng Huyền thoại.

Xem lại lịch sử cũng như quan sát con Người sẽ dễ dàng nhận ra cả ba loại việc kể trên Cường hành, Lợi hành, An hành. Nhưng nhiều khi có An hành mà không có An vi. Đó là những bậc “sinh nhi tri chi” tức là bẩm sinh được như thế: rất cao thượng, không màng công danh. Nhưng đó là những đoá hoa vĩ đại không được vun tưới mà tự nhiên mọc lên được giữa rừng hoang. Triết lý An vi muốn phân tích hành vi của những bậc cao cả nọ để rút lấy cái cơ cấu đang thiết lập ra một nền triết hần hoi để giúp nhận thức ra hiện thực.

Điều đó Việt Nho đã làm rồi nhưng chỉ đủ cho đợt tiến trước, không còn hợp cho cảm quan đợt tiến mới có thêm khoa học thuộc cả Sinh (Sóng) lẫn Tâm (Linh): Sinh như kỹ thuật cơ khí nâng cao mức sống, Tâm như các khoa học Tân Nhân văn: xã hội, khảo cổ, Nhân học, uyên tâm, cơ cấu. . . Các khoa học đó sẽ giúp con Người có thêm rất nhiều những xác định căn kẽ hơn, những cái nhìn thấu triệt mới lạ. Vì thế cần một triết lý hội nhập tất cả các sở đắc mới nọ. Đó là nền triết lý mà nước Mỹ, dân Mỹ phải làm và rồi họ sẽ làm được. Khi nào làm được thì Mỹ sẽ dẫn đầu cuộc cách mạng Tâm linh đang thiếu đường hướng. Hiện nay Mỹ đang ở tuổi Ý hệ, Lợi hành. Chỉ cần đặt trên Lợi hành một đợt An hành nữa là xong. Muốn được thế cần mạnh dạn đi vào cuộc cách mạng Tâm linh mà việc đầu phải là xây đắp nền Triết mới trên Cơ cấu, rồi bắt toàn dân học biết như biết Hiến pháp vậy.

Nói đến đây có người sẽ la ó cho là phạm đến tự do, phạm đến Hiến pháp xây trên tự do, nên phải để mọi người tự do! Mỹ phải theo chế độ đa phương nghĩa là nhiều triết.

Nhưng bạn có biết đa phương thực sự là chi chằng? Thừa là chắn che sự ngu dốt, sự bất lực. (Nói rõ ra cả Mỹ cũng như Tây Âu không sao thiết lập nổi một nền triết Nhân sinh có đủ sức làm lãnh chúa, phải ở lì lại trong Ý hệ, tất nhiên mắc cảnh “Thập nhị sứ quân”, cá đối bằng đầu, nên phải lấy đa phương làm tôn chỉ, cốt để tránh cái họa chuyên chế độc hữu vốn là đặc tính của Ý hệ. Tưởng như vậy là trọng kính tự do, có ngờ đâu rằng nước thiếu một nền triết của quốc gia cũng y không có một nền Hiến pháp).

Nếu ở đợt Hiến pháp không thể “đa phương” thì ở đợt Triết cũng vậy. Sở dĩ người ta không nhận ra điều đó vì không biết đến thứ Triết lý đặt trên Cơ có tính cách bao dung nên thường không xuất hiện như nền Triết lý độc nhất, nhưng như Triết lý ưu thắng, nghĩa là vẫn dung chứa các nền Triết lý khác, nhưng thường những Triết lý này chỉ có để làm cảnh, người nào thích thì đem ra bàn cãi vậy thôi, chứ giả có trao cho tay lái con thuyền đời sống chẳng biết đâu mà rờ.

Thí dụ cụ thể trong lịch sử Tàu, đời Hán ban đầu rất trọng Lão Trang, đã đem quyền hành đặt vào tay Đạo giáo, nhưng chỉ ít lâu tỏ ra bất lực lại phải mời Nho lên đặt trên Cơ. Cái phiên của Âu Mỹ là chỉ có loại Triết lý làm cảnh, chứ không có Triết lý xây trên Cơ.

Triết lý đặt trên Cơ phải đi sát đời sống, nhưng đi sát mà lại không đi vào những xác định chi li, nên vẫn giữ được tính chất bao dung. Vì mỗi xác định là mỗi bám sát vào biến cố, một sự việc. Thí dụ nói về Chính trị, **Triết lý An vi chỉ đưa ra những nguyên lý ở đợt đầu gọi là Chính lược, không xuống đến đợt Chiến lược, càng không đến đợt Chiến thuật.** Vì càng xuống càng cá thể hoá cho hợp sự việc phải làm, việc nào cũng có một không điểm, một thời điểm nhất định, nên chỉ có một không thể hai, là những cái phải quyết định tùy hoàn cảnh mỗi lúc mỗi khác.

Triết học Duy Lý y cứ trên Ý niệm là cái đã xác định nhiều, khó có thể xuống tới Dụng là việc làm. Việc làm nào cũng là một cái thể có một không hai, phải luôn luôn quy định riêng cho nó. Muốn tổng quát hóa ở đợt này sẽ dễ dàng đi vào độc đoán và chuyên chế. Đây là lý do khi theo Triết học lý niệm để câu nệ chấp một, thiếu sự mềm dẻo quên đi với Triết học xây trên Cơ. Cơ không có Hệ thống nên không kèn càng, dễ thể nhập vào bất cứ đâu, vào bất cứ Tổng hợp mới nào. Triết học Ý hệ rất khó lột xác để đi vào Tổng hợp mới, do cái Hệ thống kèn coi của nó với những xác định chi li, vì thế mà nó thất bại và chịu để thế giới hiện đại như thuyền không lái: bới thiếu một triết lý đặt trên Cơ. Ấy là nền Triết lý con Người đang mặc nhiên mong đợi, vì chỉ có nền Triết lý đầy Tâm Tình nó mới ứng hợp cho con Người thời hậu kỹ nghệ, nó sửa soạn bước vào giai đoạn phong lưu, làm ít chơi nhiều, sống thành thoi như chim trời cá nước.”

(Trên đây là: Một mẫu thử áp dụng triết lý An vi vào chính trị Mỹ. Kim Định).”

IV.- TÓM LẠI

Tuy đã bao đời cứ làm tướng Hán Nho là nguồn cội của Nho giáo, nhưng Hán Nho thực sự lại không có “ **Gốc Dịch lý** “ và cũng chẳng có “ **Ngọn Hà Đồ Lạc Thư** “ như Việt Nho.

Gốc, Ngọn đó chính là nền tảng Tinh hoa cốt lõi của Việt Nho :

Muốn biết ai là Chủ nhân của Dịch, chúng ta truy cứu từ Vật Tổ. Vật Tổ của Việt là **Chim Rắn**. **Chim bay lên Núi cao**, ngồi bất động nơi Yên tĩnh trút bỏ Tham Sân Si mà un đúc **lòng Nhân**, mà thăng hoa thành Tiên.

Rắn gồm Giao long (4 chân) và Xà long (mình dài) **lăn lộn dưới Biển sâu** cực động để **luyện Trí** mà hoá Rồng.

Tiên Rồng còn kết đôi sống với nhau theo **Nhân / Trí hài hoà** cho được “ Thuận Vợ thuận Chồng “ để trở nên **Hùng – Dũng**. Hùng là sức mạnh Vật chất, Dũng là sức mạnh Tinh thần.

[10]: *The Brain* : Xem chức năng của hai Bán cầu Não

Chim / Rắn, Tiên / Rồng, Vợ / Chồng , Lên Non / Xuống biển , Nhân / Trí, Hùng / Dũng đều là những cặp đối cực của Dịch.

Tiên / Rồng chỉ là Biểu tượng Vì nhân theo Dịch lý của Dân tộc Việt Nam, do đó mà chúng ta mới nhận ra Tổ Tiên Việt đã sáng tạo ra Dịch.

Còn **Vật Tổ của Tàu** thời Hiên Viên Hoàng đế là **Chim Cú**, tới nhà Thương thì có **Bạch mã** (phương tiện di chuyển của Du mục) rồi mới Nhận **Rồng** của Việt mà không nhận Tiên, vì Tiên mang bản chất Khoan nhu, không hợp với khẩu vị bạo động của Du mục. Khốn thay ! Rồng là Cô Dương mà “ **Cô Dương bất sinh** “ không thể biến hóa, do đó chúng ta mới nhận ra Tàu không là Chủ nhân của Dịch, chúng ta biết Tàu chuyên nghiên cứu về 64 quẻ Dịch để Bóc phệ, Tàu lại có Chu Dịch, thiết tưởng việc này chẳng khác nào Biển Đông là đất nước của Tàu từ thời khuyết sử !.

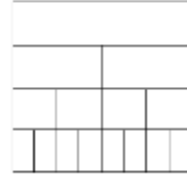
Gốc Nho chính là Dịch lý, là nền tảng của **lý An Vi** - Triết lý chiết trung – bằng cách “ Chấp kỳ lưỡng đoan “ - nguồn gốc của sự Hoà hợp (philosophy of harmony), nhờ đó mà có sự Biến hoá trong trạng thái Quân bình động làm nên **Tiết nhịp hòa của Vũ trụ** (Cosmic rhythm).

Để đi tới Ngọn Hà Lạc Tổ tiên chúng ta đã dùng Đồ hình và Số độ khởi từ nét Gấp đôi (two fold) Tiên / Rỗng, Âm / Dương, (Thái cực). Từ Âm Dương số 2, qua Tứ tượng số 4, Bát quái số 8, cho đến 32, 64, cùng những đồ hình và số độ khác được sắp xếp theo cách “ **Hợp Nội Ngoại chi đạo** mà thành Hà Lạc, tất cả đều là lưỡng cực nhưng vẫn Nhất nguyên, do đó mới có câu : **Nhất lý Thông, Vạn lý minh**. Nhất lý là Lý Thái cực, Vạn lý là Tiểu Thái cực . Tiến trình tiến hoá này cũng giống như sự phân bào trong Sinh vật học.

Biểu tượng Phân cực của Thái cực



Biểu tượng viên đồ



Biểu tượng hình vuông (1 → 2 → 4 → 8 → 32 → 64)

Hà đồ Lạc Thư là giai đoạn cuối của tiến trình phân cực từ Thái cực, tức là giai đoạn Mẹ Cha kết đôi thành Gia đình làm nền tảng cho Quốc gia Dân tộc.

Vây Ngọn Nho chính là Tinh thần Đồng bào từ Sách mẹ Lạc Thư kết cùng sách Cha Hà Đồ trong Tinh / Nghĩa Đồng bào hầu Lập Quốc và Cứu Quốc.

Sở dĩ có tình trạng lộn xộn sông Chủ Nô của Nho là vì chính đại chúng Việt là Chủ nhân ông của Dịch, của Nho, nhưng những sáng tạo nền tảng Văn hóa này đã bị Hoa Hán đoạt lấy, công thức hoá rồi tìm cách “ **Dịch Chủ vi Nô** “.

Số là khi thôn tính được Bách Việt, nhà cầm quyền thuộc dòng Du mục Đại Hán đã cướp đoạt lấy mọi thứ, nhưng về Văn hóa Tổ tiên của Việt đã khôn khéo chôn dấu phần Góc của Dịch ở phương Nam (Viên Ngọc Long Toại trong Truyện Việt Tinh), nên các nhà cầm quyền Tàu chỉ hót được phần Ngọn (cái Vỏ) của Nho, khiến Nho đã mất “ **Vi ngôn đại Nghĩa** “ Vi Ngôn nằm trong Nghịch số hài hoà của Dịch, **Dịch của Tàu chỉ có độc cực (Rỗng)**, duy Dương, mà “**Độc Dương bất sinh**”, nên đánh mất tính chất biến hoá, đưa tới cách ứng xử Bạo động không theo lối “**Chấp kỳ lưỡng đoan** . “ nên Duy lý một chiều, đánh mất luôn cả Đại Nghĩa, Đại Nghĩa chính là Công lý Xã hội, suốt dòng Lịch sử Đại Hán chỉ lo gây ra chiến tranh, cướp đoạt mà bành trướng.

Vì thiếu Góc Kinh Dịch là Linh hồn của Nho, nên Dịch của Tàu chỉ chú ý tới 64 để bóc phệ, để nhâm, cảm, độn, toán. **Nho mà thiếu nét Lưỡng nhất của Dịch như Hán Nho thì Nho đã đánh mất cốt lõi của triết lý Nhân sinh, nên thành ra bá đạo, trong khi đó nét Lưỡng nhất là nét Nhất quán hay Mạch lạc nội tại của Việt Nho.**

Tuy nhiên Hán Nho vẫn có Dịch với 64 quẻ để Nhâm, Cảm, Độn, Toán rất đồ sộ, cũng như Binh pháp Tôn Tử giúp cho khả năng chiến tranh và bành trướng rất tích cực!

Còn đối với chúng Việt, tuy có bảo ngọc Long Toại trong tay, nhưng một mặt vì bị áp bức và bóc lột lâu ngày, làm cho nghèo hèn và ngu dốt nên không nhận ra, mặt khác tuy Tổ Tiên đã cất dấu Ngọc Long Toại ở phương Nam, (Truyện Việt Tinh), cứ bỏ quên ở đó, không biết đào lên mà mài dũa cho sáng trong, thành ra tuy rằng có Ngọc mà vẫn như Không.

Khi đã chiếm được Văn hóa và áp bức bóc lột chủng Việt cho nghèo hèn, Tàu lại còn vu cho Tứ Di của Đại chủng Việt là man di mọi rợ :“ **Đông Di, Tây Nhung, Nam Man (Lạc Việt) , Bắc Địch** “, thực ra kẻ cướp Văn hóa mới là man di, nhưng lâu ngày sống trong áp bức và nghèo khó, các chủng Việt bị quên gốc, mặc nhiên tin lời vu của kẻ cướp gán cho chủng mình là man di là thật, tin chủng mình là không có Văn hóa và cứ yên tâm ký tụng Hán Nho của Tàu truyền dạy cho.

Có chăng là khi được T.G. Kim Định khai quật lên, Dân tộc chúng ta mới có cơ hội mài dũa viên Ngọc cho được trong sáng lại, giúp cho nguyên khí Dân tộc hồi sinh mà vùng lên vực dậy.

Thực ra không ăn cướp được mọi thứ của Tứ Di thì nòi Du mục (từ lãnh tụ Du mục là Hiên viên Hoàng đế của Đại Hán) chỉ còn lại đàn súc vật, suốt đời cứ mãi miết lang thang lo việc chăn nuôi trên các đồng cỏ, làm gì có Văn hoá mà Văn với Minh, mà tự xưng mình là Hoa Hạ.(cao sang).

Trước đây Tổ Tiên họ ăn cướp mọi thứ của đại chủng Việt ở Đông Nam Á mà to lớn như ngày nay, ngày nay, Trung cộng còn áp ử giấc mộng Trung hoa, họ đang ra sức bày binh bố trận để hòng cướp cả thế giới ! Cứ mở mắt mà xem, họ đang dùng **Lưỡi Bò** hòng nuốt trọn Biển Đông và đang thực hiện công trình “ **Nhất Đối nhất Lộ** “ để thống nhất thiên hạ theo giấc mộng Đại Hán , họ có ngờ đâu họ đang dẫm lên lốt chân của Liên Xô ngày trước !

D.- NÉT NHẤT QUÁN CỦA VIỆT NHO

THEO TINH THẦN TRIẾT LÝ AN VI

Dịch lý Âm / Dương hoà là nét **Nhất quán của Việt Nho**. Cách khác nét **Gấp đôi Lương nhất** là sợi Chỉ Hồng xuyên suốt nền **Văn hoá Việt** . Chúng ta hãy lần xem nét **Gấp đôi lương nhất** đã được xuyên suốt khắp mọi lãnh vực của Văn hóa nước nhà . Như vậy chúng ta sẽ nhận ra Việt Nam có Dịch lý hay không và Dịch lý của Việt Nam đóng vai trò như thế nào trong nền Văn hóa.

I.- VŨ TRỤ QUAN ĐỘNG

Vũ trụ quan động được tượng trưng bằng các cặp Đối cực: **Tiên / Rồng, Mái / Trống, Cái / Đực, Nhụy Cái / Nhụy Đực, Nòng / Nọc, Âm / Dương, Vũ / Trụ, Thời gian / Không gian, Số lẻ / số Chẵn, Yoni / Linga.**

Nguồn gốc của Vũ trụ là : Thái cực Âm / Dương hoà

Triệt Thượng / Triệt Hạ→I (Lương nhất): Nguồn Minh Triết Việt

Hoà theo Tiêu chuẩn: Chấp kỳ Lương đoan / Doãn chấp quyết Trung

(Phải Người phải Ta)

Tương tự, ta có:

Thời / Không Lượng nhất: Time – Space – Continuum

Hay

Số Lẻ / Số Chẵn: < Vòng Trong: 1,2, 3, 4, 5 >/ < Vòng Ngoài > (6, 7, 8, 9) Lượng nhất

(Lạc Thư Minh triết)

II.- NHÂN SINH QUAN NHÂN CHỦ

Nhân: Thiên / Địa →I (Lượng nhất)

Nhân: Âm / Dương →I

Nhân: Quỷ / Thần →I

Nhân: Thủy/ Hỏa & Mộc / Kim →I

III.- TINH THẦN DÂN TỘC

(∼ : DẤU TƯƠNG TỰ)

Nhân / Trí → I ∼ Hùng / Dũng ∼ Bao dung

Nhân / Nghĩa → I ∼ Hùng / Dũng ∼ Bao dung

**Chí Nhân / Đại Nghĩa: Tinh / Nghĩa Đồng bào
Tinh / Nghĩa Đồng bào: Tinh thần Đoàn kết Dân tộc**

IV.- TU THÂN

1.- NGŨ THƯỜNG

Nhân: Ái thân / Ái Nhân

Nghĩa: Đồng dòng Vãng / Lai

Lễ: Cung Kỹ / Kính Tha

Trí : Tri Kỹ / Tri Bỉ

Tín: Tín Kỹ / Tín Tha

2.- NGŨ LUÂN

Vợ / Chồng → I (Theo Tình / Nghĩa)

Cha Mẹ / Con cái → I (- -)

Anh Chị / Em → I (- -)

Đồng bào với nhau → I (- -)

Nhân dân / Chính quyền → I (- - : Nhân quyền / Dân quyền → I)

V.- NẾP SỐNG DÂN TỘC

Quả dục < Tiết độ > : Diệt dục / Đa dục → I

VI.- HÀNH ĐỘNG

An Hành : Cưỡng hành / Lợi hành → I

VII.- SINH HOẠT

1.- NGÔN NGỮ

Nét gấp đôi (*twofoldness*)

Ăn / Nói; Ăn / Uống; Ăn / Chơi; Đi / Đứng, Đứng / Ngồi, Học / Hành, Học / Tập, Ngủ / Nghỉ, Làm / Lụng, Hát / Hiếc. Góm / ghiếc (: *Thực tự / Hư tự . . .*)

2.- MẶC: ÁO DÀI

a.- 5 Thân

Áo dài 5 Thân: 2 thân trước, 2 thân sau, 1 thân chẻ bên nách phải. Áo dài là hiện thân của khung Ngũ hành vào cách mặc gọi là **Thể Nhân đỉnh Nghĩa**: 4 thân tượng trưng cho 2 cặp đối cực Thủy/hỏa, Mộc / Kim là 4 hành xung quanh, Thân chẻ là hành Thổ.

b.- 5 nút cài

5 nút cài: 2 nút cài ngang bờ vai Phải, 3 nút cài dưới nách Phải. 2-3, 5 (= 2 + 3 = 5) là **Cơ cấu của Việt Nho**.

3.- SINH HOẠT DÂN GIAN

Rước Nỏ / Nường tức là Âm / Dương vật.

Hát Trống quân, hát Hàng vải, hát Ví, hát Dặm, hát Xoan (Xuân) . . . gồm hai bè Nam / Nữ, đề tài là Ve nhau bằng Lời Ca Tiếng Hát đượm **Tình / Nghĩa** để kết nên **Vợ / Chồng**.

4.- SINH HOẠT VĂN HOÁ, VĂN NGHỆ

Câu đối, Liễn đều có hai vế , câu nào có **Tình / Lý tương tham** mới hay.

Viết Văn theo lối **Biền ngẫu** tức là có hai vế sóng đôi, hay lối viết **Tỷ giáo** là lối viết so sánh để làm nổi bật vấn đề, nói cái Trái thì phải nêu lên cái Phải, bàn cái Dở thì phải nêu lên cái Hay để làm nổi bật **tinh thần Chính Trung**.

5.- CÁCH SỐNG LƯƠNG NHẬT THEO DỊCH LÝ

Suy tư (Khoa học) / Quy tư (Tâm linh → I (Thân an / Tâm lạc)

VIII.- ĐEM CÔNG LÝ (DỊCH LÝ) VÀO CÁC CƠ CHẾ XÃ HỘI

Giáo dục

↑

Chính trị ← Văn hoá Thái hòa → Xã hội

↑

Kinh tế

Văn hoá Thái hòa : Tâm linh / khoa học → I

Kinh tế: Công hữu / Tư hữu → I

Giáo dục : Thành Nhân / Thanh Thân → I

Chính trị: Nhân quyền / Dân quyền → I

Xã hội: Dân sinh/ Dân Trí → I

(Xem [9],- Wave Particle duality :2 → 1)

IX.- KẾT LUẬN

Nhờ khám phá ra Cơ cấu nền Văn hoá Dân tộc mà nhận ra Kitô giáo cũng như Chế độ Dân chủ Hoa Kỳ cũng có cùng Cơ cấu, lại thêm cách giải thích ý nghĩa các Huyền số theo Tinh thần Triết lý An vi của nền Văn hoá Dân tộc, T. G. Kim Định không những làm bùng lên sức sống Bất khuất của nền Văn hoá xưa hầu như đã bị tiêu trầm, mà còn tạo cho Việt Nho có khả năng làm một cuộc Tổng hợp Đông, Tây, Kim, Cổ hầu tiến tới một Thế giới Hoà bình, sẽ dĩ được như vậy là nhờ Tổ Tiên chúng ta đã xếp đặt mọi sự theo Thái cực, mà Thái cực là “Nhất lý thông Vạn lý minh”, nên mới đi một mạch thông suốt từ Gốc tới Ngọn khắp Hoàn vũ.

(Xem cuốn : **Khi Đông / Tây giao hội** ” của Việt Nhân trên vietnamvanhien.net.index)

Những khái niệm cổ xưa về “Thái cực” với “Nhất nguyên lưỡng cực”, về “Âm trung hữu Dương căn” và “Dương trung hữu Âm căn” cũng như “Âm / Dương hòa” hay Nhân / Nghĩa lưỡng nhất” hay “Nhân / Nghĩa nhập thần”, về Tam tài, Ngũ hành đều được kiện chứng bằng những thí nghiệm Khoa học hiện đại một cách rõ ràng, nên chẳng có Quê mùa Lạc hậu gì cả! (Xem mục Tham khảo)

Xin mọi người chúng ta cứ vững tin theo con đường mòn “Cận thủ chư Thân, Đạo bất viễn Nhân : Gần cây nơi Minh, Đạo ở ngay trong Tâm mình ” của Cha ông vươn lên mà Cứu và Dựng Nước, vì Đôi Đũa Thần đã nằm ngay chính trong Tâm mỗi Chúng ta, trong Lòng Dân tộc chúng ta, chính nơi những cái Gần, cái Nhỏ, cái Đơn giản, cái Tầm thường, cái Tinh vi với điều kiện là phải hành xử sao cho những các cặp: Gần / xa, Nhỏ / To, Đơn giản / Phức tạp, Tầm thường / Phi thường, Tinh vi / Vĩ đại được Lưỡng nhất theo Dịch lý thì sẽ tạo nên Nội lực cho Cá nhân và Dân tộc, chứ cứ ruổi theo đại lộ huy hoàng “Viễn thủ chư Vật: Cây vào Tha lực thuộc Vật chất để Trục Vật”, để chạy theo cái Ảo tưởng với “Lực bất tung Tâm” thì sẽ không bao giờ tới Đích, thiển nghĩ Dân tộc chúng ta có quá đủ Kinh nghiệm đau thương và nhục nhã về Kiếp Nhân sinh “Lạc Hồn Dân tộc” này rồi!

Nguyên do là “Nhân Tâm suy vi, Đạo Tâm duy nguy” :

Tình Người khô héo, Đạo làm Người lâm nguy “!

Bệnh Vô cảm và Tình Liên đới Đồng bào bị cắt đứt bắt nguồn từ đây, khi đó, dù cho có cặp Đũa Thần trong tay cũng chẳng khác gì đôi Đũa Tre!

Cầu xin Hồn Thiêng Sống Núi sáng soi và độ trì cho Đồng bào chúng ta khắp nơi!

THAM KHẢO

- [1].-24 TIẾT TRONG MỘT NĂM
 [2].-MYSTERY OF THE FATHER MOTHER GOD
 [3].-BECOMING ONE
 [4].-THE HUMN COLLECTIVE
 [5].-CELLULE SOMATIQUE
 [6].-NUMBERS AND THEIR MEANINGS
 [7].- WAVE PARTICLE DUALITY
 [8].- THE BRAIN
 [9].- THE END OF THE SCIENCE
 [10].-THE GREAT SEAL OF USA AND THE LIVING CONSTITUTION
 [11].- THE MEANING OF 14
-

[1] . 24 TIẾT TRONG MỘT NĂM

Kỷ nguyên J2000

Đây là Thời tiết theo Âm Dương lịch, cứ 15 ngày là một Tiết, đầu mỗi Tiết thì có sự thay đổi khí hậu, tính chung mỗi năm có 24 Tiết . (Tây phương dùng Dương lịch). Nhờ quan chiêm Thời Tiết mà Tổ tiên Việt nắm vững Thời Tiết mà Gieo Trồng hoa màu cho được Hoà cốc phong đăng, mà cũng nhờ vào cách Trông vào Thời Tiết:

“ Trông Trời trông Đất

Trông Mây trông Mưa

Trông Trăng trông Gió

Trông Ngày Trông Đêm,

Trông cho Chân cứng Đá mềm

Trời Yên Bể lặng mới yên Tâm lòng “

*(Ca dao: **Cách sống Thuận Thiên**)*

Tổ tiên Việt luôn quan chiêm Thời tiết nên đã Trục thị (Bằng Trục giác) được những Ván đề cốt tuỷ của Vũ trụ và Nhân sinh .

Bốn Tiết chính trong một Năm**1.- XUÂN PHÂN**

Kinh độ	Tiết khí	Dương lịch
0°	Xuân phân	20 - 21/3

2.- HẠ CHI

90°	Hạ chí	21 - 22/6
-----	--------	-----------

3.- THU PHÂN

180°	Thu phân	23 - 24/9
------	----------	-----------

4.- ĐÔNG CHÍ

270°	Đông chí	21 - 22/12
------	----------	------------

***Chú thích** :Hai mùa Xuân Thu thì Ngày Đêm dài bằng nhau. Mùa Hạ thì ngày dài hơn Đêm, Mùa Đông thì Đêm dài hơn Ngày. Theo thuyết Tam tài **Thiên, Địa Nhân**, mà Nhân được định nghĩa là : **Thiên Địa chi Đức** hay con Người là Tinh hoa của Trời Đất. Do đó mà **Mùa Hạ** được gán cho **Thiên**, mùa **Đông** cho **Địa**, còn hai mùa **Xuân, Thu** được gán cho **Nhân**. Do đó mà việc Thờ cúng Tổ tiên là Thờ **Nhân tính** (Human dignity: **Nhân / Trí, Hùng / Dũng**) được Tổ chức vào **hai mùa Xuân Thu**. Trong Việc Thờ cúng, Tổ Tiên cũng truy lên đến **Thượng Đế** tức là perfect Ancestor, tức là Thờ Trời, tục này có từ Thời Viêm Đế.*

**24 Tiết trong một Năm
Kỷ nguyên J2000**

Kinh độ	Tiết khí	Dương lịch
<i>(thông thường)</i>		

Xuân

315°	Lập xuân	4 - 5/2
330°	Vũ thủy	18 - 19/2
345°	Kinh trập	5 - 6/3
0°	Xuân phân	20 - 21/3

15° Thanh minh 4 - 5/4
 30° Cốc vũ 20 - 21/4

Ha

45° **Lập hạ** 5 - 6/5
 60° Tiểu mãn 21 - 22/5
 75° Mang chủng 5 - 6/6

90° Hạ chí 21 - 22/6

105° Tiểu thử 7 - 8/7
 120° Đại thử 22 - 23/7

Thu

135° **Lập thu** 7 - 8/8
 150° Xử thử 23 - 24/8
 165° Bạch lộ 7 - 8/9

180° Thu phân 23 - 24/9

195° Hàn lộ 8 - 9/10
 210° Sương giáng 23 - 24/10

Đông

225° **Lập đông** 7 - 8/11
 240° Tiểu tuyết 22 - 23/11
 255° Đại tuyết 7 - 8/12

270° Đông chí 21 - 22/12

285° Tiểu hàn 5 - 6/1
 300° Đại hàn 20 - 21/1

Xuân phân, theo lịch Trung Quốc cổ đại, là điểm giữa của mùa xuân, nó là một trong hai mươi tư tiết khí trong nông lịch và tiết khí này bắt đầu từ điểm giữa mùa xuân. Theo định nghĩa này, thời

điểm bắt đầu của nó trùng với khái niệm điểm xuân phân (tiếng Anh: Vernal equinox) tại Bắc bán cầu theo quan điểm của khoa học phương Tây. Tuy nhiên, theo khoa học phương Tây thì điểm xuân phân lại là thời điểm bắt đầu mùa xuân tại Bắc bán cầu, thời điểm mà Mặt Trời xuất hiện trên "thiên xích đạo" (Mặt Trời ở gần xích đạo nhất) và đi lên hướng Bắc. Thuật ngữ này cũng được sử dụng để chỉ một điểm trên bầu trời là điểm đầu tiên của cung Bạch Dương trong Hoàng đạo. Về mặt thời gian, xuân phân diễn ra vào khoảng 19 tháng 3 đến 21 tháng 3, thời gian chính xác của nó là khoảng 5 h 49 m muộn hơn so với năm trước trong những năm thường và khoảng 17 h 26 m sớm hơn trong những năm nhuận. (Xem thêm chu kỳ 400 năm của năm nhuận để biết thêm về sai số trong lịch Gregory.).

Theo quy ước, tiết Xuân phân là khoảng thời gian bắt đầu từ 21 tháng 3 và kết thúc vào khoảng ngày 4 hay 5 tháng 4 trong lịch Gregory theo các múi giờ Đông Á khi tiết Thanh minh bắt đầu. Ở Nam bán cầu thì thời điểm đó lại là điểm thu phân.

Tại một số quốc gia, như Hoa Kỳ và châu Âu (Ở Bắc bán cầu), xem ngày này là bắt đầu Mùa Xuân theo thiên văn.

Xuân phân

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

[Hai mươi tư tiết khí](#)
[Kỷ nguyên J2000](#)

Kinh độ	Tiết khí	Dương lịch (thông thường)
-------------------------	--------------------------	--

[Xuân](#)

315°	Lập xuân	4 - 5/2
330°	Vũ thủy	18 - 19/2
345°	Kinh trập	5 - 6/3
0°	Xuân phân	20 - 21/3
15°	Thanh minh	4 - 5/4
30°	Cốc vũ	20 - 21/4

[Hạ](#)

45°	Lập hạ	5 - 6/5
60°	Tiểu mãn	21 - 22/5
75°	Mang chủng	5 - 6/6
90°	Hạ chí	21 - 22/6
105°	Tiểu thử	7 - 8/7
120°	Đại thử	22 - 23/7

[Thu](#)

135°	Lập thu	7 - 8/8
150°	Xử thử	23 - 24/8
165°	Bạch lộ	7 - 8/9

180°	Thu phân	23 - 24/9
195°	Hàn lộ	8 - 9/10
210°	Sương giáng	23 - 24/10
Đông		
225°	Lập đông	7 - 8/11
240°	Tiểu tuyết	22 - 23/11
255°	Đại tuyết	7 - 8/12
270°	Đông chí	21 - 22/12
285°	Tiểu hàn	5 - 6/1
300°	Đại hàn	20 - 21/1

Xuân phân, theo [lich Trung Quốc](#) (???) cổ đại, là điểm giữa của [mùa xuân](#), nó là một trong hai mươi tư [tiết khí](#) trong [nông lịch](#) và tiết khí này bắt đầu từ điểm giữa mùa xuân. Theo định nghĩa này, thời điểm bắt đầu của nó trùng với khái niệm [điểm xuân phân](#) ([tiếng Anh](#): *Vernal equinox*) tại [Bắc bán cầu](#) theo quan điểm của khoa học phương Tây. Tuy nhiên, theo khoa học phương Tây thì điểm xuân phân lại là thời điểm bắt đầu mùa xuân tại [Bắc bán cầu](#), thời điểm mà [Mặt Trời](#) xuất hiện trên "[thiên xích đạo](#)" (Mặt Trời ở gần [xích đạo](#) nhất) và đi lên hướng Bắc. Thuật ngữ này cũng được sử dụng để chỉ một điểm trên bầu trời là điểm đầu tiên của cung [Bạch Dương](#) trong [Hoàng đạo](#). Về mặt thời gian, xuân phân diễn ra vào khoảng [19 tháng 3](#) đến [21 tháng 3](#), thời gian chính xác của nó là khoảng 5 h 49 m muộn hơn so với năm trước trong những năm thường và khoảng 17 h 26 m sớm hơn trong những [năm nhuận](#). (Xem thêm chu kỳ 400 năm của năm nhuận để biết thêm về sai số trong [lich Gregory](#).)

Theo quy ước, tiết Xuân phân là khoảng thời gian bắt đầu từ 21 tháng 3 và kết thúc vào khoảng ngày 4 hay 5 tháng 4 trong [lich Gregory](#) theo các múi giờ Đông Á khi tiết [Thanh minh](#) bắt đầu. Ở [Nam bán cầu](#) thì thời điểm đó lại là [điểm thu phân](#).

Tại một số quốc gia, như Hoa Kỳ và châu Âu (Ở Bắc bán cầu), xem ngày này là bắt đầu [Mùa Xuân](#) theo thiên văn.

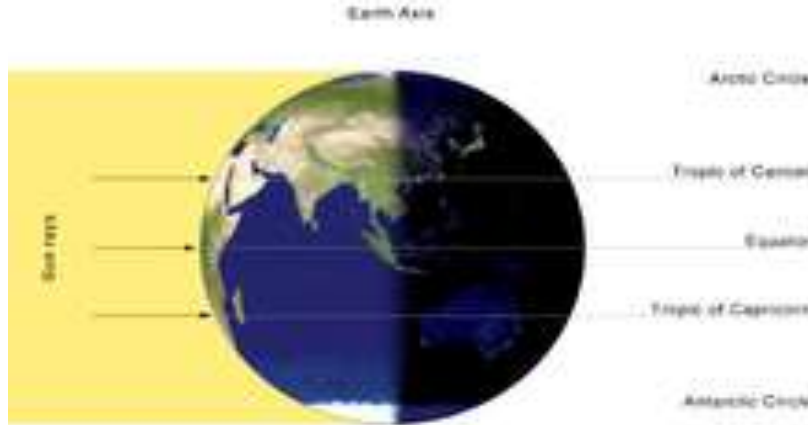
Thiên văn[sửa | [sửa mã nguồn](#)]

Theo khoa học thiên văn phương Tây, điểm mà [Mặt Trời](#) vượt qua xích đạo bầu trời đi về hướng Bắc gọi là điểm đầu tiên của cung Bạch Dương. Tuy nhiên, theo [độ chính xác của các điểm phân](#), điểm này hiện không còn ở trong chòm Bạch Dương nữa mà hiện nay đang ở trong cung [Song Ngư](#). Đến năm khoảng 2600 nó sẽ ở trong cung [Bảo Bình](#) (do đó có thuật ngữ "kỷ nguyên Bảo Bình"). Tại Nam bán cầu, [điểm phân](#) này diễn ra cùng thời điểm nhưng nó là điểm bắt đầu của [mùa thu](#) tại bán cầu này.

Chuyển động của Mặt Trời[sửa | [sửa mã nguồn](#)]

Sự chiếu sáng [Trái Đất](#) bởi [Mặt Trời](#) vào ngày Xuân phân và Thu phân

Tại điểm xuân phân, người quan sát sẽ thấy [Mặt Trời](#) khi đó mọc "chính xác" ở phía Đông và lặn "chính xác" ở phía Tây. Có thể nói nôm na là Xuân



phân là thời điểm mà trước và sau đó khoảng ba tháng Mặt Trời có xu hướng mỗi ngày mọc và lặn nhích dần về phía bắc.

[Lễ hội](#)[\[sửa | sửa mã nguồn\]](#)

Đối với [Việt Nam](#) thì ngày này không có gì đặc biệt lắm. Tuy nhiên đối với một số [quốc gia](#) trên thế giới thì đây là một ngày hội.

Theo lịch Trung Hoa thì ngày Xuân phân đánh dấu giữa mùa xuân, nhưng theo [lịch thiên văn](#) của Hoa Kỳ và một số quốc gia châu Âu, thì ngày này là bắt đầu mùa xuân.

Lễ hội [Norouz](#) (lễ hội năm mới hay lễ hội đầu xuân) của [Iran](#) được tổ chức vào ngày này, [đạo Baha'i](#) gọi lễ này là *Naw-Rúz*; ngoài ra còn có lễ hội [Ostara](#) của [đạo Wicca](#), một trong tám [lễ hội Sabbat](#) của những người theo đạo [địa thần giáo kiểu mới](#) (*neopagan*) này. Lễ hội [Chol Chnam Thmay](#) mừng năm mới của [người Khmer](#) bắt đầu vào khoảng giữa tháng 4 dương lịch và các ngày [Tết Lào](#), [Tết Thái Lan](#), [Tết Miến Điện](#) cũng bắt đầu vào giữa tháng 4. Giữa tháng 3 cũng bắt đầu tháng Nisan, tháng đầu tiên theo lịch tôn giáo của [người Do Thái](#). Năm mới [Tamil](#) được tổ chức sau ngày Xuân phân, được tổ chức tại bang miền nam [Ấn Độ](#) ([Tamil Nadu](#)).

Tại [Nhật Bản](#) ngày Xuân phân (春分の日) là ngày lễ chính thức của quốc gia để mọi người đi [tảo mộ](#) và đoàn tụ gia đình.

[Lễ Phục sinh](#) ở các quốc gia theo [Cơ đốc giáo](#) được tổ chức vào ngày chủ nhật đầu tiên ngay sau khi trăng tròn kể từ ngày Xuân phân (Xem thêm [cách tính](#)).

[Ngày Trái Đất](#) được kỷ niệm vào ngày Xuân phân hàng năm kể từ ngày đầu tiên là [21 tháng 3 năm 1970](#). [Giờ Trái Đất](#) được kỷ niệm vào thứ bảy cuối cùng của tháng 3.

[Hạ chí](#)

Tiết Hạ chí, theo [lịch Trung Quốc](#) cổ đại, là tiết khí khởi đầu từ điểm giữa của [mùa hè](#), nó là một trong hai mươi tư [tiết khí](#) trong [nông lịch](#). Theo định nghĩa này, thời điểm bắt đầu của nó trùng với [điểm hạ chí](#) ([tiếng Anh](#): *Summer solstice*) tại Bắc bán cầu theo quan điểm của khoa học phương Tây. Tuy nhiên, theo khoa học phương Tây thì điểm hạ chí lại là điểm bắt đầu của mùa hè tại [Bắc bán cầu](#) và tương ứng là bắt đầu [mùa đông](#) ở [Nam bán](#)

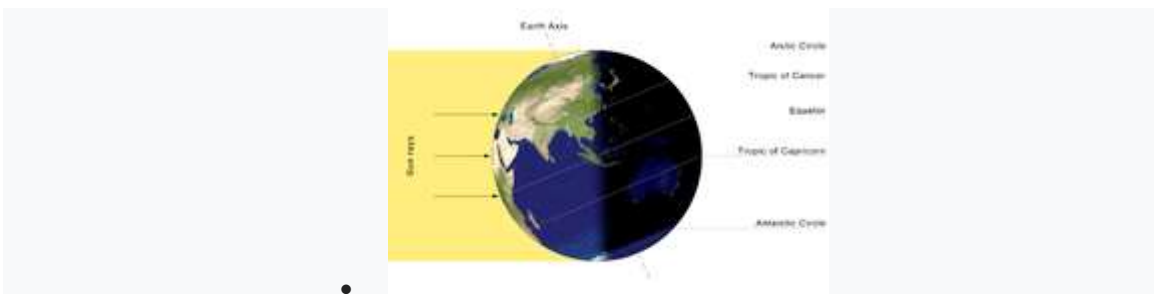
cầu, thời điểm mà Mặt Trời lên tới điểm cao nhất về phía bắc trên bầu trời để rồi sau đó bắt đầu quay trở lại phía nam.

Theo quy ước, tiết hạ chí là khoảng thời gian bắt đầu từ khoảng ngày 21 hay 22 tháng 6 khi kết thúc tiết mang chủng và kết thúc vào khoảng ngày 7 hay 8 tháng 7 trong lịch Gregory theo các múi giờ Đông Á khi tiết tiểu thử bắt đầu.

Theo thuật ngữ thiên văn học phương Tây, đó là thời điểm có liên quan đến vị trí của hành tinh trên quỹ đạo quanh Mặt Trời. Nó là lúc kinh độ Mặt Trời bằng 90 độ. Theo tập quán phương Tây, đây là thời điểm bắt đầu mùa hè ở Bắc bán cầu và mùa đông ở Nam bán cầu.

Trên Trái Đất [[sửa](#) | [sửa mã nguồn](#)]

Định nghĩa một: Tại Bắc bán cầu, ngày hạ chí là ngày mà khoảng thời gian ban ngày dài nhất và thời gian ban đêm ngắn nhất. Thời gian này thông thường rơi vào ngày 21 tháng 6 hoặc 22 tháng 6. Khi đó tại Nam bán cầu thì khoảng thời gian ban ngày lại là ngắn nhất. Tuy nhiên cách định nghĩa này có phần không rõ ràng do độ nghiêng lớn nhất của trục quay Trái Đất là xấp xỉ 23,45° nên đối với những người quan sát ở các vĩ độ cao hơn 66,55° vĩ bắc sẽ thấy thời gian ban ngày trong những ngày cận kề trước và sau ngày hạ chí ở nửa bán cầu này có thể kéo dài đến 24 h ([Xem](#) thêm ban ngày vùng cực và đêm trắng để biết thêm chi tiết). Ngược lại, ở Nam bán cầu, đối với những người quan sát ở các vĩ độ cao hơn 66,55° vĩ nam sẽ thấy thời gian ban đêm trong những ngày cận kề với ngày hạ chí ở Bắc bán cầu có thể kéo dài đến 24 h ([Xem](#) thêm ban đêm vùng cực để biết thêm chi tiết). Do vậy không thể biết chính xác ngày nào là ngày hạ chí theo kiểu định nghĩa này.



Sự chiếu sáng Trái Đất bởi Mặt Trời vào thời điểm hạ chí ở Bắc bán cầu

Định nghĩa hai: Ngày hạ chí là ngày chứa điểm hạ chí tính theo múi giờ địa phương. Theo quan điểm của người Trung Hoa và các dân tộc chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Quốc cổ đại thì ngày hạ chí là phù hợp với các tính toán của thiên văn học đối với Bắc bán cầu. Xem thêm tiết khí.

Giữa mùa hè là khoảng thời gian quanh ngày hạ chí đối với nhiều nước, tuy có ngoại lệ như Mỹ thì hạ chí lại là ngày bắt đầu mùa hè. Có nhiều lễ hội truyền thống được tổ chức vào ngày hạ chí như lễ hội Sankt Hans Aften của Đan Mạch hay lễ hội Litha của đạo Wicca, một trong tám lễ hội Sabbat của những người theo đạo đa thần giáo kiểu mới (*neopagan*) này.

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

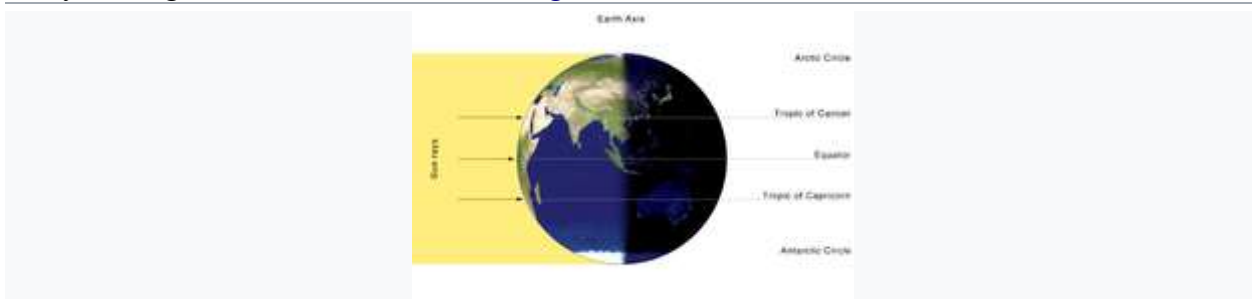
Tiết Thu phân, theo [lich Trung Quốc](#) cổ đại, là tiết khí có khởi đầu bằng điểm giữa của [mùa thu](#), nó là một trong hai mươi tư [tiết khí](#) trong [nông lịch](#). Theo định nghĩa này, thời điểm bắt đầu của nó trùng với [điểm thu phân](#) ([tiếng Anh](#): *Autumnal equinox*) tại [Bắc bán cầu](#) của khoa học phương Tây. Tuy nhiên, theo quan điểm của khoa học phương Tây thì nó là điểm bắt đầu của mùa thu tại [Bắc bán cầu](#), thời điểm mà Mặt Trời xuất hiện trên "[thiên xích đạo](#)" (Mặt Trời ở gần [xích đạo](#) nhất) và bắt đầu đi xuống hướng nam. Về mặt thời gian, thu phân bắt đầu vào khoảng [22 tháng 9](#) đến [24 tháng 9](#).

Theo quy ước, tiết thu phân là khoảng thời gian bắt đầu từ khoảng ngày 23 hay 24 tháng 9 khi kết thúc tiết [bach lộ](#) và kết thúc vào khoảng ngày 8 hay 9 tháng 10 trong lịch Gregory theo các múi giờ Đông Á khi tiết [hàn lộ](#) bắt đầu.

Theo thuật ngữ [thiên văn học](#) phương Tây, đó là thời điểm có liên quan đến vị trí của [hành tinh](#) trên [quỹ đạo](#) quanh [Mặt Trời](#). Nó là lúc [kinh độ Mặt Trời](#) bằng 180 [độ](#).

Ở [Nam bán cầu](#) thì thời điểm đó lại là điểm diễn ra [điểm xuân phân](#) (*Vernal equinox*) tại bán cầu này.

Chuyển động của Mặt Trời[[sửa](#) | [sửa mã nguồn](#)]



Sự chiếu sáng [Trái Đất](#) bởi [Mặt Trời](#) vào ngày Xuân phân và Thu phân

Tại điểm Thu phân, người quan sát sẽ thấy [Mặt Trời](#) khi đó mọc "chính xác" ở phía Đông và lặn "chính xác" ở phía Tây.

Có thể nói nôm na là thu phân là thời điểm mà trước và sau đó khoảng ba tháng Mặt Trời có xu hướng mỗi ngày mọc và lặn nhích dần về phía nam.

Lễ hội[[sửa](#) | [sửa mã nguồn](#)]

[Lễ hội Mabon](#) của [đạo Wicca](#) được tổ chức vào ngày này, đây là một trong tám [lễ hội Sabbat](#) của những người theo [tân pagan giáo](#)(*neopagan*) này.

Tại [Nhật Bản](#) ngày Thu phân (秋分の日) là [ngày lễ chính thức của quốc gia](#) này để mọi người đi [tảo mộ](#) và đoàn tụ gia đình.

Tại các quốc gia Âu Mỹ, mùa thu cũng là mùa [thu hoạch](#) chính và có các [lễ hội mừng được mùa](#). Lễ hội thu hoạch truyền thống tại Anh được tổ chức vào ngày chủ nhật gần "Ngày trăng thu hoạch" (Harvest Moon), đó là ngày trăng tròn xảy ra gần điểm thu phân (22 hoặc 23 tháng 9) nhất. Tại Hoa Kỳ và Canada vào tháng 10 hay tháng 11 vào ngày [lễ tạ ơn](#).

Cũng vào độ thời gian này, tại các quốc gia trong [Vòng văn hóa Đông Á](#) có lễ hội [Trung Thu](#) mà tại [Triều Tiên](#) thường gọi là [Chuseok](#) (Thu Tịch), ngày mà người nông dân làm lễ tạ ơn tổ tiên vì đã cho một mùa màng bội thu.

Đông chí

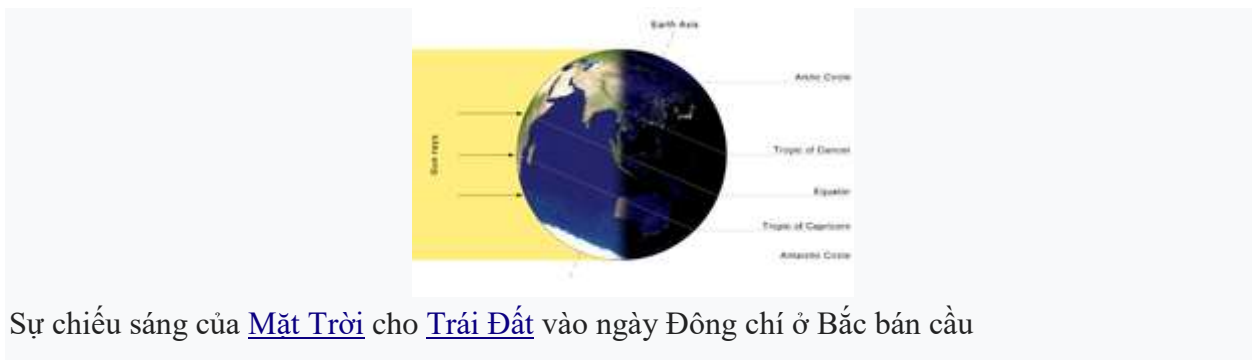
Tiết Đông chí, theo [lich Trung Quốc](#) cổ đại, là tiết khí khởi đầu bằng điểm giữa của [mùa đông](#), nó là một trong hai mươi tư [tiết khí](#) trong [nông lịch](#). Theo định nghĩa này, điểm bắt đầu của nó trùng với [điểm đông chí](#) ([tiếng Anh](#): *Winter solstice*) tại Bắc bán cầu theo quan điểm của khoa học phương Tây. Tuy nhiên, theo khoa học phương Tây thì nó là điểm bắt đầu của mùa đông tại [Bắc bán cầu](#) và tương ứng là bắt đầu [mùa hè](#) ở [Nam bán cầu](#), thời điểm mà [Mặt Trời](#) xuống tới điểm thấp nhất về phía nam trên bầu trời để sau đó bắt đầu quay trở lại phía bắc.

Theo quy ước, tiết đông chí là khoảng thời gian bắt đầu từ khoảng ngày 21 hay 22 tháng 12 khi kết thúc tiết [đại tuyết](#) và kết thúc vào khoảng ngày 5 hay 6 tháng một trong lịch Gregory theo các múi giờ Đông Á khi tiết [tiểu hàn](#) bắt đầu.

Theo thuật ngữ [thiên văn học](#) phương Tây, đó là thời điểm có liên quan đến vị trí của [hành tinh](#) trên [quỹ đạo](#) quanh [Mặt Trời](#). Nó là lúc [kinh độ Mặt Trời](#) bằng 270 độ ở Bắc bán cầu, và cũng là ngày bắt đầu [mùa đông](#) tại [Bắc bán cầu](#) và ngày bắt đầu [mùa hè](#) tại [Nam bán cầu](#).

Trên Trái Đất [[sửa](#) | [sửa mã nguồn](#)]

Định nghĩa một: Tại Bắc bán cầu, ngày đông chí là ngày mà khoảng thời gian [ban ngày](#) ngắn nhất và thời gian ban đêm dài nhất. Thời gian này thông thường rơi vào ngày [21 tháng 12](#) hoặc [22 tháng 12](#). Khi đó tại Nam bán cầu thì khoảng thời gian ban ngày lại là dài nhất. Tuy nhiên cách định nghĩa này có phần không rõ ràng do độ nghiêng lớn nhất của trục quay [Trái Đất](#) là xấp xỉ 23,45° nên đối với những người quan sát ở các vĩ độ cao hơn 66,55° vĩ bắc sẽ thấy thời gian ban đêm trong những ngày cận kề trước và sau ngày đông chí ở nửa bán cầu này có thể kéo dài đến 24 h (Xem thêm [ban đêm vùng cực](#) để biết thêm chi tiết). Ngược lại, ở Nam bán cầu, đối với những người quan sát ở các vĩ độ cao hơn 66,55° vĩ nam sẽ thấy thời gian ban ngày trong những ngày cận kề với ngày đông chí ở Bắc bán cầu có thể kéo dài đến 24 h (Xem thêm [ban ngày vùng cực](#) để biết thêm chi tiết). Do vậy không thể biết chính xác ngày nào là ngày hạ chí theo kiểu định nghĩa này.



Sự chiếu sáng của [Mặt Trời](#) cho [Trái Đất](#) vào ngày Đông chí ở Bắc bán cầu

Định nghĩa hai: Ngày đông chí là ngày chứa [điểm đông chí](#) tính theo [múi giờ](#) địa phương. Theo quan điểm của người [Trung Hoa](#) và các dân tộc chịu ảnh hưởng của nền [văn hóa Trung Quốc](#) cổ đại thì ngày Đông chí là phù hợp với các tính toán của thiên văn học đối với Bắc bán cầu. Xem

thêm tiết khí. Ngày Đông chí là một yếu tố quan trọng để xác định ngày Tết Nguyên Đán cũng như xác định tháng nhuận trong âm lịch Trung Quốc v.v.

Quy tắc đó là: *Ngày Đông chí của bất kỳ năm âm lịch nào cũng phải rơi vào tháng 11 (là tháng một hay tháng Tý) của âm lịch.*

Giữa mùa đông là khoảng thời gian quanh ngày Đông chí đối với nhiều nước, tuy có ngoại lệ như Mỹ thì Đông chí lại là ngày bắt đầu mùa đông. Có nhiều lễ hội truyền thống được tổ chức vào ngày Đông chí như Lễ hội Yule của đạo Wicca, một trong tám lễ hội Sabbat của những người theo đạo đa thần giáo kiểu mới (neopagan) này. Rất nhiều nền văn hóa khác cũng tổ chức lễ hội vào ngày này hoặc xung quanh ngày này như lễ hội lễ hội Yalda, lễ hội Saturnalia, lễ Giáng Sinh, Hanukkah, lễ hội Festivus, lễ hội Kwanzaa và lễ hội HumanLight

[2]. MYSTERY OF THE DIVINE FATHER – MOTHER GOD

**All that is One, there is no other.
This One includes all things within Itself.
There is nothing outside, all is inside.**

The One is eternal, infinite, and complete.
Out of this completeness, the Holy One has created an extension of the oneness to experience its completeness.

This extension is Creation.
It exists within the One, giving form and substance to the ineffable and un-nameable.

All extensions of the One are part of the One.
Yet, some perceive themselves to be separate from it.
This separation is both an illusion and a reality.

From the standpoint of the more fundamental Truth, it is an illusion.
From the standpoint of the perceiver - the standpoint of what is felt, it is a reality.

Within the Oneness of the One, there is a reason for this illusion. It is the growth of each individual consciousness through the experience of living within form.

In this way does the self-existent Divine One expand into greater wholes, becoming many yet remaining One.

Each individual consciousness remains One in the deeper layers, yet must become this again in the fullness of the whole self.

Being and Becoming - two aspects of the One.

This dual aspect contains what we think of as the Father and the Mother - the Divine Creator and the Divine Presence that exists within all things.

Father and Mother, each having a relationship with Creation, each part of the Oneness of all that is.
Eternal partners, united and inseparable.

Religions, traditions, cultures, and individuals have divided themselves according to their preference for one or the other portion of this eternal partnership.

Many have lost their lives over these issues.

Many have been misunderstood or judged because of these issues.

Many have been singled out as heretics or pariahs because of these issues.

Throughout history, many have forgotten the Mother, thinking of God as only 'beyond'.

It is time for the division to end.

It is time for Creator and Divine Essence, Father and Mother, spirit and matter, to become one.

In your heart you know this to be true, for all of Creation is made according to the same principle. All hearts are yearning toward the same thing.

To honor the Father, become what you are meant to be.

Bow to the Divine and sacred purpose of Creation, not just beyond the physical but within the physical as well.

To honor the Mother, go within.

Here, nothing needs to become. It already IS what it IS.

Being and becoming - one sacred unity.

We must grow in consciousness until we arrive here.

May all recognize the eternal Oneness from which they came.

May peace come to all hearts that seek the way Home.

[3]. BECOMING ONE

LIGHT OMEGA PRODUCTIONS

(Into the Wind)

YouTube --- Vimeo

The sea is teeming with life that is interdependent.

The forests shelter countless species that live in harmony among the trees.

All creatures rely on each other and are part of the Oneness.

Yet human beings have often felt alone and separate, bounded by the skin that covers their body.

This boundary is an illusion.

Energy passes through it.

Thoughts pass through it.

The life of the world passes through it.

Now the illusion is giving way.

It is giving way before a knowing that emanates from the heart.

We are not alone.

We are connected by love to the rest of life.
 For some, separation has meant protection, safety, control.
 Now control must be let go of in favor of love, in favor of truth, in favor of life.

We must learn to trust love.
 Love is not just a feeling.
 It is the spiritual truth in which we live.

How do we learn to trust love?
 This is the question for our time,
 the question that must be answered to create a new world.

We are being called to this vision of a new and sacred world, founded in love.
 To get there, we must let go of fear and embrace love.
 We must trust the Divine within us and within life.

We are not alone.
 We are part of one family, one consciousness, one collective life.
 There is no one who is not part of this.

Fear has kept us from knowing this.
 Because of fear, we could not believe in a world in which all could be recognized as children of the Divine.

We believed it was impossible, and believing it impossible,
 we relied on force, power, and competition to gain an advantage.

Now, it is time to reclaim the truth of our heart - to reclaim the truth of love's presence.

**The struggle is with ourselves, against our own doubt and fear.
 This is the mountain we climb.**

We must turn to the Divine Source within ourselves to know how to stand in relation to fear.

**This Source can show the way.
 It can point to the direction that must be taken.**

**We are not alone.
 A new reality is being born.
 The reality of One.
 The reality of Love.
 The reality of Trust.
 Throughout the universes,
 we are many and we are One.
 We have come from Love and are returning to Love.**

It is time.

[4] THE HUMANITY COLLECTIVE

Welcome to The Humanity Collective, the converging point of who we are and how we show up in the world. For the world.

You and I – we are the collective.

Who you are and how you show up to life matters. The world is in need of transformation and healing and we are all connected. The world will not change by itself. Or by other. It changes by us, within each of us.

It begins by living and creating from the inside out.

I believe every step you take to align with your truest self, every time you are led by your dreams & desires, you step towards your peace & freedom. You step towards peace & freedom for all. Because it's the same path. We are interdependent.

To make the world a better place, we must become the change we wish to see in the world.

This is a space for your journey of personal development. For you. For the collective.

Collective unconscious (German: kollektives Unbewusstes), a term coined by Carl Jung, refers to structures of the unconscious mind which are shared among beings of the same species. **According to Jung, the human collective unconscious is populated by instincts and by archetypes: universal symbols such as the Great Mother, the Wise Old Man, the Shadow, the Tower, Water, the Tree of Life, and many more.**

Jung considered the collective unconscious to underpin and surround the unconscious mind, distinguishing it from the personal unconscious of Freudian psychoanalysis. He argued that the collective unconscious had profound influence on the lives of individuals, who lived out its symbols and clothed them in meaning through their experiences. The psychotherapeutic practice of analytical psychology revolves around examining the patient's relationship to the collective unconscious.

Psychiatrist and Jungian analyst Lionel Corbett argues that the contemporary terms "autonomous psyche" or "objective psyche" are more commonly used today in the practice of depth psychology rather than the traditional term of the "**collective unconscious**." [1]

Critics of the collective unconscious concept have called it unscientific and fatalistic, or otherwise very difficult to test scientifically (due to the mythical aspect of the collective unconscious) for those faith-based scientists.[2] Proponents suggest that it is borne out by findings of psychology, neuroscience, and anthropology

Instincts[edit]

Jung's exposition of the collective unconscious builds on the classic issue in psychology and biology regarding nature versus nurture. If we accept that nature, or heredity, has some influence

on the individual psyche, we must examine the question of how this influence takes hold in the real world.[23]

On exactly one night in its entire lifetime, the yucca moth discovers pollen in the opened flowers of the yucca plant, forms some into a pellet, and then transports this pellet, with one of its eggs, to the pistil of another yucca plant. This activity cannot be "learned"; it makes more sense to describe the yucca moth as experiencing intuition about how to act.[24] Archetypes and instincts coexist in the collective unconscious as interdependent opposites, Jung would later clarify.[11][25] Whereas for most animals intuitive understandings completely intertwine with instinct, in humans the archetypes have become a separate register of mental phenomena.[26]

Humans experience five main types of instinct, wrote Jung: hunger, sexuality, activity, reflection, and creativity. These instincts, listed in order of increasing abstraction, elicit and constrain human behavior, but also leave room for freedom in their implementation and especially in their interplay. Even a simple hungry feeling can lead to many different responses, including metaphorical sublimation.[26][27] These instincts could be compared to the "drives" discussed in psychoanalysis and other domains of psychology.[28] Several readers of Jung have observed that in his treatment of the collective unconscious, Jung suggests an unusual mixture of primordial, "lower" forces, and spiritual, "higher" forces.[29]

Archetypes[edit]

In an early definition of the term, Jung writes: "Archetypes are typical modes of apprehension, and wherever we meet with uniform and regularly recurring modes of apprehension we are dealing with an archetype, no matter whether its mythological character is recognized or not." [30] He traces the term back to Philo, Irenaeus, and the Corpus Hermeticum, which associate archetypes with divinity and the creation of the world, and notes the close relationship of Platonic ideas.[31]

These archetypes dwell in a world beyond the chronology of a human lifespan, developing on an evolutionary timescale. Regarding the animus and anima, the male principle within the woman and the female principle within the man, Jung writes:

They evidently live and function in the deeper layers of the unconscious, especially in that phylogenetic substratum which I have called the collective unconscious. This localization explains a good deal of their strangeness: they bring into our ephemeral consciousness an unknown psychic life belonging to a remote past. It is the mind of our unknown ancestors, their way of thinking and feeling, their way of experiencing life and the world, gods and men. The existence of these archaic strata is presumably the source of man's belief in reincarnations and in memories of "previous experiences". Just as the human body is a museum, so to speak, of its phylogenetic history, so too is the psyche.[32]

Jung also described archetypes as imprints of momentous or frequently recurring situations in the lengthy human past.[33]

A complete list of archetypes cannot be made, nor can differences between archetypes be absolutely delineated.[34] For example, the Eagle, a common archetype that may have a multiplicity of interpretations. It could mean the soul leaving the mortal body and connecting

with the heavenly spheres. Or it may mean that someone is sexually impotent. In that they have had their spiritual ego body engaged. In spite of this difficulty Jungian analyst June Singer suggests a partial list of well-studied archetypes, listed in pairs of opposites of philosophy concerned with the nature of knowledge.

Epistemology, Individualism, and Collectivism

What is knowledge? Where does it come from? How do we know what's true? Knowledge is a mental grasp of a fact (or facts) of reality reached by perceptual observation or a process of reason based thereon.⁵ Who looks at reality, hears reality, touches reality, reasons about reality—and thereby gains knowledge of reality? The individual does. The individual possesses eyes, ears, hands, and the like. The individual possesses a mind and the capacity to use it. He perceives reality (e.g., dogs, cats, and birds, and death); he integrates his perceptions into concepts (e.g., “dog,” “animal,” and “mortal”); he integrates his concepts into generalizations (e.g., “dogs can bite” and “animals are mortal”); he forms principles (e.g., “animals, including man, must take certain actions in order to remain alive,” and “man requires freedom in order to live and prosper”). And so on. Knowledge is a product of the perceptual observations and mental integrations of individuals.

Of course, individuals can learn from other people, they can teach others what they have learned—and they can do so in groups. But in any such transmission of knowledge, the individual's senses must do the perceiving, and his mind must do the integrating. Groups don't have sensory apparatuses or minds; only individuals do. This, too, is simply unassailable.

But that doesn't stop collectivists from denying it.

The relevant epistemological principle, writes Helen Longino (chair of the philosophy department at Stanford University) is that “knowledge is produced by cognitive processes that are fundamentally social.” Granted, she says, “without individuals there would be no knowledge” because “it is through their sensory system that the natural world enters cognition. . . . The activities of knowledge construction, however, are the activities of individuals in interaction”; thus knowledge “is constructed not by individuals, but by an interactive dialogic community.”⁶

You can't make this stuff up. But an “interactive dialogic community” can.

Although it is true (and should be unremarkable) that individuals in a society can exchange ideas and learn from one another, the fact remains that the individual, not the community, has a mind; the individual, not the group, does the thinking; the individual, not society, produces knowledge; and the individual, not society, shares that knowledge with others who, in turn, must use their individual minds if they are to grasp it. Any individual who chooses to observe the facts of reality can see that this is so. The fact that certain “philosophers” (or “dialogic communities”) deny it has no bearing on the truth of the matter.

Correct epistemology—the truth about the nature and source of knowledge—is on the side of individualism, not collectivism.

Next up are the respective views of morality that follow from these foundations.

Ethics, Individualism, and Collectivism

What is the nature of good and bad, right and wrong? How, in principle, should people act? Such are the questions of ethics or morality (I use these terms interchangeably). Why do these questions arise? Why do we need to answer them? Such questions arise and need to be answered only because individuals exist and need principled guidance about how to live and prosper.

We are not born knowing how to survive and achieve happiness, nor do we gain such knowledge automatically, nor, if we do gain it, do we act on such knowledge automatically. (As evidence, observe the countless miserable people in the world.) If we want to live and prosper, we need principled guidance toward that end. Ethics is the branch of philosophy dedicated to providing such guidance.

For instance, a proper morality says to the individual: Go by reason (as against faith or feelings)—look at reality, identify the nature of things, make causal connections, use logic—because reason is your only means of knowledge, and thus your only means of choosing and achieving life-serving goals and values. Morality also says: Be honest—don't pretend that facts are other than they are, don't make up alternate realities in your mind and treat them as real—because reality is absolute and cannot be faked out of existence, and because you need to understand the real world in order to succeed in it. Morality further provides guidance for dealing specifically with people. For instance, it says: Be just—judge people rationally, according to the available and relevant facts, and treat them accordingly, as they deserve to be treated—because this policy is crucial to establishing and maintaining good relationships and to avoiding, ending, or managing bad ones. And morality says: Be independent—think and judge for yourself, don't turn to others for what to believe or accept—because truth is not correspondence to the views of other people but correspondence to the facts of reality. And so on.

By means of such guidance (and the foregoing is just a brief indication), morality enables the individual to live and thrive. And that is precisely the purpose of moral guidance: to help the individual choose and achieve life-serving goals and values, such as an education, a career, recreational activities, friendships, and romance. The purpose of morality is, as the great individualist Ayn Rand put it, to teach you to enjoy yourself and live.

Just as the individual, not the group, is metaphysically real—and just as the individual, not the collective, has a mind and thinks—so too the individual, not the community or society, is the fundamental unit of moral concern. The individual is morally an end in himself, not a means to the ends of others. Each individual should pursue his life-serving values and respect the rights of others to do the same. This is the morality that flows from the metaphysics and epistemology of individualism.

What morality flows from the metaphysics and epistemology of collectivism? Just what you would expect: a morality in which the collective is the basic unit of moral concern.

On the collectivist view of morality, explains “progressive” intellectual A. Maurice Low, “that which more than anything marks the distinction between civilized and uncivilized society is that in the former the individual is nothing and society is everything; in the latter society is nothing

and the individual is everything.” Mr. Low assisted with the definition of collectivism at the outset of this article; here he elaborates with emphasis on the alleged “civility” of collectivism:

In a civilized society man has no rights except those which society permits him to enjoy. From the day of his birth until the day of his death society allows him to enjoy certain so-called rights and deprives him of others; not . . . because society desires especially to favor or oppress the individual, but because its own preservation, welfare, and happiness are the prime considerations. And so that society may not perish, so that it may reach a still higher plane, so that men and women may become better citizens, society permits them certain privileges and restricts them in the use of others. Sometimes in the exercise of this power the individual is put to a great deal of inconvenience, even, at times, he suffers what appears to be injustice. This is to be regretted, but it is inevitable. The aim of civilized society is to do the greatest good to the greatest number, and because the largest number may derive benefit from the largest good the individual must subordinate his own desires or inclinations for the benefit of all.⁷

Because Mr. Low wrote that in 1913—before Stalin, Mao, Hitler, Mussolini, Pol Pot, and company tortured and murdered hundreds of millions of people explicitly in the name of “the greatest good for the greatest number”—he may be granted some small degree of leniency. Today’s collectivists, however, have no such excuse.

As Ayn Rand wrote in 1946, and as every adult who chooses to think can now appreciate,

“The greatest good for the greatest number” is one of the most vicious slogans ever foisted on humanity. This slogan has no concrete, specific meaning. There is no way to interpret it benevolently, but a great many ways in which it can be used to justify the most vicious actions.

What is the definition of “the good” in this slogan? None, except: whatever is good for the greatest number. Who, in any particular issue, decides what is good for the greatest number? Why, the greatest number.

If you consider this moral, you would have to approve of the following examples, which are exact applications of this slogan in practice: fifty-one percent of humanity enslaving the other forty-nine; nine hungry cannibals eating the tenth one; a lynching mob murdering a man whom they consider dangerous to the community.

There were seventy million Germans in Germany and six hundred thousand Jews. The greatest number (the Germans) supported the Nazi government which told them that their greatest good would be served by exterminating the smaller number (the Jews) and grabbing their property. This was the horror achieved in practice by a vicious slogan accepted in theory.

But, you might say, the majority in all these examples did not achieve any real good for itself either? No. It didn’t. Because “the good” is not determined by counting numbers and is not achieved by the sacrifice of anyone to anyone.⁸

The collectivist notion of morality is patently evil and demonstrably false. The good of the community logically cannot take priority over that of the individual because the only reason moral concepts such as “good” and “should” are necessary in the first place is that individuals exist and need principled guidance in order to sustain and further their lives. Any attempt to turn

the purpose of morality against the individual—the fundamental unit of human reality and thus of moral concern—is not merely a moral crime; it is an attempt to annihilate morality as such.

To be sure, societies—consisting as they do of individuals—need moral principles, too, but only for the purpose of enabling individuals to act in ways necessary to sustain and further their own lives. Thus, the one moral principle that a society must embrace if it is to be a civilized society is the principle of individual rights: the recognition of the fact that each individual is morally an end in himself and has a moral prerogative to act on his judgment for his own sake, free from coercion by others. On this principle, each individual has a right to think and act as he sees fit; he has a right to produce and trade the products of his efforts voluntarily, by mutual consent to mutual benefit; he has a right to disregard complaints that he is not serving some so-called “greater good”—and no one, including groups and governments, has a moral right to force him to act against his judgment. Ever.

This brings us to the realm of politics.

Politics, Individualism, and Collectivism

The politics of individualism is essentially what the American Founders had in mind when they created the United States but were unable to implement perfectly: a land of liberty, a society in which the government does only one thing and does it well—protects the rights of all individuals equally by banning the use of physical force from social relationships and by using force only in retaliation and only against those who initiate its use. In such a society, government uses force as necessary against thieves, extortionists, murderers, rapists, terrorists, and the like—but it leaves peaceful, rights-respecting citizens completely free to live their lives and pursue their happiness in accordance with their own judgment.

Toward that end, a proper, rights-respecting government consists of legislatures, courts, police, a military, and any other branches and departments necessary to the protection of individual rights. This is the essence of the politics of individualism, which follows logically from the metaphysics, epistemology, and ethics of individualism.

What politics follows from those of collectivism?

“America works best when its citizens put aside individual self-interest to do great things together—when we elevate the common good,” writes David Callahan of the collectivist think tank Demos.⁹ Michael Tomasky, editor of *Democracy*, elaborates, explaining that modern “liberalism was built around the idea—the philosophical principle—that citizens should be called upon to look beyond their own self-interest and work for a greater common interest.”

This, historically, is the moral basis of liberal governance—not justice, not equality, not rights, not diversity, not government, and not even prosperity or opportunity. Liberal governance is about demanding of citizens that they balance self-interest with common interest. . . . This is the only justification leaders can make to citizens for liberal governance, really: That all are being asked to contribute to a project larger than themselves. . . . citizens sacrificing for and participating in the creation of a common good.¹⁰

This is the ideology of today's left in general, including, of course, President Barack Obama. As Obama puts it, we must heed the "call to sacrifice" and uphold our "core ethical and moral obligation" to "look out for one another" and to "be unified in service to a greater good."¹¹ "Individual actions, individual dreams, are not sufficient. We must unite in collective action, build collective institutions and organizations."¹²

But modern "liberals" and new "progressives" are not alone in their advocacy of the politics of collectivism. Joining them are impostors of the right, such as Rick Santorum, who pose as advocates of liberty but, in their perverted advocacy, annihilate the very concept of liberty.

"Properly defined," writes Santorum, "liberty is freedom coupled with responsibility to something bigger or higher than the self. It is the pursuit of our dreams with an eye toward the common good. Liberty is the dual activity of lifting our eyes to the heavens while at the same time extending our hands and hearts to our neighbor."¹³ It is not "the freedom to be as selfish as I want to be," or "the freedom to be left alone," but "the freedom to attend to one's duties—duties to God, to family, and to neighbors."¹⁴

Such is the state of politics in America today, and this is the choice we face: Americans can either continue to ignore the fact that collectivism is utterly corrupt from the ground up, and thus continue down the road to statism and tyranny—or we can look at reality, use our minds, acknowledge the absurdities of collectivism and the atrocities that follow from it, and shout the truth from the rooftops and across the Internet.

What would happen if we did the latter? As Ayn Rand said, "You would be surprised how quickly the ideologists of collectivism retreat when they encounter a confident, intellectual adversary. Their case rests on appealing to human confusion, ignorance, dishonesty, cowardice, despair. Take the side they dare not approach; appeal to human intelligence."¹⁵

[5]. CELLULE SOMATIQUE

Cet article est une [ébauche](#) concernant la [biologie](#).

Vous pouvez partager vos connaissances en l'améliorant ([comment ?](#)) selon les recommandations des [projets correspondants](#). Les **cellules somatiques**, ou **soma**, sont toutes les [cellules](#) formant le corps d'un [organisme multicellulaire](#), c'est-à-dire toutes les cellules n'appartenant pas à la lignée germinale : [gamètes](#), [cellules germinales](#)... Ces dernières constituent le [germen](#). Les cellules somatiques constituent généralement l'immense majorité des cellules constituant un individu. Théoriquement, ces cellules n'étant pas des cellules germinales (à l'origine des gamètes), elles ne transmettront jamais à leur descendance les [mutations](#) qu'elles ont pu subir. Cependant, chez les [Spongiaires](#), des cellules somatiques non-différenciées forment la lignée germinale et, chez les [Cnidaires](#), des cellules somatiques différenciées sont à l'origine de la lignée germinale. **Sommaire** [masquer]

1 [Mutations somatiques](#)

2 [Voir aussi](#)

2.1 [Articles connexes](#)

2.2 [Notes et références](#)

Mutations somatiques[[modifier](#) | [modifier le code](#)]

Comme toutes les cellules, une cellule somatique peut [muter](#).

Une mutation somatique, si elle est « viable » (si elle ne tue pas la cellule, l'organe ou l'organisme qui la porte), et si elle n'est pas contrôlée par l'organisme ([apoptose](#), confinement de la cellule mutée) **peut donner naissance à de nouvelles lignées de cellules identiques, portant donc la même mutation**. Si la mutation survient dans un tissu dont les cellules se divisent encore, un groupe de cellules mutées peut se former et poser problème (C'est l'origine la plus fréquente des cancers, avec par exemple le [Cancer du colon](#) initié par une mutation d'une cellule somatique du colon)¹. Si la mutation touche une cellule qui ne se divise plus, son impact sera probablement négligeable.

Chez les animaux dits évolués (ne pouvant se cloner naturellement), cette mutation affecte uniquement l'organe ou l'organisme concerné, mais ne sera pas transmise à la descendance de l'individu.

Par contre, chez les plantes et arbres, les conséquences peuvent être différentes en raison de leur fréquente capacité à la [reproduction végétative](#) et clonale, par exemple via la casse de branches qui deviennent des [propagules](#) et/ou via le [marcottage](#)).

Ainsi, une cellule mutée peut chez un arbre produire une branche puis un groupe de branche portant la mutation². S'il s'agit d'une espèce spontanément capable de marcottage (saules ou peupliers par exemple), toute branche mutée cassée s'enracinant dans le [sol](#) (sous l'arbre, ou éventuellement à grande [distance](#) après avoir été emportées par l'eau) pourra produire un et même plusieurs arbres qui seront entièrement des [clones](#) mutés, c'est-à-dire porteur de cette mutation dans toutes leurs [parties](#) non reproductrices, et ainsi de suite sur plusieurs générations. Ce pourrait être une des stratégies développées par les arbres pour augmenter et entretenir une forte [diversité génétique](#)². Darlyne Murawski et F. Hallé ont ainsi montré en zone tropicale qu'un même arbre (le [Saint-Martin Jaune](#)) pouvait posséder plusieurs [génotypes](#)³, chacun correspondant à un groupe de branches.

[6].- NUMBERS AND THEIR MEANINGS

Fibonacci Number: In mathematics, the Fibonacci numbers form a sequence defined by the following recurrence relation. That is, after two starting values, each number is the sum of the two preceding numbers. The first Fibonacci numbers are: 0, 1, 1, 2, 3, 5, 8, 13, 21, 34, 55, 89, 144, 233, 377, 610,

Zero

Zero is a powerful number which brings great transformational change, sometimes occurring in a profound manner. It has much intensity, so caution is needed wherever it appears to ensure that extremes are not encountered.

Zero represents the Cosmic Egg, the primordial Androgyne - the Plenum. Zero as an empty circle depicts both the nothingness of death and yet the totality of life contained within the circle. As an ellipse the two sides represent ascent and descent, evolution and involution.

Before the One (meaning the Source--not the number) there is only Void, or non-being; thought; the ultimate mystery, the incomprehensible Absolute. Begins with meanings such as, Non-existence; nothingness; the unmanifest; the unlimited; the eternal. The absence of all quality or quantity.

Cultural References

Taoism: It symbolizes the Void; non-being.

Buddhism: It is the Void and no-thingness.

Kabbalism: Boundless; Limitless Light; the Ain.

Pathagoras saw zero as the perfect. Zero is the Monad, the originator and container of All.

Islamic: Zero is the Divine Essence.

Zero Number

Fibonacci Numbers

History of Zero

Middle East

By the mid 2nd millennium BC, the Babylonians had a sophisticated sexagesimal positional numeral system. The lack of a positional value (or zero) was indicated by a space between sexagesimal numerals. By 300 BC a punctuation symbol (two slanted wedges) was co-opted as a placeholder in the same Babylonian system. In a tablet unearthed at Kish (dating from perhaps as far back as 700 BC), the scribe Bel-ban-aplu wrote his zeroes with three hooks, rather than two slanted wedges.

The Babylonian placeholder was not a true zero because it was not used alone. Thus numbers like 2 and 120 (2X60), 3 and 180 (3X60), 4 and 240 (4X60), et al., looked the same because the larger numbers lacked a final sexagesimal placeholder. Only context could differentiate them.

Greece

Ancient Greeks seemed unsure about the status of zero as a number: they asked themselves "How can nothing be something?", leading to interesting philosophical and, by the Medieval

period, religious arguments about the nature and existence of zero and the vacuum. The paradoxes of Zeno of Elea depend in large part on the uncertain interpretation of zero. The ancient Greeks also questioned whether 1 was a number.

Early use of something like zero by the Indian scholar Pingala (circa 5th-2nd century BC), implied at first glance by his use of binary numbers, is only the modern binary representation using 0 and 1 applied to Pingala's binary system, which used short and long syllables (the latter equal in length to two short syllables), making it similar to Morse code. Nevertheless, he and other Indian scholars at the time used the Sanskrit word sunya (the origin of the word zero after a series of transliterations and a literal translation) to refer to zero or void.

Mesoamerica

The Mesoamerican (Mayan) Long Count calendar developed in south-central Mexico required the use of zero as a place-holder within its vigesimal (base-20) positional numeral system. A shell glyph was used as a zero symbol for these Long Count dates, the earliest of which (on Stela 2 at Chiapa de Corzo, Chiapas) has a date of 36 BC. Since the eight earliest Long Count dates appear outside the Maya homeland, it is assumed that the use of zero in the Americas predated the Maya and was possibly the invention of the Olmecs.

The Olmecs are most important.

Many of the earliest Long Count dates were found within the Olmec heartland, although the fact that the Olmec civilization had come to an end by the 4th century BC, several centuries before the earliest known Long Count dates, argues against the zero being an Olmec discovery.

Although zero became an integral part of Maya numerals, it of course did not influence Old World numeral systems.

Greece

By 130, Ptolemy, influenced by Hipparchus and the Babylonians, was using a symbol for zero (a small circle with a long overbar) within a sexagesimal numeral system otherwise using alphabetic Greek numerals. Because it was used alone, not just as a placeholder, this Hellenistic zero was perhaps the first documented use of a number zero in the Old World. However, the positions were usually limited to the fractional part of a number, called minutes, seconds, thirds, fourths, etc. They were not used the integral part of a number. In later Byzantine manuscripts of his *Syntaxis Mathematica* (Almagest), the Hellenistic zero had morphed into the Greek letter omicron (otherwise meaning 70).

Rome

Another zero was used in tables alongside Roman numerals by 525 (first known use by Dionysius Exiguus), but as a word, nulla meaning nothing, not as a symbol. When division

produced zero as a remainder, nihil, also meaning nothing, was used. These medieval zeros were used by all future medieval computists (calculators of Easter). An isolated use of their initial, N, was used in a table of Roman numerals by Bede or a colleague about 725, a zero symbol.

India

In 498 AD, Indian mathematician and astronomer Aryabhata stated that "Sthanam sthanam dasa gunam" or place to place in ten times in value, which may be the origin of the modern decimal based place value notation.

The oldest known text to use zero is the Jain text from India entitled the Lokavibhaaga, dated 458 AD. however, it was first introduced to the world by Al Khawarizmi, a Persian mathematician, astronomer and geographer. He was the founder of several branches and basic concepts of mathematics. In the words of Phillip Hitti, Al Khawarizmi's contribution to mathematics influenced mathematical thought to a greater extent. His work on algebra initiated the subject in a systematic form and also developed it to the extent of giving analytical solutions of linear and quadratic equations, which established him as the founder of Algebra. The very name Algebra has been derived from his famous book Al-Jabr wa-al-Muqabilah.

His arithmetic synthesized Greek and Hindu knowledge and also contained his own contribution of fundamental importance to mathematics and science. Thus, he explained the use of zero, a numeral of fundamental importance developed by the Arabs. Similarly, he developed the decimal system so that the overall system of numerals, 'algorithm' or 'algorizm' is named after him.

The first indubitable appearance of a symbol for zero appears in 876 in India on a stone tablet in Gwalior. Documents on copper plates, with the same small o in them, dated back as far as the sixth century AD, abound.

One (1)

1 (one) is a number, numeral, and the name of the glyph representing that number. It is the natural number following 0 and preceding 2. It represents a **single entity**. One is sometimes referred to as unity or unit as an adjective. For example, a line segment of "unit length" is a line segment of length 1. Is considered to be a primordial unity. **The beginning. The Creator.** It the First Cause or as some cultures refer, the First Mover. One is the sum of all possibilities. It is essence, the Center. One is referred to isolation. One springs forth, upsurges. It is seen as the number that gives cause to duality as multiplicity and back to final unity.

Chinese: refer to one as **Yang**, masculine; celestial. It is seen as an auspicious number. One is The Monad. Christian : **God the Father**; the Godhead.

Hebrew: Adonai, the Lord, the Most High, the I am, hidden intelligence.

Islamic: One refers to one as God as unity; the Absolute; self sufficient.

Pathagorean: One as meaning Spirit; God, from which all things come. It is the very essence, the Monad.

Taoism "Tao begets One, One begets Two, Two begets Three and Three begets all things."

Two (2)

Duality. Alteration; diversity; conflict; dependence. Two is a static condition. It is rooted, seen as **balance** (two sides); **stability**; **reflection**. **Two are the opposite poles**. Represents **the dual nature of the human being**. It is desire, since all that is manifest in duality is in pairs of opposites. As One represents a point, two represents a length. The Binary is the first number to recede from Unity, it also symbolizes sin which deviates from the first good and denotes the transitory and the corruptible. Two represents two-fold strength--that is symbolized by two of anything, usually in history, by animals in pairs.

Cultural References

In Alchemy, two are the opposites, sun and moon. King and Queen. Sulpher and quicksilver, at first antagonistic but finally resolved and united in the androgyne.

Buddhist: see two as the duality of samsara; male and female. Two is theory and practice; wisdom and method. It is blind and the lame united to see the way and to walk it.

Chinese, two is Yin , feminine; terrestrial; inauspicious.

Christian: Christ with two natures as God and Human.

Revelation: Two is the number of witness. The disciples were sent out by two's (Mark 6:7). Two witnesses are required to establish truth (Deu 17:6, John 8:17, 2 Cor 13:1). Examples in Revelation are the beast out of the earth who has two horns like a lamb but spoke like a dragon (13:11). He is the false prophet. However the two witnesses are the true prophets of God (11:3).

Hebrew: Two is The life-force. In Qabalism wisdom and self-consciousness.

Hindu: Two is duality, the shakta-shakti.

Islamic: Two Spirit.

Platonic: Plato says two is a digit without meaning as it implies relationship, which introduces the third factor.

Pythagorean: Two is The Duad, the divided terrestrial being.

Taoist says two is representative of The K'ua, the Two. Determinants, the yin-yang. Two is a weak yin number as it as no center.

Three (3)

The third dimension - we do things in threes so they will manifest in our physical realm.

Its roots stem from the meaning of multiplicity. Creative power; growth. Three is a moving forward of energy, overcoming duality, expression, manifestation and synthesis. Three is the first number to which the meaning "all" was given. It is The Triad, being the number of the whole as it contains the beginning, a middle and an end.

The power of three is universal and is the tripartite nature of the world as heaven, earth, and waters. It is human as **body, soul and spirit**. Notice the distinction that soul and spirit are not the same. They are not. Three is **birth, life, death**. It is the **beginning, middle and end**. Three is a complete cycle unto itself. It is **past, present, future**.

The symbol of three is the triangle. Three interwoven circles or triangles can represent the indissoluble unity of the **three persons of the trinity**. Others symbols using three are: trident, fleur-de-lis, trefoil, trisula, thunderbolt, and trigrams.

The astral or emotional body stays connected to the physically body for three days after death. There is scientific evidence that the brain, even when all other systems are failing takes three days to register complete shutdown.

There are 3 phases to the moon. Lunar animals are often depicted as 3 legged.

Three is the heavenly number, representing soul, as four represents body. Together the two equal seven ($3+4=7$) and form the sacred hebdomad. The $3 \times 4=12$ representing the signs of the Zodiac and months of the year.

Pythagorean three means completion.

There are three wishes, genies have three wishes, three leprecons, three prince or princesses, three witches, three weird sisters among others.

Cultural References

Africa Ashanti: the moon goddess is three people, two black, and one white.

Arabian, Pre-Islamic: the Manant is a threefold goddess representing the 3 Holy Virgins, Al-Itab, Al-Uzza, and Al-Manat. They are depicted as aniconic stelae, stones or pillars, or as pillars surmounted by doves.

Buddhist: tradition the theme of 3 is represented by, The Tri-ratna, The Three Precious Jewels, and the Buddha, Dharma, Sangha.

Chinese: Sanctity; the auspicious number; the first odd, yang number....The moon toad, or bird, is three-legged.

Celtic: Bridgit is threefold; there are the Three Blessed Ladies and innumerable Triads, often a threefold aspect of the same divinity.

Christianity: Three represents the Trinity, the soul, the union of body and soul in human in the church. There were three gifts of the Magi to Christ as God-King-Sacrifice; three figures of transformation, temptations, denials by Peter (one of the 12 Apostles--- $12=3$ ($1+2=3$)). There were 3 crosses at Calvary, He died on The Hills, there were 3 days to the death process for Christ, and there were 3 appearances after his death. There were 3 Marys, and there are 3 qualities or theological virtues being Faith, Hope, Love or more commonly known as Charity. The number 3 gives to the meaning the embracing Godhead - Father, Mother, Son/Daughter.

Egyptian: Hermetic tradition, Thoth is the Thrice Great, 'Trismegistus'. The Supreme Power.

The opening line of the Emerald Tablets of Thoth the Atlantean

Tablet 11

Three is the mystery, come from the great one,

Hear, and light on thee will dawn.

In the primeval dwell three unities,

Other than these none can exist.

These are the equilibrium, source of creation,

One God, One Truth, One Point of Freedom.

Three come forth from the three of the balance,

All Life, all Good, all Power.

Three are the qualities of God in his light-home

Infinite Power, Infinite Wisdom, Infinite Love.

Three are the circles (or states) of Existence:

The Circle of Light where dwells nothing but God,

and only God can traverse it,

The Circle of Chaos where all things by nature arise from Death,

The Circle of Awareness where all things spring from Life.

All things animate are of three states of existence,

Chaos or death, liberty in humanity, and felicity of Heaven.

There is an ancient wisdom that says; 'Messages or events that come in three's are worth noticing. 'Whenever anything is mentioned three times it is a witness to us that these things are of utmost importance.

Three symbolizes manifestation into the physical. It is the triangle - pyramid shape in the vesica pisces - see image below.

The TV Show 'Charmed' deals the 'Power of Three Sister Witches', known as the Charmed Ones. Their job is to vanquish evil forces in their many forms and sometimes non-forms.

The above symbol, called a Triquetra (tri-KET a Latin word meaning 'three cornered') appears on The Book Of Shadows, an ancient book of spells that assists these 'Charmed Ones' in dealing with the evil forces they are continually encountering. In some episodes so called evil and good must work together to bring balance to a situation. They cancel each other out in the end - poof - gone - disappeared!

A powerful confirmation occurred as we walked back along the trail, unexpectedly encountering a huge grandmother tortoise seemingly waiting beside the trail to greet us. That's when I knew I was to share about the 'Power of Three' for those who may feel inspired to consciously work with this powerful element of sacred geometry.

'Power of Three' has to do with Alchemy. The Egyptian god Thoth or the Greek Hermes Trismegistus (Thrice Blessed or Thrice Great) are the progenitors of the Emerald Tablets describing the mysteries of Alchemy. The alchemy of three is demonstrated by its power of multiplicity. For example, in understanding the numbers - One gave rise to Two ($1+1=2$) and Two gave Rise to Three ($2+1=3$) and Three gave rise to all numbers ($3+1=4$, $3+2=5$, $3+3=6$, $3+4=7$, $3+5=8$ $3+6=9$). Thus in addition to being a number of good fortune, Three is also the number of multiplicity and alchemy among other things.

Many believe the Triquetra is an ancient symbol of the female trinity, because it is composed of three interlaced yonic Vesica Pisces (a.k.a. Piscis Latin for "Vessel of the Fish") and is the most basic and important construction in Sacred Geometry, which is the architecture of the universe.

A Vesica is formed when the circumference of two identical circles each pass through the center of the other in effect creating a portal. 'The Triquetra' represents the 'Power of Three' or the threefold nature of existence i.e. body, mind and spirit; life, death and rebirth; past, present and future; beginning, middle and end; Sun, Moon and Earth; and the threefold co-creative process described as thought, word, and deed.

Sphere=ovum

Vesica Pisces - Oval opening of the penis

The creation process as described in the Vedas is unfolding, maintaining, and concluding as in birth, life and death. There are innumerable trinities and triads throughout myth and religious traditions, such as the triple goddess; maiden, mother, crone. One example in Greek mythology is Kore, Demeter, Hecate. The Christian trinity is Father, Son and Holy Ghost. Vedic trinities include Brahma, Vishnu and Shiva with their consorts Saraswati, Lakshmi and Kali to name just a few.

I have often referred to triple planetary and celestial alignments as a Triune Council. This month we have several Triune Councils including the important Venus retrograde in Scorpio that will join up with Mercury and the Moon. Scorpio is the archetypal sign of the powerful Sorceress Witch (the crone aspect also linked with Kali, Hecate, Pele, the Cretan Snake Goddess, Cerridwen and all the goddesses linked with death and rebirth).

Her job is to align with divine will for the purpose of commanding life force energy so powerfully that she is fully the mistress of magic and manifestation generating ecstatic life experiences through the Shamanic Process of death and rebirth. It is worth noting all the Triune Councils that occur regularly 'Above and Below' as they energize the 'Power of Three.'

When we are seeking direct experience of these energies we can then work with them more consciously. If you feel inspired by and connected to the 'Power of Three' it may be worthwhile to experiment with gathering in groups of three with a common intent and then invoke the Power of Three and notice what happens. This just may be one simple key to planetary transformation utilizing the Power of Three to catalyze the alchemy of our world into the fully embodied, living experience of Heaven on Earth.

Greco-Roman: Fate, the Moirai, who are three-in-one as Moira; Hecate is three-fold; the Erinyes are three-in-one as Erinys, as are the Gorgons as Medusa. There are three charities, graces. There are 3 sirens, Horae, Hesperides, Graiai. Cerberus is a triple-headed and Scylla has a 3 bitch tail. The Chimera has a three part body. Three, four and their sum, seven are sacred to Aphrodite/Venus as queen of the three worlds and four elements. Orphic symbols has the triad of Being, Life, Intelligence.

Hebrew three is symbolized by Limitless Light; sanctifying intelligence. In the Kaballah three represents understanding and the trinity of male, female and uniting intelligence.

Hindu: The Trimurti, the triple power of creation, destruction, preservation, of unfolding, maintaining and concluding. There are various trinities of gods. The moon chariot has three wheels.

Japanese: The Three Treasures are, Mirror, Sword and Jewel--that being Truth, Courage and Compassion.

Maori: the Great Spirit, the Divine Creator, is a trinity of sun, moon earth, the god of nature, of past, present, and future. It is mind, character, physique symbolized by three raised fingers.

Mexican: the Trinity is represented by three crosses, one large, two smaller.

Scandinavia: Fate as the Three Norns, Mani, Nyi and Nithi, who denote the full, new, and waning moon.

Teutonic mythology: the moon is Fate, and Holda, the lunar goddess, is trine with her two daughters. Thor is sometimes depicted with three heads and the triskele is a symbol of Odin/Woden. Three is the number of good fortune. In Carthage, the Great Goddess, as lunar, is represented by three aniconic pillars.

Slavic: The moon god is triple-headed.

Taoist: The Great Triad is Heaven-Man (Human)-Earth. Three is the strong number in Taoist symbolism because it is the center point of equilibrium.

Four (4)

Four is the 4th dimension = time which is illusion.

Four is seen as the first solid number. Spatial in scheme or order in manifestation.

Static as opposed to the circular and the dynamic

Wholeness; totality; completion; solid

Earth; order

Rational - relativity and justice

Symbol of measurement

Foundation

The are four cardinal points; four seasons; four winds; four directions (as in North, South, East, West); four elements (Fire, Water, Air, Earth) in the western culture.

There are four sides to a square; four arms to a cross. There are four rivers to Paradise, that formed a cross (the Garden of Eden was said to be within the four rivers). Within Paradise were four infernal regions, seas, and sacred mountains. There are four watches of the night and day, quarters of the moon. There are four quarters to the earth. There are four tetramorphs. The Divine Quaternity is in direct contrast to the Trinity. Four is a symbolic number used throughout in the Old Testament. The quaternary can be depicted as the quatrefoil as well as the square and the cross.

Cultural References

Native American: As in other cultures, ceremonies and ritual acts are repeated in fours. The Native American cultures have used the number 4 most frequently as in the four cardinal directions. The four winds are depicted by the symbol of the cross and by the symbol of the swastika. The swastika as some misbelieve was not created by Hitler. It was instead borrowed from the Native American and occult beliefs of which Hitler had great interests. Hitler derived his "insanity" of power from his misdirected interpretation and use of metaphysical principles. He used knowledge that his human consciousness couldn't possibly understand and the use of this knowledge for personal gain is part of the imbalance that creates the chaos and karma.

Buddhism: The Damba Tree of Life has four limbs and from its roots four sacred streams of Paradise that represent the the four boundless wishes of compassion, affection, love impartiality. It also represents the four directions of the heart as well.

Chinese Buddhism: there are four celestial guardians of cardinal points are Mo-li Ch'ing, the East, with the jade ring and spear; Virupaksha, the West, the Far-gazer, with the four-stringed guitar; Virudhaka, the South, with the umbrella of choas and darkness and earthquakes; Vaisravenna, the North, with the whips, leopard-skin bag, snake and pearl.

Chinese: Four is the number of the Earth, symbolized by the square. There are four streams of immortality. Four is even an number. It is Yin in polarity.

Christian: Four is the number representing the body, with three representing the soul. Again we see the theme of the four rivers in Paradise. There are four Gospels, Evangelists, chef arch-angels, chef-devils, four Fathers of the Church, Great Prophets. There are four cardinal virtues--prudence, fortitude, justice, temperance. The are four winds from which the One Spirit is said to come. There are four horsemen of the Apocalypse.

Revelation: There four angels standing at the four corners of the Earth, holding back the four winds of the earth (Rev 7:1). The great multitude from every nation, tribe, people and language (four-fold description) - Rev 5:9 11:9 13:7 14:6 the four-fold description indicates that these people come from all over the earth.

Egyptian: Four is the sacred number of Time, measurement of the sun. Four pillars support the vault of heaven. There are four canopic jars placed around the dead at the four corners guarded by the four sons of Horus who are associated with the cardinal points. In the Hermetic it is the divine quaternity. It represents God.

Gnostic: belief in Barbelo, the Four-ness of God.

Greek: Four is the sacred number of Hermes.

Hebrew: Four represents measuring; beneficence; intelligence. In the Kabbalah four is memory; four represents the four worlds of the Kabbalah. It also represents the four directions of space and the four levels of the hierarchical organism of the Torah.

Hindu: Four is Totality; plenitude; perfection. Brahma, the Creator is four faced. The temple is based on the four sides of the square, symbolizing order and finality. There are four tattvas the four bodies of human and kingdoms of nature which are animal, vegetable, mineral, mind. There are four yugas. Four is the winning throw of the dice. There are four castes and pairs of opposites.

Islamic: tradition the four terms of the quaternary are the Principle which is Creator; Universal Spirit; Universal Soul; and the primordial matter. These correspond to the four worlds of Kabbalism. There are four angelic beings and four houses of death. There are four levels to the Bardo.

Mayan culture four giants support the celestial roof. Four is seen as the number of support .

Pythagorean: Four is Perfection; harmonious proportion; justice; the earth. Four is the number of the Pythagorean oath. Four and ten are divinities. The Tetraktys $1+2+3+4=10$.

Scandinavian: there are four rivers of milk flowing in Asgard.

Sumero-Semitic: Four astral gods are identified with the four cardinal points.

Teutonic: four dwarfs support the world.

Taoist: There are four celestial guardians, Li, with the pagoda; Ma, with the sword; Cho with two swords; Wen with a spiked club.

Five (5)

Five is the symbol of human microcosm. The number of the human being. Human forms---the pentagon when arms and legs are out stretched. The pentagon is endless ---sharing the symbolism of perfection and power of the circle. Five is a circular number as it produces itself in its last digit when raised to its own power. The pentacle, like the circle symbolizes whole, the quincunx being the number of its center and the meeting point of heaven, earth, and the four cardinal points plus the center point.

Five is also representative of the Godhead - Central Creator of the four fours plus itself equalling five. Five is the marriage of the hieros gamos as **combination of feminine and the masculine. Feminine being even, as 2, in frequency and masculine being odd as 3 in frequency = 5.**

The number five symbolizes **meditation; religion; versatility.** It represents the **five senses** (taste, touch, smell, sight, hearing) everywhere except in the East. In the East there are six---the extra being Mind. We find meanings to five in the five petaled flower, five pointed leaves--

especially the ROSE. The Rose has much symbolism, but also the lily, vine, all of which represent the microcosm.

The five pointed star depicts individuality and spiritual aspiration, and education when it points upward. The five pointed star pointing downward represents witchcraft, and it is used in black magic. Noted: There is a very broad difference between witchcraft and black magic.

The number five formed the first counting process from which all else came.

Cultural References

Alchemy: The five petaled flower and five pointed star symbolizing the quintessence.

Buddhist: belief the heart has four directions-- the heart center makes five, symbolizing, universality. This idea is also symbolized by the Sacred Mountains surrounded by the four islands. There are five Dhyanis Buddhas: Vairocana, the Brilliant, who is represented by the wheel, the witness; Akshobhya, the Imperturbable, with vajra, the East and blue; Ratnasambhava, the Jewel-born, jewel, south, yellow; Amitabha, Boundless Light, lotus, West, red; Amoghasiddhi, Infallible Success, sword, North, green.

Chinese: There are five elements. Five atmospheres; conditions; planets; sacred mountains; grains, colors, tastes, poisons; powerful charms; cardinal virtues; blessings; eternal ideas; relations to human kind.

Christian: Five depicts human beings after the Fall in the Garden of Eden. There are five senses; five points to the cross; wounds of Christ; fishes feeding five thousand; and books of Moses.

Egyptian: There are five crocodiles of the Nile.

Graeco-Roman: Five is the nuptial number of love and union.. It is the number of Venus. Venus years are completed in groups of five. Apollo as god of light has five qualities: omniscience, omnipresence; omnipotence, eternity, and unity.

Hebrew: Five represents strength and severity; radical intelligence. In kabbala five represents fear.

Hindu: Five is the quinary groups of the world; the five elements of the subtle and coarse states; their primary colors; of senses; five faces of Siva and the twice-five incarnations of Vishnu.

Islamic: There are five pillars of religion; five Devine Presences; five fundamental dogmas; five actions; and five daily times of prayer.

Parsee: Five is a significant number in Parsee and Mandaean rites - possibly connected with the five sacred intercalary days of light.

Pythagorean: Hieros, gamos, the marriage of heaven, earth. It represents Apollo as God of light and his five qualities.

Crystalinks: The Pentagram Pentagrams often show up on palms - hands.

Six (6)

Six represents equilibrium; harmony - balance. It is the perfect number within the decad: $1+2+3=6$. It is the most productive of all numbers.

It symbolizes union of polarity, the hermaphrodite being represented by the two interlaced triangles, the upward- pointing as male, fire and the heavens, and the downward-pointing as female, the waters and the earth.

Six is the symbol of luck; love; health; beauty; chance. It is a winning number at the throw of the dice in the West.

There are six rays of the solar wheel and there are six interlaced triangles. There are six pointed stars or Seal of Solomon - and Star of David - Merkabah

Cultural References

Chinese: Six represents Universe, with its four cardinal points and the Above and Below - making it a total of six directions. Chinese culture there are six senses: taste, touch, smell, sight, hearing, the sixth being mind. The day and night each have six periods.

Christian: Six is perfection; completion because man was created on the sixth day. Six is man's number The most obvious use of this number is in the notorious passage containing 666.

(Rev 13:18 NIV) This calls for wisdom. If anyone has insight, let him calculate the number of the beast, for it is man's number. His number is 666.

Hebrew: There are six days of creation. It symbolizes meditation and intelligence.

Kabbalism: Six is creation, and beauty.

Pythagorean: Luck

Sumerian: Six days of creation

Seven (7)

If 6 represents humanity then 7 - the center of the spiral is humanity's connection to its source, god, Christ consciousness - or whatever name you prefer.

Seven is the number of the Universe. It is the **three of the heavens** (soul) combined with the **four (body) of the earth**; being the first number containing both the **spiritual and the temporal**.

In looking over the list of meanings it doesn't take long to figure out why the seven has become significant in metaphysical, religious and other spiritual doctrines - as seven represents the virginity of the Great Mother - feminine archetype - She who creates.

There are 7 ages of man ancient wonders of the world circles of Universe cosmic stages days of the week heavens hells pillars of wisdom rays of the sun musical notes - sound as frequency plays a key roll in matters of Universe. There are over 80 octaves of frequency - each governing a specific manifestation in Universe.

Cultural References

In all cultures, myths and legends seven represents... completeness and totality macrocosm perfection plenty reintegration rest security safety synthesis

The writings about the seven-headed dragon appear throughout India, Persia, the Far East, especially Cambodia, but also Celtic and other Mediterranean myths.

The seventh ray of the sun is the path by which the human beings pass from this world to the next. Seven days is the period for fasting and penitence. The seventh power of any number, both square and a cube and thus was given great importance.

Alchemy - There are seven metals involved with the Work.

Astrology: There are seven stars of the Great Bear which are indestructible. There are seven Pleiades-- sometimes referred to as the, Seven Sisters.

Buddhist: Seven is the number of ascent and of ascending to the highest; attaining the center. The seven steps of Buddha symbolize the ascent of the seven cosmic stages transcending time and space. The seven-storied prasada at Borobudur is a sacred mountain and axis mundi, culminating in the transcendent North, reaching the realm of Buddha.

Chinese culture the meaning and symbolologies are intertwined throughout in their myths and legends of fairies and animal spirits.

Christian: Seven is ideology. God is represented by the seventh ray in the center of the six rays of creation. There are seven sacraments; gifts of spirit; the seven of 3+4 theological and cardinal virtues; deadly sins, tiers of Purgatory (in metaphysical belief this would be one of the lower astral planes - or in Buddhism, one of the Bardo planes). There are 7 councils of the early church - crystal spheres containing the planets - devils cast out by Christ - joys and sorrows of Mary the Blessed Virgin, mother of Jesus - liberal arts - major prophets - periods of fasting and penitence - seventh day after the six of creation

In the Old Testament there are the seven altars of Baalam; oxen and rams for sacrifice; trumpets; circuits of Jericho; seven times Naaman bathed in the Jordan. Seven is the number of Samon's

bonds; the child raised by Elisha sneezed seven times. The Ark rested on the seventh month and the dove was sent out after seven days.

The number seven is used 55 times in Revelation. It usually means fullness or completeness as in seven days of the week. God rested on the seventh day. Examples abound: seven churches, seven trumpets, seven seals, seven bowls, seven eyes etc etc.

Egyptian mythology: There are seven Hathors as Fates and the priestesses of Hathor have seven jars in their seven tunics. Ra has seven hawks representing the seven Wise Ones. Six cows and a bull represent fertility. There are seven houses of the underworld, as depicted in Egyptian myths, with three times seven gates. Seven is the sacred number of Osiris.

Graeco-Roman: Sacred to Apollo, whose lyre has seven strings, and to Athene/Minerva and Ares/Mars; Pan had seven pipes (again a reference to seven musical notes and frequency); there seven Wise Men of Greece.

Hebrew tradition: Seven is the number of occult intelligence. There are seven Great Holy Days in the Jewish year; the Menorah has seven branches; the Temple took seven years to build; and there are seven pillars of wisdom.

Hinduism there are Seven Jewels of the Brahmanas and seven gods before the floods and seven Wise Men saved from it.

Islamic: The perfect number is seven. In Islamic tradition there are references to seven:

heavens climates earths and seas colors prophets (active powers) states or stations of the heart
The Ka'aba is circumambulated seven times representing the seven attributes of God.

Magic: There are seven knots in a cord for "spellbinding" and incantations are sevenfold. Certain orders of Brotherhood use theme of tying seven knots in their rope sash worn around their waist.

Mithraic: The cave of Mithras has seven doors, seven altars, and a ladder with seven rungs depicting the seven grades of initiation into the mystery schools.

Pythagorean: Seven is a cosmic number with three of heaven and four of the world.

Sumero-Semitic: There are seven lunar divisions and days of the week. "Thou shalt shine with horns to determine six days and on the seventh with half a crown.", the seventh thus becomes opposition to the sun and symbolizes darkness and balefulness and therefore is dangerous to undertake anything on the seventh day because that is the day of rest. We can see here the influence of this belief in other religious contexts. There are seven zones of earth; heavens, symbolized by the planes of ziggurat.

There are seven branches to the Tree of Life each having seven leaves. Leaves are symbols of fertility, renewal and growth. There are seven gates of hell, seven demons of Tiamat and seven

winds to destroy her---interesting to note that in many belief systems it is said that the astral plane has seven levels to it--one sound on one of those levels is "wind".

Seven is a mystic number traditionally associated with Venus and more recently with Neptune. It is the number of feelings and of instincts - of the Group Mind, of Love, whether that strange, indescribable but pervasive feeling of love is towards another person, a pet, oneself or one's God. 'Love' embodies tremendous sexual energy, the emotions of which may be directed in various ways.

Heptagon

Heptagon is the inward directing of that emotion, the containment, the 'love inside', that is symbolized by the heptagon. It is the love we 'hold' and can equally signify a deep religious conviction, a forming of our God in our own image or an infatuation with another. It is feeling contained.

Heptagram

The 7-pointed star or heptagram is a mystical occult symbol. Like the pentagram, it has been called the Witch's Star, also the Astrologer's Star. Beyond six points, the polygrams all have multiple configurations and the heptagram may be drawn in two different ways - an obtuse form and an acute angled form; both forms are unicursal, here shown together with the third 7-point figure, the heptagon.

In cabalistic terms, the number '7' is attributed to Venus. It relates to Man's mundane feelings and his instincts - to his sexuality . It relates to Man's place in the pattern of Nature and to his linking with the Group Mind - the undifferentiated Soul of Mankind.

Man's pattern of mundane life is much ruled by the seven day cycle of the week. The seven classical 'planets' : Sun, Moon, Mars, Mercury, Jupiter, Venus and Saturn lend their names to the days of the week and may be arranged around the figure of the heptagram.

Placed around the acute heptagram in the order of their apparent speed of movement in the heavens, the 'planets' are ordered along the unicursal line in the order of days of the week.

The heptagram also relates to the seven chakras of the body. These are the energy nodes that rise up the course of the spine from the basal node, where is coiled the Kundalini serpent, to the point at the top of the head. The mundane well-being of the body and its aura are linked to the chakras. The heptagram is symbolic of this balanced, flowing of bodily energies and of health. It is a symbol relating to healing and dynamic balance of the body physic.

There are two forms of heptagram:

The obtuse form suggests passivity, contentment and attuning with nature and its forces; of healthy rhythms and normal sexuality; of balanced feelings and satisfied desires; of normal receptivity and awareness of the feelings of others.

The acute, active form suggests an outgoing interaction with nature's forces, making progressive use of them and directing sexual energy. It suggests strong feelings and strongly expressed desires; likewise perhaps, heightened sensitivity to the emotions of others. It is a symbol of the empath and the healer.

Combining the three seven - pointed figures together, creates a beautiful mandala of meditation.

Eight (8)

Spiritually eight is the goal of the initiate, having gone through the seven stages. Eight is Infinity - Paradise regained.

Eight is solidarity as the first cube and it denotes perfection by virtue of it's six surfaces. There are eight winds and intermediate directions of space. Eight represents the pairs of opposites. The octagon is the beginning of the transformation of the square into a circle and vice versa.

Cultural References

Eight in many cultures and ideologies seems to have similar meanings: Felicity

Perfect rhythm

Regeneration

Resurrection

In some myths the eighth day created the new "man" of grace. After seven days of fasting and penance the eighth day becomes plenty and renewal. 7+1 is the number of the octave which is a continual theme in all esoteric belief systems. The knowledge of frequency and sound are a vital key in the ancient "mystery schools".

Buddhist tradition: eight is completion, all possibilities. There are eight symbols of good augury.

Chinese system of belief eight represents the whole. It is all possibilities in manifestation. Eight is seen as a good luck number. The PAKUA is the design depicting the eight trigrams and pairs of opposites, usually in a circle, the circumference of which symbolizes time and space. There are eight delights of human existence.

Christian: Eight is regeneration and rebirth. The font is usually octagonal as symbolizing the place of regeneration. There are eight beatitudes.

Egyptian: Eight is the number of Thoth.

Hebrew: Eight is perfect intelligence; splendor. The digit value of "IHVH" is the "Number of the Lord". The Temple was sanctified in eight days.

Hermetic: In their system there is one chief God, (eight minor gods) Thoth/Hermes was the inventor of numbers and geometry.

Hindu: 8x8 symbolism is the order of the celestial world established on earth. Temples are built on the pattern of the MANDALA, which is the 8x8 symbol. In their belief system there are eight regions of the world, suns, divisions of the day, and eight chakras.

Islamic: The throne which encompasses the world is supported by eight angels, corresponding to both the eight divisions of space and the groups of letters in the Arabic alphabet.

Japanese: Eight is the "many". There are eight Gods in the heavens.

Platonic: Plato has eight spheres of different colors surrounding the luminous pillars of the heavens.

Pythagorean: Eight is solidarity and stability.

Sumero-Semitic: Eight is the magic number of Nebo.

Taoist: Eight to be All possibilities in manifestation with the Pa Kua representing the forces in the phenomenal world. There are eight Taoist genii or immortals.

Nine (9)

Nine is composed of the all-powerful 3x3.

It is the Triple Triad - Completion; fulfillment; attainment; beginning and the end; **the whole number**; a celestial and angelic number - **the Earthly Paradise**.

It is the number of the circumference, its division into 90 degrees and into 360 for the entire circumference.

Nine is symbolized by the two triangles which are a symbol of male, fire, mountain and female, water, cave principles.

Cultural References

Buddhist tradition holds nine to be the supreme spiritual power, and a celestial number.

Celtic legend symbolizes nine as a highly significant number. It is a central number with the eight directions with the center making nine. The Triple Goddesses are thrice three. There are nine Celtic maidens and nine white stones that symbolize the nine virgins attendant on Bridgit.

Nine is connected with the Beltane Fire rites which are attended by 81($8+ 1= 9$) men, nine at a time.

Chinese: Nine is a celestial power. It is 3×3 being the most auspicious of all the numbers. Nine also signifies the eight directions with the center as the ninth point known as the Hall of Light. There are nine great social laws and classes of officials. In land divisions for Feng Shui there are eight exterior squares for cultivation of the land by holders and the central, and ninth, square is a "god's acre", dedicated to Shang-ti, the supreme ruler. It is also known as the Emperor's Field, giving homage and respect denoting the position of heavenly power.

Christian: Nine is one of the numbers that appears scantily in Christian symbolism. There are the triple triads of choirs of angels and nine spheres and nine rings around hell.

Egyptian mythology nine represents The Ennead.

Graeco-Roman: There are nine Gods and later nine muses.

Hebrew: Nine is pure intelligence (eight was perfect intelligence). Also represents truth, since it reproduces itself when multiplied.

Kabbalism nine symbolizes foundation.

Hindu: Nine is the number of Agni, fire. The square of the nine forms the mandala of eighty-one squares and leads to, and encloses the Universe.

Mayan: There are nine underworlds each ruled by a God. We find this reference to "nine underworlds" present in many cultures and beliefs.

Pythagorean: The nine is the limit of all numbers, all others existing and coming from the same. ie: 0 to 9 is all one needs to make up an infinite amount of numbers.

Scandinavian: Odin/Woden hung for nine days and nights on the Yggdrasil to win the secrets of wisdom for humankind. Skeldi, the northern Persephone, the goddess of snow, lives in her mountain for three months and by Niord's sea for nine months. Nine is the sacred number in Scandinavian-Teutonic symbolism.

Ten (10)

$10 = 1 =$ Rebirth - that which stirs and awakens your soul at this time.

Ten is the number of the cosmos---the paradigm of creation. The decad contains all numbers and therefore all things and possibilities. It is the radix or turning point of all counting.

Ten is all-inclusive representing law; order and dominion. The tetraktys $1+2+3+4= 10$ symbolizes divinity and one represents a point; two, length; three, a plane or surface (as a triangle); four, solidity or space.

It is seen as the perfect--the return to unity. When based on the digits of the two hands, it is completeness and the foundation of all counting. Its highest ranges of completeness, 100 and 1000, are the basis of all Hindu cosmology, and in China the Ten Thousand Things, ie: the uncountable, symbolize the whole of manifestation.

Ten is also the number of completion of journeys and returns to origins: Odysseus wandered for nine years and returned on the tenth. Troy was besieged for nine years and fell on the tenth. Ten is the sum of the number nine of the circumference with the one of the center---being perfection. We see ten also being symbolized in rituals like the ritual of the Maypole - the one of the axis with the circle danced around.

Cultural References

Chinese: Represented by a cross formed centrally by the character chi, symbolizing the self facing both ways as both Yin and Yang, which is considered to be the perfect figure. The Ten Celestial Stems (Kan) are possibly connected with the names of the ten-day week on the prevailing cyclic calculations, as evident in the number sixty.

Christian: There are ten Commandments of the Decalogue; as there are ten parables of the ten lamps, virgins, and talents. Tithes were to be given to God.

Gnostic: The ten Aeons become Sephiroth, emanating from the Pleroma.

Hebrew: In Qabalism ten is the numerical value of Yod, the Eternal Word, the first letter of the Divine name. Still in keeping with the Qabalist theme, ten, is representative of ...

- The Decalogue

- Divine support

- Intelligence

- The Kingdom

- The ten names of God

- Resplendent

- Sephiroth The spheres or emanations from the Ein Soph, symbolized by the Tree of Life. The first being the Monad, the First Cause of the other nine which are composed of three trinities, each being an image of the original Trinity of male-female and uniting intelligence. The tenth Adoni represents the mystic return to unity. In Solomon's Temple there were ten lavers, tables and candlesticks. The cherubim were ten cubits high and ten Levites minister before the Ark.

Islamic: Tithing holds an important place.

Hindu: Ten is based on the higher ranges of ten, ie: 100 and 1000.

Pythagorean: Ten is The Monad, the recommencement of a series and infinite expansion. Ten is perfection.

Roman: Ten is represented by X, the perfect figure and is seen as completion.

Sumero-Semitic: The tenth day of the Spring Festival was celebrated by a procession comprising the whole of the Gods.

Religion and culture

Christian

There are traditionally Five Wounds of Jesus Christ in Christianity: the Scourging at the Pillar, the Crowning with Thorns, the wounds in Christ's hands, the wounds in Christ's feet, and the Side Wound of Christ.

Jewish

The book of Psalms is arranged into five books, paralleling the Five Books of Moses.

The Khamsa, an ancient symbol shaped like a hand with five fingers, is used as a protective amulet by Jews; that same symbol is also very popular in Arabic culture, known to protect from envy and the evil eye.

The Torah contains five books—Genesis, Exodus, Leviticus, Numbers, and Deuteronomy—which are collectively called the Five Books of Moses, the Pentateuch (Greek for "five containers," referring to the scroll cases in which the books were kept), or Humash (חומש, Hebrew for "fifth").

Islamic

Muslims pray to Allah five times a day

In Islam, particularly Shia Islam, the Panjetan or the Five Holy Purified Ones are the members of Muhammad's family: Muhammad, Ali, Fatima, Hasan, and Husayn and is often symbolically represented by an image of the Khamsa.

There are five basic "pillars" of Islam.

Sikh

The five sacred Sikh symbols prescribed by Guru Gobind Singh are commonly known as Panj Kakars or the 'Five Ks' because they start with letter K representing Kakka in the Punjabi

language. They are: Kesh (unshorn hair), Kangha (the comb), Kara (the steel bracelet), Kachh (the soldiers shorts), and Kirpan (the sword).

Discordianism

In Discordianism, 5 is seen as a very important number. This is demonstrated in the Law of Fives, as well as in the Pentabarf, which contains five rules.

Each page of the Principia Discordia —the primary religious document in Discordianism— is labeled with five digits.

Other

According to ancient Greek philosophers such as Aristotle, the universe is made up of five classical elements: water, earth, air, fire, and ether. This concept was later adopted by Medieval alchemists and more recently by practitioners of Neo-Pagan religions such as Wicca.

The pentagram, or five-pointed star, bears religious significance in various faiths including Baha'i, Christianity, Satanism, Taoism, Thelema and Wicca.

In Cantonese, "five" sounds like the word "not" (symbol: 唔). When five appears in front of a lucky number, e.g. "58", the result is considered unlucky.

In East Asian tradition, there are five elements: (water, fire, earth, wood, and metal). The Japanese names for the days of the week, Tuesday through Saturday, come from these elements via the identification of the elements with the five planets visible with the naked eye. Also, the traditional Japanese calendar has a five-day weekly cycle that can be still observed in printed mixed calendars combining Western, Chinese-Buddhist, and Japanese names for each weekday.

Members of The Nation of Gods and Earths, a primarily African American religious organization, call themselves the "Five-Percenter" because they believe that only 5% of mankind is truly enlightened.

[7]. WAVE–PARTICLE DUALITY

From Wikipedia, the free encyclopedia

Both-particle-and-wave view[\[edit\]](#)

The [pilot wave](#) model, originally developed by [Louis de Broglie](#) and further developed by [David Bohm](#) into the [hidden variable theory](#) proposes that there is no duality, but rather a system exhibits both particle properties and wave properties simultaneously, and particles are guided, in a [deterministic](#) fashion, by the pilot wave (or its "[quantum potential](#)") which will direct them to areas of [constructive interference](#) in preference to areas of [destructive interference](#). This idea is held by a significant minority within the physics community.^[39]



This article **needs additional citations for verification**. Please help [improve this article](#) by [adding citations to reliable sources](#). Unsourced material may be challenged and removed. *(May 2014)* ([Learn how and when to remove this template message](#))

<u>Quantum mechanics</u>
<i>Schrödinger equation</i>
<ul style="list-style-type: none"> • <u>Introduction</u> • <u>Glossary</u> • <u>History</u>
<p>Background[show]</p> <p>Fundamentals[show]</p> <p>Experiments[show]</p> <p>Formulations[show]</p> <p>Equations[show]</p> <p><u>Interpretations</u>[show]</p> <p>Advanced topics[show]</p> <p>Scientists[show]</p>
<ul style="list-style-type: none"> • <u>v</u> • <u>t</u> • <u>e</u>

Wave–particle duality is the concept that every particle or quantic entity may be partly described in terms not only of particles, but also of waves. It expresses the inability of the classical concepts "particle" or "wave" to fully describe the behavior of quantum-scale objects. As Albert Einstein wrote: "*It seems as though we must use sometimes the one theory and sometimes the other, while at times we may use either. We are faced with a new kind of difficulty. We have two contradictory pictures of reality; separately neither of them fully explains the phenomena of light, but together they do.*"^[1]

Through the work of Max Planck, Einstein, Louis de Broglie, Arthur Compton, Niels Bohr and many others, current scientific theory holds that all particles also have a wave nature (and vice versa).^[2] This phenomenon has been verified not only for elementary particles, but also for compound particles like atoms and even molecules. For macroscopic particles, because of their extremely short wavelengths, wave properties usually cannot be detected.^[3]

Although the use of the wave-particle duality has worked well in physics, the *meaning* or *interpretation* has not been satisfactorily resolved; see [Interpretations of quantum mechanics](#).

Bohr regarded the "duality [paradox](#)" as a fundamental or metaphysical fact of nature. A given kind of quantum object will exhibit sometimes wave, sometimes particle, character, in respectively different physical settings. He saw such duality as one aspect of the concept of [complementarity](#).^[4] Bohr regarded renunciation of the cause-effect relation, or complementarity, of the space-time picture, as essential to the quantum mechanical account.^[5]

[Werner Heisenberg](#) considered the question further. He saw the duality as present for all quantic entities, but not quite in the usual quantum mechanical account considered by Bohr. He saw it in what is called [second quantization](#), which generates an entirely new concept of fields which exist in ordinary space-time, causality still being visualizable. Classical field values (e.g. the electric and magnetic field strengths of [Maxwell](#)) are replaced by an entirely new kind of field value, as considered in [quantum field theory](#). Turning the reasoning around, ordinary quantum mechanics can be deduced as a specialized consequence of quantum field theory.^{[6][7]}

Contents

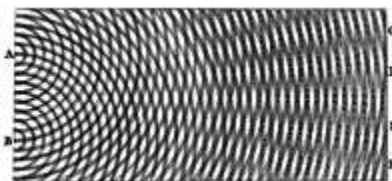
[hide]

- [1Brief history of wave and particle viewpoints](#)
- [2Turn of the 20th century and the paradigm shift](#)
 - [2.1Particles of electricity](#)
 - [2.2Radiation quantization](#)
 - [2.3Photoelectric effect illuminated](#)
 - [2.4Einstein's explanation of the photoelectric effect](#)
 - [2.5De Broglie's wavelength](#)
 - [2.6Heisenberg's uncertainty principle](#)
 - [2.7de Broglie–Bohr theory](#)
- [3Wave behavior of large objects](#)
- [4Treatment in modern quantum mechanics](#)
 - [4.1Visualization](#)
- [5Alternative views](#)
 - [5.1Both-particle-and-wave view](#)
 - [5.2Wave-only view](#)
 - [5.3Particle-only view](#)
 - [5.4Neither-wave-nor-particle view](#)
 - [5.5Relational approach to wave–particle duality](#)
- [6Applications](#)
- [7See also](#)
- [8Notes and references](#)
- [9External links](#)

Brief history of wave and particle viewpoints[[edit](#)]

[Democritus](#)—the original *atomist*—argued that all things in the universe, including light, are composed of indivisible sub-components (light being some form of solar atom).^[8] At the beginning of the 11th Century, the Arabic scientist [Alhazen](#) wrote the first comprehensive [treatise on optics](#); describing refraction, reflection, and the operation of a pinhole lens via rays of light traveling from the point of emission to the eye. He asserted that these rays

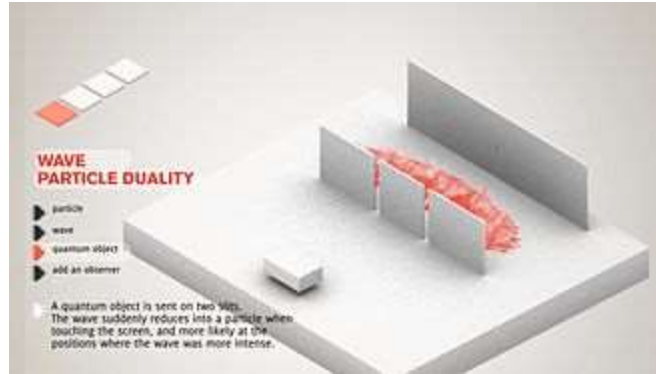
were composed of particles of light. In 1630, [René Descartes](#) popularized and accredited the opposing wave description in his [treatise on light](#), showing that the behavior of light could be re-created by modeling wave-like disturbances in a universal medium ("plenum"). Beginning in 1670 and progressing over three decades, [Isaac Newton](#) developed and championed his [corpuscular hypothesis](#), arguing that the perfectly straight lines of [reflection](#) demonstrated light's particle nature; only particles could travel in such straight lines. He explained [refraction](#) by positing that particles of light accelerated laterally upon entering a denser medium. Around the same time, Newton's contemporaries [Robert Hooke](#) and [Christiaan Huygens](#)—and later [Augustin-Jean Fresnel](#)—mathematically refined the wave viewpoint, showing that if light traveled at different speeds in different media (such as water and air), [refraction](#) could be easily explained as the medium-dependent propagation of light waves. The resulting [Huygens–Fresnel principle](#) was extremely successful at reproducing light's behavior and was subsequently supported by [Thomas Young's](#) 1803 discovery of [double-slit interference](#).^{[9][10]} The wave view did not immediately displace the ray and particle view, but began to dominate scientific thinking about light in the mid 19th century, since it could explain polarization phenomena that the alternatives could not.^[11]



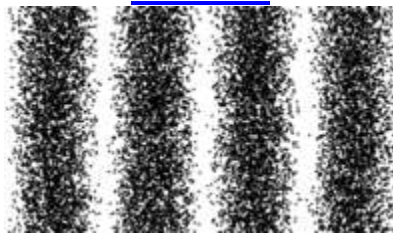
Thomas Young's sketch of two-slit diffraction of waves, 1803

[James Clerk Maxwell](#) discovered that he could apply [his equations for electromagnetism](#), which had been previously discovered, along with a slight modification to describe self-propagating waves of oscillating electric and magnetic fields. When the propagation speed of these electromagnetic waves was calculated, the [speed of light](#) fell out. It quickly became apparent that visible light, ultraviolet light, and infrared light (phenomena thought previously to be unrelated) were all electromagnetic waves of differing frequency. The wave theory had prevailed—or at least it seemed to.

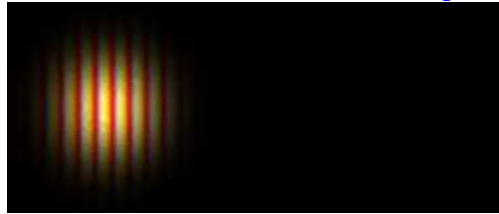
While the 19th century had seen the success of the wave theory at describing light, it had also witnessed the rise of the [atomic theory](#) at describing matter. [Antoine Lavoisier](#) deduced the law of [conservation of mass](#) and categorized many new chemical elements and compounds; and [Joseph Louis Proust](#) advanced chemistry towards the atom by showing that elements combined in [definite proportions](#). This led [John Dalton](#) to propose that elements were invisible sub components; [Amedeo Avogadro](#) discovered diatomic gases and completed the basic atomic theory, allowing the correct molecular formulae of most known compounds—as well as the correct weights of atoms—to be deduced and categorized in a consistent manner. [Dimitri Mendeleev](#) saw an order in [recurring chemical properties](#), and created a [table](#) presenting the elements in unprecedented order and symmetry.



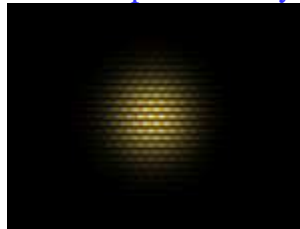
Animation showing the wave-particle duality with a double slit experiment and effect of an observer. Increase size to see explanations in the video itself. See also [quiz based on this animation](#).



Particle impacts make visible the interference [pattern](#) of waves.



A quantum particle is represented by a wave packet.



Interference of a quantum particle with itself.

Click images for animations.

Turn of the 20th century and the paradigm shift[\[edit\]](#)

Particles of electricity[\[edit\]](#)

At the close of the 19th century, the reductionism of atomic theory began to advance into the atom itself; determining, through physics, the nature of the atom and the operation of chemical reactions. Electricity, first thought to be a fluid, was now understood to consist of particles called [electrons](#). This was first demonstrated by [J. J. Thomson](#) in 1897 when, using a [cathode ray tube](#), he found that an electrical charge would travel across a vacuum (which would possess infinite resistance in classical theory). Since the vacuum offered no medium for an electric fluid to travel, this discovery could only be explained via a particle carrying a negative charge and moving through the vacuum. This *electron* flew in the face of classical electrodynamics, which had successfully treated electricity as a fluid for many years (leading to the invention

of batteries, electric motors, dynamos, and arc lamps). More importantly, the intimate relation between electric charge and electromagnetism had been well documented following the discoveries of Michael Faraday and James Clerk Maxwell. Since electromagnetism was *known* to be a wave generated by a changing electric or magnetic *field* (a continuous, wave-like entity itself) an atomic/particle description of electricity and charge was a non sequitur. Furthermore, classical electrodynamics was not the only classical theory rendered incomplete.

Radiation quantization[\[edit\]](#)

Main article: Planck's law

In 1901, Max Planck published an analysis that succeeded in reproducing the observed spectrum of light emitted by a glowing object. To accomplish this, Planck had to make an ad hoc mathematical assumption of quantized energy of the oscillators (atoms of the black body) that emit radiation. Einstein later proposed that electromagnetic radiation itself is quantized, not the energy of radiating atoms.

Black-body radiation, the emission of electromagnetic energy due to an object's heat, could not be explained from classical arguments alone. The equipartition theorem of classical mechanics, the basis of all classical thermodynamic theories, stated that an object's energy is partitioned equally among the object's vibrational modes. But applying the same reasoning to the electromagnetic emission of such a thermal object was not so successful. That thermal objects emit light had been long known. Since light was known to be waves of electromagnetism, physicists hoped to describe this emission via classical laws. This became known as the black body problem. Since the equipartition theorem worked so well in describing the vibrational modes of the thermal object itself, it was natural to assume that it would perform equally well in describing the radiative emission of such objects. But a problem quickly arose: if each mode received an equal partition of energy, the short wavelength modes would consume all the energy. This became clear when plotting the Rayleigh–Jeans law which, while correctly predicting the intensity of long wavelength emissions, predicted infinite total energy as the intensity diverges to infinity for short wavelengths. This became known as the ultraviolet catastrophe.

In 1900, Max Planck hypothesized that the frequency of light emitted by the black body depended on the frequency of the *oscillator* that emitted it, and the energy of these oscillators increased linearly with frequency (according to his constant h , where $E = hv$). This was not an unsound proposal considering that macroscopic oscillators operate similarly: when studying five simple harmonic oscillators of equal amplitude but different frequency, the oscillator with the highest frequency possesses the highest energy (though this relationship is not linear like Planck's). By demanding that high-frequency light must be emitted by an oscillator of equal frequency, and further requiring that this oscillator occupy higher energy than one of a lesser frequency, Planck avoided any catastrophe; giving an equal partition to high-frequency oscillators produced successively fewer oscillators and less emitted light. And as in the Maxwell–Boltzmann distribution, the low-frequency, low-energy oscillators were suppressed by the onslaught of thermal jiggling from higher energy oscillators, which necessarily increased their energy and frequency.

The most revolutionary aspect of Planck's treatment of the black body is that it inherently relies on an integer number of oscillators in thermal equilibrium with the electromagnetic field. These oscillators *give* their entire energy to the electromagnetic field, creating a quantum of light, as often as they are *excited* by the electromagnetic field, absorbing a quantum of light and beginning to oscillate at the corresponding frequency. Planck had intentionally created an atomic theory of the black body, but had unintentionally generated an atomic theory of light, where the

black body never generates quanta of light at a given frequency with an energy less than $h\nu$. However, once realizing that he had quantized the electromagnetic field, he denounced particles of light as a limitation of his approximation, not a property of reality.

Photoelectric effect illuminated[\[edit\]](#)

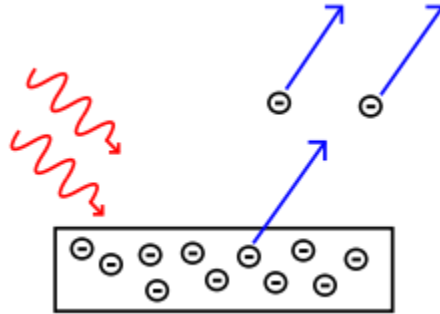
While Planck had solved the ultraviolet catastrophe by using atoms and a quantized electromagnetic field, most contemporary physicists agreed that Planck's "light quanta" represented only flaws in his model. A more-complete derivation of black body radiation would yield a fully continuous and 'wave-like' electromagnetic field with no quantization. However, in 1905 [Albert Einstein](#) took Planck's black body model to produce his solution to another outstanding problem of the day: the [photoelectric effect](#), wherein electrons are emitted from atoms when they absorb energy from light. Since their existence was theorized eight years previously, phenomenon had been studied with the electron model in mind in physics laboratories worldwide.

In 1902 [Philipp Lenard](#) discovered that the energy of these ejected electrons did *not* depend on the intensity of the incoming light, but instead on its *frequency*. So if one shines a little low-frequency light upon a metal, a few low energy electrons are ejected. If one now shines a very intense beam of low-frequency light upon the same metal, a whole slew of electrons are ejected; however they possess the same low energy, there are merely *more of them*. The more light there is, the more electrons are ejected. Whereas in order to get high energy electrons, one must illuminate the metal with high-frequency light. Like blackbody radiation, this was at odds with a theory invoking continuous transfer of energy between radiation and matter. However, it can still be explained using a fully classical description of light, as long as matter is quantum mechanical in nature.^[12]

If one used Planck's energy quanta, and demanded that electromagnetic radiation at a given frequency could only transfer energy to matter in integer multiples of an energy quantum $h\nu$, then the photoelectric effect could be explained very simply. Low-frequency light only ejects low-energy electrons because each electron is excited by the absorption of a single photon. Increasing the intensity of the low-frequency light (increasing the number of photons) only increases the number of excited electrons, not their energy, because the energy of each photon remains low. Only by increasing the frequency of the light, and thus increasing the energy of the photons, can one eject electrons with higher energy. Thus, using Planck's constant h to determine the energy of the photons based upon their frequency, the energy of ejected electrons should also increase linearly with frequency; the gradient of the line being Planck's constant. These results were not confirmed until 1915, when [Robert Andrews Millikan](#), who had previously determined the charge of the electron, produced experimental results in perfect accord with Einstein's predictions. While the energy of ejected electrons reflected Planck's constant, the existence of photons was not explicitly proven until the discovery of the [photon antibunching](#) effect, of which a modern experiment can be performed in undergraduate-level labs.^[13] This phenomenon could only be explained via photons, and not through any semi-classical theory (which could alternatively explain the photoelectric effect). When Einstein received his [Nobel Prize](#) in 1921, it was not for his more difficult and mathematically laborious [special](#) and [general relativity](#), but for the simple, yet totally revolutionary, suggestion of quantized light. Einstein's "light quanta" would not be called [photons](#) until 1925, but even in 1905 they represented the quintessential example of wave-particle duality. Electromagnetic radiation propagates following linear wave equations, but can only be emitted or absorbed as discrete elements, thus acting as a wave and a particle simultaneously.

Einstein's explanation of the photoelectric effect[edit]

Main article: [Photoelectric effect](#)



The photoelectric effect. Incoming photons on the left strike a metal plate (bottom), and eject electrons, depicted as flying off to the right.

In 1905, [Albert Einstein](#) provided an explanation of the [photoelectric effect](#), a hitherto troubling experiment that the wave theory of light seemed incapable of explaining. He did so by postulating the existence of [photons](#), [quanta](#) of light energy with particulate qualities.

In the [photoelectric effect](#), it was observed that shining a light on certain metals would lead to an [electric current](#) in a [circuit](#). Presumably, the light was knocking electrons out of the metal, causing current to flow. However, using the case of potassium as an example, it was also observed that while a dim blue light was enough to cause a current, even the strongest, brightest red light available with the technology of the time caused no current at all. According to the classical theory of light and matter, the strength or [amplitude](#) of a light wave was in proportion to its brightness: a bright light should have been easily strong enough to create a large current. Yet, oddly, this was not so.

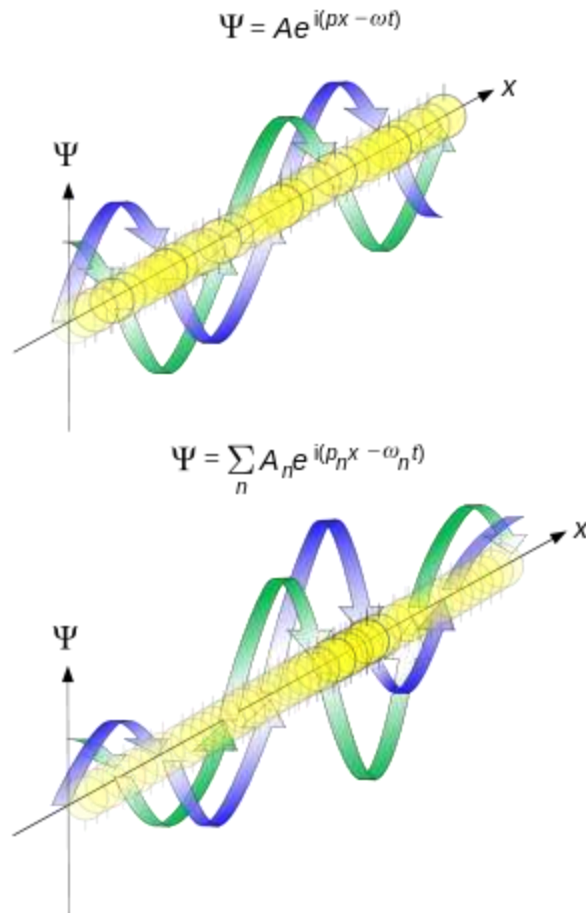
Einstein explained this enigma by [postulating](#) that the electrons can receive energy from electromagnetic field only in discrete portions (quanta that were called [photons](#)): an amount of [energy](#) E that was related to the [frequency](#) f of the light by

where h is [Planck's constant](#) (6.626×10^{-34} J seconds). Only photons of a high enough frequency (above a certain *threshold* value) could knock an electron free. For example, photons of blue light had sufficient energy to free an electron from the metal, but photons of red light did not. One photon of light above the threshold frequency could release only one electron; the higher the frequency of a photon, the higher the kinetic energy of the emitted electron, but no amount of light (using technology available at the time) below the threshold frequency could release an electron. To "violate" this law would require extremely high-intensity lasers which had not yet been invented. Intensity-dependent phenomena have now been studied in detail with such lasers.^[14]

Einstein was awarded the [Nobel Prize in Physics](#) in 1921 for his discovery of the law of the photoelectric effect.

De Broglie's wavelength[edit]

Main article: [Matter wave](#)



Propagation of de Broglie waves in 1d—real part of the complex amplitude is blue, imaginary part is green. The probability (shown as the colour opacity) of finding the particle at a given point x is spread out like a waveform; there is no definite position of the particle. As the amplitude increases above zero the curvature decreases, so the amplitude decreases again, and vice versa—the result is an alternating amplitude: a wave. Top: Plane wave. Bottom: Wave packet.

In 1924, Louis-Victor de Broglie formulated the de Broglie hypothesis, claiming that *all* matter,^{[15][16]} not just light, has a wave-like nature; he related wavelength (denoted as λ), and momentum (denoted as p):

This is a generalization of Einstein's equation above, since the momentum of a photon is given

by $p = \frac{h}{\lambda}$ and the wavelength (in a vacuum) by $\lambda = \frac{c}{\nu}$, where c is the speed of light in vacuum.

De Broglie's formula was confirmed three years later for electrons (which differ from photons in having a rest mass) with the observation of electron diffraction in two independent experiments. At the University of Aberdeen, George Paget Thomson passed a beam of electrons through a thin metal film and observed the predicted interference patterns. At Bell Labs, Clinton Joseph Davisson and Lester Halbert Germer guided their beam through a crystalline grid.

De Broglie was awarded the Nobel Prize for Physics in 1929 for his hypothesis. Thomson and Davisson shared the Nobel Prize for Physics in 1937 for their experimental work.

Heisenberg's uncertainty principle[\[edit\]](#)

Main article: [Heisenberg uncertainty principle](#)

In his work on formulating quantum mechanics, [Werner Heisenberg](#) postulated his [uncertainty principle](#), which states:

where

here indicates [standard deviation](#), a measure of spread or uncertainty; **x** and **p** are a particle's position and [linear momentum](#) respectively.

is the [reduced Planck's constant](#) (Planck's constant divided by 2π). Heisenberg originally explained this as a consequence of the process of measuring: Measuring position accurately would disturb momentum and vice versa, offering an example (the "gamma-ray microscope") that depended crucially on the [de Broglie hypothesis](#). The thought is now, however, that this only partly explains the phenomenon, but that the uncertainty also exists in the particle itself, even before the measurement is made.

In fact, the modern explanation of the uncertainty principle, extending the [Copenhagen interpretation](#) first put forward by [Bohr](#) and [Heisenberg](#), depends even more centrally on the wave nature of a particle: Just as it is nonsensical to discuss the precise location of a wave on a string, particles do not have perfectly precise positions; likewise, just as it is nonsensical to discuss the wavelength of a "pulse" wave traveling down a string, particles do not have perfectly precise momenta (which corresponds to the inverse of wavelength). Moreover, when position is relatively well defined, the wave is pulse-like and has a very ill-defined wavelength (and thus momentum). And conversely, when momentum (and thus wavelength) is relatively well defined, the wave looks long and sinusoidal, and therefore it has a very ill-defined position.

de Broglie–Bohr theory[\[edit\]](#)



Couder experiments,^[17] "materializing" the *pilot wave* model.

De Broglie himself had proposed a [pilot wave](#) construct to explain the observed wave-particle duality. In this view, each particle has a well-defined position and momentum, but is guided by a wave function derived from [Schrödinger's equation](#). The pilot wave theory was initially rejected because it generated non-local effects when applied to systems involving more than one particle. Non-locality, however, soon became established as an integral feature of [quantum theory](#) (see [EPR paradox](#)), and [David Bohm](#) extended de Broglie's model to explicitly include it. In the resulting representation, also called the [de Broglie–Bohm theory](#) or Bohmian mechanics,^[18] the wave-particle duality vanishes, and explains the wave behaviour as a scattering with wave appearance, because the particle's motion is subject to a guiding equation or [quantum potential](#). *"This idea seems to me so natural and simple, to resolve the wave-particle dilemma in such a clear and ordinary way, that it is a great mystery to me that it was so generally ignored"*,^[19] [J.S.Bell](#).

The best illustration of the *pilot-wave model* was given by Couder's 2010 "walking droplets" experiments,^[20] demonstrating the pilot-wave behaviour in a macroscopic mechanical analog.^[17]

Wave behavior of large objects[edit]

Since the demonstrations of wave-like properties in photons and electrons, similar experiments have been conducted with neutrons and protons. Among the most famous experiments are those of Estermann and Otto Stern in 1929.^[21] Authors of similar recent experiments with atoms and molecules, described below, claim that these larger particles also act like waves. A wave is basically a group of particles which moves in a particular form of motion, i.e. to and fro. If we break that flow by an object it will convert into radiants.

A dramatic series of experiments emphasizing the action of gravity in relation to wave–particle duality was conducted in the 1970s using the neutron interferometer.^[22] Neutrons, one of the components of the atomic nucleus, provide much of the mass of a nucleus and thus of ordinary matter. In the neutron interferometer, they act as quantum-mechanical waves directly subject to the force of gravity. While the results were not surprising since gravity was known to act on everything, including light (see tests of general relativity and the Pound–Rebka falling photon experiment), the self-interference of the quantum mechanical wave of a massive fermion in a gravitational field had never been experimentally confirmed before.

In 1999, the diffraction of C₆₀ fullerenes by researchers from the University of Vienna was reported.^[23] Fullerenes are comparatively large and massive objects, having an atomic mass of about 720 u. The de Broglie wavelength of the incident beam was about 2.5 pm, whereas the diameter of the molecule is about 1 nm, about 400 times larger. In 2012, these far-field diffraction experiments could be extended to phthalocyanine molecules and their heavier derivatives, which are composed of 58 and 114 atoms respectively. In these experiments the build-up of such interference patterns could be recorded in real time and with single molecule sensitivity.^{[24][25]}

In 2003, the Vienna group also demonstrated the wave nature of tetraphenylporphyrin^[26]—a flat dye with an extension of about 2 nm and a mass of 614 u. For this demonstration they employed a near-field Talbot Lau interferometer.^{[27][28]} In the same interferometer they also found interference fringes for C₆₀F₄₈, a fluorinated buckyball with a mass of about 1600 u, composed of 108 atoms.^[26] Large molecules are already so complex that they give experimental access to some aspects of the quantum-classical interface, i.e., to certain decoherence mechanisms.^{[29][30]} In 2011, the interference of molecules as heavy as 6910 u could be demonstrated in a Kapitza–Dirac–Talbot–Lau interferometer.^[31] In 2013, the interference of molecules beyond 10,000 u has been demonstrated.^[32]

Whether objects heavier than the Planck mass (about the weight of a large bacterium) have a de Broglie wavelength is theoretically unclear and experimentally unreachable; above the Planck mass a particle's Compton wavelength would be smaller than the Planck length and its own Schwarzschild radius, a scale at which current theories of physics may break down or need to be replaced by more general ones.^[33]

Recently Couder, Fort, *et al.* showed^[34] that we can use macroscopic oil droplets on a vibrating surface as a model of wave–particle duality—localized droplet creates periodical waves around and interaction with them leads to quantum-like phenomena: interference in double-slit experiment,^[35] unpredictable tunneling^[36] (depending in complicated way on practically hidden state of field), orbit quantization^[37] (that particle has to 'find a resonance' with field perturbations it creates—after one orbit, its internal phase has to return to the initial state) and Zeeman effect.^[38]

Treatment in modern quantum mechanics[[edit](#)]

Wave–particle duality is deeply embedded into the foundations of quantum mechanics. In the formalism of the theory, all the information about a particle is encoded in its *wave function*, a complex-valued function roughly analogous to the amplitude of a wave at each point in space. This function evolves according to a differential equation (generically called the Schrödinger equation). For particles with mass this equation has solutions that follow the form of the wave equation. Propagation of such waves leads to wave-like phenomena such as interference and diffraction. Particles without mass, like photons, have no solutions of the Schrödinger equation so have another wave.

The particle-like behavior is most evident due to phenomena associated with measurement in quantum mechanics. Upon measuring the location of the particle, the particle will be forced into a more localized state as given by the uncertainty principle. When viewed through this formalism, the measurement of the wave function will randomly "collapse", or rather "decohere", to a sharply peaked function at some location. For particles with mass the likelihood of detecting the particle at any particular location is equal to the squared amplitude of the wave function there. The measurement will return a well-defined position, (subject to uncertainty), a property traditionally associated with particles. It is important to note that a measurement is only a particular type of interaction where some data is recorded and the measured quantity is forced into a particular eigenstate. The act of measurement is therefore not fundamentally different from any other interaction.

Following the development of quantum field theory the ambiguity disappeared. The field permits solutions that follow the wave equation, which are referred to as the wave functions. The term particle is used to label the irreducible representations of the Lorentz group that are permitted by the field. An interaction as in a Feynman diagram is accepted as a computationally convenient approximation where the outgoing legs are known to be simplifications of the propagation and the internal lines are for some order in an expansion of the field interaction. Since the field is non-local and quantized, the phenomena which previously were thought of as paradoxes are explained. Within the limits of the wave-particle duality the quantum field theory gives the same results.

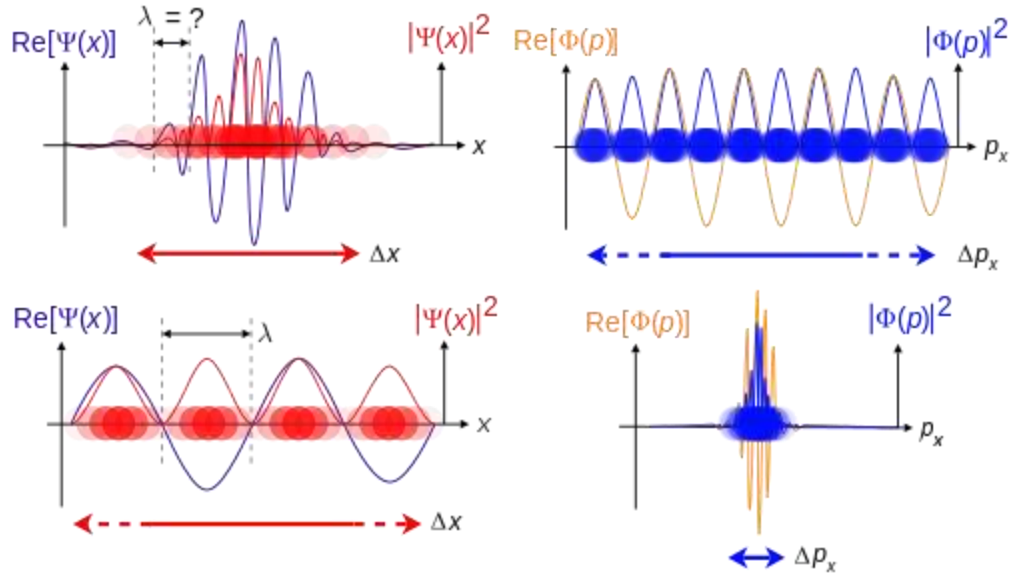
Visualization[[edit](#)]

There are two ways to visualize the wave-particle behaviour: by the "standard model", described below; and by the Broglie–Bohm model, where no duality is perceived.

Below is an illustration of wave–particle duality as it relates to De Broglie's hypothesis and Heisenberg's uncertainty principle (above), in terms of the position and momentum space wavefunctions for one spinless particle with mass in one dimension. These wavefunctions are Fourier transforms of each other.

The more localized the position-space wavefunction, the more likely the particle is to be found with the position coordinates in that region, and correspondingly the momentum-space wavefunction is less localized so the possible momentum components the particle could have are more widespread.

Conversely the more localized the momentum-space wavefunction, the more likely the particle is to be found with those values of momentum components in that region, and correspondingly the less localized the position-space wavefunction, so the position coordinates the particle could occupy are more widespread.



Position x and momentum p wavefunctions corresponding to quantum particles. The colour opacity (%) of the particles corresponds to the probability density of finding the particle with position x or momentum component p .

Top: If wavelength λ is unknown, so are momentum p , wave-vector k and energy E (de Broglie relations). As the particle is more localized in position space, Δx is smaller than for Δp_x .

Bottom: If λ is known, so are p , k , and E . As the particle is more localized in momentum space, Δp is smaller than for Δx .

Alternative views[[edit](#)]

Wave-particle duality is an ongoing conundrum in modern physics. Most physicists accept wave-particle duality as the best explanation for a broad range of observed phenomena; however, it is not without controversy. Alternative views are also presented here. These views are not generally accepted by mainstream physics, but serve as a basis for valuable discussion within the community.

Both-particle-and-wave view[[edit](#)]

The **pilot wave model**, originally developed by **Louis de Broglie** and further developed by **David Bohm** into the **hidden variable theory** proposes that there is no duality, but rather a system exhibits both particle properties and wave properties simultaneously, and **particles are guided**, in a **deterministic** fashion, by the pilot wave (or its "**quantum potential**") which will direct them to areas of **constructive interference** in preference to areas of **destructive interference**. This idea is held by a significant minority within the physics community.^[39]

At least one physicist considers the "wave-duality" as not being an incomprehensible mystery. L.E. Ballentine, *Quantum Mechanics, A Modern Development*, p. 4, explains:

When first discovered, particle diffraction was a source of great puzzlement. Are "particles" really "waves?" In the early experiments, the diffraction patterns were detected holistically by means of a photographic plate, which could not detect individual particles. As a result, the notion grew that particle and wave properties were mutually incompatible, or complementary, in the sense that different measurement apparatuses would be required to observe them. That idea, however, was only an unfortunate generalization from a technological limitation. Today it is

possible to detect the arrival of individual electrons, and to see the diffraction pattern emerge as a statistical pattern made up of many small spots (Tonomura et al., 1989). Evidently, quantum particles are indeed particles, but whose behaviour is very different from classical physics would have us to expect.

The Afshar experiment^[40] (2007) may suggest that it is possible to simultaneously observe both wave and particle properties of photons. This claim is, however, disputed by other scientists.^{[41][42][43][44]}

Wave-only view[\[edit\]](#)

At least one scientist proposes that the duality can be replaced by a "wave-only" view. In his book *Collective Electrodynamics: Quantum Foundations of Electromagnetism* (2000), Carver Mead purports to analyze the behavior of electrons and photons purely in terms of electron wave functions, and attributes the apparent particle-like behavior to quantization effects and eigenstates. According to reviewer David Haddon.^[45]

Mead has cut the Gordian knot of quantum complementarity. He claims that atoms, with their neutrons, protons, and electrons, are not particles at all but pure waves of matter. Mead cites as the gross evidence of the exclusively wave nature of both light and matter the discovery between 1933 and 1996 of ten examples of pure wave phenomena, including the ubiquitous laser of CD players, the self-propagating electrical currents of superconductors, and the Bose–Einstein condensate of atoms.

Albert Einstein, who, in his search for a Unified Field Theory, did not accept wave-particle duality, wrote:^[46]

This double nature of radiation (and of material corpuscles)...has been interpreted by quantum-mechanics in an ingenious and amazingly successful fashion. This interpretation...appears to me as only a temporary way out...

The many-worlds interpretation (MWI) is sometimes presented as a waves-only theory, including by its originator, Hugh Everett who referred to MWI as "the wave interpretation".^[47]

The *Three Wave Hypothesis* of R. Horodecki relates the particle to wave.^{[48][49]} The hypothesis implies that a massive particle is an intrinsically spatially as well as temporally extended wave phenomenon by a nonlinear law.

Particle-only view[\[edit\]](#)

Still in the days of the old quantum theory, a pre-quantum-mechanical version of wave–particle duality was pioneered by William Duane,^[50] and developed by others including Alfred Landé.^[51] Duane explained diffraction of x-rays by a crystal in terms solely of their particle aspect. The deflection of the trajectory of each diffracted photon was explained as due to quantized momentum transfer from the spatially regular structure of the diffracting crystal.^[52]

Neither-wave-nor-particle view[\[edit\]](#)

It has been argued that there are never exact particles or waves, but only some compromise or intermediate between them. For this reason, in 1928 Arthur Eddington^[53] coined the name "*wavicle*" to describe the objects although it is not regularly used today. One consideration is that zero-dimensional mathematical points cannot be observed. Another is that the formal representation of such points, the Dirac delta function is unphysical, because it cannot be normalized. Parallel arguments apply to pure wave states. Roger Penrose states:^[54]

"Such 'position states' are idealized wavefunctions in the opposite sense from the momentum states. Whereas the momentum states are infinitely spread out, the position states are infinitely concentrated. Neither is normalizable [...]."

Relational approach to wave–particle duality[\[edit\]](#)

Relational quantum mechanics is developed which regards the detection event as establishing a relationship between the quantized field and the detector. The inherent ambiguity associated with applying Heisenberg's uncertainty principle and thus wave–particle duality is subsequently avoided.^[55]

[8] .- THE BRAIN

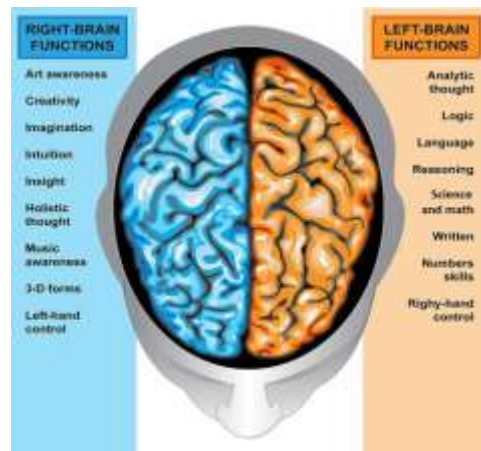
Right Hemisphere – Corpus Callosum - Left Hemisphere

The Quick Facts

Functions: Responsible for control of the left side of the body, and is the more artistic and creative side of the brain

The Quick Facts

Functions: Responsible for control of the right side of the body, and is the more academic and logical side of the brain



Chức năng của Hai Bán Cầu Não

Bán cầu não Phải: Tình: Love

Bán cầu não Trái: Lý: Justice

Hiểu biết về Nghệ thuật

Tư duy Phân tích

Khả năng sáng tạo

Khả năng luận lý

Khả năng tưởng tượng

Ngôn ngữ

Trực giác

Khả năng lý luận

Óc minh mẫn

Khoa học và Toán

Chu tri

Khả năng viết lách

Hiểu biết về Nhạc

Kỹ năng về số

Dạng thức 3 chiều

Thuận tay Trái

Thuận tay Phải

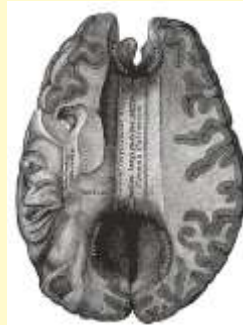
Corpus callosum

From Wikipedia, the free encyclopedia

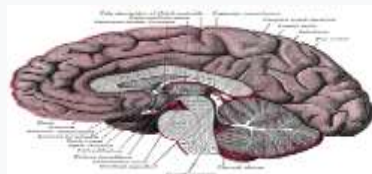
[Jump to navigation](#)[Jump to search](#)

*For the films, see *Corpus Callosum and Corpus Callosum (2007 film).*

Corpus callosum: Cầu nối Hai Bán cầu



Corpus callosum from above. (Anterior portion is at the top of the image.)



Median sagittal section of brain (person faces to the left). Corpus callosum visible at center, in light gray

Corpus callosum with Anatomography

The **corpus callosum** (/ˈkɔːrpəs kəˈloʊsəm/; Latin for "tough body"), also **callosal commissure**, is a wide **commissure**, a flat bundle of **commissural fibers**, about 10 cm long^[*citation needed*] beneath the **cerebral cortex** in the **brains** of **placental mammals**. It spans part of the **longitudinal fissure**, connects the left and right **cerebral hemispheres**, and **enables communication between the hemispheres**. It is the largest **white matter** structure in the **human brain**, consisting of 200–250 million axonal projections.^[1]

Chức năng của Não theo Dịch lý

Bán cầu não Phải (←) và Trái (→) là cặp Đối cực .

Bán cầu não Phải chủ về **nguồn Tình** (Feeling). Bán cầu não chủ về **nguồn Lý** (Thinking)

Bán cầu não Phải có chức năng kiểm soát bên **Trái** của Cơ thể và là **Phía trội** hơn về **nghệ thuật và sáng tạo** của não.

Bán cầu não bên Trái có chức năng kiểm soát bên **Phải** của Cơ thể và là **Phía thiên** về **Luân lý và Triết học** của não.

Corpus Callosum là cầu nối hai Bán cầu não lập thành xa lộ giúp hai bán cầu trao đổi Tình / Lý qua lại với nhau sao cho cặp đôi cực **Tình / Lý tương tham** (dual unit: 2 →1) hay **Tình / Nghĩa Lương nhất** hay **Nhập Thân**.

Rõ ràng Hai Bán cầu não và cầu nối corpus Callosum giúp chúng ta hiểu rõ câu : Tình / Lý tương tham hay Nhân / Nghĩa nhập Thân , đây là nơi hai phe Cựu (nặng về Tâm linh) Tân (Thiên về Khoa học) gặp nhau. Thực ra hai lĩnh vực Tâm linh và Khoa học cũng liên kết với nhau như hai mặt của Đồng Tiền .

Sự hiểu biết trên giúp cho các Vị Duy Sử hết cách chê bai Tổ Tiên là quê mùa, cũng như nhà giáo dục soạn thảo chương trình đào tạo cũng như phương cách đào luyện con Người một cách thích hợp để **làm phát triển khả năng từng Bán cầu não sao cho điều hòa, hầu đạt Mục tiêu Giáo dục: Thành Nhân và Thành Thân**.

Đây là lối Giáo dục theo Dịch lý Việt cũng là lối giáo dục theo Minh triết, nghĩa là làm sao cho sáng tỏ được Triết thượng (**Huấn linh** để tu dưỡng nguồn Tình) / Triết hạ (**Bác vấn** để có Chu Tri (holistic knowledge) , tránh Triết lý sờ voi) tuy là đối cực nhưng có thể giao hòa hay Lương nhất. Đây là cách đào tạo con Người: “ **Có Tinh thần minh mẫn trong Thể xác khỏe mạnh : Body and Mind in One** “. Đây là cách đào tạo con Người toàn diện vừa có Tư cách vừa có Khả năng.

[9].- THE END OF SCIENCE

(Cứu cánh của Khoa học)

(**The Dancing Wu - Li (Physics) Masters.**

Chapter 1. P. 281- 285)

Chúng tôi dùng Thí nghiệm Khoa học dưới đây để xác minh những **Biểu tượng Xưa của Á Đông** cũng như của Việt Nam như **Hình Thái cực Âm / Dương** mà chúng ta tưởng là quê mùa , nhưng thực sự lại rất phù hợp với Khoa học hiện đại.

Cấu trúc Việt Nho và Triết lý An Vi đều là những **Biểu tượng** của những **Tiểu Thái cực** kết nên **Đồ hình và Số độ Ngũ hành**, những **Biểu tượng** này rất phù hợp với khoa học Lương tử ngày nay. **Huyền Thoại Tiên / Rồng của Mẹ Âu Cơ và Cha Lạc Long cũng là hình ảnh của một Tiểu Thái cực** .

Thái cực hay Tiểu Thái cực đều là Nhất nguyên Lương cực hay là cặp Đối cực Lương nhất.

(Xem thí nghiệm Two particle system of miscellaneous spin và Two particle system of zero spin) dưới đây:

The vital aspect of the enlightened state is the experience of an all pervading unity. **“This “ and “ that “ no longer are separate entities. They are different forms of the same thing.** (*Vạn vật đồng nhất thể, Vạn vật tương liên, Đa / Nhất lương hợp*) **Everything is a manifestation** (*Tuồng ảo hóa đã bày ra đó của nhà Phật*). It is possible to answer the question. Manifestation of what? **Because the “what “ is** (*Cái đang là hay Nhiên như*) that which is beyond word, beyond concept, beyond form, beyond even space and time. Everything is a manifestation of that which is That which is .(như nhiên hay cái đang là của nhà Phật), is Beyond these words lies the experience, the experience. The experience of that which is.

The forms through which that which is manifests itself are each and everyone of them perfect. **We are manifestations of that which is. Everything is a manifestation of that which is. Everything and everybody is exactly and perfectly what it is.**

A fourteen- century Tibetan Buddhist, Longchenpa, wrote:

Since everything is but an apparition .

Perfect is being what it is.

Having nothing to do with good and bad.

One may well burst out in laughter.

We might say , “ God ‘s in his Heaven and all well with the world “, except that according to the enlightened view, **the world could’nt be any other way. It is neither well nor not well. It simply is what it is. What it is perfectly what it is .** It could’nt be anything else. It is perfect. I am perfect. I am exactly and perfectly who I am. You are perfect. You are exactly and perfectly who you are . If you are - a happy person, then that is what you perfectly are a happy person. If you are unhappy person, then that is what you perfectly are – an unhappy person. If you are a person who is changing, then that is what you perfectly are – **a person who is changing. That which is is that which is. That which is not is that which is. There is nothing which is not that which is. There is nothing other then that which is . Everything is what which is . We are a part of that which is. In fact, we are that which is.**

If we substitute “ **subatomic particles** “ for people in this scheme, we have a good approximation of **the conceptual dynamic of particle physics.** Yes , there is another sense in which **this aspect of unity has entered physics.** The pioneers of quantum physics noticed a **strange “ connectedness”among quantum phenomena.** Until recently this oddity lacked any theoretical significance . It was regarded as an accidental feature which would be explained as then theory developed.

In 1964, J.S Bell, a physicist at the European Organisation for Nuclear research (CERN) in Switzerland. Zeroed in on this strange connectedness in a manner that may make it the central

focus of physics in the future. Dr. Bell published a mathematical proof which came to be known as **Bell's theorem**. Bell's theorem was reworked and refined over the following ten years until it emerged in its present form. Its present form is dramatic, to say the least.

Bell's theorem is a mathematical construct which, as such, is indecipherable to the nonmathematical. Its implication however could affect profoundly our basic world view. Some physicists are convinced that it is the most important single work, perhaps, in the history of physics. One of the implication of Bell's theorem is that, at a deep and fundamental level. **The “separate part” of the universe are connected in an intimate and immediate way.**

In short, Bell's theorem and the enlightened experience of unity are very compatible.

The unexplained connectedness of quantum phenomena show itself in several ways. The first way we already have discussed. **It is the double – slit experiment** (page 60).

Then both slits in a double slit experiment are open, the light waves going through them interfere with each other to form a pattern of alternating light and dark bands on a screen.

When only one slit in a double- slit experiment is open, the light wave going through it illuminate the screen in the ordinary way.

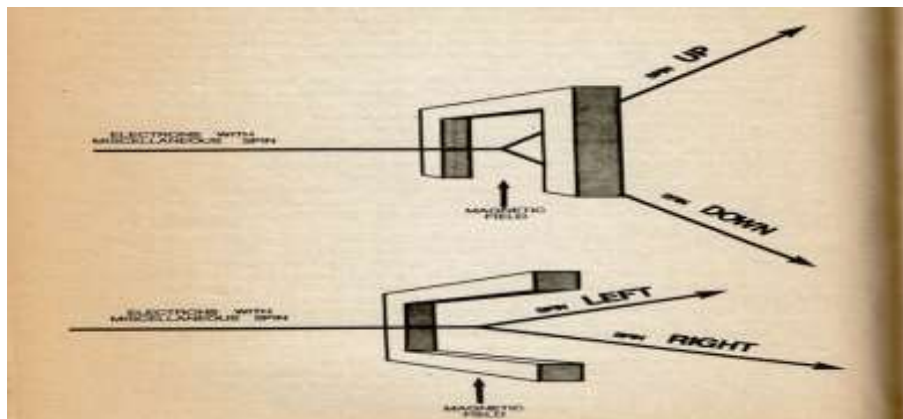
How does a single photon in a double- slit experiment know whether or not it can go to an area on the screen that must be dark if both slits are open?

The good multitude of photons of which a single photon eventually will be a part distributes itself in one way if one slit is open, and in an entirely different way if both slits are open.

The question is , assuming that a single photon goes through one of the two slits, *how does it know whether or not the other slit is open?* Somehow it does. **An interference pattern always forms when we open both slits, and it never forms when we close one of the slits.**

Howerer, there is another experiment in which this apparent connectedness of quantum phenomena is even more perplexing. Suppose that we have what physicists call a **two particle system of zero spin**. (*Thí nghiệm về Nhất Nguyên Lượng cực hay Tiểu Thái cực*)

This means that the spin of each of the particles in the system cancels the other.

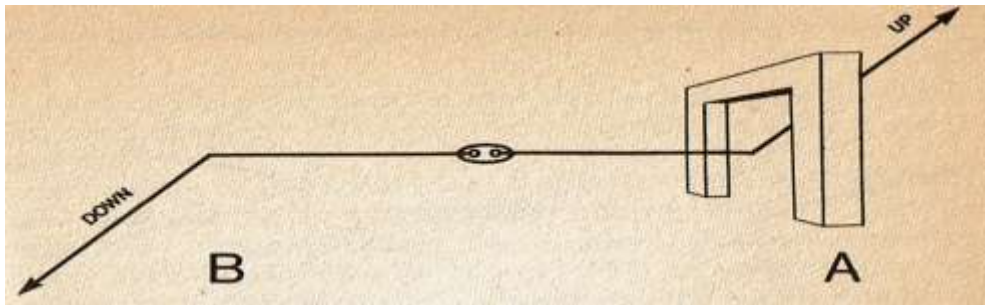


Electrons with **miscellaneous spin** Magnetic Field

If one of the particles in such a system has a spin up, the other particle has a spin down. If the first particle has a spin right, the second particle has a spin left. No matter how the particles are oriented, their spins are always equal and opposite.

Now suppose that we separate these two particles in some way that does not affect their spin (like electrically). One particle goes off in one direction and the other particle goes off in the opposite direction. The spin of subatomic can be oriented by a magnetic field. For example, if a beam of electrons with randomly oriented spin is sent through a particular type of magnetic field (called a Stern- Gerlach device), **the magnetic splits the beam into two equal smaller beams.** In one of them all of the electrons have a spin Up and in the other all of the electrons have a spin Down.

If only one electron goes through this magnetic field, it will come out of it with either a spin Up or a spin Down (drawing at the end of the text). If we reorientate the magnetic field (change of axis), we can give all of the electrons a spin right or a spin left instead of a spin up or a spin down. If only one electron goes through this magnetic field when it is oriented this way, it will come out of it with either a spin right or a spin left (equal chance either way)



Two particle system of **zero spin** (in the middle) Magnet A

Now suppose that after we separate our original two – particle system, we send one of the particles through a magnetic field that will give it either a spin up or a spin down.

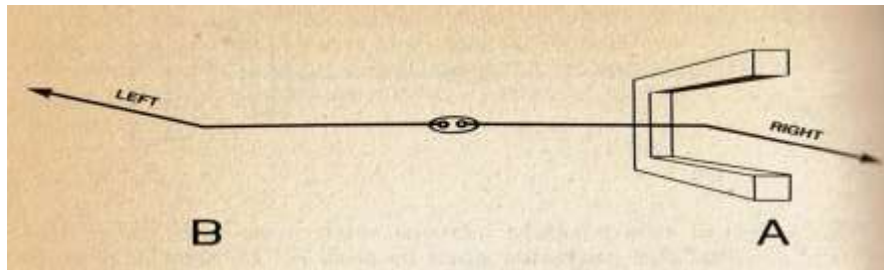
In this case, let us say that the particle comes out of the magnetic field with a spin up. This means that we automatically know that the other particle has a spin down. We do not have to make a measurement on the other particle because we know that its spin is equal to the opposite to that of its twin.

The original two particle system with zero spin is at the center/ One of the particles goes to area A. In area it goes through a Stern – Gerlach device. In this case, the Stern – Gerlach gives of a spin up. There fore,we know without measuring that the other particle, which has gone to area B, has a spin down. “ .

...

In 1935, Einstein, Podolsky, and Rosen published their thought experiment in a paper entitled, "Can Quantum Mechanical Description be considered Complete?" At that time, Bohr, Heisenberg, and the proponent of the Copenhagen Interpretation of Quantum Mechanics, were saying that quantum theory is a complete theory even though it doesn't provide any picture of the world separate from our observation of it. The message that Einstein, Podolsky, and Rosen wanted to convey to their colleagues was that the quantum theory is not a "complete" theory because it does not describe certain important aspects of reality which are physically real even if they are not observed. The message that their colleagues got however, was quite different. The message that their colleagues got was that the particles in the Einstein – Podolsky – Rosen thought experiment somehow are connected in a way that transcends our usual ideas about causality.

For example, if the axis of the Stern-Gerlach device (a particular type of magnetic field) in our hypothetical experiment were changed to make the particles spin right or left instead of up or down, the experiment would look like this:



This particle in area A would have a spin **right** instead of spin **up**. This means the particle in area B would have a spin **left** instead of spin **down**. Its spin is always equal and opposite that of its twin.

Now suppose that the axis of the Stern-Gerlach device is changed while the particles are in flight. Somehow the particle traveling in area B "knows" that its twin in area A is spinning **right** instead of **up** and so it spins **left** instead of **down**. In other words, *what we did in area A (changed the axis of the magnetic field) affected what happened in area B.*

This strange phenomenon is known as the Einstein – Podolsky – Rosen (EPR) effect

[10].- THE GREAT SEAL OF USA & THE LIVING CONSTITUTION



Mặt Trước Mặt sau của Quốc ấn Hoa Kỳ Đồng Một Dollar : In God we trust

Symbols on Obverse of The Great Seal

Eagle: In the center of the seal is a bald eagle (our [national bird](#)). The eagle holds a scroll in its beak inscribed with our original [national motto](#): “**E Pluribus Unum**,” which is Latin for “**one from many**” or “**one from many parts**” (one nation created from 13 colonies). The eagle grasps **an olive branch in its right talon** and a bundle of **thirteen arrows in its left**. The olive branch and arrows are **symbols for the power of peace and war**.

Shield: A shield with **thirteen red and white stripes** covers the eagle’s breast. The shield is supported solely by the American eagle as a symbol that **Americans rely on their own virtue**.

The red and white stripes of the shield represent the **states united** under and supporting **the blue, which represents the President and Congress**. **The color white is a symbol of purity and innocence; red represents hardiness and valor; and blue signifies vigilance, perseverance, and justice**.

Cloud: Above the eagle’s head is a cloud surrounding a blue field containing **thirteen stars** which form a constellation. The constellation denotes that a new State is taking its place among other nations.

Symbols on Reverse of The Great Seal

Pyramid: The seal’s reverse side contains a **13-step pyramid** with the year 1776 in Roman numerals at the base (the year independence was declared).

Eye: At the top of the pyramid is the **Eye of Providence** with the Latin motto “**Annuit Coeptis**” in the sky above – meaning “It [**the Eye of Providence**] is favorable to our undertakings” or “He favors our undertakings.”

Scroll: Below the pyramid, a scroll reads “**Novus Ordo Seclorum**” – Latin for “**New Order of the Ages**.” Which refers to 1776 as the beginning of the American new era.

$13 = 6 + 7$ stripes: Odd & Even number = 13 colonies

6: < even number > / 7 <Odd number > : opposite term

$13 = 1+12 =$ One God + the Universe (3 x 4)= Jesus & 12 Apostles

Đây là cách Cô đọng nền Văn hoá của Hoa Kỳ:

E Pluribus Unum (gồm 13 mẫu tự) : Out of many One : **Nhất = Đa**: Becoming One :

Nền tảng của Chế độ Cộng hòa: Một cho muôn Người / Muôn Người cho Một.

13 Colonies = $13 = 6 + 7$ stripes: Odd & Even number = 13 colonies.

Lẽ :7 / Chấn: 6 : Cặp đối cực của Dịch lý

Olive branch : Hoà bình > / < Arrow : Chiến tranh >: cặp đối cực Dịch lý

13 = 1+12 = One God + the Universe (3 x4)= Jesus & 12 Apostles

3 < Time > / 4 < Space > : Time – Space – Continuum.

THE LIVING CONSTITUTION

Creating America A history of the United States Mc Dougal littell California Edition. The Framers of the Constitution created a flexible plan for Governing the United States far into the future. They also described ways to allow changes in the Constitution. For over 200 years, the Constitution has guided the American people. It remains a “ living document “ . The Constitution still thrives, in part, because it echoes the principles the delegates valued. Each generation of Americans renews the meaning of the Constitution’s timeless ideas. These pages show you some ways in which the Constitution has shaped events in American history.

SEVEN PRINCIPLES OF THE CONSTITUTION

The Framers of the Constitution contracted a new system of Government. Seven principles supported their efforts. To picture how these principle work, imagine seven building blocks. Together they form the foundation of the United States Constitution. In the pages that follow you will find the definitions and main ideas of the priciples shown below:

UNITED STATES CONSTITUTION

- I.-Republicanism
- II.- Separation of power
- III.- Limited Government
- IV.-Popular sovereignty
- V.-Federalism
- VI.-Check & Balances
- VII.-Individual Rights.

I.- Popular Sovereignty

Who gives the Government its power? “ We the people of the United States. . . establish this Constitution for the United States of America.These words from the Preamble, or introduction, to the Constitution clearly spell out the source of the Government’s power. The American form of government comes from a school of political thought called classical liberalism, which emphasized freedom, democracy, and the importance of the individuals. The Constutions rest on the idea of popular sovereignty.

II.- Republicanism

How are people's views Represented in Government? The Framers of the Constitution wanted the people to have a voice in Government. The Framers also feared that public opinion might stand in a way of sound decision making. To solve this problems, they looked to republicanism as a model of Government. Republicanism is based on the belief: The people exercise their power by voting for their political representatives. According to the Framers, these lawmakers played the key role in making a republican government work. Article 4, Section 4, of the Constitution also calls for every State to have a " republican form of Government " . Civic Republicanism is the idea that citizens stay informed about politics and participate in the process, (In the republican government, voting citizens make their voice heard at the polls. The power of the ballot prompts candidates to listen to people's concerns) .

III.- Federalism

How is Power Shared ?

The Framers wanted the states and the nation to become partners in governing. To build cooperation, the Framers turned to Federalism. Federalism is a system of government in which power is divided between a central government and a smaller political units, such as states. In the early years of the United States, Federalism was closely related to dual sovereignty, the idea that the powers of the federal government and the states were clearly defined, and each had exclusive power over their own spheres with little overlap. This view of federalism led to states' rights conflicts, which were contributing factors in the Civil War. The Framers used Federalism to structure the Constitution. The Constitution assigns certain power to the national government. These are delegated powers .Powers kept by the states are reserved powers. Powers shared or exercised by national and state governments are known as concurrent powers Federalism .

I. Powers delegated to the national Government.	III. Shared Powers (Concurrent)	II. Powers reserved to the national for the State Governments Powers
---	---	--

The overlapping spheres of power bind the American people together.

IV.- Separation of Powers

How is Power divided?

The Framers were concerned that too much power might fall into the hand off a single group. To avoid this problem, they built the idea of Separation of Powers into the Constitution. This principle means the division of basic roles into branches. No one branch is given all the power. Articles 1, 2 and 3 of the Constitution detail how powers are split among the three branches.

Separation of Powers

United States Constitution

Article 1	Article 2	Article 3
Legislative branch	Executive branch	Judicial branch
Congress make the laws	President enforce the laws	Supreme court interpret the laws

California standards 8.27

Describe the principle of federalism, dual sovereignty separation of powers, check and balances, the nature and purpose of majority rule, and the way in which the American idea of constitutionalism preserves individual rights .

V.- Checks and Balances

How is Power evenly distributed?

Executive Branch (E.B.)
(President)

E.B. Checks on Court ✓ **L.B.** ↖ Checks on President

J.B. Checks on President. ↗ **CHECKS & E.B** ↘ Check on Congress

BALANCES

Judicial Branch (J.B.) (L.B.) **Legislative branch**
(Supreme court) (Congress)

J.B. Check on Congress ⇐ **L.B.** Checks on Court.

“ Baron de Montesquieu, an 18th – century French thinker wrote, “ Power should be a check to power ”. Comment refers to the principle of checks and Balances. Each branch of government can exercise checks, or controls, over the other branches. Though the branches of government are separate, they rely on one another to perform the work of government. The Framers included a system of checks and balances in the Constitution to help make sure the branches work together fairly. For example, only Congress can pass laws. Yet the President can check this power by refusing to sign a law into action. In turn, The Supreme Court can declare that a law, passed by Congress, and signed by the President. violates the Constitution. “.

VI.-Limited Government

How is Abuse of Power Prevented? “ The Framers restricted the power of government. Article 1, Section 9, of the Constitution list the power denied to the Congress. Article 1, Section 10 forbids the States to State certain actions. The principle of limited government is also closely related to the “ rule of law “ In the American government everyone, citizens and powerful leaders alike, must obey the law. Individuals or groups cannot twist or bypass the law to serve their own interests “ of Rights. The Bills of Rights guarantees certain individual Rights, or personal liberties and privileges. For example, government can not control what people write or say.

VII.- Individual Right

How are personal Freedom Protected? “ The first ten amendments to the Constitution shield people from an overly powerful government. These amendments are called the Bill ople also have the Right to meet peacefully and ask the government to correct a problem Later amendments to the Constitution also advanced the cause of individual rights.

“ **Chú thích:** *Popular sovereignty, Limited government: Đem tinh thần Dân chủ vào nền tảng của các Cơ chế Xã hội.*

Republicanism, Federalism: Thể hiện tinh thần Cộng hoà vào các Cơ chế xã hội. Separation of power, Checks and Balances, Individual Right: Phân công trách nhiệm để thực hiện mối liên hệ cơ thể một cách quân bình trong các Cơ chế Quốc gia bằng cách kiểm soát nhau hầu bảo vệ Nhân và Dân quyền mà mưu phúc lợi cho toàn dân.

THE CONSTITUTION OF THE UNITED STATES

Preamble. Purpose of the Constitution

“ We the people of the United States, in order to form a more perfect Union, establish justice, insure domestic tranquility, provide for the common defence, promote general Welfare, and secure the blessings of liberty to ourselves and our posterity, do ordain and establish this Constitution for the United States of America.

A closer look Goals of the Preamble

Form a more

Perfect Union

Crerate a nation in which States work together

- * US postal system
- * US coin, paper money

Establish justice

Make law and set up court that are fair

- * Court system
- * Jury system

Insure domestic Tranquility

Keep peace within

- * National guard Tranquility the country
- * Federal Marshals

Provide for the

Safeguard the country

*Army Common defense again attack

* Navy

Provide for

the Contribute to the Social security

General welfare happiness and the Well-

- *Food and drug laws being of all the people Secure the blessing Make sure future
- *Commission on civil right of liberty to ourselves citizens remain free
- *National council on Disability

Form a more

Crerate a nation in which

- * US postal system Perfect Union States work together
- * US coin, paper money

Establish justice Make law and set Court system up court that are fair

Jury system Insure domestic Keep peace within

- * National guard Tranquility the country

* Federal Marshals

Provide for the Safeguard the country

- *Army Common defense again attack
- * Navy

Provide for the

Contribute to the

*Social security General welfare happiness and the Well-

*Food and drug laws being of all the people (Mưu cầu Phúc lợi cho toàn dân)

Secure the blessing Make sure future

*Commission on civil right of liberty to ourselves citizens remain free

*National council on Disability .

Hiến pháp Hoa Kỳ là sự thể hiện Công bằng Xã hội với nền tảng Bác ái của Kitô giáo

[11] .- THE MEANING OF THE NUMBER 14



The moon is fourteen days in waxing (growing larger) before we can observe the beautiful full moon.

The moon is also fourteen days in waning.

Một Tháng có 2 Tuần Trăng: Tuần Trăng Khuyết (waning) / Tuần Trăng Tròn (waxing), do Biến đổi.

Việt Nhân

Mùa Tạ Ơn 2018